

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGUYỄN VĂN VƯƠNG

PHÁP LUẬT VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ CỦA
VIỆT NAM TRONG THU HỒI TÀI SẢN
DO PHẠM TỘI MÀ CÓ

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – NĂM 2026

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

NGUYỄN VĂN VƯƠNG

PHÁP LUẬT VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ CỦA
VIỆT NAM TRONG THU HỒI TÀI SẢN
DO PHẠM TỘI MÀ CÓ

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự

Mã số: 9 38 01 04

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. PGS. TS. CAO THỊ OANH

2. PGS. TS. LÊ LAN CHI

HÀ NỘI – NĂM 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận án tiến sĩ với đề tài “Pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có” là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của cá nhân tôi. Các tài liệu, số liệu được đề cập, tham khảo trong Luận án là trung thực, được trích dẫn đầy đủ, có nguồn gốc rõ ràng.

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGƯỜI CAM ĐOAN

Nguyễn Văn Vương

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến hai người hướng dẫn khoa học là PGS.TS. Cao Thị Oanh và PGS. TS. Lê Lan Chi, những người đã tận tâm chỉ dẫn và hỗ trợ tôi hoàn thành luận án này. Sự giúp đỡ của PGS.TS. Cao Thị Oanh và PGS. TS. Lê Lan Chi là vô cùng quý báu, cũng là động lực lớn để tôi hoàn thành luận án này.

Tôi cũng xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến Ban Giám hiệu Trường Đại học Luật Hà Nội, đặc biệt là Khoa Pháp luật Hình sự và Phòng Đào tạo Sau Đại học vì đã tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho quá trình học tập và nghiên cứu của tôi.

Tôi xin trân trọng cảm ơn tới các thầy cô giáo tại Trường Đại học Luật Hà Nội, quý thầy cô giáo tham gia Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ đã đóng góp nhiều ý kiến nhận xét rất tâm huyết và trách nhiệm.

Xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến gia đình, bạn bè và đồng nghiệp. Sự ủng hộ, sẻ chia và đồng hành quý báu của mọi người là nguồn động viên to lớn, giúp tôi vượt qua mọi khó khăn và hoàn thiện luận án một cách tốt nhất.

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật Hình sự
BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự
CHXHCN	Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
ĐUQT	Điều ước quốc tế
FATF	Lực lượng đặc nhiệm hành động tài chính
HTQT	Hợp tác quốc tế
NXB	Nhà xuất bản
OECD	Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế
StAR	Sáng kiến thu hồi tài sản bị đánh cắp của Ngân hàng Thế giới và Văn phòng Liên hợp quốc
TAND	Tòa án nhân dân
TANDTC	Tòa án nhân dân tối cao
TTHS	Tố tụng hình sự
TTTP	Tương trợ tư pháp
TTTPHS	Tương trợ tư pháp hình sự
UNCAC	Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng
UNODC	Cơ quan phòng chống tội phạm và ma túy của Liên hợp quốc
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
VKSNDTC	Viện kiểm sát nhân dân tối cao

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

LỜI CẢM ƠN

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

MỤC LỤC..... 1

MỞ ĐẦU 1

1. Lý do chọn đề tài..... 1

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu..... 4

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu..... 5

4. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu 6

5. Những đóng góp mới của luận án 8

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án 9

7. Bố cục của luận án 10

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

LUẬN ÁN..... 11

1.1. Tình hình nghiên cứu ở trong nước..... 11

1.2. Tình hình nghiên cứu ngoài nước 23

1.3. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án..... 32

1.4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu..... 36

Kết luận Phần tổng quan 38

Chương 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT VỀ HỢP TÁC

QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG THU HỒI TÀI SẢN DO PHẠM

TỘI MÀ CÓ..... 39

1.1. Khái niệm, đặc điểm pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có..... 39

1.2. Nội dung pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có 54

1.3. Nguồn của pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có..... 57

1.4. Các nguyên tắc của pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.....	63
1.5. Các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có	73
Kết luận Chương 1	80
Chương 2 PHÁP LUẬT VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG THU HỒI TÀI SẢN DO PHẠM TỘI MÀ CÓ VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN.....	81
2.1. Pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có	81
2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật Việt Nam về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.....	125
Kết luận Chương 2	143
CHƯƠNG 3 HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG THU HỒI TÀI SẢN DO PHẠM TỘI MÀ CÓ.....	145
3.1. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có	145
3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.....	151
3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có	166
Kết luận Chương 3	177
KẾT LUẬN	179
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ.....	181
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Bối cảnh quốc tế, khu vực trong xu thế toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế sâu rộng trong những năm qua dẫn đến có nhiều diễn biến phức tạp, thay đổi nhanh chóng, đặc biệt là sự gia tăng của các tội phạm tham nhũng, tội phạm có tổ chức, ma túy, buôn người, rửa tiền... Có thể nói chưa bao giờ các quốc gia và cộng đồng quốc tế lại quan tâm vấn đề hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, đặc biệt là thu hồi tài sản do phạm tội tham nhũng mà có (tài sản tham nhũng) như hiện nay. Tại nhiều quốc gia, đặc biệt là các quốc gia kém phát triển và đang phát triển, một lượng lớn tài sản tham nhũng đã bị tẩu tán ra nước ngoài, các nước đang phát triển bị thất thoát từ 20 đến 40 tỷ đô la Mỹ mỗi năm do hối lộ, biển thủ công quỹ và các hành vi tham nhũng khác¹. Do tài sản do phạm tội mà có thường được chuyển đến hoặc cất giấu tại nước ngoài, đòi hỏi các quốc gia phải phối hợp, tương trợ với nhau để giải quyết nhanh chóng, hiệu quả, vì vậy hợp tác quốc tế là điều quan trọng để thu hồi tài sản thành công. Xuất phát từ thực tiễn trên, Liên hợp quốc đã sớm đặt ra 17 Mục tiêu phát triển bền vững, một trong số đó là Mục tiêu thứ 16 đã quy định rõ: *“Đến năm 2030 phải giảm đáng kể dòng di chuyển của các nguồn tài chính bất hợp pháp, tăng cường thu hồi và trả lại tài sản bị thất thoát; đấu tranh với mọi hình thức tội phạm có tổ chức”*².

Trước yêu cầu của cuộc chiến chống tội phạm và thu hồi tài sản do phạm tội mà có, từ năm 1988 đến nay đã có nhiều điều ước đa phương thuộc khuôn khổ Liên hợp quốc, điều ước khu vực và điều ước song phương về thu hồi tài sản do phạm tội mà có được xây dựng và áp dụng nhằm tạo cơ sở pháp lý quan trọng xác định trách nhiệm hợp tác giữa các quốc gia trong việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Những văn bản này cũng là cơ sở để thực hiện việc nội luật hoá phù hợp với chuẩn mực pháp luật quốc tế của các quốc gia thành

¹ World Bank Group and United Nations Office on Drugs and Crime (2007), *Stolen Asset Recovery Initiative: Challenges, Opportunities, and Action Plan*, World Bank, Washington DC, tr.1.

² United Nations (2015), *Envision2030 Goal 16: Peace, Justice And Strong Institutions*.

viên. Đây là những giải pháp có tính chất cấp bách để tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thu hồi tài sản do phạm tội mà có, góp phần hạn chế tình trạng hành xử tùy tiện của các quốc gia trong quá trình này.

Tại Việt Nam, việc hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có, nhất là tài sản tham nhũng đang nhận được sự quan tâm đặc biệt. Vấn đề này ngày càng được ưu tiên và đánh giá cao trong bối cảnh hội nhập sâu rộng. Điều này được thể hiện rõ thông qua các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, cũng như việc tăng cường tham gia ký kết các điều ước quốc tế đa phương và song phương trong đó có các quy định liên quan đến hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong những năm gần đây. Nghị quyết 96/2019/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 27/11/2019 về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của VKSND, TAND và công tác thi hành án đặc biệt nhấn mạnh: *“Tăng cường tương trợ tư pháp, mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong việc thu hồi tài sản của Nhà nước bị thất thoát trong các vụ án về kinh tế, tham nhũng”*. Mục đích cốt lõi của quá trình giải quyết các vụ án hình sự liên quan đến tài sản như tội tham ô, tội tham nhũng, tội rửa tiền... là thu hồi tài sản do hành vi phạm tội mà có³. Ngày 2/6/2021, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 04-CT/TW yêu cầu nhiệm vụ trọng tâm là tăng cường hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản tham nhũng, cần chủ động phối hợp với các tổ chức quốc tế và các cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài để xác minh, truy tìm và xử lý tài sản do phạm tội mà có đang ở nước ngoài. Với tinh thần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII nhấn mạnh hoàn thiện pháp luật điều chỉnh mối quan hệ giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế, giải quyết hiệu quả các xung đột về thẩm quyền và pháp luật giữa Việt Nam và

³ Phạm Thị Trang (2013), *Xử lý tài sản do phạm tội mà có – Kinh nghiệm quốc tế và kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Trường, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, tr.3.

các quốc gia khác, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, thực chất. Nhằm đảm bảo đồng bộ, liên thông, đổi mới gắn kết với yêu cầu trong kỷ nguyên mới, ngày 30/4/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW đã nêu nhiều giải pháp trọng tâm, trong đó có mở rộng hợp tác quốc tế về pháp luật và tư pháp. Việc Việt Nam hoàn thiện hợp phần hợp tác quốc tế trong tổ tụng hình sự của luật tổ tụng hình sự và đẩy mạnh tham gia và ký kết các hiệp định TTTP hình sự giữa Việt Nam với các quốc gia khác là rất cần thiết và quan trọng. Điều này tạo cơ sở pháp lý và cơ chế phối hợp hiệu quả trong phòng, chống tham nhũng có yếu tố nước ngoài. Việt Nam hiện đã là thành viên của 03 điều ước quốc tế cũng như đã ký kết khoảng 30 hiệp định song phương có liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có, thể hiện cam kết quốc tế trong lĩnh vực này. Các văn kiện pháp lý quốc tế được nội luật hoá thông qua việc ban hành các bộ luật quan trọng như BLTTHS năm 2015, BLHS năm 2015, Luật TTTP năm 2007, Luật phòng chống tham nhũng năm 2018 và Luật phòng chống rửa tiền năm 2022... Các quy định về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có tạo hành lang pháp lý cho hợp tác quốc tế, cho phép các cơ quan chức năng Việt Nam tăng cường phối hợp với các cơ quan tương ứng của nước ngoài. Mục tiêu là tối ưu hóa hiệu quả hoạt động thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Thời gian qua, các cơ quan tiến hành tố tụng Việt Nam đã tăng cường áp dụng các quy định của pháp luật nhằm thu hồi tài sản do phạm tội mà có⁴, góp phần nâng cao hiệu quả phòng chống tội phạm, khắc phục hậu quả, xử lý triệt để, cảnh tỉnh, loại bỏ động cơ của tội phạm.

Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện các quy định về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có đối mặt với nhiều thách thức, còn nhiều tồn tại, bất cập, chưa đạt hiệu quả tối ưu. Một trong những khó khăn đang nổi lên là việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có bị tẩu tán ra nước ngoài chưa đạt kết

⁴ Cẩm Thi (2019), Năm 2018: “điểm sáng” trong hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp về hình sự, *Tạp chí điện tử Kiểm sát*, xem thêm tại <https://kiemsat.vn/nam-2018-diem-sang-trong-hop-tac-quoc-te-va-tuong-tro-tu-phap-ve-hinh-su-51543.html> truy cập ngày 22/12/2022.

quả⁵. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân như cơ sở pháp lý cho việc hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có chưa hoàn thiện, có một số điểm chưa tương thích về thu hồi tài sản của pháp luật Việt Nam so với pháp luật quốc tế, công tác tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có còn một số hạn chế... Mặt khác, trong thời gian tới ở Việt Nam các loại tội phạm rửa tiền, tham nhũng, tội phạm phi truyền thống, mua bán người, ma túy... sẽ diễn ra nghiêm trọng, phức tạp hơn, số lượng tài sản do phạm tội mà có chắc chắn là không hề nhỏ, với thủ đoạn che giấu, ngụy trang, chuyển hóa, tẩu tán tài sản ngày càng tinh vi. Vì vậy, nghiên cứu pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có càng trở nên cấp thiết, nhằm hoàn thiện lý luận về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có nói riêng, góp phần hoàn thiện chính sách và pháp luật cũng như khoa học nói chung. Nghiên cứu này không chỉ củng cố nền tảng lý luận mà còn mang lại giá trị thực tiễn thông qua việc đánh giá các quy định pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có và thực tiễn thực hiện trong lĩnh vực này để đưa ra các giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện. Đây là yếu tố then chốt, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hợp tác quốc tế, đảm bảo thu hồi tài sản phạm tội một cách hiệu quả nhất, đồng thời nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Xuất phát từ những lý do trên, để kịp thời đáp ứng bối cảnh quốc tế và trong nước hiện nay, nghiên cứu sinh đã chọn đề tài: “*Pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có*” làm đề tài luận án tiến sĩ luật học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận án là nhằm hoàn thiện lý luận về pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Luận án phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong vấn

⁵ Đỗ Thị Phượng (2020), Hợp tác quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự và dẫn độ đối với tội phạm tham nhũng, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 01(131), tr.58.

đề này, tập trung chủ yếu từ góc độ pháp luật tố tụng hình sự. Từ đó, luận án đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong tố tụng hình sự.

2.2. *Nhiệm vụ nghiên cứu*

- Đánh giá khách quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến luận án. Xác định nội dung lý luận và thực tiễn cần tập trung nghiên cứu sâu hơn. Qua đó, làm rõ những vấn đề còn tồn tại, mở ra hướng nghiên cứu mới, có giá trị khoa học và ứng dụng thực tiễn cao.

- Nghiên cứu dưới góc độ lý luận để xây dựng khái niệm, đặc điểm, nội dung, nguồn của pháp luật của Việt Nam về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, đồng thời làm rõ các nguyên tắc và các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

- Phân tích toàn diện hệ thống pháp luật hiện hành và thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có giai đoạn vừa qua.

- Làm rõ các yêu cầu hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, từ đó đề xuất các giải pháp cụ thể trong thời gian tới.

3. *Đối tượng và phạm vi nghiên cứu*

3.1. *Đối tượng nghiên cứu*

Đối tượng nghiên cứu của luận án là hệ thống các vấn đề lý luận, pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế thu hồi tài sản do phạm tội mà có, trọng tâm là pháp luật Việt Nam về hợp tác quốc tế thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

3.2. *Phạm vi nghiên cứu*

- Về nội dung: Luận án nghiên cứu pháp luật và thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, trong

đó tập trung chủ yếu vào những quy định về hợp tác quốc tế của BLTTHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2021, năm 2025 (sau đây viết tắt là BLTTHS năm 2015) và các quy định có liên quan trong BLHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 (sau đây viết tắt là BLHS năm 2015); Luật TTTP năm 2007; Luật TTTP về hình sự năm 2025...cùng với các điều ước quốc tế đa phương mà Việt Nam tham gia liên quan trực tiếp đến lĩnh vực này. Luận án chỉ nghiên cứu pháp luật và thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có thông qua các kênh chính thức, không nghiên cứu về các cơ chế hợp tác không chính thức trong hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

- Về thời gian: Nghiên cứu tập trung phân tích thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có với các số liệu từ năm 2008 (thời điểm Luật TTTP năm 2007 có hiệu lực) đến năm 2024. Giai đoạn này chứng kiến sự gia tăng đáng kể các hoạt động hợp tác quốc tế của Việt Nam nhằm thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

4. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Luận án này được xây dựng dựa trên nền tảng phương pháp luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết các vấn đề luận án đặt ra. Đồng thời, luận án bám sát các quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực tổ tụng hình sự, đặc biệt là hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong tổ tụng hình sự nhằm đảm bảo tính chính xác và phù hợp với bối cảnh.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong luận án, nghiên cứu sinh triển khai các phương pháp nghiên cứu cụ thể bao gồm:

- Phương pháp phân tích, tổng hợp: được sử dụng để làm rõ các quan điểm, quan niệm về hợp tác quốc tế thu hồi tài sản do phạm tội mà có; tổng hợp các nội dung của pháp luật về hợp tác quốc tế thu hồi tài sản trong các

điều ước quốc tế, khu vực và song phương về vấn đề này. Từ đó, khái quát lại để đưa ra những phân tích, nhận định, đánh giá, đề xuất và giải pháp thích hợp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam.

- Phương pháp thống kê, so sánh: được sử dụng để thống kê số lượng các yêu cầu TTTP trong giai đoạn 2008-2024, tập trung vào các yêu cầu TTTP về thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong các vụ án hình sự ở Việt Nam để so sánh, đánh giá mức độ biến động hàng năm về hoạt động hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Đồng thời phương pháp này cũng được áp dụng để thống kê các công ước đa phương và hiệp định song phương có liên quan về thu hồi tài sản do phạm tội mà có mà Việt Nam tham gia, từ đó đưa ra giải pháp, kiến nghị phù hợp. Bên cạnh đó, phương pháp thống kê, so sánh cũng được sử dụng trong việc xác định những điểm tương đồng và khác biệt giữa các quy định của công ước quốc tế với pháp luật Việt Nam. Mục đích của việc so sánh, đối chiếu là hỗ trợ việc nội luật hóa và xây dựng hiệp định mẫu, phục vụ đàm phán, ký kết với các quốc gia nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

- Phương pháp tổng kết thực tiễn: Thu thập, nghiên cứu các báo cáo tổng kết công tác từ VKSND tối cao, cơ quan đầu mối về tương trợ tư pháp của Việt Nam, tập trung vào hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản phạm tội mà có; các báo cáo tổng kết công tác thi hành Luật TTTP từ năm 2008 đến 2024 nhằm đánh giá toàn diện kết quả đạt được, xác định rõ những hạn chế còn tồn tại, phân tích nguyên nhân và đề xuất các biện pháp khắc phục hiệu quả, làm cơ sở vững chắc cho việc đưa ra các giải pháp xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

- Phương pháp nghiên cứu điển hình: Nghiên cứu một số vụ án điển hình về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có đã và đang thực hiện nhờ sự phối hợp, giúp đỡ, hỗ trợ giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới để khái quát, đánh giá thực trạng thực hiện hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có thời gian qua.

- Phương pháp dự báo khoa học: Dự báo về diễn biến, tình hình tội phạm có yếu tố tài sản ở nước ngoài và xu hướng hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong giai đoạn tới. Dự báo này là cơ sở cho việc đề xuất phương hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật hiện hành và một số giải pháp khác có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

5. Những đóng góp mới của luận án

Nghiên cứu này tiếp cận một cách hệ thống và tương đối toàn diện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Kết quả nghiên cứu của đề tài mang lại những kết luận, kết quả mới, cụ thể như sau:

- Luận án kế thừa, phát triển các nghiên cứu trước đó, mở rộng phạm vi bằng cách giải quyết các khía cạnh còn thiếu, bổ sung các nội dung chưa được đề cập. Nghiên cứu đặt trọng tâm vào pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong kỷ nguyên toàn cầu hoá, phân tích sâu sắc quyền hạn và trách nhiệm của các quốc gia thành viên khi tham gia hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Luận án làm nổi bật sự tương tác phức tạp giữa pháp luật quốc gia và các điều ước quốc tế.

- Luận án là công trình nghiên cứu độc lập, chuyên sâu, đề cập toàn diện các khía cạnh về lý luận và thực tiễn liên quan đến pháp luật hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

- Luận án làm sáng tỏ các vấn đề lý luận, từ đó tạo khung lý thuyết về pháp luật hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có; xác định nhu cầu và mức độ nội luật hoá các quy định hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có của pháp luật quốc tế vào pháp luật quốc gia, nhằm đảm bảo tính toàn diện và nhất quán trong suốt quá trình nghiên cứu luận án.

- Những phân tích, đánh giá của luận án về thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là điểm mới mà chưa có công trình nghiên cứu nào về lĩnh vực này ở Việt Nam trước đây đã thực hiện.

- Luận án đề xuất những giải pháp then chốt nhằm hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Các giải pháp tập trung vào việc sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật Việt Nam hiện hành như: BLTTHS, Luật TTTP, Luật phòng chống tham nhũng, Luật phòng chống rửa tiền. Đồng thời, luận án nhấn mạnh tầm quan trọng của việc Việt Nam chủ động, tăng cường tham gia sâu rộng hơn vào các điều ước quốc tế liên quan trong lĩnh vực này cũng là điểm mới của luận án.

- Những giải pháp tăng cường, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có được nêu ra trong luận án là tài liệu tham khảo giá trị cho nghiên cứu, đào tạo; đóng góp vào quá trình xây dựng, hoàn thiện và thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có, đặc biệt có ý nghĩa thực tiễn cao trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của luận án

Luận án góp phần làm rõ những vấn đề lý luận, hình thành khung lý thuyết về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Nghiên cứu này cũng cố nhận thức chung thống nhất về các vấn đề lý luận pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Kết quả nghiên cứu của Luận án góp phần giải quyết hiệu quả vụ án hình sự về thu hồi tài sản do phạm tội mà có; nâng cao hiệu quả hợp tác giữa các quốc gia, góp phần giữ vững ổn định, hoà bình, phát triển, sự thịnh vượng của mỗi quốc gia, khu vực và thế giới.

Luận án đóng vai trò then chốt trong việc giải quyết hiệu quả, triệt để các vụ án hình sự liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Đồng thời, nó thúc đẩy hợp tác quốc tế, nâng cao hiệu quả hợp tác giữa các quốc gia, củng cố sự ổn định và hòa bình, phát triển và thịnh vượng chung của các quốc gia, khu vực, cũng như trên toàn cầu, tạo tiền đề cho một tương lai bền vững.

Luận án cung cấp nguồn tham khảo giá trị cho việc xây dựng, sửa đổi và hoàn thiện pháp luật liên quan đến hợp tác quốc tế của Việt Nam trong lĩnh

vực thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Các nội dung và giải pháp được trình bày có thể ứng dụng trực tiếp vào quá trình soạn thảo văn bản pháp lý, góp phần nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này.

Qua việc thực hiện đề tài này, luận án là tài liệu tham khảo cho các cán bộ tư pháp, đặc biệt là lĩnh vực hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Đồng thời, luận án có thể trở thành nguồn tham khảo giá trị, phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu chuyên sâu, ứng dụng trong hệ thống đào tạo của các trường thuộc ngành Tư pháp. Đề tài cũng có thể làm tài liệu tham khảo cho các nghiên cứu tiếp theo, sâu rộng hơn, toàn diện hơn vấn đề pháp luật về hợp tác quốc tế thu hồi tài sản do phạm tội mà có, còn được ít quan tâm nhưng có vai trò quan trọng trong công cuộc đấu tranh tội phạm.

Luận án đi sâu phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam, đồng thời đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật hiện hành. Các giải pháp được đưa ra cũng tập trung vào việc nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong giai đoạn sắp tới.

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, tổng quan tình hình nghiên cứu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được cấu trúc thành 3 chương:

Chương 1. Những vấn đề lý luận về pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có;

Chương 2. Pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có và thực tiễn thực hiện;

Chương 3. Hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

Cho đến nay, ở Việt Nam chưa có công trình nghiên cứu nào toàn diện, cụ thể về pháp luật hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, tuy nhiên đã có các công trình nghiên cứu về pháp luật về tương trợ tư pháp hình sự, hợp tác quốc tế trong phòng chống tội phạm có ít nhiều liên quan, đề cập đến hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có, trong đó có thể kể đến các công trình chủ yếu sau:

1.1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận về pháp luật hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Tại Việt Nam, các công trình nghiên cứu trực tiếp về vấn đề lý luận pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có còn ít và giới hạn cả về số lượng cũng như mức độ nghiên cứu chuyên sâu, phần lớn là các công trình nghiên cứu liên quan đến hợp tác quốc tế trong TTHS, cụ thể:

Đề tài khoa học cấp Bộ “*Cơ sở pháp lý, trình tự, thủ tục thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế theo yêu cầu cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam*”⁶ năm 2023 của Học viện Tư pháp, Bộ Tư pháp đã đưa ra nội hàm khái niệm tài sản và thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, qua đó phân tích các đặc trưng của loại tài sản này cũng như bản chất của việc thu hồi tài sản do phạm tội tham nhũng, kinh tế mà có.

Đề tài khoa học cấp Trường “*Xử lý tài sản do phạm tội mà có – kinh nghiệm quốc tế và kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam*” năm 2023 của tác giả Phạm Thị Trang, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội đã chỉ ra được nguồn của pháp luật về xử lý tài sản do phạm tội mà có và hợp tác quốc tế

⁶ Học viện Tư pháp (2023), “*Cơ sở pháp lý, trình tự, thủ tục thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế theo yêu cầu cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam*”, Đề tài khoa học cấp Bộ, Bộ Tư pháp, <http://gtlpl.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-de-tai.aspx?ItemID=796&CategoryDT=DT#>, truy cập ngày 16/12/2024.

trong xử lý tài sản do phạm tội mà có rất đa dạng, bao gồm các điều ước quốc tế mà quốc gia ký kết, tham gia và pháp luật quốc gia.

Bài viết *“Hợp tác quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự và dẫn độ đối với tội phạm tham nhũng”* của tác giả Đỗ Thị Phương (đăng trên Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam, số 1 năm 2020) đã phân tích nội hàm của thuật ngữ “tài sản do phạm tội mà có” và chỉ ra rằng khái niệm này của Việt Nam chưa phù hợp chuẩn mực quốc tế.

Các bài viết *“Hợp tác quốc tế về tố tụng hình sự trong bối cảnh hội nhập quốc tế”* (đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân, số 02 năm 2008), bài viết *“Hoàn thiện chế định hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp”* đăng trên Tạp chí Kiểm sát, số 4 năm 2012) và bài viết *“Những quy định mới về hợp tác quốc tế trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015”* (đăng trên Tạp chí Kiểm sát, số 13 năm 2016) của tác giả Nguyễn Ngọc Anh đã trình bày cụ thể khái niệm, phạm vi, cơ sở của việc quy định các nguyên tắc của hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự ở Việt Nam.

Sách chuyên khảo *“Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự Việt Nam”* của tác giả Trần Phương Đạt (Nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2010) đã trình bày cơ sở lý luận bài bản về pháp luật về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tố tụng hình sự. Nghiên cứu này làm rõ nội hàm khái niệm pháp luật về hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự, đồng thời phân tích một số khái niệm liên quan khác, cung cấp cách nhìn toàn diện về vấn đề.

Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật của Trường Đại học Luật Hà Nội (nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2009) đã đưa ra khái niệm pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị, được nhà nước bảo đảm thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội, duy trì xã hội trong một trật tự có lợi cho giai cấp thống trị. Giáo trình này còn đi sâu phân tích các đặc trưng cốt lõi của pháp luật như tính quy phạm, tính quyền lực, tính ý chí và tính xã hội.

Luận án “*Pháp luật về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tố tụng hình sự ở Việt Nam hiện nay*”⁷ của tác giả Phạm Văn Công bảo vệ năm 2019 tại Học viện Khoa học xã hội đã làm rõ một số vấn đề lý luận có liên quan như khái niệm, đặc điểm, vai trò và tầm quan trọng của pháp luật về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tố tụng hình sự ở Việt Nam. Đồng thời, luận án xác định các nguyên tắc nền tảng chi phối lĩnh vực hợp tác này. Công trình khoa học này đóng góp vào việc nghiên cứu hệ thống pháp luật liên quan đến hợp tác quốc tế trong TTTHS tại Việt Nam.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến quy định pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

** Các công trình nghiên cứu quy định pháp luật về hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự*

Đề tài khoa học cấp cơ sở “*Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc hoàn thiện pháp luật về tương trợ tư pháp hình sự*” năm 2020 của Vụ Hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp hình sự VKSND tối cao đã nghiên cứu những nội dung cốt lõi trong pháp luật TTTP hình sự của nước ngoài, đồng thời làm sáng tỏ nền tảng pháp lý của Việt Nam trong lĩnh vực này, phân tích những nội dung trọng tâm trong quy định pháp luật TTTP hình sự bao gồm phạm vi áp dụng, đối tượng, các căn cứ và nguyên tắc có liên quan. Đề tài cũng xem xét trình tự, thủ tục, thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong hoạt động này.

Bài viết “*Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ở Việt Nam*”⁸ của tác giả Nguyễn Ngọc Chí (đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, số 2 năm 2018) xác định Việt Nam đã xây dựng khung pháp lý đồng bộ về hợp tác quốc tế trong

⁷ Phạm Văn Công (2019), *Pháp luật về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tố tụng hình sự ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội, <http://gfdvn.vn/luan-an-tien-si-phap-luat-ve-hop-tac-quoc-te-trong-linh-vuc-to-tung-hinh-su-o-viet-nam-hien-nay/>, truy cập ngày 18/12/2022.

⁸ Nguyễn Ngọc Chí (2018), “Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học đại học quốc gia Hà Nội*, tập 34, số 2, <https://repository.vnu.edu.vn/entities/publication/7a4cbff6-0394-48c2-857e-11d331e9fcd3>, truy cập ngày 18/12/2022.

tổ tụng hình sự, dựa trên các điều ước quốc tế và hiệp định song phương ký kết với các quốc gia khác. Việc nội luật hóa này tạo nền tảng vững chắc, hình thành hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động hợp tác quốc tế trong tổ tụng hình sự. Bên cạnh đó, nghiên cứu này cũng tập trung phân tích, đánh giá hệ thống quy định hiện hành, chỉ ra những điểm cần hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng. Từ đó, đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế trong tổ tụng hình sự trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Bài viết “*Pháp luật một số khu vực, quốc gia trên thế giới về hợp tác quốc tế trong tổ tụng hình sự và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam*”⁹ của tác giả Nguyễn Thị Ly (đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học quốc gia Hà Nội, số 2 năm 2018) không chỉ tập trung phân tích pháp luật về hợp tác quốc tế trong tổ tụng hình sự của một số khu vực mà còn cả một số quốc gia trên thế giới. Bài viết này đặc biệt chú trọng vào kinh nghiệm quốc tế, từ đó rút ra bài học cho Việt Nam. Mục tiêu là hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam, xây dựng một khung pháp lý vững chắc cho hợp tác quốc tế trong tổ tụng hình sự.

Bên cạnh các đề tài, bài viết nghiên cứu khoa học, còn có một số cuốn sách chuyên khảo như “*Tương trợ tư pháp về hình sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*” của tác giả Nguyễn Ngọc Anh (Nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2009); “*Tương trợ tư pháp về hình sự trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam*” của tác giả Ngô Hữu Phước (Nhà xuất bản Hồng Đức, năm 2015). Tác giả tập trung phân tích tương trợ tư pháp hình sự dựa trên các nguồn: điều ước quốc tế đa phương mà Việt Nam tham gia, hiệp định ASEAN về tương trợ tư pháp hình sự và các hiệp định song phương ký kết trước năm 2015 và theo pháp luật Việt Nam. Phân tích đi sâu vào các quy định tương trợ tư pháp hình sự, nội dung cốt lõi được tổng hợp từ các điều ước quốc tế đa phương, song phương mà Việt Nam tham gia là thành viên.

⁹ Nguyễn Thị Ly (2018), “Pháp luật một số khu vực, quốc gia trên thế giới về hợp tác quốc tế trong tổ tụng hình sự và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học đại học quốc gia Hà Nội*, tập 34, số 2, <https://repository.vnu.edu.vn/entities/publication/cdcfb6eb-2655-436d-a022-94560b321144>, truy cập ngày 18/12/2022.

Việc hệ thống hóa này nhằm làm rõ khuôn khổ pháp lý cho hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tư pháp hình sự tại Việt Nam.

Sách chuyên khảo “*Luật hình sự quốc tế*”¹⁰ của các tác giả Nguyễn Thị Thuận, Đỗ Mạnh Hồng (Nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2007). Nhóm tác giả đã phác thảo nền tảng pháp lý song phương và đa phương cho tương trợ tư pháp hình sự, thông qua việc phân tích các điều ước quốc tế tiêu biểu và pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, do phạm vi tiếp cận từ góc độ pháp luật quốc tế và đặt trong tổng thể các hình thức hợp tác khác nên việc đi sâu vào bản chất và các khía cạnh đặc thù của quy định pháp luật về tương trợ tư pháp hình sự còn hạn chế. Hơn nữa, nghiên cứu chưa tập trung phân tích chuyên sâu về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Sách chuyên khảo “*Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*” của tác giả Nguyễn Ngọc Anh, Phan Trung Hoài (Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2018) phân tích các điều luật tại chương 35, 36 về hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự, đặc biệt là quy định về xử lý tài sản do phạm tội mà có, nhờ vậy, nội dung các điều luật được giải thích rõ ràng, cụ thể, dễ hiểu, góp phần thống nhất nhận thức pháp luật cho hoạt động nghiên cứu khoa học và hướng dẫn thực tiễn.

Giáo trình Luật tương trợ tư pháp của tác giả Nguyễn Quốc Việt (Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2016) trình bày nội dung tương trợ tư pháp hình sự được tiếp cận theo quy định pháp luật thực định, do đó chưa phân tích chuyên sâu các quy định liên quan. Nghiên cứu này dựa trên Luật tương trợ tư pháp năm 2007, cần được mở rộng, đặc biệt từ góc độ luật hình sự và tố tụng hình sự. Việc đi sâu vào các khía cạnh này sẽ làm rõ bản chất và phạm vi của tương trợ tư pháp hình sự.

** Các công trình nghiên cứu về pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản*

¹⁰ Nguyễn Thị Thuận, Đỗ Mạnh Hồng (2007), *Luật hình sự quốc tế, Sách chuyên khảo*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, <http://gfdvn.vn/wp-content/uploads/2019/08/luu-ban-nhap-tu-dong-1-10.pdf>, truy cập ngày 19/12/2022.

Đề tài khoa học cấp Bộ “*Cơ sở pháp lý, trình tự, thủ tục thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế theo yêu cầu cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam*” năm 2023 của Học viện Tư pháp, Bộ Tư pháp đã khái quát và phân tích các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế thông qua hoạt động tương trợ tư pháp, hợp tác quốc tế.

Đề tài khoa học cấp Bộ “*Các biện pháp thu hồi tài sản tham nhũng theo Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng và yêu cầu hoàn thiện pháp luật của Việt Nam*” năm 2016 của Viện Khoa học Thanh tra, Thanh tra Chính phủ đã đánh giá thực trạng quy định pháp luật Việt Nam về công tác thu hồi tài sản và hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản tham nhũng, những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân để từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện pháp luật. Tuy nhiên, phạm vi đề tài cũng chỉ đề cập đến việc thu hồi tài sản do phạm tội tham nhũng trong các vụ án, xét xử các tội phạm về tham nhũng theo các yêu cầu của Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng mà chưa đề cập đến việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có khác.

Đề tài khoa học cấp cơ sở “*Chế định thu hồi tài sản tham nhũng và nhiệm vụ của cơ quan đầu mối về thu hồi tài sản tham nhũng theo Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng*” năm 2017 của Vụ Hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp hình sự VKSND tối cao đã phân tích chuyên sâu các quy định của Công ước UNCAC liên quan đến hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản. Phạm vi nghiên cứu bao quát các quy định về thu hồi tài sản tham nhũng, đặc biệt chú trọng các quy định về hợp tác quốc tế, đặc biệt là TTTP hình sự. Nghiên cứu này cũng tổng hợp kinh nghiệm của quốc tế trong việc chỉ định cơ quan đầu mối và xác định vai trò, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan này trong quá trình thu hồi tài sản theo Công ước UNCAC.

Đề tài khoa học cấp Trường “*Xử lý tài sản do phạm tội mà có – kinh nghiệm quốc tế và kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam*” năm 2023 của

tác giả Phạm Thị Trang, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội đã tập trung làm rõ được những nét tổng quan về quy định xử lý tài sản do phạm tội mà có theo pháp luật quốc tế, pháp luật một số quốc gia tiêu biểu và theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành trong BLTTHS, BLHS, Luật phòng chống rửa tiền, Luật phòng chống tham nhũng... Trên cơ sở đó, tác giả đã đánh giá các quy định này, chỉ ra những điểm bất cập trong các quy phạm pháp luật hiện hành về xử lý tài sản phạm tội mà có và hợp tác quốc tế trong việc xử lý tài sản do phạm tội mà có của Việt Nam.

Bài viết *“Hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng có yếu tố nước ngoài theo pháp luật quốc tế và một số quốc gia – Một số kinh nghiệm cho Việt Nam”*¹¹ của tác giả Lê Tiến Sinh và Trần Văn Độ (đăng trên Tạp chí Pháp luật và phát triển, số 10 năm 2024) đã tổng hợp, phân tích các quy định pháp luật của một số quốc gia và pháp luật quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng có yếu tố nước ngoài. Trên cơ sở đó, các tác giả đã đưa ra những đánh giá, so sánh giữa các quy định pháp luật của một số quốc gia và pháp luật quốc tế với pháp luật của Việt Nam trong lĩnh vực này.

Bài viết *“Thực trạng pháp luật quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự trong thu hồi tài sản và phòng, chống rửa tiền”*¹² của các tác giả Ngô Thị Quỳnh Anh, Phạm Thị Trang, Khachik Harutyunyan, trích trong Báo cáo nghiên cứu so sánh và đề xuất nâng cao hiệu quả công tác tương trợ tư pháp về thu hồi tài sản và phòng, chống rửa tiền nhằm thực hiện các khuyến nghị của Báo cáo chu kỳ 2 thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng (đăng trên Tạp chí Kiểm sát điện tử, năm 2023) tập trung vào các quy định về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản và phòng chống rửa tiền theo Công ước UNCAC. Đồng thời, bài viết này đi sâu vào phân tích pháp

¹¹ Lê Tiến Sinh, Trần Văn Độ (2024), “Hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng có yếu tố nước ngoài theo pháp luật quốc tế và một số quốc gia – Một số kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Pháp luật và phát triển*, số 10/2024, <http://gphapluatphattrien.vn/hop-tac-quoc-te-ve-thu-hoi-tai-san-tham-nhung-co-yeu-to-nuoc-ngoai-theo-phap-luat-quoc-te-va-mot-so-quoc-gia-d3185.html>, truy cập ngày 02/01/2025.

¹² Ngô Thị Quỳnh Anh, Phạm Thị Trang, Khachik Harutyunyan (2023), “Thực trạng pháp luật quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự trong thu hồi tài sản và phòng, chống rửa tiền”, *Tạp chí điện tử Kiểm sát*, <http://gkiemsat.vn/bai-2-thuc-trang-phap-luat-quoc-te-ve-tuong-tro-tu-phap-hinh-su-trong-thu-hoi-tai-san-va-phong-chong-rua-tien-67528.html>, truy cập ngày 10/02/2024

luật của một số quốc gia, làm nổi bật những kinh nghiệm thực tiễn hiệu quả trong tương trợ tư pháp hình sự liên quan đến việc thu hồi tài sản.

Bài viết *“Nhiệm vụ của cơ quan đầu mối về thu hồi tài sản tham nhũng theo Công ước của Liên hợp quốc”* của tác giả Lê Tiến (đăng trên Tạp chí Kiểm sát, số 15 năm 2017) đã trình bày chi tiết các quy định về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản tham nhũng, đồng thời xác định rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan trung ương trong hoạt động này. Theo tác giả, quy định pháp luật Việt Nam có nhiều nội dung trực tiếp liên quan đến nhiều điều khoản trong chế định thu hồi tài sản trong Công ước UNCAC, điển hình các hoạt động hợp tác thu hồi tài sản thông qua cơ quan trung ương về tương trợ tư pháp hình sự trong đó có các yêu cầu về kê biên, phong tỏa, tạm giữ, tịch thu và trả lại tài sản tham nhũng.

Bài viết *“Đấu tranh chống việc chuyển ra nước ngoài tài sản do phạm tội mà có và thu hồi tài sản: Các tiêu chuẩn tiên tiến và thực tiễn”*¹³ (đăng trên Tạp chí khoa học Kiểm sát, năm 2022) của tác giả Kunev Denis Anatolevich đã phân tích Chương V của Công ước UNCAC, làm nổi bật hai trụ cột chính là ngăn chặn hiệu quả việc tẩu tán tài sản do phạm tội mà có ra nước ngoài và thiết lập cơ chế thu hồi tài sản, bao gồm cả biện pháp dân sự và tố tụng hình sự nhằm hoàn trả lại cho quốc gia bị thiệt hại.

Bài viết *“Quy trình, thủ tục thi hành án trong trường hợp xác định được tài sản của tội phạm ở nước ngoài”*¹⁴ (đăng trên Tạp chí điện tử Pháp lý, năm 2024) của tác giả Vũ Lê Minh đã giới thiệu khái quát cơ sở pháp lý để thu hồi tài sản tham nhũng bị tẩu tán ra nước ngoài của Việt Nam với các quốc gia khác, đồng thời đã khái quát được quy trình, thủ tục thu hồi tài sản do phạm tội mà có ở nước ngoài hiện nay.

¹³ Kunev Denis Anatolevich (2022), *Đấu tranh chống việc chuyển ra nước ngoài tài sản do phạm tội mà có và thu hồi tài sản: Các tiêu chuẩn tiên tiến và thực tiễn*, *Tạp chí khoa học Kiểm sát*, số 6/2022, <http://gkhoaheckiemsat.hpu.vn/portal/article/view/180>, truy cập ngày 05/5/2023.

¹⁴ Vũ Lê Minh (2024), *Quy trình, thủ tục thi hành án trong trường hợp xác định được tài sản của tội phạm ở nước ngoài*, <http://gphaply.net.vn/quy-trinh-thu-tuc-thi-hanh-an-trong-truong-hop-xac-dinh-duoc-tai-san-cua-toi-pham-o-nuoc-ngoai-a257955.html>, truy cập ngày 23/12/2024.

Luận văn “*Hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản tham nhũng – Quy định của pháp luật quốc tế và thực tiễn của Việt Nam*” của tác giả Phạm Hải Long bảo vệ năm 2024 tại Trường Đại học Luật Hà Nội đã tập trung đánh giá hệ thống chính sách và pháp luật hiện hành về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thu hồi tài sản tham nhũng. Mục tiêu chính là làm rõ các điểm yếu và hạn chế còn tồn tại trong cả chiến lược lẫn chế định thu hồi tài sản tham nhũng tại Việt Nam. Từ những phân tích đó, luận văn đề xuất các giải pháp sửa đổi, bổ sung cụ thể cho các quy định của pháp luật liên quan đảm bảo phù hợp với những đặc điểm riêng biệt của bối cảnh Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng.

Luận án “*Pháp luật về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tố tụng hình sự ở Việt Nam hiện nay*” của tác giả Phạm Văn Công bảo vệ năm 2019 tại Học viện Khoa học xã hội đã nghiên cứu các quy định pháp luật về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tố tụng hình sự ở Việt Nam. Đặc biệt, luận án đề cập đến quy định hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong việc truy tìm, tạm giữ, kê biên, phong tỏa, tịch thu và xử lý tài sản do phạm tội mà có. Mục đích của các hoạt động này nhằm phục vụ yêu cầu điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Tuy nhiên, phân tích mới chỉ dừng lại ở việc giới thiệu và khái quát các quy định này, chưa đi sâu vào phân tích chi tiết và làm rõ các khía cạnh cụ thể của vấn đề.

1.1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Đề tài khoa học cấp cơ sở “*Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc hoàn thiện pháp luật về tương trợ tư pháp hình sự*” của Vụ Hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp hình sự VKSND tối cao năm 2020 đã tổng kết các thành tựu đạt được, cung cấp những đánh giá khách quan về hoạt động TTTP, đồng thời làm rõ những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả TTTP trong việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Trên cơ sở phân tích, đề tài đã đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực này.

Chuyên đề *“Thực trạng và giải pháp hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự; Một số kiến nghị, sửa đổi, bổ sung Luật Tương trợ tư pháp năm 2007”* của Vụ Hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp hình sự VKSND tối cao năm 2017 đã hệ thống hóa các nhận định quan trọng, làm nền tảng cơ sở cho báo cáo đánh giá việc thực hiện pháp luật về TTTP hình sự ở Việt Nam. Từ đó, đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật, đồng thời tăng cường hiệu quả hoạt động TTTP hình sự, nhất là hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Ngoài ra, các công trình nghiên cứu tại Việt Nam về vấn đề này còn được đăng tải trên các bài báo chuyên ngành, phân tích đa chiều vấn đề. Các bài báo này thể hiện quan điểm và cách tiếp cận riêng của từng tác giả. Bài viết *“Hoạt động tương trợ tư pháp về thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án tham nhũng, kinh tế liên quan đến chức vụ trong thời gian qua”* của tác giả Nguyễn Thanh Liêm (đăng tải trên Tạp chí Giáo dục và Xã hội, số 01/2023) cung cấp thông tin chung về hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự liên quan đến thu hồi tài sản thất thoát, bị chiếm đoạt trong vụ án tham nhũng, chức vụ giai đoạn 2008-2022, đồng thời một số khó khăn, vướng mắc trong hoạt động này được đề cập cùng với các khuyến nghị cho các giải pháp.

Trong bài viết *“Chính sách, khung pháp lý và thực tiễn thi hành pháp luật về tương trợ tư pháp trong thu hồi tài sản và phòng, chống rửa tiền ở Việt Nam”* (đăng trên Tạp chí Kiểm sát điện tử, năm 2023) của nhóm tác giả Ngô Thị Quỳnh Anh, Phạm Thị Trang, Khachik Harutyunyan đánh giá hiệu quả thực thi pháp luật của Việt Nam trong lĩnh vực TTTP, tập trung vào thu hồi tài sản và phòng, chống rửa tiền. Mục tiêu là đáp ứng các khuyến nghị từ Báo cáo chu kỳ 2 thực hiện Công ước UNCAC. Các tác giả chỉ ra rằng gần đây số lượng các yêu cầu TTTP đề nghị nước ngoài hỗ trợ liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có đã gia tăng, thể hiện bước tiến trong hợp tác quốc tế. Hoạt động TTTP về hình sự đã chứng minh vai trò quan trọng trong phòng chống tội phạm, góp phần giải quyết triệt để các vụ án có yếu tố nước

ngoài. Đáng chú ý công tác thu hồi tài sản về cho nhà nước đã đạt được kết quả đáng kể, minh chứng cho sự quyết tâm và năng lực của các cơ quan chức năng trong việc thực thi pháp luật và tăng cường hợp tác quốc tế.

Một số bài viết liên quan đến hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự đăng trên Tạp chí Kiểm sát số 24 (tháng 12/2014) của các tác giả Trần Công Phàn, Lê Tiến, Ngô Thị Quỳnh Anh cũng phân tích, nhận định kết quả tương tự về hoạt động hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự, đồng thời đánh giá hoạt động tương trợ tư pháp hình sự giữa Việt Nam và các quốc gia khác trên thế giới. Nghiên cứu tập trung vào hiệu quả và những tác động của sự hợp tác này đối với hệ thống pháp luật.

Bài viết “*Nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*”¹⁵ (đăng trên Tạp chí điện tử Lý luận chính trị, năm 2022) của tác giả Âu Thị Minh Tâm đã làm nổi bật những thách thức trong việc thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản tham nhũng. Khó khăn chính nằm ở việc khung pháp lý chưa hoàn thiện, nhất là các quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự, thủ tục hợp tác giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và nước ngoài trong TTTP để thu hồi tài sản. Vấn đề đặc biệt nổi cộm là quy định liên quan đến phong tỏa, kê biên, thu giữ, tịch thu tài sản và xử lý tài sản tham nhũng, gây cản trở lớn cho quá trình này. Do đó, cần sớm hoàn thiện khung pháp lý để nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản do phạm tội mà có, góp phần vào cuộc chiến chống tội phạm kinh tế và tham nhũng.

Có thể kể tới một số cuốn sách chuyên khảo như “*Các loại tội phạm xuyên quốc gia*” của các tác giả Dương Minh Hào, Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Tiến Đạt (nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2009). Tại Chương 16 của cuốn sách đã phân tích rõ thực tiễn hợp tác trong giải quyết vụ án phạm tội xuyên quốc gia có liên quan đến tài sản, đặc biệt trong hoạt động công nhận và cho thi hành bản án hoặc quyết định về hình sự của tòa án nước ngoài.

¹⁵ Âu Thị Minh Tâm (2022), *Nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí điện tử Lý luận chính trị, xem thêm tại <https://lyluanchinhtri.vn/nang-cao-hieu-qua-thu-hoi-tai-san-tham-nhung-o-viet-nam-hien-nay-2168.html>, truy cập ngày 12/12/2023.

Tiếp đến là sách chuyên khảo *“Phòng chống các loại tội phạm ở Việt Nam thời kỳ đổi mới”* của tác giả Nguyễn Xuân Yêm (Nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2005). Tác giả đã làm nổi bật bức tranh toàn cảnh về những thách thức phòng, chống tội phạm hiện tại. Sự phức tạp gia tăng thể hiện qua số lượng, tính chất và phương thức phạm tội ngày càng tinh vi. Đặc biệt, hoạt động tẩu tán tài sản do phạm tội mà có ra nước ngoài diễn biến khó lường. Tác giả còn dự báo về những trở ngại trong tương lai gần, nhấn mạnh sự cấp thiết của hợp tác quốc tế để đấu tranh phòng chống tội phạm có hiệu quả. Việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có cũng được xem là một nhiệm vụ đầy thách thức trong bối cảnh mới.

Cuốn sách chuyên khảo *“Tương trợ tư pháp về hình sự trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam”* của tác giả Ngô Hữu Phước (Nhà xuất bản Hồng Đức, năm 2015) đã phân tích chuyên sâu về thực tiễn tương trợ tư pháp hình sự giữa Việt Nam và các quốc gia, công trình này làm rõ kết quả, tồn tại, cùng nguyên nhân cốt lõi, đồng thời dự báo chiều hướng hợp tác quốc tế trong tương lai. Dựa trên cơ sở đó, tác giả đề xuất hai nhóm giải pháp then chốt, tập trung vào nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế cho Việt Nam. Nhóm thứ nhất liên quan trực tiếp đến hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tương trợ tư pháp hình sự, nhóm thứ hai bao gồm các giải pháp mang tính quốc gia, hướng đến củng cố nền tảng pháp lý và năng lực thực thi. Mặc dù vậy, đánh giá thực tiễn về tương trợ tư pháp hình sự, đặc biệt là liên quan đến hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có còn thiếu tính cụ thể và dữ liệu minh chứng. Do đó, vấn đề này cần được nghiên cứu sâu rộng hơn để làm rõ bức tranh toàn diện.

Ngoài ra, các nghiên cứu thực tiễn thực hiện pháp luật trong nước liên quan đến đề tài cũng bao gồm một số luận án khác đề cập đến vấn đề thực trạng hợp tác quốc tế, tương trợ tư pháp hình sự trong đấu tranh phòng chống tội phạm, cung cấp cái nhìn toàn diện về sự hợp tác giữa các quốc gia trong lĩnh vực này như Luận án *“Pháp luật về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tố*

tụng hình sự ở Việt Nam hiện nay” của tác giả Phạm Văn Công bảo vệ năm 2019 tại Học viện Khoa học xã hội; Luận án “*Hợp tác quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam*” của tác giả Lại Thị Huệ bảo vệ năm 2020 tại Học viện Khoa học xã hội, Luận án “*Pháp luật quốc tế trong hợp tác đấu tranh phòng chống tội phạm công nghệ cao – Những vấn đề đặt ra với Việt Nam*” của tác giả Đỗ Quý Hoàng bảo vệ năm 2021 tại Trường Đại học Luật Hà Nội...

1.2. Tình hình nghiên cứu ngoài nước

Dựa trên nội dung của các công trình, tài liệu khoa học nước ngoài đã công bố, nghiên cứu sinh đã tiến hành thu thập, phân tích một số công trình, tài liệu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án bao gồm:

1.2.1 Các công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận về pháp luật hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Bài viết “*International Cooperation in International Relations (Hợp tác quốc tế trong quan hệ quốc tế)*” của tác giả Charlius Piere, Lambert Edward, Helen Milner, Trường Đại học quốc tế Atlantic đã trình bày các học thuyết chính về hợp tác quốc tế, chỉ ra hợp tác quốc tế là hành vi chung hoặc cộng tác hướng tới mục mục tiêu nào đó và có lợi ích chung hoặc hi vọng được đền đáp, từ đó làm cơ sở để xây dựng khái niệm hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Bài viết “*International Cooperation and Development, A Conceptual Overview (Hợp tác quốc tế và phát triển, Tổng quan về khái niệm)*” (đăng trên Tạp chí Viện phát triển Đức, năm 2014) của tác giả Sebastian Paulo đã trình bày tổng quan về khái niệm hợp tác quốc tế, mô tả hợp tác quốc tế như một cách để giải quyết các xung đột khi mục tiêu của các bên không giống nhau và không thể hòa giải nhằm đạt được các mục tiêu chung.

Bài viết “*The Stolen Wealth Opportunities and challenges for civil society in asset recovery (Tài sản bị đánh cắp: Cơ hội và thách thức cho xã hội dân sự trong việc thu hồi tài sản)*” (đăng trên Tạp chí Friedrich-Ebert-

Stiftung, năm 2019) của nhóm tác giả Camarda, A. và Oldfield, J. đưa ra định nghĩa về thu hồi tài sản, qua đó xác định thu hồi tài sản là một quá trình phức tạp và kéo dài nhưng nó có vai trò quan trọng và là một phần cơ bản của việc chống lại tham nhũng.

Cuốn sách *“Stolen Asset Recovery: A Good Practices Guide to Non-Conviction Based Asset Forfeiture (Thu hồi tài sản bị đánh cắp: Hướng dẫn thực hành điển hình về tịch thu tài sản không dựa trên bản án)”* của nhóm tác giả Theodore S.Greenberg, Linda M.Samuel, Wingate Grant và Larissa Gray, xuất bản năm 2009 đã khẳng định việc sử dụng các thuật ngữ chính xác, đặc biệt là trong hoạt động hợp tác quốc tế rất quan trọng, theo đó phải lựa chọn và định nghĩa các thuật ngữ trong khía cạnh của pháp luật tịch thu tài sản.

Cuốn sách *“Technical Guide to the United Nations Convention Against Corruption (Hướng dẫn kỹ thuật về Công ước của Liên hợp quốc chống tham nhũng)”* của Cơ quan phòng chống tội phạm và ma túy của Liên hợp quốc (UNODC), xuất bản năm 2009 đã cụ thể hóa khái niệm, các hình thức của tài sản do phạm tội mà có.

Tiếp đến phải kể đến các cuốn sách *“Best Practices on Confiscation (Recommendations 4 and 38) and A Framework For Ongoing Work on Asset Recovery (Thực tiễn tốt nhất về tịch thu (Khuyến nghị 4 và 38) và khung pháp lý của thu hồi tài sản)”* của FATF, xuất bản năm 2012 và cuốn sách *“Tracking Anti-Corruption and Asset Recovery Commitments (Theo dõi các cam kết chống tham nhũng và thu hồi tài sản)”* của OECD, IBRD, World Bank, xuất bản năm 2011 đã mô tả tương đối thống nhất về thuật ngữ thu hồi tài sản là quá trình truy tìm, thu giữ và trả lại hoặc chia sẻ tài sản do phạm tội mà có thu được ở nước ngoài.

Không chỉ dừng lại ở việc đưa ra khái niệm thu hồi tài sản, cuốn sách *“Introduction to Transnational Criminal Law (Giới thiệu về luật hình sự quốc tế)”* của tác giả Neil Boister (nhà xuất bản Đại học Oxford, năm 2012) còn khẳng định rằng khái niệm thu hồi tài sản chưa được đưa ra một cách rõ ràng, cụ thể trong các công ước quốc tế liên quan về thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Cuốn sách “*Manual on International Cooperation for the Purposes of Confiscation of Proceeds of Crime*”¹⁶ (Sổ tay hợp tác quốc tế vì mục đích tịch thu tài sản do phạm tội mà có)” của The United Nations Office on Drugs and Crime, xuất bản năm 2012 đã đưa ra một số khái niệm cơ bản liên quan đến tài sản do phạm tội mà có, tịch thu tài sản và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này.

Với tiêu đề “*Asset Recovery Handbook: A Guide for Practitioners, Stolen Asset Recovery Initiative*”¹⁷ (Cẩm nang về thu hồi tài sản: Hướng dẫn dành cho người thực hiện), được tái bản, bổ sung lần thứ hai vào năm 2021 mang tên *Asset Recovery Handbook: A Guide for Practitioners, Second edition, Stolen Asset Recovery Initiative*¹⁸ (Cẩm nang về thu hồi tài sản: Hướng dẫn dành cho người thực hiện, ấn bản thứ hai)” của các tác giả Brun, J.-P. et al, World Bank, Washington DC, xuất bản năm 2011 và 2021. Các tài liệu này đã được biên soạn công phu, bao gồm các nội dung về thu hồi tài sản và hợp tác quốc tế thu hồi tài sản, trong đó tập trung đề cập đến các phương pháp tiếp cận chung để thu hồi tài sản bị đánh cắp ở khu vực pháp lý nước ngoài, quá trình thu hồi tài sản; bảo vệ chứng cứ và truy tìm tài sản; bảo vệ, quản lý tài sản bị thu hồi; các cơ chế tịch thu tài sản; đặc biệt nhấn mạnh đến sự cần thiết của hợp tác quốc tế, hợp tác điều tra, truy tìm tài sản do phạm tội mà có giữa các chủ thể, cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia.

Cuốn sách “*Transnational Crime and the Developing World*”¹⁹ (Tội phạm xuyên quốc gia và sự phát triển của thế giới)” của tác giả Channing May năm 2017 đã cung cấp nhiều nội dung hữu ích trong việc nghiên cứu tội phạm xuyên quốc gia, xác định thời gian qua hợp tác quốc tế được triển khai ở

¹⁶ The United Nations Office of Drugs and Crimes, (2012) *Manual on International Cooperation for the Purposes of Confiscation of Proceeds of Crime*, https://www.unodc.org/documents/organized-crime/Publications/Confiscation_Manual_Ebook_E.pdf, truy cập ngày 23/12/2022.

¹⁷ Brun, J.-P. et al. (2011), *Asset Recovery Handbook: A Guide for Practitioners, Stolen Asset Recovery Initiative*, https://star.worldbank.org/sites/star/files/asset_recovery_handbook_0.pdf, truy cập ngày 16/12/2022.

¹⁸ Brun, J.-P. et al. (2021), *Asset Recovery Handbook: A Guide for Practitioners, Second Edition*, *Stolen Asset Recovery Initiative*, <https://star.worldbank.org/publications/asset-recovery-handbook-guide-practitioners-second-edition>, truy cập ngày 16/12/2022.

¹⁹ Channing May (2017), *Transnational Crime and the Developing World*, https://34n8bd.p3cdn1.secureserver.net/wp-content/uploads/2017/03/Transnational_Crime-final.pdf, truy cập ngày 25/12/2022.

phạm vi rộng khắp ở cấp độ toàn cầu, khu vực và song phương dựa trên khung cơ sở pháp lý quốc tế và quốc gia.

Một cuốn sách đáng chú ý tiếp theo đó là cuốn “*Typology on Mutual Legal Assistance in Foreign Bribery Cases*”²⁰ (Loại hình tương trợ tư pháp trong các vụ hối lộ nước ngoài)” của OECD, xuất bản năm 2012. Tại chương 1 của cuốn sách đã đề cập đến nguồn của pháp luật về hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp về hình sự bao gồm các công ước đa phương, hiệp định song phương, pháp luật quốc gia, cũng như các nguyên tắc của đặc trưng của hợp tác quốc tế có thể được áp dụng cho các yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự.

Cuốn sách “*Reference Guide to Anti-Money Laundering and Combating the Financing of Terrorism*”²¹ (Hướng dẫn tham khảo về phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố)” của các chuyên gia Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế về chống rửa tiền và chống tài trợ cho khủng bố, xuất bản năm 2006. Các tác giả đã làm rõ những vấn đề lý luận, gồm định nghĩa, giải thích rửa tiền và tài trợ cho khủng bố, đặc biệt phân tích cụ thể về những điều kiện, nguyên tắc chung để hợp tác quốc tế chống rửa tiền, chống tài trợ cho khủng bố một cách hiệu quả giữa các cơ quan thi hành pháp luật và tư pháp nên có giá trị tham khảo trong quá trình nghiên cứu hợp tác quốc tế trong việc thu hồi tài sản của tội phạm rửa tiền và khủng bố.

Cuốn sách “*International Law (Luật quốc tế)*” của tác giả MN Shaw (nhà xuất bản Đại học Cambridge, năm 2008) đã đề cập, phân tích một trong những nguyên tắc về hợp tác quốc tế đã tồn tại lâu đời của luật pháp quốc tế là nguyên tắc thiện chí thực hiện các điều ước quốc tế.

²⁰ OECD (2012), *Typology on Mutual Legal Assistance in Foreign Bribery Cases*, <https://www.oecd-ilibrary.org/docserver/a61063e4-en.pdf?expires=1715162589&id=id&accname=guest&checksum=0F6FB27F968D4054BECB0A206A8BECFD>, truy cập ngày 16/12/2022.

²¹ The World Bank and International Monetary Fund (2006), *Reference Guide to Anti-Money Laundering and Combating the Financing of Terrorism*, <https://documents1.worldbank.org/curated/en/558401468134391014/pdf/350520Referenc1Money01OFFICIAL0USE1.pdf>, truy cập ngày 16/12/2022.

Tiếp đến có thể đề cập đến cuốn sách “*Manual on Mutual Legal Assistance and Extradition*”²² (Sổ tay tương trợ tư pháp và dẫn độ)” của The United Nations Office on Drugs and Crime, xuất bản năm 2012. Đây là tài liệu cung cấp hướng dẫn chi tiết thực hiện các quy định của Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm xuyên quốc gia (UNTOC). Một trong những nội dung nổi bật của cuốn sách này là việc giới thiệu các hình thức hợp tác cụ thể liên quan đến việc thu giữ và phong tỏa tài sản được coi là tiền thu được từ tội phạm.

Cuốn sách “*Crime, War, and Global Trafficking: Designing International Cooperation (Tội phạm, chiến tranh và buôn lậu toàn cầu: Xây dựng hợp tác quốc tế)*” của tác giả Christine Jojath, Cambridge University Press, xuất bản năm 2009. Tác giả đã tổng hợp, phân tích các tiêu chí đánh giá các hình thức hợp tác quốc tế phòng chống tội phạm thông qua mức độ hiệu quả, hợp lý, mức độ ràng buộc pháp lý trong nước và quốc tế của mỗi loại hình thức hợp tác, góp phần giúp các cơ quan chức năng lựa chọn hình thức hợp tác quốc tế phù hợp để tiến hành hoạt động hợp tác quốc tế phòng chống tội phạm hiệu quả hơn.

1.2.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến quy định pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Bài viết “*Freezing and Confiscation of Criminal Proceeds (Phong tỏa và tịch thu tài sản do phạm tội mà có)*” (đăng trên International Criminal Law Review, năm 2006) của tác giả Nicholas Kaye đã phân tích, đánh giá các quy định về tịch thu tài sản là tiền do phạm tội mà có trong Công ước của Liên hợp quốc về chống buôn bán trái phép thuốc gây nghiện và chất hướng thần.

Cuốn sách “*Asset Recovery Handbook: A Guide for Practitioners, Stolen Asset Recovery Initiative (Cẩm nang về thu hồi tài sản: Hướng dẫn dành cho người thực hiện)*” của các tác giả Brun, J.-P. et al, xuất bản năm 2011 và tái

²² The United Nations Office on Drugs and Crime (2012), *Manual on Mutual Legal Assistance and Extradition*, Publishing and Library Section, United Nations Office, https://www.unodc.org/documents/organized-crime/Publications/Mutual_Legal_Assistance_Ebook_E.pdf, truy cập ngày 23/12/2022.

bản, bổ sung lần thứ hai vào năm 2021 mang tên *Asset Recovery Handbook: A Guide for Practitioners, Second edition, Stolen Asset Recovery Initiative*²³ (Cẩm nang về thu hồi tài sản: Hướng dẫn dành cho người thực hiện, ấn bản thứ hai)” được xây dựng như một cuốn cẩm nang hướng dẫn cách thực hiện hợp tác thu hồi tài sản các cán bộ tư pháp, tài liệu này được đánh giá là tương đối toàn diện về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản. Sau 10 năm phục vụ hướng dẫn, Sáng kiến khôi phục tài sản bị đánh cắp (Stolen Asset Recovery Initiative – StAR) đã quyết định tái bản, bổ sung hoàn thiện cuốn sách này bằng việc tổng hợp các kinh nghiệm có được trong thập kỷ qua, bao gồm các quy định pháp luật mới trong các công ước quốc tế của Liên hợp quốc và các điều ước của một số khu vực.

Cuốn sách “*Stolen Asset Recovery: A Good Practices Guide to Non-Conviction Based Asset Forfeiture (Thu hồi tài sản bị đánh cắp: Hướng dẫn thực hành điển hình về tịch thu tài sản không dựa trên bản án)*” của nhóm tác giả Theodore S.Greenberg, Linda M.Samuel, Wingate Grant và Larissa Gray, xuất bản năm 2009 đã làm rõ các quy định về thủ tục và điều kiện để thu hồi tài sản của Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng để trả lại tài sản cho các quốc gia yêu cầu và các chủ sở hữu hợp pháp khác.

Với tiêu đề “*Technical guide to the United Nations Convention against corruption (Hướng dẫn kỹ thuật về việc thực thi Công ước UNCAC)*” của UNODC và UNICRI, xuất bản năm 2009 đã đưa ra khẳng định UNCAC đã tạo điều kiện và hỗ trợ hợp tác quốc tế trong công tác phòng chống tham nhũng, kể cả việc thu hồi tài sản tham nhũng thông qua đánh giá các quy định của Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

Cuốn sách “*Legislative guide for the implementation of the United Nations Convention against Corruption, Second revised edition*”²⁴ (Hướng dẫn

²³ Brun, J.-P. et al. (2021), *Asset Recovery Handbook: A Guide for Practitioners, Second Edition*, Stolen Asset Recovery Initiative, World Bank Publications, <https://star.worldbank.org/publications/asset-recovery-handbook-guide-practitioners-second-edition>, truy cập ngày 16/12/2022.

²⁴ The United Nations Office on Drugs and Crimes (2006), *Legislative guide for the implementation of the United Nations Convention against Corruption*,

pháp lý thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng, tái bản lần thứ 2” của The United Nations Office on Drugs and Crimes năm 2012. Các chuyên gia luật học của Liên hợp quốc đã hệ thống hóa các khuyến nghị về thực thi UNCAC. Tài liệu này đóng vai trò then chốt, hỗ trợ các quốc gia thành viên, bao gồm Việt Nam trong quá trình nội luật hóa các điều khoản của Công ước thông qua việc làm rõ các yêu cầu, khuyến nghị và nghĩa vụ mà các quốc gia thành viên phải tuân thủ trong quá trình thực thi các quy định về hợp tác quốc tế, trong đó có hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng.

Một cuốn sách đáng chú ý tiếp theo đó là cuốn “*Towards a global architecture for asset recovery*”²⁵ (Hướng tới một kiến trúc toàn cầu để thu hồi tài sản) của The World Bank and the United Nations Office of Drugs and Crimes, xuất bản năm 2009 có giá trị tham khảo về hoạt động tịch thu tài sản trong các vụ án hình sự, nhấn mạnh sự cần thiết và trách nhiệm của các quốc gia trong việc hợp tác quốc tế để thu hồi tài sản, đánh giá thực trạng pháp luật và hợp tác thu hồi tài sản ở cấp độ toàn cầu, đưa ra chương trình hành động và khuyến khích các quốc gia tạo điều kiện trong việc hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Tiếp đến là cuốn sách “*Manual on Mutual Legal Assistance and Extradition*”²⁶ (Sổ tay tương trợ tư pháp và dẫn độ) của The United Nations Office on Drugs and Crime, xuất bản năm 2012 đã làm rõ các quy định về cơ quan trung ương, cơ quan đầu mối trong tương trợ tư pháp về hình sự và hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có và vai trò quan trọng của chủ thể này.

Luận văn “*Asset recovery under the United Nations Convention against Corruption: challenges and opportunities* (Thu hồi tài sản theo Công ước

https://www.unodc.org/documents/treaties/UNCAC/Publications/LegislativeGuide/UNCAC_Legislative_Guide_E.pdf, truy cập ngày 16/12/2022.

²⁵The World Bank and the United Nations Office of Drugs and Crimes (2009), *Towards a global architecture for asset recovery*, <https://star.worldbank.org/sites/star/files/GlobalArchitectureFinalwithCover.pdf>, truy cập ngày 24/12/2022.

²⁶ The United Nations Office on Drugs and Crime (2012), *Manual on Mutual Legal Assistance and Extradition*, https://www.unodc.org/documents/organized-crime/Publications/Mutual_Legal_Assistance_Ebook_E.pdf, truy cập ngày 23/12/2022.

Liên hợp quốc về chống tham nhũng: Thách thức và cơ hội)” của tác giả Rochelle Pastana Ribeiro bảo vệ năm 2011 tại Trường Đại học Leiden. Trong Chương 2 của luận văn, tác giả tập trung phân tích, nhận định về các điều khoản của UNCAC liên quan đến thu hồi tài sản tham nhũng và hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng. Đánh giá cho thấy, những quy định này là khá đầy đủ, đóng vai trò then chốt trong quá trình quốc tế hóa luật hình sự về phòng chống tham nhũng và thúc đẩy hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản. Tuy nhiên, tác giả cũng chỉ ra rằng, việc hài hòa hóa hệ thống pháp luật giữa các quốc gia chỉ dựa trên cơ sở các quy định của UNCAC là chưa đủ, cần có những nỗ lực bổ sung để đảm bảo tính tương thích các quy định này trên phạm vi toàn cầu.

1.2.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Cuốn sách “*Asset Recovery Handbook: A Guide for Practitioners, Second edition, Stolen Asset Recovery Initiative*”²⁷ (Cẩm nang về thu hồi tài sản: Hướng dẫn dành cho người thực hiện, ấn bản thứ hai)” của các tác giả Brun năm 2021 đã tổng hợp kinh nghiệm trong quá trình áp dụng pháp luật, giải quyết các vụ án điển hình về hợp tác thu hồi tài sản trong hơn một thập kỷ qua. Theo đó nhấn mạnh đến sự cần thiết và quá trình hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản, xác định những thách thức, khó khăn mà những người thực hiện có thể gặp phải trong quá trình thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản và giới thiệu các phương pháp thực hiện hiệu quả.

Tiếp đến là cuốn sách “*Towards a global architecture for asset recovery*”²⁸ (Hướng tới một kiến trúc toàn cầu để thu hồi tài sản) của The World Bank and the United Nations Office of Drugs and Crimes, xuất bản năm 2009 đã khái quát, đánh giá thực trạng áp dụng các quy định về hợp tác

²⁷ Brun, J.-P. et al. (2021), *Asset Recovery Handbook: A Guide for Practitioners, Second Edition*”, *Stolen Asset Recovery Initiative*, <https://star.worldbank.org/publications/asset-recovery-handbook-guide-practitioners-second-edition>, truy cập ngày 16/12/2022.

²⁸The World Bank and the United Nations Office of Drugs and Crimes (2009), *Towards a global architecture for asset recovery*, <https://star.worldbank.org/sites/star/files/GlobalArchitectureFinalwithCover.pdf>, truy cập ngày 24/12/2022.

thu hồi tài sản trong các vụ án hình sự ở cấp độ toàn cầu. Cuốn sách này có giá trị tham khảo về hoạt động tịch thu tài sản trong các vụ án hình sự, nhấn mạnh sự cần thiết và trách nhiệm của các quốc gia trong việc hợp tác quốc tế để thu hồi tài sản, đưa ra chương trình hành động và khuyến khích các quốc gia tạo điều kiện trong việc hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Với tiêu đề “*Typology on Mutual Legal Assistance in Foreign Bribery Cases*”²⁹ (Loại hình tương trợ tư pháp trong các vụ hối lộ nước ngoài)” của OECD, xuất bản năm 2012 đã tổng hợp, cuốn sách đã đưa ra những khó khăn, thách thức thường gặp trong việc áp dụng quy định về tương trợ tư pháp hình sự trong các vụ hối lộ ở nước ngoài và các giải pháp để giải quyết các vấn đề cụ thể.

Cuốn sách “*Tools and Best Practices for International Asset Recovery Cooperation Handbook*”³⁰ (Những công cụ và thực tiễn tốt nhất về sổ tay hợp tác thu hồi tài sản quốc tế)” của các tác giả Sarajevo, Bosnia and Herzegovina, xuất bản năm 2019 đã chỉ ra một trong những hạn chế trong hoạt động hỗ trợ pháp lý lẫn nhau để thu hồi tài sản của cộng đồng quốc tế là cơ sở pháp lý, các quy định pháp luật về lĩnh vực này chưa toàn diện, từ đó đưa ra các khuyến nghị tăng cường năng lực của các cơ quan tư pháp, cơ quan công tố để áp dụng các quy định của pháp luật về hợp tác quốc tế trong các trường hợp thu hồi tài sản, tìm cách thu giữ, tịch thu tài sản nằm ngoài khu vực pháp lý mỗi quốc gia.

Luận văn “*Asset recovery under the United Nations Convention against Corruption: challenges and opportunities (Thu hồi tài sản theo Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng: Thách thức và cơ hội)*” của tác giả Rochelle Pastana Ribeiro bảo vệ năm 2011 tại Trường Đại học Leiden đã phân tích việc thực thi, áp dụng các quy định của Công ước UNCAC ở các

²⁹ OECD (2012), *Typology on Mutual Legal Assistance in Foreign Bribery Cases*, <https://www.oecd-ilibrary.org/docserver/a61063e4-en.pdf?expires=1715162589&id=id&accname=guest&checksum=0F6FB27F968D4054BECB0A206A8BECFD>, truy cập ngày 16/12/2022.

³⁰ Anti money laundering Consulting (2019), *Tools and Best Practices for International Asset Recovery Cooperation Handbook*, https://www.rai-see.org/php_sets/uploads/2020/11/Handbook-int-coop-ENG-web-1.pdf, truy cập ngày 24/12/2022.

khu vực pháp lý khác nhau trên thế giới với những số liệu thống kê cụ thể. Tác giả kiến nghị triển khai UNCAC bằng việc xây dựng, ban hành các văn bản chi tiết, thể chế hóa các điều khoản, ứng dụng UNCAC làm chuẩn mực trong hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng, ưu tiên thu hồi tài sản tham nhũng thông qua hợp tác này. Các biện pháp cụ thể cần được lượng hóa và đánh giá hiệu quả thường xuyên để đảm bảo tính khả thi.

1.3. Đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến nội dung của luận án đã đề cập ở trên cho thấy những đánh giá và nhận xét như sau:

1.3.1. Các vấn đề nghiên cứu đã làm rõ

- Các công trình nghiên cứu công bố trước đây ở trong và ngoài nước đã bước đầu xây dựng một số khía cạnh lý luận, khoa học luật về pháp luật hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản; xây dựng những giải pháp về hoàn thiện cơ sở pháp lý cũng như chỉ rõ các quy định của Luật quốc tế, pháp luật của Việt Nam về hợp tác quốc tế thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Đồng thời, các nghiên cứu trước đây tạo nền tảng pháp lý, lý luận và thực tiễn, hỗ trợ quá trình triển khai luận án của nghiên cứu sinh ở một mức độ nhất định. Nền tảng này đóng vai trò quan trọng, định hướng và củng cố giá trị khoa học của luận án.

- Các công trình nghiên cứu tập trung phân tích cơ sở pháp lý quốc tế là các điều ước quốc tế song phương và đa phương, nhấn mạnh vai trò quan trọng của cơ sở pháp lý này trong việc điều chỉnh hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Nhiều nghiên cứu đã khái quát hóa việc thực thi các điều ước quốc tế quan trọng liên quan đến hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, qua đó các tác giả đã đánh giá ưu, nhược điểm của hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này, đưa ra những nhận xét về thành tựu và hạn chế, kiến nghị các giải pháp để cải thiện hiệu quả trong thời gian tới.

- Một số kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố có ý nghĩa tham khảo đối với Nghiên cứu sinh khi xây dựng khái niệm, trình tự, thủ tục hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có; khái niệm pháp luật về

hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, cũng như đặc điểm, nội dung, nguồn, các nguyên tắc, các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật Việt Nam về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có và kết quả thực hiện hoạt động này trong thực tiễn.

1.3.2. Các vấn đề luận án kế thừa

Thứ nhất, các công trình nêu trên đều xác định tội phạm đang có xu hướng toàn cầu hóa; hợp tác quốc tế thu hồi tài sản do phạm tội mà có là một yêu cầu tất yếu, khách quan; cần phải có sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này để đấu tranh tội phạm, triệt tiêu lợi ích của tội phạm.

Thứ hai, hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có được đảm bảo bằng cả hai hệ thống pháp luật gồm pháp luật quốc tế (các công ước quốc tế đa phương, điều ước quốc tế song phương) và pháp luật quốc gia. Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã phân tích, làm rõ cơ sở pháp lý hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có được quy định trong các điều ước quốc tế đa phương, khu vực, song phương và pháp luật quốc gia. Các văn bản pháp luật quốc tế, điều ước quốc tế đóng vai trò trụ cột, thiết yếu, mang tính nền tảng, toàn cầu của hoạt động hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Đây là nền tảng pháp lý quan trọng, là cơ sở để thúc đẩy các quốc gia nội luật hóa các quy định này vào pháp luật trong nước.

Thứ ba, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã làm rõ chủ thể hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự cũng như trong hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có có từ hai chủ thể trở lên.

Thứ tư, để hoàn thiện pháp luật và tối ưu hóa hiệu quả hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự, đặc biệt là trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đều nhấn mạnh một số giải pháp then chốt như: (1) Các quốc gia thành viên của Liên hợp quốc cần tích cực tham gia điều ước quốc tế đa phương, song phương liên quan về thu hồi tài sản để thể hiện sự cam kết chung về trách nhiệm hợp tác quốc tế của mỗi quốc gia trong giải quyết các vụ án hình sự xuyên quốc gia; (2) Các quốc gia

cần xây dựng hệ thống pháp luật quốc gia tương thích với các chuẩn mực luật pháp quốc tế; (3) Cần củng cố và hoàn thiện bộ máy các cơ quan chuyên trách hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, điều này đòi hỏi đầu tư vào nguồn lực và chuyên môn để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hợp tác quốc tế.

1.3.3. Các vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Mặc dù các công trình nghiên cứu hiện tại của cả quốc tế và Việt Nam đã làm rõ ở những mức độ nhất định đối với một số khía cạnh cơ bản liên quan đến pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Tuy nhiên còn nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có chưa được nghiên cứu, làm rõ, vì vậy vấn đề đặt ra cho việc nghiên cứu luận án là:

Thứ nhất, phân tích và làm rõ khái niệm tài sản do phạm tội mà có, hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Một khái niệm chuẩn xác, rõ ràng và được chấp nhận rộng rãi về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là bước đầu tiên và không thể thiếu để thúc đẩy hợp tác quốc tế hiệu quả trong lĩnh vực này, đồng thời sẽ tạo nền tảng cho sự hiểu biết chung, giúp các quốc gia xác định phạm vi, mục tiêu và phương pháp thu hồi tài sản do phạm tội mà có một cách công bằng và hiệu quả.

Thứ hai, luận án cũng đi sâu phân tích các vấn đề lý luận về pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có như khái niệm, đặc điểm, nội dung và các nguồn (hình thức) của pháp luật này. Việc làm sáng tỏ các khía cạnh trên đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố và hoàn thiện hệ thống lý luận về pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Thứ ba, khái quát, hệ thống hóa và làm sâu sắc hơn nữa các nguyên tắc và tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Xác định các nguyên tắc cùng với các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài

sản do phạm tội mà có là vô cùng quan trọng. Điều này mang ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn, đặc biệt giá trị trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp hiện nay.

Thứ tư, nghiên cứu một cách tổng thể và có hệ thống đối với pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, đặc biệt đi sâu vào các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia và các văn bản khác có liên quan. Trên cơ sở đó, tập trung phân tích, đánh giá khách quan việc xây dựng và thực hiện pháp luật quốc tế cũng như pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Mục tiêu là xác định liệu khung pháp lý hiện hành đã đủ vững chắc để hỗ trợ cho công tác này hay chưa. Luận án sẽ làm nổi bật những thành tựu đạt được, đồng thời chỉ ra những rào cản, hạn chế còn tồn tại, qua đó xác định các nguyên nhân gốc rễ dẫn đến những bất cập, hạn chế này.

Thứ năm, phân tích ý nghĩa của yêu cầu hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản trên các phương diện: về chính trị - xã hội; về pháp luật – nghiệp vụ trong bối cảnh toàn cầu hóa, mở cửa hội nhập. Điều này giúp các cơ quan có thẩm quyền chủ động có các giải pháp, đối sách về hợp tác quốc tế nhanh chóng, thu hồi tài sản hiệu quả, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do tội phạm gây ra. Hơn nữa, giúp các cơ quan tổ tụng, cơ quan chức năng có liên quan xây dựng các phương án hữu hiệu, tối ưu, tiết kiệm chi phí nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong thời gian tới.

Thứ sáu, các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tập trung xây dựng giải pháp, kiến nghị liên quan đến hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp hình sự mang tính định hướng chung, chưa chi tiết, cụ thể. Do vậy, luận án sẽ đưa ra những phương hướng, giải pháp toàn diện trên nhiều góc độ nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả trong lĩnh vực này của Việt Nam trong thời gian tới, đề xuất các giải pháp cụ thể mang tính khoa học, khả thi, hiệu quả, phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng, cũng như phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội, chính trị của Việt Nam trong tình hình mới.

1.4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

1.4.1. Câu hỏi nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, các câu hỏi sau đây cần được đặt ra xuất phát từ nhiệm vụ, mục tiêu nghiên cứu của luận án:

(1) Pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có được hiểu như thế nào? Đặc điểm, nội dung, nguồn và các nguyên tắc, tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có được xác định ra sao?

(2) Cơ sở pháp lý trong hoạt động hợp tác quốc tế của Việt Nam về thu hồi tài sản do phạm tội mà có bao gồm những gì? Các quy định pháp luật nào có vai trò quan trọng, chủ yếu trong việc điều chỉnh lĩnh vực này? Đây là nguyên nhân của những thành công và hạn chế trong thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có thời gian qua?

(3) Để hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, Việt Nam cần tập trung vào những yêu cầu trọng tâm nào và những giải pháp cụ thể nào được đặt ra trong gian đoạn tới?

1.4.2. Giả thuyết nghiên cứu

Xuất phát từ những câu hỏi nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu của luận án được đặt ra là:

(1) Pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có có vai trò quan trọng, tạo cơ sở pháp lý vững chắc trong quá trình hợp tác của Việt Nam với các quốc gia khác trên thế giới. Chính vì vậy, cần thiết trong việc nghiên cứu khái niệm, đặc điểm, nội dung, nguồn (hình thức), các nguyên tắc và tiêu chí đánh giá mức độ của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Tầm quan trọng của việc nghiên cứu các nội dung này không chỉ mang tính lý luận mà còn có ý nghĩa thực tiễn sâu sắc, đặc biệt quan trọng trong bối cảnh xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và cải cách tư pháp.

(2) Cơ sở pháp lý cho các hoạt động hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có bao gồm các điều ước quốc tế đa phương mà Việt Nam tham gia và hệ thống pháp luật quốc gia điều chỉnh lĩnh vực này, trong đó trọng tâm là các quy định pháp luật tổ tụng hình sự và được cụ thể hóa trong các quy phạm thuộc nhiều ngành luật khác nhau được Nhà nước ghi nhận và nội luật hóa. Trong thời gian qua, hoạt động hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên vẫn còn có một số vụ án không hoặc chưa thực hiện được việc hợp tác tương trợ tư pháp hình sự về thu hồi tài sản do phạm tội mà có với các quốc gia khác xuất phát từ những hạn chế, bất cập tồn tại trong quy định của pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

(3) Yêu cầu hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có được xuất phát từ nhu cầu và đòi hỏi thực tiễn với mục tiêu xây dựng hệ thống pháp luật toàn diện, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và nâng cao hiệu quả trong lĩnh vực này. Trên cơ sở thực tiễn và khoa học, đảm bảo tuân thủ các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có sẽ xây dựng được hệ thống các giải pháp đồng bộ, có tính ứng dụng cao, mang tính đột phá để hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có bao gồm: đẩy mạnh nghiên cứu, đàm phán, ký kết tham gia các điều ước đa phương, song phương về tương trợ tư pháp hình sự, hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản; sửa đổi, bổ sung và xây dựng hoàn thiện cơ sở pháp lý và pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có; nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ các cơ quan có thẩm quyền trong hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có...

Kết luận Phần tổng quan

Pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có đóng vai trò then chốt, tạo nền tảng pháp lý cho việc hỗ trợ, giúp đỡ và phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia. Do đó, vấn đề này đang thu hút sự quan tâm nghiên cứu với việc tổng kết thực tiễn đa chiều trên nhiều khía cạnh và phương pháp tiếp cận khoa học.

Tổng quan nghiên cứu của luận án được xây dựng dựa trên cơ sở phân tích các công trình khoa học ở trong và ngoài nước có liên quan đến đề tài nghiên cứu. Quá trình này bao gồm tổng hợp và đánh giá các đề tài nghiên cứu, bài viết chuyên ngành, sách chuyên khảo, báo cáo, luận án tiến sĩ và luận văn thạc sĩ có liên quan đến đề tài luận án. Mục tiêu chính là xác định rõ những vấn đề đã được nghiên cứu, công bố trước đây. Từ đó, luận án xác định những vấn đề có thể kế thừa, đồng thời chỉ ra những khía cạnh còn bỏ ngỏ, chưa được nghiên cứu đầy đủ cả trong và ngoài nước, cần được tiếp tục nghiên cứu sâu hơn. Qua đó, khẳng định nghiên cứu vấn đề pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là vấn đề cấp bách và mang tính thời sự cao, vẫn còn nhiều khía cạnh chuyên sâu cần được làm rõ. Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và triển khai chính sách đối ngoại chủ động của Việt Nam, ý nghĩa của nghiên cứu này càng trở nên quan trọng.

Như vậy, Phần tổng quan của luận án đã phân tích, làm rõ tổng quan tình hình nghiên cứu pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có; xây dựng thành công các định hướng nghiên cứu cho các chương tiếp theo của luận án.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG THU HỒI TÀI SẢN DO PHẠM TỘI MÀ CÓ

1.1. Khái niệm, đặc điểm pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự chung do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị, được nhà nước bảo đảm thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội, duy trì xã hội trong một trật tự có lợi cho giai cấp thống trị. Pháp luật có những đặc tính cơ bản gồm tính quy phạm (hệ thống các quy tắc xử sự, làm khuôn mẫu cụ thể tạo khung khổ cho phép các chủ thể căn cứ lựa chọn hình thức xử sự); tính quyền lực (tính nhà nước, tính cưỡng chế thể hiện ở nguồn gốc hình thành, phát triển bởi nhà nước và được bảo đảm thực hiện bởi nhà nước); tính ý chí (pháp luật là ý chí của giai cấp cầm quyền, thể hiện ở mục đích xây dựng pháp luật, nội dung pháp luật và mục đích điều chỉnh của pháp luật); tính xã hội (thể hiện ở đặc điểm pháp luật được ban hành phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của xã hội trong một giai đoạn lịch sử nhất định, phản ánh nhu cầu khách quan của xã hội, đồng thời, mô hình hóa những nhu cầu khách quan mang tính điển hình, phổ biến và thông qua đó, pháp luật tác động tới các quan hệ xã hội, hướng các quan hệ xã hội phát triển theo hướng nhà nước mong muốn, xác định).³¹

Hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có đóng vai trò then chốt trong hợp tác quốc tế đa phương. Đây là nội dung cốt lõi của hợp tác quốc tế nói chung, đồng thời là yếu tố quan trọng trong hợp tác quốc tế về phòng chống, tội phạm nói riêng. Hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là nhu cầu khách quan, cấp thiết trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay. Điều này đáp ứng kịp thời yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội

³¹ Trường Đại học Luật Hà Nội (2009), *Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 336-338.

phạm của mỗi quốc gia, giải quyết những vấn đề mang tính toàn cầu. Để nghiên cứu về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, việc làm rõ khái niệm “hợp tác quốc tế” là thiết yếu. Điều này giúp thống nhất cách hiểu về các quan hệ pháp luật và ngành luật điều chỉnh quan hệ xã hội, đồng thời xác định rõ các chủ thể, nguyên tắc, nội dung, hình thức và giới hạn trong quan hệ hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Theo định nghĩa từ điển tiếng Việt, “*hợp tác là cùng chung sức, giúp đỡ lẫn nhau trong một công việc, một lĩnh vực nào đó nhằm một mục đích chung*”³². Từ điển Cambridge định nghĩa “*hợp tác*” trong tiếng Anh là “*cooperation*” nhấn mạnh “*hành động hoặc làm việc cùng nhau cho một mục đích cụ thể*”³³. Theo Bách khoa toàn thư, hợp tác là hành vi chung hoặc cộng tác hướng tới một mục tiêu nào đó và có lợi ích chung hoặc hy vọng được đền đáp³⁴. Bản chất của hợp tác là sự đồng lòng và nỗ lực chung, hợp tác hình thành từ sự đồng điệu về quyền lợi giữa các bên liên quan, các chủ thể đạt được tiếng nói chung, tạo nền tảng vững chắc để cùng nhau giải quyết công việc hiệu quả. Do đó, hợp tác được thiết lập để đáp ứng nhu cầu chung trong một phạm vi công việc hoặc lĩnh vực xác định, đây là nền tảng để các bên cùng nhau phát triển và đạt được thành công. Cộng đồng quốc tế đã đang quyết tâm thực hiện việc hợp tác trong nhiều lĩnh vực, giúp đỡ, hỗ trợ nhau cùng phát triển, giải quyết những vấn đề mang tính toàn cầu để đạt được mục tiêu hòa bình, thịnh vượng. Thuật ngữ “*quốc tế*” được dùng để chỉ các vấn đề có tính chất liên quan và ảnh hưởng đến mối quan hệ, tương tác giữa các quốc gia trên thế giới với nhau. Từ “*quốc tế*” theo nghĩa rộng, bao hàm cả cộng đồng quốc tế nói chung, các tổ chức đa phương, song phương hoặc các tổ chức quốc tế ở phạm vi khu vực và toàn cầu³⁵. Có thể thấy, trong tiếng Việt, thuật ngữ “hợp

³² Viện Ngôn ngữ học (2018), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Hồng Đức, tr.588.-589.

³³ Theo Từ điển Cambridge, xem tại: <https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/cooperate>, truy cập ngày 10/01/2023.

³⁴ Charlius Piere (2024), *International Cooperation in International Relations* (Hợp tác quốc tế trong quan hệ quốc tế), Trường Đại học quốc tế Atlantic, tr.5.

³⁵ Viện Ngôn ngữ, Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2010), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, tr.45.

tác quốc tế” phản ánh bản chất của hoạt động hợp tác, phối hợp giữa các quốc gia trên một lĩnh vực nhất định của đời sống chính trị, văn hóa, xã hội. Tuy nhiên, một số nghiên cứu trong chuyên ngành pháp luật quốc tế, pháp luật hình sự, quan hệ quốc tế còn sử dụng cụm từ “xuyên quốc gia” hoặc “xuyên biên giới” để chỉ những hoạt động hợp tác hoặc các vấn đề có tính chất vượt qua ranh giới quốc gia, cụ thể các cụm từ như hợp tác xuyên biên giới, hợp tác xuyên quốc gia, tội phạm xuyên biên giới, tội phạm xuyên quốc gia...đều chỉ những vấn đề hoặc hoạt động có phạm vi ảnh hưởng hoặc diễn ra ngoài lãnh thổ một quốc gia. Điều này nhấn mạnh khía cạnh vượt ra khỏi phạm vi quốc gia, phản ánh tính chất toàn cầu của vấn đề hoặc hoạt động được đề cập. Có thể thấy, quan hệ hợp tác xuyên biên giới, xuyên quốc gia để chỉ sự hợp tác, liên kết giữa hai hoặc nhiều đối tác từ các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác nhau mà một trong các bên tham gia không đại diện cho nhà nước, điều này nhấn mạnh bản chất của mối quan hệ hợp tác. Đặc điểm để phân biệt giữa hợp tác quốc tế và hợp tác xuyên biên giới hoặc hợp tác xuyên quốc gia là ở hợp tác quốc tế khẳng định tính chất liên chính phủ, liên quốc gia giữa các chủ thể quan hệ hợp tác mà các chủ thể này thực hiện hành vi đại diện cho chính phủ, cho nhà nước³⁶. Do đó, hợp tác quốc tế được mô tả như một cách để giải quyết các xung đột khi mục tiêu của các bên không giống nhau (không thể hòa hợp) cũng không thể hòa giải (khi có xung đột) nhằm đạt được các mục tiêu chung³⁷. Như vậy, thuật ngữ “*hợp tác quốc tế*” thể hiện bản chất của hoạt động hợp tác, phối hợp giữa các quốc gia trong những lĩnh vực cụ thể. Các lĩnh vực này bao gồm chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...phản ánh sự hợp tác đa phương, hướng tới mục tiêu chung giữa các bên tham gia. Trên thực tế, hợp tác quốc tế về mặt lý thuyết đã trở thành một quá trình phối hợp để tạo điều kiện cho sự hòa hợp, hòa bình và ổn định trên thế giới³⁸.

³⁶ Nguyễn Ngọc Anh (2007), *Hợp tác quốc tế đấu tranh phòng, chống tội phạm của lực lượng Cảnh sát nhân dân Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, tr.40.

³⁷ Sebastian Paulo (2014), *International Cooperation and Development, A Conceptual Overview* (Hợp tác quốc tế và phát triển, Tổng quan về khái niệm), Viện phát triển Đức, tr.3.

³⁸ Tlđđ, tr.11.

Đối với khái niệm “*tài sản*” là nền tảng để xác định tài sản do phạm tội mà có, tài sản không chỉ là một phạm trù cơ bản của pháp luật dân sự mà còn là đối tượng điều chỉnh quan trọng trong pháp luật hình sự. Theo từ điển Luật học thì tài sản được hiểu là các vật có giá trị bằng tiền và là đối tượng của quyền tài sản bao gồm: vật có thực, vật đang tồn tại và sẽ có như hoa lợi, lợi tức, vật sẽ được chế tạo theo mẫu đã được thỏa thuận giữa các bên, tiền và các giấy tờ trị giá được bằng tiền và quyền tài sản.³⁹ Cụ thể hóa khái niệm này, Bộ luật Dân sự quy định tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản. Trên cơ sở đó, Luật Công nghiệp Công nghệ số năm 2025 xác định tài sản số là một dạng tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự, được thể hiện dưới dạng dữ liệu số, được tạo lập, phát hành, lưu trữ, chuyển giao và xác thực bằng công nghệ số trong môi trường điện tử; trong đó, tài sản số bao gồm tài sản ảo, tài sản mã hóa và các loại tài sản khác, với quyền sở hữu được xác thực thông qua công nghệ chuỗi khối. Trong các điều ước quốc tế đa phương toàn cầu, bao gồm Công ước của Liên hợp quốc về chống buôn bán trái phép chất gây nghiện và chất hướng thần năm 1988⁴⁰; Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000⁴¹ và Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng năm 2003⁴² đều nhất quán trong việc xác định khái niệm tài sản. Các văn kiện pháp lý quốc tế này thể hiện sự đồng thuận chung của cộng đồng quốc tế về định nghĩa và phạm vi của tài sản, theo đó tài sản là mọi loại tài sản, vật chất hay phi vật chất, động sản hay bất động sản, hữu hình hay trừu tượng và các văn bản pháp lý hay giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hoặc lợi ích đối với tài sản đó⁴³.

³⁹ Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb. Tư pháp, tr.685.

⁴⁰ Liên hợp quốc (1988), Công ước về chống buôn bán trái phép thuốc gây nghiện và chất hướng thần, https://www.unodc.org/pdf/convention_1988_en.pdf, truy cập ngày 12/01/2023.

⁴¹ Liên hợp quốc (2000), Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, <https://www.unodc.org/documents/treaties/UNTOC/Publications/TOC%20Convention/TOCebook-e.pdf>, truy cập ngày 12/01/2023.

⁴² Liên hợp quốc (2003), Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng, xem thêm tại: https://www.unodc.org/documents/treaties/UNCAC/Publications/Convention/08-50026_E.pdf, truy cập ngày 12/01/2023.

⁴³ Điều 1 (g) Công ước của Liên hợp quốc về chống buôn bán trái phép chất gây nghiện và chất hướng thần năm 1988; Điều 2(d) Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000 và Điều 2(d) Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng năm 2003.

Dựa trên khái niệm tài sản trên, các công ước quốc tế này xác định “*tài sản do phạm tội mà có là bất cứ tài sản nào bắt nguồn hay có được một cách trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc phạm tội*”⁴⁴. Đồng tình với quan điểm đó, tác giả Corentin Latimier định nghĩa “*Đối với tài sản do phạm tội mà có được định nghĩa là bất kỳ tài sản nào có nguồn gốc hay có được trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc thực hiện hành vi phạm tội*”.⁴⁵

Cụ thể hóa khái niệm tài sản do phạm tội mà có, Cơ quan phòng chống tội phạm và ma túy của Liên hợp quốc (UNODC) đã xác định⁴⁶:

(1) Tài sản, trang thiết bị hay công cụ khác được sử dụng hoặc sẽ được sử dụng trong các hành vi phạm tội;

(2) Tài sản do phạm tội mà có bắt nguồn từ những hành vi phạm tội hay những tài sản có giá trị tương đương với giá trị của tài sản do phạm tội mà có;

Nếu tài sản bị chuyển đổi hoặc biến đổi một phần hay toàn bộ từ tài sản do phạm tội mà có thành tài sản khác thì tài sản khác này được coi là tài sản do phạm tội mà có dù đã bị biến đổi hoặc chuyển đổi nhưng vẫn là “tài sản có tì vết”. Cần chú trọng đến tính chất không thể hủy bỏ “tì vết” của tài sản, bất kể số lần chuyển nhượng, chuyển đổi.⁴⁷

Nếu tài sản là kết quả của việc gộp, trộn lẫn giữa tài sản do phạm tội mà có với các tài sản hợp pháp khác thì trong trường hợp này tài sản do phạm tội mà có là phần tài sản được định giá là tương đương với những tài sản do phạm tội mà có từ khối tài sản hợp pháp.

Thu nhập hoặc các lợi ích khác có được từ tài sản do phạm tội mà có, từ tài sản được biến đổi hoặc chuyển đổi thành hay từ tài sản mà trong đó trộn lẫn một phần là tài sản do phạm tội mà có. Điều đó có nghĩa là bên cạnh tài sản gốc, nhà nước có thể thu hồi cả tài sản thứ cấp, hay tài sản phát sinh từ tài sản gốc của tội phạm.

⁴⁴ Điều 2(e) Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000 và Điều 2(e) Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng năm 2003.

⁴⁵ Corentin Latimier(2017), *Le recouvrement des avoirs illicites de la corruption internationale. Évolutions récentes en droit français et recommandations à la lumière de la Convention des Nations Unies contre la corruption* (Thu hồi tài sản bất hợp pháp liên quan đến tham nhũng quốc tế: Những diễn biến mới trong pháp luật Pháp và các khuyến nghị dưới góc độ Công ước Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng), Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Côte d'Azur, tr. 176.

⁴⁶ UNODC (2009), Technical Guide to the United Nations Convention Against Corruption, tr.91.

⁴⁷ Phạm Hải Long (2024), *Hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản tham nhũng – Quy định của pháp luật quốc tế và thực tiễn của Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr.7.

Ở Việt Nam, khái niệm tài sản do phạm tội mà có chưa được pháp điển hóa trong Bộ luật hình sự (BLHS) và Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS). Mặc dù vậy, Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC, ban hành ngày 30/11/2011 đã đưa ra hướng dẫn chi tiết liên quan đến việc áp dụng quy định của BLHS về tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tội rửa tiền. Theo đó, khoản 1 Điều 1 của Thông tư này xác định rằng *“Tài sản do người khác phạm tội mà có” là tài sản do người phạm tội có được trực tiếp từ việc thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: tài sản chiếm đoạt được, tham ô, nhận hối lộ...) hoặc do người phạm tội có được từ việc mua bán, đổi chác bằng tài sản có được trực tiếp từ việc họ thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: xe máy có được từ việc dùng tiền tham ô để mua)”*. Quy định trên thực chất là đưa ra khái niệm về tài sản do phạm tội mà có. Căn cứ vào thời điểm có được tài sản liên quan đến việc phạm tội, có thể chia tài sản do phạm tội mà có thành 02 loại như sau: (1) Tài sản trực tiếp bị chiếm đoạt bởi người phạm tội trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội; (2) Tài sản mà người phạm tội có được sau khi định đoạt tài sản đã chiếm đoạt trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội (tài sản do mua bán, đổi chác những thứ đã chiếm đoạt mà có...). Việc phân loại này giúp xác định nguồn gốc và quá trình luân chuyển của tài sản, phục vụ công tác điều tra và xử lý tội phạm một cách hiệu quả.

Có thể nhận thấy rằng khái niệm “tài sản do phạm tội mà có” theo quy định của pháp luật Việt Nam chưa phù hợp chuẩn mực quốc tế⁴⁸. So sánh với các quy định của pháp luật quốc tế thì phạm vi, nội hàm thuật ngữ này của Việt Nam hẹp hơn, chưa bao quát hết các trường hợp (tài sản có giá trị tương đương với tài sản có nguồn gốc từ việc phạm tội; tài sản do phạm tội mà có đã gộp, trộn lẫn, hợp nhất với các tài sản hợp pháp khác và thu nhập hoặc các lợi ích khác có được từ tài sản do phạm tội mà có, từ tài sản được biến đổi hoặc chuyển đổi từ tài sản do phạm tội mà có hoặc từ tài sản mà trong đó trộn lẫn một phần là tài sản do phạm tội mà có).

⁴⁸ Đỗ Thị Phượng (2020), Hợp tác quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự và dẫn độ đối với tội phạm tham nhũng, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 01(131), tr.59.

Như vậy, dựa trên các quy định của pháp luật quốc tế và Việt Nam, có thể nhận biết, xác định được nội hàm của khái niệm tài sản do phạm tội mà có. Mặc dù có sự khác nhau về phạm vi nhưng pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam đều có quan điểm, quy định tương đối thống nhất về tài sản do phạm tội mà có. Từ những phân tích trên, khái niệm tài sản do phạm tội mà có được định nghĩa như sau: “*Tài sản do phạm tội mà có là bất kỳ tài sản nào có nguồn gốc hoặc có được một cách trực tiếp hay gián tiếp từ việc phạm tội*”. Theo tác giả, cách xác định tài sản do phạm tội mà có theo hướng mở rộng diện tài sản được coi là tài sản do phạm tội mà có như trong các công ước quốc tế và được phân tích bởi UNODC là phù hợp vì nó sẽ cho phép việc hiểu và vận dụng linh hoạt trong thực tế đối với việc xác định tài sản do phạm tội mà có, từ đó đạt được tối đa hiệu quả mục đích thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Đối với thuật ngữ “*thu hồi tài sản*” là một khái niệm trừu tượng và trở thành một trong những thuật ngữ phổ biến trên báo chí, dư luận quốc tế và ở Việt Nam. Mặc dù từ điển tiếng Việt không đề cập đến thuật ngữ thu hồi tài sản nhưng đã đưa ra khái niệm thu hồi là thu về lại, lấy lại cái trước đó đã đưa ra, đã cấp phát hoặc bị mất vào tay người khác⁴⁹. Tương tự, từ điển Black Law Dictionary định nghĩa thu hồi (to recover) là việc lấy lại hay thu lại đầy đủ hoặc tương đương; việc thu lại hoặc phục hồi lại những thứ đã mất hoặc bị lấy đi⁵⁰. Giống như từ điển tiếng Việt, từ điển tiếng anh Oxford cũng không định nghĩa thuật ngữ thu hồi tài sản. Bên cạnh đó, hầu hết các hiệp ước đa phương liên quan đến thu hồi tài sản được thông qua trong khuôn khổ Liên hợp quốc cũng không đưa ra định nghĩa trực tiếp về thu hồi tài sản. Ngay cả UNCAC cũng không định nghĩa rõ ràng về thu hồi tài sản và có thể thấy rằng không có hiệp ước nào khác đề cập đến thuật ngữ này theo tên gọi⁵¹. Điều này cho thấy sự phức tạp trong việc thống nhất một khái niệm pháp lý toàn cầu.

⁴⁹ Viện Ngôn ngữ học (2018), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Hồng Đức, tr.1212.

⁵⁰ Bruan A.Garner (2009), *Black Law Dictionary*, West Publisher, tr. 1388.

⁵¹ Neil Boister (2012), *Introduction to Transnational Criminal Law*, Oxford University Press, Oxford, tr.236.

Tuy nhiên, nhiều tổ chức quốc tế đã dần đạt được sự đồng thuận đáng kể về thu hồi tài sản. Tổ chức minh bạch quốc tế⁵² định nghĩa: *“Thu hồi tài sản là quy trình pháp lý mà qua đó một quốc gia, chính phủ và/hoặc công dân của quốc gia đó khôi phục các nguồn lực và tài sản khác đã bị đánh cắp do tham nhũng từ một cơ quan tài phán khác”*.

Lực lượng Đặc nhiệm Hành động Tài chính (FATF)⁵³ cũng đưa ra khái niệm thu hồi tài sản có nghĩa là *“trả lại, hồi hương hoặc chia sẻ số tiền bất hợp pháp thu được ở nước ngoài”*⁵⁴.

Trong một báo cáo chung năm 2011, OECD, Sáng kiến thu hồi tài sản bị đánh cắp (StAR) của Ngân hàng Thế giới và Cơ quan phòng chống tội phạm và ma túy của Liên hợp quốc (UNODC) đã mô tả tương tự việc thu hồi tài sản là *“quá trình truy tìm, phong tỏa và trả lại tài sản bất hợp pháp do phạm tội mà có cho quốc gia yêu cầu”*.⁵⁵

Theo Agatino Camarda và Jackson Oldfield: *“Thu hồi tài sản là quá trình xác định, thu giữ và trả lại những tài sản bị công chức đánh cắp từ nước này và chuyển sang nước khác. Đây là một quá trình phức tạp và kéo dài, nhưng nó là một phần cơ bản của việc chống lại, trừng phạt đối với tham nhũng và mang lại công lý cho các nạn nhân của tham nhũng”*⁵⁶.

Theo các phân tích ở trên, các định nghĩa về thu hồi tài sản là tương đối đầy đủ và thống nhất. Mặc dù vậy, khái niệm thu hồi tài sản còn được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau, tùy thuộc vào cách tiếp cận, mục đích nghiên cứu và yêu cầu giải quyết vấn đề cần nghiên cứu. Việc xác định rõ ràng thu hồi tài sản do phạm tội mà có là yếu tố then chốt, thành công của hợp tác quốc

⁵² Tổ chức minh bạch quốc tế là một phong trào toàn cầu hoạt động tại hơn 100 quốc gia nhằm chấm dứt tình trạng tham nhũng.

⁵³ Lực lượng Đặc nhiệm Hành động Tài chính (FATF) là cơ quan giám sát hoạt động rửa tiền và tài trợ khủng bố toàn cầu. Cơ quan liên chính phủ đặt ra các tiêu chuẩn quốc tế nhằm ngăn chặn các hoạt động bất hợp pháp này và tác hại mà chúng gây ra cho xã hội.

⁵⁴ FATF (2012), *Best Practices on Confiscation (Recommendations 4 and 38) and A Framework For Ongoing Work on Asset Recovery*, tr.1.

⁵⁵ OECD,IBRD/World Bank (2011), *Tracking Anti-Corruption and Asset Recovery Commitments, Stolen Asset Recovery Initiative*, tr.23.

⁵⁶ Camarda, A. and Oldfield, J. (2019) “The Stolen Wealth Opportunities and challenges for civil society in asset recovery”, *Friedrich-Ebert-Stiftung Journal*, tr.17.

tế trong việc thu hồi tài sản. Nếu không có một định nghĩa chung về thu hồi tài sản do phạm tội mà có thì hoạt động hợp tác quốc tế giữa các quốc gia và các chủ thể khác của luật quốc tế không thể mang lại hiệu quả tối ưu. Tác giả cho rằng một định nghĩa chính xác và khách quan về thu hồi tài sản do phạm tội mà có là vô cùng quan trọng trong việc xây dựng chính sách thu hồi tài sản. Định nghĩa khách quan về thu hồi tài sản do phạm tội mà có là tiền đề và then chốt trước hết trong cuộc chiến chống tội phạm. Tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, tội phạm tham nhũng, rửa tiền...là những thách thức mang tính toàn cầu, đòi hỏi sự phối hợp, hợp tác quốc tế sâu rộng giữa các quốc gia. Hiểu được sự tương đồng và khác biệt trong quan điểm về thu hồi tài sản do phạm tội mà có giữa các quốc gia và trong các điều ước quốc tế, khu vực đóng vai trò quan trọng. Điều này giúp tìm ra, xác định các rào cản, nguyên nhân, từ đó thu hẹp sự khác biệt, khoảng cách và tiến tới sự đồng thuận trên phạm vi toàn cầu trong một công ước chung nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác trong việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có giữa các quốc gia bắt đầu với việc phát triển một định nghĩa chung. Định nghĩa khách quan của việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có không phải là một nghĩa vụ, mà là không thể thiếu đối với bất kỳ nỗ lực thu hồi tài sản nghiêm túc nào. Thiếu một định nghĩa về thu hồi tài sản do phạm tội mà có, rất khó để thực sự có được cuộc chiến thu hồi tài sản quốc tế được phối hợp ở bất kỳ đâu. Chỉ khi các quốc gia, tổ chức và các tổ chức quốc tế khác có sự đồng thuận về khái niệm thu hồi tài sản do phạm tội mà có thì mới có cơ sở để hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có một cách thực chất và hiệu quả. Việc xây dựng một khái niệm chung về thu hồi tài sản do phạm tội mà có đòi hỏi hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia với nhau, đảm bảo sự cân bằng, hài hòa giữa lợi ích của quốc gia và lợi ích chung của toàn nhân loại. Nguyên nhân cơ bản của sự thiếu đồng thuận về định nghĩa toàn cầu về thu hồi tài sản do phạm tội mà có không phải xuất phát từ cách hiểu khác nhau về thu hồi tài sản do phạm tội mà có, mà là từ sự khác biệt về lợi

ích chính trị, lợi ích kinh tế. Vì vậy, để xây dựng một định nghĩa chung về thu hồi tài sản do phạm tội mà có, các quốc gia cần ưu tiên lợi ích chung, sự thịnh vượng, hòa bình ổn định và của toàn cầu nên là trọng tâm hàng đầu.

Tuy nhiên, để làm rõ hơn, luận án sử dụng thuật ngữ “*thu hồi tài sản do phạm tội mà có*” để chỉ mục tiêu: (1) Xác định, truy tìm, ngăn chặn việc di chuyển tài sản do phạm tội mà có và (2) Đảm bảo rằng tài sản do phạm tội mà có được tịch thu và trả lại cho quốc gia yêu cầu. Quốc gia yêu cầu được hiểu là quốc gia khởi nguồn của hành vi phạm tội hoặc quốc gia nơi tài sản do phạm tội mà có bị lấy đi. Được định nghĩa theo cách này, thu hồi tài sản do phạm tội mà có là một chủ đề không chỉ được điều chỉnh trong các điều ước quốc tế về phòng chống tội phạm, phòng chống tham nhũng mà còn trong công cụ hợp tác quốc tế khác trong lĩnh vực hình sự. Từ các mục tiêu trên có thể đưa ra khái niệm thu hồi tài sản do phạm tội mà có như sau: “*Thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong hợp tác quốc tế là quá trình xác định, truy tìm, phong tỏa, tịch thu và trả lại bất kỳ tài sản nào có nguồn gốc hoặc có được một cách trực tiếp hay gián tiếp từ việc phạm tội cho quốc gia yêu cầu*”.

Có thể hiểu hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là việc các cơ quan có thẩm quyền, căn cứ pháp luật trong nước và điều ước quốc tế hoặc nguyên tắc có đi có lại, phối hợp, giúp đỡ cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong việc xác định, truy tìm, phong tỏa, tịch thu tài sản do phạm tội mà có. Mục tiêu là đáp ứng nhu cầu hợp tác và tăng cường quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia, hướng tới mục tiêu chung là sự phát triển bền vững của cộng đồng quốc tế. Dựa trên cơ sở pháp lý là pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia, hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có được thực hiện khi có các thỏa thuận pháp lý giữa các quốc gia (điều ước quốc tế đa phương, khu vực và các hiệp định song phương). Các điều ước quốc tế đóng vai trò nền tảng, làm cơ sở pháp lý cho việc hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau giữa các quốc gia trên phạm vi toàn cầu. Trên cơ sở đó, các quốc gia tiến hành xây dựng và ký kết các hiệp định song phương về hợp tác quốc tế

trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Song song với đó là việc tiến hành nội luật hóa các thỏa thuận quốc tế của các quốc gia trong hệ thống pháp luật của mình tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động hợp tác, đấu tranh tội phạm liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Do đặc thù diễn ra ở nhiều lĩnh vực khác nhau với những hoạt động đa dạng nên hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có diễn ra dưới những hình thức nhất định. Hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có được thực hiện với mục đích rõ ràng, nhằm đấu tranh tội phạm, giải quyết nhanh chóng, khách quan, hiệu quả, triệt để về tài sản do phạm tội mà có, đảm bảo quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi quốc gia trên phạm vi toàn thế giới. Bên cạnh đó, hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có còn hướng tới việc tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa các quốc gia. Để đạt được mục đích này, đòi hỏi các quốc gia phải thiện chí, nỗ lực trong các hoạt động hợp tác quốc tế. Từ những phân tích đặc điểm trên, khái niệm hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là *“việc các cơ quan có thẩm quyền của một quốc gia và các cơ quan có thẩm quyền của một quốc gia khác phối hợp, giúp đỡ, hỗ trợ nhau trong việc xác định, truy tìm, phong tỏa, tịch thu và trả lại bất kỳ tài sản do phạm tội mà có cho quốc gia yêu cầu nhằm phục vụ yêu cầu điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.”* Về bản chất, hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là quan hệ đối ngoại có tính pháp lý giữa các cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia hợp tác trên cơ sở thỏa thuận, thống nhất chung. Mục tiêu là để thực hiện các hoạt động thu hồi, chuyển giao tài sản do phạm tội mà có từ quốc gia này sang quốc gia đối tác.

Qua khái niệm về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có ở trên, có thể thấy pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đó trong phối hợp, giúp đỡ lẫn nhau để phát hiện, xác định, truy tìm, thu giữ và trả lại tài sản do phạm tội mà có cho quốc gia yêu cầu nhằm mục đích giải quyết triệt để các vụ án hình sự có liên quan. Ở

Việt Nam, cơ sở pháp lý điều chỉnh hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có được hình thành từ nhiều văn bản pháp luật thuộc nhiều ngành Luật khác nhau, cùng với việc nội luật hóa các điều ước đa phương và song phương mà Việt Nam ký kết tham gia tạo nên hệ thống quy định đa dạng. Hoạt động hợp tác này hỗ trợ đắc lực cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thi hành bản án hoặc quyết định của tòa án hình sự có thẩm quyền. Xuất phát từ việc pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là một bộ phận của hệ thống pháp luật quốc gia và chịu ảnh hưởng bởi các công ước, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. Do đó, pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có vừa mang những đặc điểm chung của pháp luật Việt Nam, vừa sở hữu những dấu hiệu đặc thù để phân biệt với các quy phạm pháp luật khác.

Thứ nhất, đặc điểm về đối tượng điều chỉnh: Pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và của nước ngoài phối hợp, giúp đỡ lẫn nhau để tiến hành các hoạt động phát hiện, xác định, truy tìm, thu giữ và trả lại tài sản do phạm tội mà có. Hoạt động này phục vụ cho quá trình tố tụng hình sự, bao gồm điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án nhằm giải quyết triệt để các vụ án hình sự.

Thứ hai, đặc điểm về phương pháp điều chỉnh: Phương pháp điều chỉnh của pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là phương pháp điều chỉnh tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, sử dụng đồng thời nhiều biện pháp để đạt hiệu quả cao nhất. Nền tảng được xây dựng dựa trên cơ sở phù hợp với pháp luật quốc tế, đồng thời xem xét đến điều kiện thực tế trong nước. Mục tiêu là đảm bảo tính khả thi, hiệu quả và sự phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam khi tham gia vào quá trình phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để tiến hành các hoạt động phát hiện, xác định, truy tìm, thu giữ và trả lại tài sản do

phạm tội mà có. Bên cạnh đó, pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có cũng sử dụng phương pháp trao quyền cho các chủ thể tham gia một phạm vi quyền hạn, đồng thời xác định nghĩa vụ tương ứng của các chủ thể khác. Điều này đảm bảo mọi chủ thể tôn trọng quyền hạn của nhau trong quá trình thực thi, góp phần vào thành công chung của hoạt động hợp tác trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Thứ ba, đặc điểm về phạm vi điều chỉnh: Dù không phải là một ngành luật độc lập ở Việt Nam nhưng pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có xác định rõ việc ủy thác và đại diện cho quốc gia khác trong thực thi quyền tư pháp. Theo đó, một bên chủ thể của pháp luật về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực TTHS nói chung, trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có nói riêng đại diện cho quốc gia, gồm Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia yêu cầu. Chủ thể này thực hiện chức năng nhà nước trong TTHS nhằm thu hồi tài sản do phạm tội mà có liên quan đến vụ việc trên lãnh thổ quốc gia của mình. Trên cơ sở xác định rõ phạm vi hợp tác quốc tế trong TTHS và xuất phát từ chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp theo nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND gắn liền với quá trình tố tụng hình sự, từ khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; quá trình này về cơ bản cũng tương ứng các giai đoạn của hoạt động thu hồi tài sản do phạm tội mà có, từ truy tìm, xác định, kê biên, phong tỏa, thu giữ, tịch thu và trao trả tài sản do phạm tội mà có. Vì vậy, BLTTHS năm 2015 đã quy định rõ trách nhiệm của VKSND tối cao với vai trò là cơ quan trung ương trong thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự và những hoạt động hợp tác quốc tế khác, bao gồm cả hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Quy định này nhất quán với Điều 64 Luật TTTP năm 2007 và các hiệp định về tương trợ tư pháp mà Việt Nam tham gia. Bên cạnh đó, BLTTHS năm 2015 cũng đã cụ thể hóa quy định cơ quan có thẩm quyền gồm Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án, các cơ quan của Kiểm lâm, các cơ quan của lực lượng Cảnh sát biên, các cơ quan của Kiểm ngư, các cơ quan của Bộ đội biên

phòng, các cơ quan của Hải quan, các cơ quan khác trong Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, các cơ quan của Công an nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Các cơ quan cụ thể được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra được quy định cụ thể tại Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015. Trong hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có thì các cơ quan trên được tiến hành các hoạt động xác định, truy tìm, phong tỏa, tạm giữ, tịch thu, trả lại tài sản do phạm tội mà có.

Thứ tư, đặc điểm về nguồn: Pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có được xây dựng trên nền tảng đa nguồn, bao gồm tập quán quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia và pháp luật quốc gia. Pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có có tính thống nhất, thể hiện ở sự đồng bộ, nhất quán và phù hợp giữa các quy định pháp luật liên quan đến hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này. Đồng thời, pháp luật Việt Nam bảo đảm sự tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có hiệu quả.

Thứ năm, đặc điểm về hiệu lực: Tính quy phạm là đặc trưng vốn có của pháp luật, điều này đúng với cả pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Pháp luật bản chất là hệ thống các quy tắc, khuôn mẫu chung, có tính chuẩn mực, áp dụng cho mọi chủ thể trong xử sự, thực hiện. Các quy định của pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có mang tính bắt buộc. Mọi chủ thể có thẩm quyền, chủ thể tiến hành tố tụng phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật khi thực hiện các hoạt động liên quan đến hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Việc chấp hành nghiêm chỉnh các quy định là yêu cầu bắt buộc để đảm bảo hiệu quả và tính pháp lý của quá trình hợp tác.

Pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có do Nhà nước ban hành hoặc ghi nhận nên mang tính quyền lực, bắt buộc chung. Nói cách khác, pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có thể hiện ý chí của Nhà nước. Thông qua pháp luật, Nhà nước cho phép các chủ thể có thẩm quyền được tiến hành, thực hiện hoạt động nhất định để hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Tính bắt buộc thể hiện ở việc pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có quy định các cơ quan có thẩm quyền khi tiến hành hoạt động hợp tác quốc tế phải thực hiện đầy đủ, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục...theo quy định của pháp luật trong nước của quốc gia yêu cầu và quốc gia được yêu cầu trên cơ sở phải bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan, đồng thời tuân thủ nguyên tắc tôn trọng tôn trọng chủ quyền quốc gia và pháp luật quốc tế. Điều này thể hiện hiệu lực về phạm vi không gian của pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có không chỉ bó hẹp trong pháp luật quốc gia mà còn cả trong pháp luật quốc tế và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Việc không tuân thủ các quy định của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có trước hết gây tác động không mong muốn trong quan hệ ngoại giao và pháp luật quốc tế, ảnh hưởng đến vị thế, uy tín của Nhà nước trong hợp tác quốc tế và ảnh hưởng đến tính nghiêm minh của pháp luật, chất lượng, hiệu quả của việc hoạt động hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có không chỉ được Nhà nước ban hành hoặc ghi nhận mà còn được bảo đảm cho pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có được thực hiện nghiêm chỉnh. Các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trong phạm vi trách nhiệm được giao, hợp tác và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Việc thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm

tội mà có còn được củng cố thông qua các quy định về tổ chức hoạt động, trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan tố tụng như Cơ quan điều tra, Tòa án, Viện kiểm sát...Các cơ quan này phối hợp chặt chẽ với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong quá trình thực thi công vụ, nhằm mục tiêu thu hồi hiệu quả tài sản do phạm tội mà có.

Từ những phân tích trên, có thể đưa ra khái niệm pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có như sau: *“Pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là tổng hợp các quy phạm pháp luật do Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện, điều chỉnh quan hệ phối hợp, giúp đỡ lẫn nhau giữa cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để tiến hành các hoạt động xác định, truy tìm, phong tỏa, tịch thu và trả lại tài sản do phạm tội mà có cho quốc gia yêu cầu để phục vụ yêu cầu điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án nhằm giải quyết vụ án hình sự trên cơ sở tôn trọng chủ quyền quốc gia, bình đẳng, cùng có lợi và tuân thủ pháp luật quốc tế”*.

1.2. Nội dung pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có quy định về nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn, phương thức cho các hoạt động cụ thể được điều chỉnh bao gồm trao đổi, thu thập thông tin, phòng ngừa, phát hiện, chuyển giao tài liệu, chứng cứ liên quan đến tài sản do phạm tội mà có cần phải thu hồi; các trường hợp từ chối yêu cầu tương trợ; phong tỏa, tịch thu tài sản do phạm tội mà có...Các quy định này liên quan đến nhiều loại hình tố tụng khác nhau và gắn với việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật. Thông qua đó các bên có thể thực hiện các nội dung hợp tác trong mọi giai đoạn để thu hồi tài sản do phạm tội mà có, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, các quy định của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có ghi nhận bằng các hình thức luật định về nghĩa vụ quốc tế của quốc gia trong hoạt động hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Theo đó, nội dung này gồm quy định về đàm phán, ký kết và gia nhập các điều ước quốc tế liên quan đến hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có và nội luật hóa các quy định này, ghi nhận tập quán quốc tế về nguyên tắc có đi có lại, miễn trừ trách nhiệm quốc gia trong hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có để đảm bảo tính tương thích.

Việc chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế đòi hỏi với tư cách là quốc gia thành viên, Việt Nam phải áp dụng mọi biện pháp cần thiết để thực hiện các nghĩa vụ mà điều ước quốc tế đặt ra. Thông thường việc áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế thường chỉ khả thi khi điều ước quốc tế có các điều khoản, quy định đã đủ cụ thể, rõ ràng, chi tiết, sẵn sàng để thực hiện ngay lập tức. Đối với các điều ước quốc tế chỉ thiết lập các quy định chung mang tính nguyên tắc hoặc định hướng chung, không thể áp dụng trực tiếp ngay thì việc nội luật hóa trở nên cần thiết thông qua việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới. Mục đích của nội luật hóa pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có hướng tới sự hài hòa hóa, sự tương thích giữa pháp luật quốc gia với các quy định của điều ước quốc tế. Quá trình này không chỉ giúp các quy định của pháp luật quốc tế dễ dàng áp dụng và tiếp cận trong từng điều kiện cụ thể của mỗi quốc gia mà còn tạo dựng nền tảng pháp lý đồng bộ, nhất quán để thực thi hiệu quả các Công ước quốc tế liên quan về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, đảm bảo cho việc áp dụng, thực thi pháp luật, thực hiện hợp tác quốc tế hiệu quả, tránh được các xung đột trong pháp luật và áp dụng pháp luật, góp phần đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của việc đấu tranh, xử lý tội phạm. Để hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có được nhanh chóng, hiệu quả, triệt để thì khung pháp lý cho hoạt động hợp tác quốc tế đóng vai trò đặc biệt quan trọng.

Thứ hai, các quy định của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có xác định rõ chủ thể của pháp luật về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực TTHS nói chung, trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có nói riêng đại diện cho quốc gia, gồm Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia yêu cầu. Chủ thể này thực hiện chức năng nhà nước trong TTHS nhằm thu hồi tài sản do phạm tội mà có liên quan đến vụ việc trên lãnh thổ quốc gia của mình. Trong hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có thì các cơ quan trên được tiến hành các hoạt động xác định, truy tìm, phong tỏa, tạm giữ, tịch thu, trả lại tài sản do phạm tội mà có.

Thứ ba, các quy định về tương trợ tư pháp hình sự là hình thức hợp tác quốc tế để trao đổi thông tin và thu thập chứng cứ liên quan đến những nội dung tương trợ về thu hồi tài sản do phạm tội mà có mà quốc gia có thể thực hiện cho nước ngoài như tài liệu, lời khai, công cụ, phương tiện phạm tội... Tương trợ tư pháp hình sự về thu hồi tài sản do phạm tội mà có được xem xét tiến hành khi có văn bản ủy thác tư pháp của quốc gia gửi đến quốc gia khác theo những đòi hỏi, yêu cầu về mặt kỹ thuật, thủ tục và nội dung cụ thể⁵⁷. Việc tiếp nhận yêu cầu, xem xét, chấp nhận hoặc từ chối và thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự phải tuân thủ quy định của điều ước quốc tế hoặc thực hiện nguyên tắc có đi có lại, pháp luật tương ứng của quốc gia được yêu cầu bảo đảm các nguyên tắc cơ bản về bảo vệ chủ quyền quốc gia, tội phạm kép và quyền con người.⁵⁸

Để triển khai các hoạt động hợp tác nêu trên, đòi hỏi các bên phải xây dựng các phương án thực thi pháp luật chủ động, phù hợp, năng động, sáng tạo, hiệu quả đáp ứng được mọi tình huống phức tạp của tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm tham nhũng, rửa tiền... Theo đó, các bên ký kết có thể tiến hành các biện pháp cụ thể như: (1) Xây dựng hình thành bộ máy, duy trì các mối

⁵⁷ Nguyễn Ngọc Anh (2009), *Tương trợ tư pháp về hình sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Sách chuyên khảo, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr.17.

⁵⁸ Neil Boister and Robert J. Currie (2015), *Routledge Handbook of Transnational Criminal Law*, Routledge Oxford, UK, tr.121-122.

liên lạc cho hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có; (2) Xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật, quy định nhằm kiểm soát các hoạt động chuyển dịch tài sản, ngăn ngừa và phát hiện các giao dịch liên quan đến tài sản do phạm tội mà có; (3) Ban hành, sửa đổi, hoàn thiện các văn bản dưới luật quy định chi tiết để việc hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có được thực hiện thuận lợi, nhanh chóng, hiệu quả; (4) Tăng cường năng lực trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ cho những người thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có; (5) Đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ hoạt động hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có; (6) Xây dựng cơ quan đầu mối, giao lưu trao đổi kinh nghiệm hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có với các cơ quan tổ chức tương ứng của các quốc gia khác; (7) Tham gia vào các kênh tương trợ không chính thức trước, trong và sau khi gửi yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự.

1.3. Nguồn của pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Nguồn của pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có rất phong phú, hình thành từ các điều ước quốc tế mà quốc gia đã ký kết hoặc tham gia. Tập quán quốc tế cũng đóng vai trò quan trọng, đặc biệt là nguyên tắc có đi có lại trong pháp luật quốc tế được áp dụng linh hoạt trong từng vụ việc cụ thể. Ngoài ra, các văn bản quy phạm pháp luật trong nước cũng góp phần tạo nên nguồn pháp luật này, quy định rõ về thẩm quyền, hình thức, trình tự và thủ tục phối hợp, hỗ trợ giữa các cơ quan có thẩm quyền nhằm mục tiêu thu hồi tài sản do phạm tội mà có phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án một cách hiệu quả.

Về nguồn điều ước quốc tế:

Công ước Viên năm 1969 về Luật điều ước quốc tế quy định điều ước quốc tế là một thỏa thuận quốc tế được ký kết bằng văn bản giữa các quốc gia và được pháp luật quốc tế điều chỉnh. Thỏa thuận này có thể nằm trong một

văn kiện duy nhất hoặc nhiều văn kiện có liên quan, bất kể tên gọi riêng của nó là gì. Như vậy, với tư cách là nguồn cơ bản của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, điều ước quốc tế thể hiện ý chí chung của các quốc gia, ràng buộc họ về mặt pháp lý quốc tế, xây dựng trên nền tảng tự nguyện, bình đẳng. Bản chất của điều ước là sự cam kết, được thể hiện qua hình thức văn bản và chịu sự chi phối của luật quốc tế. Mục tiêu chính là thiết lập hệ thống quy tắc pháp lý ràng buộc, hay còn gọi là các quy phạm pháp luật quốc tế để ấn định, điều chỉnh hoặc chấm dứt các quyền và nghĩa vụ tương ứng giữa các quốc gia liên quan đến hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Các điều ước quốc tế này được ra đời gắn liền với sự phát triển của tội phạm từ mối nguy cơ đe dọa đối kinh tế và an ninh quốc gia đã trở thành mối đe dọa sự phát triển và an ninh quốc tế, các biện pháp đấu tranh chống tội phạm và hạn chế thất thoát về tài sản của các quốc gia do tội phạm gây ra thông qua việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có ngày càng được quốc tế hóa. Trong bối cảnh đó, các quốc gia và cộng đồng quốc tế ngày càng tăng cường hợp tác để thu hồi tài sản hiệu quả. Chính sự hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia đã tạo ra nền tảng pháp lý vững chắc cho cuộc chiến chống tội phạm và thu hồi tài sản do phạm tội mà có bằng việc ra đời của nhiều điều ước quốc tế, khu vực và song phương liên quan đến thu hồi tài sản. Thông qua các điều ước quốc tế, trách nhiệm hợp tác giữa các quốc gia đã được quy định cụ thể trong việc phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm cũng như thu hồi tài sản do hành vi phạm tội có được, bao gồm: quốc gia nơi tội phạm được thực hiện, bị thất thoát tài sản; quốc gia nơi tài sản được chuyển đến, cất giấu...

Ở phạm vi toàn cầu, đến nay cộng đồng quốc tế đã xây dựng được 04 (bốn) điều ước quốc tế làm cơ sở pháp lý cho hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, trong đó Tổ chức Hợp tác và phát triển Kinh tế (Organisation for Economic Cooperation and Development - OECD) đã có những bước đi đầu tiên liên quan đến hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà

có giữa các quốc gia ký kết Công ước về chống hối lộ công chức nước ngoài trong giao dịch kinh doanh quốc tế⁵⁹. Công ước OECD về chống hối lộ thiết lập các tiêu chuẩn ràng buộc pháp lý chặt chẽ, yêu cầu hình sự hóa hành vi hối lộ của các quan chức nước ngoài trong các giao dịch kinh doanh quốc tế và đưa ra một loạt các biện pháp hỗ trợ liên quan nhằm đảm bảo tính hiệu quả, trong đó có hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Đây là công cụ chống tham nhũng quốc tế đầu tiên, tạo cơ sở pháp lý cho các quốc gia ký kết trong việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có và hợp tác giúp đỡ lẫn nhau giữa các bên. Các quy định về tịch thu được đặt ra nhằm mục đích đảm bảo rằng mọi hành vi hối lộ phải bị trừng trị, tài sản hoặc tiền sử dụng để hối lộ phải được thu hồi thông qua sự hợp tác và trách nhiệm của mỗi quốc gia tham gia Công ước. Bản thân Công ước đã thiết lập một cơ chế giám sát mở, định hướng ngang hàng để đảm bảo việc thực hiện triệt để các nghĩa vụ quốc tế mà các quốc gia đã thực hiện theo Công ước.

Bên cạnh Công ước chống hối lộ của OECD, Liên hợp quốc cũng đã thông qua bốn Công ước liên quan đến hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Các văn bản pháp lý quốc tế đó bao gồm:

- (1) Công ước của Liên hợp quốc về chống buôn bán trái phép thuốc gây nghiện và chất hướng thần (1988);
- (2) Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (2000);
- (3) Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (2003);
- (4) Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng (2024).

Các công ước đa phương của Liên hợp quốc liên quan đến hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có khá phong phú, bao quát nhiều lĩnh vực, tạo nên nền tảng pháp lý đa dạng quy định quyền và nghĩa vụ của các quốc gia thành viên trong việc hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Quy định trong các điều ước quốc tế này đặt ra trách nhiệm hợp tác toàn diện giữa

⁵⁹ OECD (1997), Công ước về chống hối lộ công chức nước ngoài trong giao dịch kinh doanh quốc tế, xem thêm tại: http://www.oecd.org/daf/anti-bribery/ConvCombatBribery_ENG.pdf

các quốc gia được quy định bao trùm nhiều lĩnh vực như hợp tác trao đổi thông tin, ngăn chặn và phát hiện việc chuyển dịch tài sản do phạm tội mà có, hợp tác thực hiện các biện pháp thu hồi tài sản do phạm tội mà có, hợp tác hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực và các hình thức hợp tác quốc tế khác...

Các điều ước quốc tế đa phương liên quan đến hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có vừa thể hiện nỗ lực và kết quả hợp tác giữa các quốc gia trong việc xây dựng cơ sở pháp lý quốc tế để đấu tranh chống tội phạm và thu hồi tài sản do phạm tội mà có, đồng thời cũng là cơ sở pháp lý quy định trực tiếp và gián tiếp quyền và nghĩa vụ của quốc gia trong hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Các công ước trên là những phương tiện hữu hiệu thúc đẩy cho sự hợp tác sâu rộng hơn, chặt chẽ hơn, toàn diện hơn và hiệu quả hơn trong quá trình hợp tác quốc tế đấu tranh tội phạm, thu hồi tài sản do phạm tội mà có trên phạm vi toàn cầu.

Bên cạnh các điều ước quốc tế toàn cầu, còn có các văn bản pháp lý khu vực về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Đây là các văn bản pháp lý quy định việc hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có giữa các quốc gia trong cùng khu vực địa lý. Các văn bản pháp lý này là một minh chứng sống động và bổ sung quan trọng cho cơ sở pháp lý để hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có ở cấp khu vực, tạo nền tảng vững chắc cho sự hợp tác trong việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Quy định của các hiệp định, thỏa thuận khu vực liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có thể hiện sự cụ thể và chi tiết hóa vượt trội hơn so với các công ước quốc tế. Điều này phản ánh sự thích ứng với bối cảnh và đặc thù riêng biệt của từng khu vực. Ở phạm vi khu vực, khuôn khổ pháp lý được hình thành làm cơ sở pháp lý cho hoạt động hợp tác giữa Việt Nam và các thành viên khu vực Đông Nam Á (ASEAN) trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là Hiệp định của ASEAN về tương trợ tư pháp hình sự⁶⁰. Hiệp định này là điều ước quốc tế đa phương đầu tiên, đặt nền móng cho hợp tác thu hồi tài sản giữa các quốc gia

⁶⁰ ASEAN (2004), *Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự*, xem thêm tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Trach-nhiem-hinh-su/Hiep-dinh-tuong-tro-tu-phap-ve-hinh-su-72253.aspx>, truy cập ngày 03/4/2023.

thành viên ASEAN. Văn bản này minh chứng cam kết chung của các nước ASEAN trong phòng chống tội phạm nói chung và thu hồi tài sản do phạm tội mà có nói riêng. Có hiệu lực từ 20/9/2005, Hiệp định đã được tất cả các nước ASEAN phê chuẩn cho đến nay. Với 32 điều khoản, quy định chi tiết các nội dung quan trọng, trong đó tương trợ tư pháp liên quan đến tài sản do phạm tội mà có được quy định tại Điều 1 về phạm vi tương trợ bao gồm: khám xét, thu giữ tài sản; kiểm tra đồ vật và địa điểm; xác định hoặc truy tìm tài sản do phạm tội mà có và phương tiện phạm tội; thu hồi, tịch thu tài sản do phạm tội mà có; hạn chế giao dịch đối với tài sản hoặc phong tỏa tài sản có được từ việc thực hiện tội phạm có thể bị thu hồi hoặc tịch thu.

Ở phạm vi song phương, các hiệp định tương trợ tư pháp hình sự giữ vai trò chủ đạo, được ký kết giữa Việt Nam với các quốc gia trên thế giới. Các hiệp định này tạo hành lang pháp lý trực tiếp, thúc đẩy hợp tác và hỗ trợ giữa Việt Nam và các quốc gia đối tác trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự, đặc biệt là thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Tương tự như các điều ước quốc tế đa phương, các hiệp định tương trợ tư pháp song phương chứa đựng các điều khoản bắt buộc, quy định rõ nghĩa vụ tương trợ của các bên ký kết, quy trình và thủ tục mà các cá nhân, cơ quan có thẩm quyền phải tuân thủ khi thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Các biện pháp cụ thể như trao đổi thông tin và tương trợ tư pháp được quy định nhằm thúc đẩy đấu tranh chống tội phạm và thu hồi tài sản do phạm tội mà có một cách hiệu quả. Đến nay, Việt Nam đã ký kết 30 hiệp định song phương về tương trợ tư pháp về hình sự với các quốc gia trên thế giới, đánh dấu sự nỗ lực không ngừng trong việc mở rộng hợp tác quốc tế. Việc đàm phán và ký kết các Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau giữa các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và các quốc gia đối tác. Các hiệp định này tạo cơ sở pháp lý vững chắc, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xử lý nhanh các yêu cầu tương trợ tư pháp về thu hồi tài sản do phạm tội mà có, góp phần tích cực vào việc giải quyết các vấn đề phát sinh từ vụ án hình sự.

Về nguồn tập quán quốc tế:

Bên cạnh nguồn thành văn, tập quán quốc tế cũng có vai trò quan trọng trong quá trình điều chỉnh quan hệ hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. So với điều ước quốc tế, tập quán quốc tế hình thành sớm hơn, khởi nguồn từ những quy tắc do một hay một số quốc gia đưa ra và áp dụng trong quan hệ với nhau. Qua thời gian dài áp dụng rộng rãi, được cộng đồng quốc tế thừa nhận, các quy tắc này dần chuyển hóa thành những quy phạm pháp lý quốc tế. Sự thừa nhận rộng khắp biến những hành vi thông lệ thành tập quán quốc tế, có giá trị ràng buộc pháp lý tương tự các điều ước quốc tế.

Có đi có lại với tính chất là một nguyên tắc cơ bản của tập quán quốc tế được áp dụng rộng rãi trong hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Theo đó, một quốc gia thực hiện các nghĩa vụ, quyền lợi hoặc ưu đãi với quốc gia khác dựa trên việc quốc gia kia cũng đáp ứng hoặc cung cấp sự hỗ trợ tương tự đối với quốc gia mình. Điều này đảm bảo sự công bằng và cân bằng trong mối quan hệ hợp tác giữa các quốc gia.

Từ đó có thể thấy, tập quán quốc tế là kết quả của quá trình thực tiễn áp dụng lâu dài và liên tục trong quan hệ quốc tế. Các quy tắc ứng xử chung dần định hình, được cộng đồng quốc tế chấp nhận rộng rãi. Do đó, tập quán quốc tế trở thành những quy tắc pháp lý mang tính ràng buộc. Khi đã được thừa nhận rộng rãi, tập quán quốc tế trở thành nguồn của pháp luật quốc tế có hiệu lực pháp lý, các quốc gia phải tuân thủ như các quy phạm pháp luật khác, thể hiện sự phát triển linh hoạt, thích ứng của pháp luật quốc tế với thực tiễn toàn cầu.

Về nguồn pháp luật quốc gia:

Nguồn pháp luật quốc gia về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội là sự kết hợp đồng bộ các văn bản quy phạm pháp luật (bộ luật, luật, nghị quyết, nghị định, thông tư...) trong nước điều chỉnh về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Hệ thống các văn bản này điều chỉnh toàn diện từ thẩm quyền, nguyên tắc, cơ chế, hình thức, trình tự và

thủ tục phối hợp, hỗ trợ giữa các cơ quan có thẩm quyền nhằm mục tiêu thu hồi tài sản do phạm tội mà có phục vụ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án. Đồng thời, các văn bản quy phạm pháp luật này phải bảo đảm sự tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có hiệu quả.

1.4. Các nguyên tắc của pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Các nguyên tắc của pháp luật hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là những tư tưởng chính trị, pháp lý mang tính chỉ đạo, có tính giá trị bắt buộc chung được ghi nhận trong các điều ước và tập quán quốc tế. Chúng chịu ảnh hưởng của cả hệ thống pháp luật quốc tế và quốc gia, nhằm ổn định quan hệ quốc tế và thiết lập chuẩn mực xử sự giữa các quốc gia cũng như các chủ thể khác của luật quốc tế trong quá trình hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Là một bộ phận của pháp luật Việt Nam, pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có trước hết phản ánh đầy đủ các phương châm, định hướng chi phối hoạt động hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, vốn được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật trong nước. Đồng thời, nó cũng tuân thủ các nguyên tắc đặc thù của pháp luật quốc tế liên quan đến hoạt động này.

Pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia đã hình thành hệ thống các nguyên tắc hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Hai hệ thống nguyên tắc này liên kết mật thiết, chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau, thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế đóng vai trò là chuẩn mực để đánh giá tính hợp pháp của toàn bộ hệ thống quy phạm pháp lý quốc tế. Đồng thời, chúng có ý nghĩa then chốt trong việc định hướng hành vi của các quốc gia khi hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Sự kết hợp này đảm bảo tính hiệu quả và tuân thủ pháp luật

trong quá trình hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, góp phần vào việc thực thi công lý và bảo vệ trật tự pháp luật quốc tế. Việc tuân thủ các nguyên tắc này là yếu tố then chốt để đạt được sự hợp tác tin cậy, hiệu quả và bền vững giữa các quốc gia trong cuộc chiến chống tội phạm và thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

1.4.1. Các nguyên tắc chung của pháp luật quốc tế

Trong phần Điều khoản chung của Tuyên bố của Đại hội đồng Liên hợp quốc ngày 24/10/1970 về những nguyên tắc của luật pháp quốc tế trong mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các quốc gia, phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc có một tuyên bố bổ sung quan trọng. Văn kiện này nhấn mạnh: *“Những nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc được ghi nhận trong Tuyên bố này sẽ là những nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế và vì thế kêu gọi tất cả các quốc gia áp dụng những nguyên tắc đó trong thực hiện các quan hệ quốc tế và phát triển các quan hệ quốc tế tương ứng trên cơ sở triệt để tuân thủ những nguyên tắc này”*. Trước đó, một số nguyên tắc được coi là cơ bản của luật quốc tế, được Tuyên bố của Đại hội đồng Liên hợp quốc kêu gọi mọi quốc gia tuân thủ triệt để trong quan hệ quốc tế bao gồm: Nguyên tắc tôn trọng độc lập và chủ quyền, không can thiệp vào các vấn đề thuộc thẩm quyền của các quốc gia khác, phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc; Các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với các quốc gia khác; Nguyên tắc các quốc gia thực hiện với sự thiện chí các nghĩa vụ của mình phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc.

Hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là một trong những hoạt động thuộc đối tượng điều chỉnh của luật quốc tế, do đó các nguyên tắc của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có trước tiên cũng bao gồm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế nói chung, đặc biệt là nguyên tắc bình đẳng tôn trọng độc lập chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, nguyên tắc thiện chí thực hiện các nghĩa vụ quốc tế.

- Nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau

Chủ quyền quốc gia là khái niệm nền tảng trong luật quốc tế, được xem là quyền nguyên gốc về mặt pháp lý theo nghĩa tất cả các quyền và tự do của mọi quốc gia đều xuất phát từ quyền nguyên gốc này⁶¹. Chủ quyền quốc gia là thuộc tính chính trị - pháp lý không thể tách rời của quốc gia⁶², biểu thị quyền lực tối cao và toàn diện của một quốc gia trên lãnh thổ được xác định, đồng thời khẳng định quyền độc lập của quốc gia trong quan hệ với các quốc gia khác trên trường quốc tế. Trong quan hệ quốc tế, quyền độc lập của mỗi quốc gia thể hiện qua khả năng tự định đoạt mọi vấn đề đối nội và đối ngoại, không bị ảnh hưởng bởi bất kỳ sự ép buộc hay can thiệp nào từ chủ thể nào khác, quyền tham gia, thiết lập quan hệ, ngoại giao, ký kết điều ước quốc tế, tất cả đều dựa trên cơ sở tôn trọng chủ quyền của các quốc gia khác trong cộng đồng quốc tế.

Trong khuôn khổ pháp lý về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau được coi là nguyên tắc cốt lõi, chi phối mọi hoạt động. Nguyên tắc này đóng vai trò then chốt, định hướng tiên quyết khi xây dựng và thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này phải dựa trên sự tôn trọng chủ quyền giữa các quốc gia liên quan. Các bên tham gia cam kết luôn bảo đảm vấn đề độc lập, an ninh chủ quyền của quốc gia, tránh mọi hành vi xâm phạm đến nền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của nhau. Chính vì vậy, trên thực tế, đây được coi là nguyên tắc xuất phát điểm, nền tảng cơ bản, định hình sự hợp tác ở mọi cấp độ, từ song phương đến khu vực và toàn cầu, nhằm mục tiêu hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Sự

⁶¹ Trần Hữu Duy Minh, *Chủ quyền quốc gia*, xem thêm tại <https://iuscogens-vie.org/2017/03/15/05/>, truy cập ngày 30/4/2023.

⁶² Lê Thị Lan Phương (2025), Pháp luật về chủ quyền quốc gia trên không gian mạng, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, xem thêm tại <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/01/07/phap-luat-ve-chu-quyen-quoc-gia-tren-khong-gian-mang/>, truy cập ngày 30/4/2023.

tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc này đảm bảo tính hợp pháp và bền vững của quá trình hợp tác, đồng thời củng cố lòng tin giữa các quốc gia.

Trong khuôn khổ hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, các quốc gia sẽ tuân thủ nghĩa vụ theo cách thức phù hợp với các nguyên tắc về tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào nội bộ của nhau. Khi một quốc gia nhận được yêu cầu hợp tác về thu hồi tài sản do phạm tội mà có thì có toàn quyền quyết định chấp nhận hoặc từ chối yêu cầu đó, dựa trên ý chí độc lập. Để bảo vệ chủ quyền, quốc gia được yêu cầu có thể từ chối hợp tác nếu việc này gây tổn hại đến quyền, lợi ích hợp pháp hoặc chủ quyền của quốc gia. Quyết định từ chối yêu cầu hợp tác phải được đưa ra một cách thận trọng và khách quan, dựa trên cơ sở pháp lý rõ ràng. Trong trường hợp yêu cầu hợp tác quốc tế bị từ chối, quốc gia yêu cầu không được phép thực hiện bất kỳ hành động nào trên lãnh thổ của quốc gia từ chối. Việc này nhằm đảm bảo sự tôn trọng chủ quyền và quyền tự quyết của mỗi quốc gia trong quá trình hợp tác quốc tế.

Tuy nhiên, nguyên tắc này không có nghĩa là chủ quyền quốc gia là sự tự do tuyệt đối, không có giới hạn trong các hoạt động của các quốc gia trong hợp tác quốc tế. Bởi nếu như các quốc gia quá tuyệt đối hóa chủ quyền của quốc gia mình thì sẽ rất khó để có thể triển khai các nội dung hợp tác trên cả hai phương diện sâu và rộng⁶³. Trong khi việc hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có luôn đòi hỏi sự cởi mở và thiện chí từ tất cả các quốc gia liên quan. Do đó, mỗi nội dung hợp tác cần xem xét tương quan với chủ quyền quốc gia khác để việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có đạt được hiệu quả tối ưu nhất.

- Nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi

Trong hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản phạm tội, nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi đóng vai trò then chốt. Chúng định hình mối quan hệ hợp tác giữa các quốc gia, đảm bảo tính công bằng và hiệu quả. Việc tuân thủ hai

⁶³ Đỗ Quý Hoàng (2021), Pháp luật quốc tế trong hợp tác đấu tranh phòng chống tội phạm công nghệ cao – Những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr.59.

nguyên tắc này giúp điều chỉnh quan hệ, tạo nền tảng vững chắc cho sự thành công của hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, đảm bảo sự công bằng và hiệu quả trong hợp tác giữa các quốc gia.

Nguyên tắc bình đẳng đảm bảo rằng trong quan hệ hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, không quốc gia nào được ưu tiên hay bị áp đặt, mọi quốc gia đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc tham gia xây dựng pháp luật quốc tế và ký kết điều ước quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Nguyên tắc cùng có lợi (hay hợp tác cùng có lợi) đảm bảo sự hợp tác giữa các quốc gia trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có phải mang lại quyền lợi và lợi ích cho tất cả các bên, nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững và ổn định trong quan hệ quốc tế. Hợp tác cùng có lợi là nhu cầu khách quan của tất cả các quốc gia, dân tộc vì sự phát triển và tiến bộ⁶⁴. Mỗi quốc gia khi hợp tác phải bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia mình trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế và lợi ích chung của cộng đồng quốc tế, tránh các hành động vì lợi ích cục bộ, dân tộc chủ nghĩa cực đoan gây tổn hại đến quan hệ quốc tế.

Nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi được coi là nền tảng cơ bản, thể hiện qua các quyền và nghĩa vụ ngang nhau của mỗi quốc gia. Mọi quốc gia, với quyền và nghĩa vụ tương đương, cần tránh áp đặt ý chí lên các quốc gia khác bằng biện pháp kinh tế, chính trị, ngoại giao hay quân sự. Sự tôn trọng này củng cố mối quan hệ hợp tác trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có được bền vững và phát triển. Đồng thời, hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có đòi hỏi sự công bằng, phải đảm bảo cho các bên tham gia đều có lợi ích là thu hồi tài sản do phạm tội mà có một cách hiệu quả, nhanh chóng.

- *Nguyên tắc thiện chí thực hiện các nghĩa vụ quốc tế*

Xuất phát điểm của nguyên tắc này là nguyên tắc thiện chí thực thi các điều ước quốc tế – nguyên tắc *pacta sunt servanda*. Nguyên tắc *pacta sunt*

⁶⁴ Lý Việt Quang (2018), Quan điểm của Hồ Chí Minh về hợp tác cùng có lợi giữa các quốc gia, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tr.69.

servanda đã tồn tại lâu đời trong luật pháp quốc tế – có thể xem là “nguyên tắc lâu đời nhất của luật pháp quốc tế”⁶⁵. Nguyên tắc này là một nguyên tắc cơ bản của luật điều ước quốc tế⁶⁶, được xem là một quy định có tính chất “hiến định” điều chỉnh việc thực thi tất cả các điều ước quốc tế trong luật quốc tế. Điều 26 của Công ước Viên về Luật điều ước quốc tế năm 1969 ghi nhận lại nguyên tắc này như sau: “*Mỗi điều ước quốc tế đang có hiệu lực đều ràng buộc các bên thành viên của điều ước đó và phải được các bên thực thi một cách thiện chí*”. Nguyên tắc *pacta sunt servanda* có hai nội dung chính: (1) các điều ước quốc tế có hiệu lực ràng buộc, và (2) các bên ký kết có nghĩa vụ phải thực thi các điều ước đó một cách thiện chí⁶⁷.

Dưới góc độ khoa học pháp lý quốc tế, bản chất của quá trình hợp tác quốc tế được xem là sự đồng thuận giữa các quốc gia. Toàn bộ quá trình, từ việc xây dựng các khuôn khổ hợp tác và quy định pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có đến việc thực thi các cơ chế đảm bảo tuân thủ pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có hoàn toàn dựa trên sự tự nguyện của các chủ thể. Không giống như luật quốc gia, hợp tác quốc tế không áp dụng cơ chế cưỡng chế. Do đó, nguyên tắc tự nguyện là nền tảng để các quốc gia tuân thủ nghĩa vụ pháp lý, thực hiện cam kết quốc tế một cách tận tâm và thiện chí. Sự tồn tại của nguyên tắc này đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì trật tự pháp lý quốc tế, là cơ sở để ràng buộc quốc gia vào nghĩa vụ pháp lý phải thực hiện những cam kết quốc tế của mình một cách tận tâm, thiện chí, cũng như đảm bảo quyền và lợi ích của các bên khi tham gia hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

- Nguyên tắc có đi có lại

Hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có được thực hiện trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại, với tính chất vừa là một nguyên tắc của tập

⁶⁵ MN Shaw (2008), *International Law*, Cambridge University Press, tr.904.

⁶⁶ United Nations (1967), *Yearbook of the International Law Commission* 1966, vol. II, tr.211.

⁶⁷ Trần Hữu Duy Minh, *Nguyên tắc thiện chí thực hiện các nghĩa vụ quốc tế*, xem thêm tại <https://iuscogens-vie.org/2018/09/09/96-nguyen-tac-pacta-sunt-servanda/>, truy cập ngày 30/01/2023.

quán quốc tế về sự hợp tác trong quá trình hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có khi giữa các quốc gia chưa ký kết hoặc gia nhập các điều ước quốc tế cụ thể có liên quan tới vấn đề hợp tác thu hồi tài sản, đồng thời cũng đảm bảo nguyên tắc cùng có lợi hoặc đòi hỏi giữa các quốc gia cam kết phối hợp, giúp đỡ lẫn nhau tương ứng với lợi ích thu được từ sự hợp tác. Theo đó, trong quá trình hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, cơ quan có thẩm quyền của một quốc gia sẽ thực hiện các yêu cầu của quốc gia nếu được đảm bảo rằng phía quốc gia hữu quan cũng sẽ thực hiện yêu cầu của mình trong tương lai. Tuy nhiên, việc áp dụng nguyên tắc này cần tuân thủ luật pháp quốc gia, thông lệ quốc tế và không gây tổn hại đến quyền lợi của quốc gia khác. Sự áp dụng phải hài hòa với khuôn khổ pháp lý hiện hành, đồng thời tôn trọng lợi ích của các bên liên quan trên phạm vi toàn cầu.

Dựa trên cơ sở các nguyên tắc của pháp luật quốc tế, BLTTHS năm 2015 của Việt Nam đã nội luật hóa các nguyên tắc này, được cụ thể hóa tại Điều 492. Điều khoản này nhấn mạnh nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, nguyên tắc không can thiệp vào nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, sự tương thích, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Việt Nam cũng như các điều ước quốc tế mà CHXHCN Việt Nam là thành viên. Trong trường hợp Việt Nam chưa tham gia hoặc ký kết điều ước quốc tế có liên quan thì việc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực TTHS sẽ tuân theo nguyên tắc có đi, có lại. Đồng thời, việc này phải tuân thủ các quy định không trái với pháp luật Việt Nam, phù hợp với pháp luật quốc tế và tập quán quốc tế. Việc quy định các nguyên tắc hợp tác quốc tế trên đóng vai trò quan trọng trong việc định hình những tư tưởng mang tính chỉ đạo cần quán triệt, giúp định hướng về mặt nhận thức và hành động trong quá trình hợp tác quốc tế. Việc xác định rõ ràng các nguyên tắc này tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc, hỗ trợ thực hiện một cách thống nhất những cam kết song phương và đa phương liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có mà Việt Nam đã ký kết và gia nhập.

1.4.2. Các nguyên tắc đặc thù

- Nguyên tắc tuân thủ đường lối đối ngoại, chính sách pháp luật và chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước

Nguyên tắc tuân thủ đường lối đối ngoại, chính sách pháp luật và chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có phản ánh sự nhất quán trong chủ trương, chính sách nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia, đảm bảo hiệu quả và tính pháp lý trong hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Tuân thủ đường lối đối ngoại: Quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, bên cạnh việc có nhiều cơ hội phát triển nhưng cũng đặt ra nhiều nguy cơ và thách thức trong đó có tình hình tội phạm xuyên quốc gia như ma túy, rửa tiền, khủng bố quốc tế, mua bán người và các vấn đề an ninh phi truyền thống khác ngày càng diễn biến phức tạp. Vì vậy, việc tăng cường hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới luôn được xem là ưu tiên hàng đầu, trọng tâm trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định làm bạn với tất cả các nước, coi trọng tình hữu nghị và hợp tác với các nước láng giềng; mở rộng ngoại giao với các nước trong khu vực và trên thế giới⁶⁸. Thực hiện đường lối đối ngoại đó, pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có cần phải tăng cường, mở rộng về phạm vi với nhiều quốc gia trên thế giới. Việc tuân thủ đường lối đối ngoại giúp Việt Nam duy trì độc lập, tự chủ trong hợp tác giải quyết thu hồi tài sản do phạm tội mà có, đồng thời tăng cường uy tín, vị thế trên trường quốc tế.

Tuân thủ chính sách pháp luật của Việt Nam trong hợp tác quốc tế đóng vai trò trung tâm, đảm bảo sự hài hòa giữa pháp luật quốc gia và quốc tế trong quá trình xây dựng pháp luật và thực hiện hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Xuất phát từ lý do trong quá trình hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, các quốc gia phải tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế, các điều ước quốc tế liên quan đến thu hồi tài sản, việc hợp tác giữa các quốc gia, khu vực này không làm phương hại đến quan hệ quốc tế đã được thiết lập giữa các nước, khu vực khác. Nguyên tắc

⁶⁸ Lê Thị Tươi (2023), *Kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế*, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, Học viện Hành chính Quốc gia, tr.71.

này vừa bảo vệ uy tín của quốc gia trên trường quốc tế thông qua việc tuân thủ nghiêm túc các cam kết quốc tế, vừa đảm bảo sự phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế của từng quốc gia.

Tuân thủ chính sách hình sự: Đảng và Nhà nước Việt Nam đã thể hiện một quan điểm nhất quán và có những chủ trương, chính sách hình sự rõ ràng đối với vấn đề hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản, trong đó đã nhấn mạnh các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cần phải tăng cường hợp tác, chủ động phối hợp với các tổ chức quốc tế và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để thực hiện việc thu hồi tài sản⁶⁹. Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước, pháp luật hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có phải đảm bảo yêu cầu thể chế hóa kịp thời, đầy đủ các quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại, phát huy được nội lực, thể hiện được tính chủ động trong hội nhập quốc tế, thực hiện đầy đủ, phù hợp với những điều ước quốc tế và cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia. Đồng thời phải chủ động thích ứng và đổi mới, linh hoạt, năng động, sáng tạo trong từng trường hợp, tận dụng tối đa lợi thế từ môi trường quốc tế, kết hợp hài hòa với yếu tố nội tại để hợp tác có hiệu quả.

Nhiệm vụ trọng tâm là tuân thủ các cam kết quốc tế của Việt Nam đi đôi với chủ động tham gia, phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương, sử dụng hiệu quả các quy tắc, luật pháp quốc tế để phòng chống, đấu tranh tội phạm, bảo đảm lợi ích quốc gia dân tộc. Mọi hoạt động hợp tác quốc tế của Việt Nam phải bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy hợp tác phát triển toàn diện. Chính sách này bảo đảm ổn định chính trị và thúc đẩy chính sách đối ngoại hiệu quả của Đảng và Nhà nước.

⁶⁹ Đinh Văn Minh (2024), *Tăng cường hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản tham nhũng theo Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng*, Trang thông tin điện tử Ban nội chính Trung ương, xem thêm tại <https://noichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/202406/tang-cuong-hop-tac-quoc-te-trong-thu-hoi-tai-san-tham-nhung-theo-cong-uoc-lien-hop-quoc-ve-chong-tham-nhung-313916/>, truy cập ngày 10/5/2023.

- Nguyên tắc hợp tác với phạm vi rộng nhất có thể

Nguyên tắc hợp tác với phạm vi rộng nhất có thể được ghi nhận tại Điều 55 Công ước UNCAC, theo đó quốc gia thành viên nhận được yêu cầu từ một quốc gia khác có quyền tài phán đối với một tội phạm được quy định trong Công ước này về việc tịch thu tài sản do phạm tội mà có, tài sản, thiết bị hoặc công cụ khác quy định tại khoản 1, Điều 31 của Công ước này đang có trên lãnh thổ của mình, trong phạm vi rộng nhất có thể mà pháp luật quốc gia của mình cho phép.

Theo nguyên tắc này, các quốc gia thành viên sẽ tiến hành các hoạt động hợp tác với phạm vi rộng nhất có thể trong quá trình hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có trên cơ sở phù hợp với các điều ước quốc tế liên quan và pháp luật quốc gia. Cụm từ “phạm vi rộng nhất có thể” được hiểu theo hai nghĩa: (1) hợp tác trong phạm vi rộng nhất có thể trong khuôn khổ những nội dung hợp tác đã được thiết lập và (2) hợp tác vượt ra ngoài những nội dung đã được ghi nhận miễn là trong phạm vi mà các bên có thể tiến hành, trên cơ sở phù hợp với các điều ước quốc tế và pháp luật quốc gia. Hoạt động hợp tác không bị giới hạn trong khuôn khổ các nội dung đã ghi nhận trước đó, miễn sao hoạt động đó không trái với các cơ sở pháp lý đã được thiết lập, bao gồm các điều ước quốc tế, tập quán quốc tế và pháp luật quốc gia. Sự linh hoạt trong cách tiếp cận này cho phép các quốc gia ứng phó hiệu quả hơn với các thách thức mới trong lĩnh vực hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Trong hoạt động hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có, nhu cầu và nội dung hợp tác cụ thể sẽ phụ thuộc vào thực tế của từng vụ việc. Do đó, bản thân các điều ước quốc tế và pháp luật quốc gia thường chỉ đề cập đến các nội dung hợp tác phổ biến, cơ bản, thay vì dự liệu hết mọi khía cạnh hợp tác. Tính chất linh hoạt của hợp tác quốc tế đòi hỏi sự điều chỉnh phù hợp với từng tình huống cụ thể. Đặc biệt, các thủ đoạn, phương thức tẩu tán, che giấu tài sản do phạm tội mà có ngày càng tinh vi, phức tạp đòi hỏi sự hợp tác quốc tế sâu rộng hơn để theo kịp. Nhu cầu hợp tác giữa các quốc gia trong việc cập nhật, chia sẻ để thu hồi tài sản có thể vượt ra ngoài khuôn khổ pháp

lý hiện hành được ghi nhận, bao gồm cả các điều ước quốc tế và pháp luật quốc gia. Trong bối cảnh này, nếu chỉ dựa vào nội dung hợp tác hiện có, hiệu quả trong việc phát hiện, ngăn chặn hoặc thu hồi tài sản do phạm tội mà có sẽ bị hạn chế. Do đó, nguyên tắc hợp tác với phạm vi rộng nhất có thể sẽ đóng vai trò then chốt, tạo điều kiện thuận lợi cho các quốc gia phối hợp chặt chẽ, chủ động và linh hoạt hơn trong việc hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Đồng thời, nguyên tắc này khuyến khích các quốc gia mở rộng phạm vi hợp tác, không chỉ giới hạn trong các điều ước quốc tế hay pháp luật quốc gia. Các văn bản này không nên được coi là căn cứ duy nhất mà chỉ là nền tảng cơ bản, ghi nhận những nguyên tắc căn bản điều chỉnh quan hệ giữa các bên. Điều này đảm bảo rằng những hoạt động hợp tác không xâm phạm đến chủ quyền, lợi ích, an ninh của mỗi quốc gia. Thông qua nguyên tắc hợp tác với phạm vi rộng nhất, hoạt động hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có sẽ được tiến hành một cách thực sự hiệu quả, tránh mang tính hình thức và đáp ứng được yêu cầu thực tế của việc hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản. Sự linh hoạt và chủ động trong hợp tác là chìa khóa để đối phó với sự phức tạp của các hoạt động phạm pháp xuyên quốc gia, đảm bảo rằng tài sản do phạm tội mà có được thu hồi một cách triệt để.

1.5. Các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là những chuẩn mực, dấu hiệu được sử dụng để nhận biết, đánh giá được mức độ hoàn thiện của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Các tiêu chí này đóng vai trò then chốt trong việc xác định liệu hệ thống pháp luật đã đáp ứng được yêu cầu, mục tiêu đề ra hay chưa và mức độ hiệu quả của nó trong việc hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Việc xác định các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có có ý nghĩa hết sức quan trọng cả về lý luận lẫn thực tiễn.

Trong bối cảnh xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và tiến hành cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay, việc xác định các tiêu

chí này giúp định hướng quá trình sửa đổi, bổ sung, nhằm bảo đảm tính đồng bộ, khả thi và hiệu quả của hệ thống pháp luật. Điều này đặc biệt quan trọng trong lĩnh vực hợp tác quốc tế, nơi mà sự tương thích và tuân thủ các chuẩn mực quốc tế là yếu tố then chốt để đạt được thành công. Việc đánh giá dựa trên tiêu chí còn giúp nhận diện những khoảng trống pháp lý, từ đó đề xuất giải pháp khắc phục, tăng cường khả năng hợp tác quốc tế.

Để đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, các tiêu chí được chia thành các tiêu chí chung (áp dụng cho mọi lĩnh vực pháp luật) và tiêu chí riêng, đặc thù của hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Trên cơ sở những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, đồng thời dựa trên đặc điểm của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, có thể xây dựng một số tiêu chí cơ bản đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có như sau:

- Tính tương thích với pháp luật và thông lệ quốc tế

Pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có phải tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia. Điều này đồng nghĩa với việc pháp luật quốc gia phải hài hòa, phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có theo quy định của các điều ước này. Việc trở thành thành viên, nghĩa là chấp nhận sự ràng buộc của các điều ước quốc tế đòi hỏi các quốc gia thành viên, trong đó có Việt Nam phải áp dụng mọi biện pháp để thực thi các nghĩa vụ đặt ra trong điều ước quốc tế. Đối với những điều ước quốc tế chỉ đưa ra quy định chung mang tính nguyên tắc, định hướng và không thể áp dụng trực tiếp ngay thì Việt Nam cần tiến hành nội luật hóa nội dung điều ước quốc tế này vào pháp luật trong nước, nghĩa là phải sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ các văn bản pháp luật hiện hành hoặc ban hành văn bản pháp luật mới. Mục đích là để cụ thể hóa các điều khoản của điều ước quốc tế, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc triển khai và áp dụng trong thực tế, đảm bảo tuân thủ cam kết quốc tế và nâng cao hiệu quả hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Tiêu chí này đòi hỏi sự chủ động trong hội nhập quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia, tiếp thu có chọn lọc các kinh nghiệm, nội dung pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có của các nước đảm bảo phù hợp với truyền thống, đặc điểm tình hình thực tiễn về chính trị, xã hội, kinh tế, đối ngoại của Việt Nam nhằm đảm bảo sự hài hòa hóa, sự tương thích của pháp luật Việt Nam với các quy định của điều ước quốc tế, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất cho việc áp dụng, thực thi pháp luật, thực hiện hợp tác quốc tế, tránh được các xung đột trong pháp luật và thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

- Bảo vệ lợi ích quốc gia

Tiêu chí bảo vệ lợi ích quốc gia trong pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là một tiêu chí có vai trò quan trọng, đảm bảo các hoạt động hợp tác không chỉ hiệu quả trong thu hồi tài sản mà còn bảo vệ chủ quyền, an ninh, lợi ích kinh tế và uy tín của quốc gia. Điều này thể hiện ở việc pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có phải bảo đảm tối đa lợi ích quốc gia, dân tộc trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế; bình đẳng và hợp tác cùng có lợi. Hoạt động này không được gây tổn hại đến lợi ích quốc gia mà phải tạo thuận lợi để thúc đẩy hợp tác phát triển toàn diện, duy trì ổn định chính trị và thực hiện tốt chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển cùng với đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia – dân tộc trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế; bình đẳng, cùng có lợi...Việc này đòi hỏi sự cân bằng giữa lợi ích quốc gia và tuân thủ các chuẩn mực quốc tế, đảm bảo sự công bằng và tôn trọng lẫn nhau giữa các quốc gia trong quá trình hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

- Tính phù hợp của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Tính phù hợp thể hiện ở nội dung của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có luôn có sự tương quan, phù hợp với bối cảnh kinh tế, điều kiện chính trị của quốc gia. Pháp luật là một yếu tố thuộc thượng tầng kiến trúc của xã hội, vừa phản ánh vừa tác động đến cơ sở hạ tầng (điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội...) do đó các quy định của pháp luật cần tương xứng với trình độ phát triển của các yếu tố này, không thể lạc hậu hay vượt trội so với thực tiễn của đối tượng mà nó phản ánh. Hơn nữa, việc quy định rõ thẩm quyền, trình tự và thủ tục hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có cũng cần phù hợp với điều kiện cơ cấu tổ chức của các cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó, tính phù hợp của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có còn đòi hỏi phải đảm bảo sự tuân thủ, phù hợp với những điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Thể chế hóa một cách kịp thời và đầy đủ các quan điểm, chủ trương, đường lối và chính sách của Đảng và Nhà nước về hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng chống tội phạm và thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Vai trò của hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có đối với công cuộc đấu tranh, phòng chống tội phạm của mỗi quốc gia ngày càng được nhìn nhận đúng mức và được coi là một công cụ hữu hiệu để ngăn chặn, xử lý tội phạm, ổn định trật tự xã hội, đảm bảo lợi ích hợp pháp của mỗi quốc gia. Việc cam kết tuân thủ pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Việt Nam với các quốc gia thể hiện quyết tâm mạnh mẽ và nỗ lực đáng kể của nước ta trong hội nhập quốc tế. Nghĩa vụ của Việt Nam là cần đảm bảo sự phù hợp giữa các quy định pháp luật quốc gia với các nội dung đã cam kết.

Như vậy việc hoàn thiện các quy định về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có không chỉ đảm bảo phù hợp với các yêu cầu về hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có được quy định trong các điều ước tham gia mà còn phải phù hợp với điều kiện kinh tế, điều kiện chính trị của Việt Nam.

- Tính khả thi của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có được coi là hoàn thiện còn phải đảm bảo tính khả thi. Đây là yếu tố then chốt để hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Tính khả thi của hệ thống pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có thể hiện ở sự tương thích giữa các quy phạm pháp luật được ban hành phải với cơ chế thực hiện và áp dụng pháp luật hiện hành. Nghĩa là, khi ban hành quy phạm pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, cần phải cân nhắc kỹ lưỡng các yếu tố thực tiễn như điều kiện kinh tế, xã hội, chính trị của đất nước cũng như cơ cấu tổ chức và trình độ của đội ngũ cán bộ có thẩm quyền có cho phép thực hiện được quy phạm pháp luật đó hay không. Phù hợp với các điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội tồn tại một cách khách quan, tính phù hợp của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có thể hiện mối tương quan giữa trình độ pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có và sự phát triển của kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại trong từng giai đoạn, cũng như sự đồng bộ với hệ thống pháp luật nói chung. Hơn nữa, khả năng thực hiện được các quy phạm pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là yếu tố quan trọng khác, thể hiện qua hoạt động áp dụng pháp luật của các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trong hoạt động hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Tính khả thi đảm bảo pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có không chỉ tồn tại trên văn bản mà còn được thực hiện hiệu quả trong thực tế.

- Tính đồng bộ, toàn diện của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Tính đồng bộ của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có đòi hỏi phải trên cơ sở sự đầy đủ, hoàn thiện của hệ thống

pháp luật. Trong đó, sự nhất quán, thống nhất và không có chồng chéo, mâu thuẫn giữa các quy phạm pháp luật là yếu tố then chốt. Nếu pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có tồn tại những quy định thiếu đồng bộ, chồng chéo hoặc mâu thuẫn sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả điều chỉnh pháp luật. Tình trạng này thậm chí còn gây ra trở ngại đáng kể cho quá trình thực thi pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có trên thực tế.

Tính toàn diện là tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Tính toàn diện đòi hỏi sự bao quát của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, thể hiện qua việc quy định đầy đủ các quy phạm pháp luật quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Đồng thời, cần xác định rõ thẩm quyền của các cơ quan và cá nhân tương ứng tham gia vào hoạt động hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có có thể nằm trong nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành khác nhau. Tuy nhiên, điều quan trọng là các quy phạm này phải có mặt đầy đủ trong các chuyên ngành có liên quan và được cấu trúc một cách khoa học, khách quan, đảm bảo tính hệ thống và dễ dàng tra cứu, áp dụng.

- Tính thống nhất của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Đây là điều kiện cần thiết cho sự hợp thành hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nói chung và hệ thống pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có nói riêng. Điều này đòi hỏi quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có cần tuân thủ nguyên tắc thống nhất xuyên suốt của hệ thống pháp luật. Từ Hiến pháp là văn bản có giá trị pháp lý cao nhất, đến Bộ luật tố tụng hình sự, Luật tương trợ tư pháp và các luật có liên quan khác, sự thống nhất phải được đặt lên hàng đầu. Tính thống nhất được thể hiện trên các khía cạnh sau:

(1) Các quy định pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có không xung đột và chồng chéo, bảo đảm sự liên kết và phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ tác động điều chỉnh của các quy định theo một chiều, hướng nhất định;

(2) Sự thống nhất giữa nội dung quy định với đối tượng phản ánh, tức những quan hệ kinh tế, xã hội hiện thực, nhằm đảm bảo giá trị thực tế. Nói cách khác các quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức, thẩm quyền, trình tự và thủ tục hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có phải phù hợp với bối cảnh kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của Việt Nam trong từng giai đoạn phát triển.

(3) Việc ban hành các quy phạm pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có phải tuân thủ nghiêm ngặt về thẩm quyền, quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Việc tuân thủ này đảm bảo sự hợp pháp và giá trị pháp lý của các quy định, đồng thời tạo cơ sở vững chắc cho việc thực thi hiệu quả các quy định pháp luật về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này.

- Đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật lập pháp

Để đánh giá hoàn thiện pháp luật còn phải xem xét trình độ kỹ thuật lập pháp khi xây dựng pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có chỉ hoàn thiện khi đáp ứng được yêu cầu xây dựng ở trình độ kỹ thuật lập pháp cao. Điều này đòi hỏi khi xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có phải được tiến hành theo những nguyên tắc, trình tự và thủ tục tối ưu. Ngôn ngữ pháp lý được sử dụng cần chính xác, rõ ràng, chặt chẽ, cô đọng và logic. Kỹ thuật lập pháp được đảm bảo sẽ là điều kiện quan trọng đối với tính chính xác về nội dung giúp cho pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có thống nhất, dễ hiểu và dễ thực hiện trong thực tiễn.

Kết luận Chương 1

Chương 1 của luận án phân tích những vấn đề cơ bản lý luận về pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, theo đó, làm rõ khái niệm, đặc điểm, nội dung, nguồn (hình thức) và các nguyên tắc, tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, cụ thể là:

Về khái niệm, đặc điểm, nội dung, nguồn của pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có: Luận án đã xây dựng khái niệm pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, đồng thời làm rõ các đặc điểm và nội dung pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn và phương thức được phân tích chi tiết cho các hoạt động cụ thể. Nguồn của pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có rất phong phú, bao gồm các nguồn khác nhau như điều ước quốc tế, tập quán quốc tế và các văn bản quy phạm pháp luật trong nước.

Về các nguyên tắc và tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có: Luận án đã phân tích các nguyên tắc của pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia phải tuân thủ thực hiện khi hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Hai hệ thống nguyên tắc này có mối quan hệ chặt chẽ tác động qua lại lẫn nhau, giúp cho quá trình hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có được thuận lợi, đúng quy định pháp luật. Bên cạnh đó, dựa trên đặc điểm của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, luận án đã đưa ra một số tiêu chí cơ bản đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Chương 2

PHÁP LUẬT VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG THU HỒI TÀI SẢN DO PHẠM TỘI MÀ CÓ VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN

Hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có được thực hiện trên cơ sở pháp lý gồm các điều ước quốc tế đa phương, song phương và pháp luật quốc gia về thu hồi tài sản do phạm tội mà có. *“Ở Việt Nam, trên cơ sở quy định của các điều ước quốc tế, các hiệp định đã tham gia, ký kết với các quốc gia khác đã được nội luật hóa, hình thành hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động hợp tác quốc tế trong TTHS, góp phần vào việc nâng cao hiệu quả đấu tranh xử lý tội phạm”*⁷⁰. Như vậy, những quy định trong điều ước quốc tế, khu vực, song phương và pháp luật quốc gia đã tạo thành khung pháp lý cho hoạt động hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Việt Nam.

2.1. Pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

2.1.1. Các văn bản pháp lý quốc tế mà Việt Nam là thành viên

2.1.1.1. Công ước quốc tế và khu vực

Bước vào thế kỷ XXI, tội phạm chuyển sang một thời kỳ phát triển mới với những thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế và sự thất thoát lớn về tài sản của các quốc gia do tội phạm gây ra. Vấn nạn này đã và đang đe dọa sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia và cả cộng đồng quốc tế. Không một quốc gia đơn lẻ nào có khả năng tự mình giải quyết được triệt để vấn đề này. Do đó, cần có sự hợp tác và phối hợp chặt chẽ giữa các quốc gia để đối phó hiệu quả với thách thức chung này. Liên hợp quốc với tư cách là tổ chức quốc tế lớn nhất thế giới, với chức năng duy trì hòa bình và an ninh quốc tế, có vai trò trợ giúp các quốc gia đã nỗ lực nghiên cứu và đưa ra các giải pháp quan trọng mang tính toàn cầu của cuộc chiến chống tội phạm, hạn chế thiệt hại do tội phạm

⁷⁰ Nguyễn Ngọc Chí (2018), “Hợp tác quốc tế trong tổ tụng hình sự đáp ứng yêu cầu toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học đại học Quốc gia Hà Nội*, số 2, tr.76.

thông qua việc xây dựng và ban hành 03 công ước liên quan đến hợp tác quốc tế thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Các công ước đa phương này bao quát nhiều lĩnh vực khác nhau, làm cơ sở pháp lý vững chắc cho việc hợp tác, hỗ trợ sâu rộng giữa các quốc gia trên phạm vi toàn thế giới trong giải quyết thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Trong những năm qua, Việt Nam cũng đã có nhiều bước đi tích cực trong việc hợp tác với cộng đồng quốc tế trong cuộc chiến chống tội phạm và thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Minh chứng sinh động cho việc tham gia tích cực của Việt Nam trong hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có là việc Việt Nam đã tham gia cả 03 công ước của Liên hợp quốc liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có, cụ thể:

(1) Công ước của Liên hợp quốc về chống buôn bán trái phép thuốc gây nghiện và chất hướng thần (1988), chính thức có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 01/9/1997. Nền tảng quốc tế của vấn đề hợp tác thu hồi tài sản bắt đầu từ khi Công ước Liên hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần (Công ước Vienna) được thông qua vào ngày 19/12/1988. Điều 5 của Công ước Vienna về tịch thu tài sản quy định các quốc gia thành viên phải áp dụng những biện pháp khi cần thiết: *“để tiến hành tịch thu những khoản thu nhập có được do phạm tội... hoặc tài sản có giá trị tương đương với những thu nhập đó”*; *“để các cơ quan có thẩm quyền có thể xác định, ngăn chặn hoặc thu giữ các thu nhập, tài sản, công cụ hoặc bất kỳ vật gì ... với mục đích tịch thu tài sản phạm tội”* (khoản 2). Công ước giải quyết các vấn đề về hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp liên quan đến việc phát sinh hiệu lực của các lệnh tịch thu do cơ quan có thẩm quyền của quốc gia khác ban hành. Công ước cũng quy định việc tịch thu tiền thu được từ tội phạm và tịch thu tài sản (theo tỷ lệ đại diện cho giá trị của tài sản bất hợp pháp) mà tiền thu được từ tội phạm đã được xen kẽ với tài sản hợp pháp⁷¹. Công ước của Liên hợp quốc về chống buôn bán trái phép thuốc gây nghiện

⁷¹ Nicholas Kaye (2006), “Freezing and Confiscation of Criminal Proceeds”, *International Criminal Law Review*, Vol. 77(1-2), tr.324.

và chất hướng thần 1988 đã thể hiện những nỗ lực đầu tiên của cộng đồng quốc tế trong việc xây dựng cơ sở pháp lý cho hợp tác nhằm thu hồi tài sản bất hợp pháp do tội phạm ma túy gây ra.

(2) Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (2000), có hiệu lực từ cuối năm 2003 được đánh dấu là văn kiện quốc tế đầu tiên của Liên hợp quốc trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm có tổ chức. Công ước này có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 08/07/2012. Theo Công ước, tham nhũng được coi như một trong những phương thức hoạt động của tội phạm có tổ chức, do đó việc hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có giữa các quốc gia thành viên của Công ước cũng được thực hiện theo quy định chung về thu hồi tài sản có được từ những hành vi phạm tội có tổ chức. Công ước này đòi hỏi các quốc gia thành viên phải thiết lập các cơ chế pháp lý cho phép tịch thu tài sản có được từ hoạt động tội phạm nhằm tăng cường hiệu quả của cuộc chiến chống tội phạm xuyên quốc gia.

(3) Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC) được thông qua năm 2003 và chính thức có hiệu lực vào ngày 14/12/2005, hướng tới tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng chống tham nhũng, đặc biệt chú trọng đến thu hồi tài sản tham nhũng. Tính đến nay đã có 140 quốc gia ký kết và 187 quốc gia phê chuẩn UNCAC, trong đó phần lớn là các quốc gia đang phát triển⁷².

Sau gần 06 năm nghiên cứu và đánh giá về sự tương thích của UNCAC với hệ thống pháp luật Việt Nam, cũng như những khó khăn, thách thức và giải pháp trong quá trình thực thi Công ước, ngày 30/6/2009, Chủ tịch nước đã phê chuẩn Công ước tại Quyết định số 950/2009/QĐ-CTN⁷³. Công ước có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 18/9/2009. Sự kiện này đánh dấu cam kết mạnh mẽ của Việt Nam trước cộng đồng quốc tế trong phòng chống tham nhũng và hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản tham nhũng. Để nội luật hóa

⁶⁴ stAr, “About UNCAC”, xem thêm tại: <https://star.worldbank.org/focus-area/uncac>, truy cập ngày 25/5/2023

⁷³ Ngày 10/12/2003, Việt Nam đã ký UNCAC tại Hội nghị cấp cao được tổ chức tại Merida, Mê-hi-cô.

các quy định của Công ước, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2010 về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng chia thành ba giai đoạn. Giai đoạn I từ năm 2010 – 2011 tập trung vào việc xây dựng nền tảng pháp lý và thể chế; giai đoạn II từ năm 2011 - 2016 đẩy mạnh thực thi các biện pháp phòng ngừa và phát hiện tham nhũng và giai đoạn III từ năm 2016 - 2020 tăng cường hợp tác quốc tế và thu hồi tài sản tham nhũng.

UNCAC đánh dấu bước ngoặt quan trọng, đây là công ước quốc tế đầu tiên ràng buộc các quốc gia thành viên ở phạm vi toàn cầu trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng, có nội dung quy định trực tiếp về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản và đặt ra nghĩa vụ cho các quốc gia thành viên phải hợp tác với nhau về vấn đề này. Một trong những mục đích của UNCAC là thúc đẩy, tạo điều kiện và hỗ trợ hợp tác quốc tế và hỗ trợ kỹ thuật trong phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng, bao gồm cả việc thu hồi tài sản⁷⁴. Có thể khẳng định, UNCAC đã đạt được mục tiêu “thúc đẩy và tăng cường các biện pháp phòng, chống tham nhũng một cách hữu hiệu và hiệu quả hơn; thúc đẩy, tạo điều kiện và hỗ trợ hợp tác quốc tế trong công tác phòng chống tham nhũng, kể cả việc thu hồi tài sản tham nhũng”⁷⁵. Công ước UNCAC gồm 8 chương và 71 điều khoản đã hệ thống hóa những quy định về các biện pháp mang tính phòng ngừa và hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng. Một điểm nhấn của Công ước là quy định riêng một chế định (Chương V) về thu hồi tài sản từ Điều 51 đến Điều 59 nhằm mục đích trả lại tài sản có được do hành vi tham nhũng cho chủ sở hữu hợp pháp, bao gồm những quốc gia có tài sản bị thất thoát do hành vi tham nhũng gây ra. Đây được coi là một tiến bộ vượt bậc của luật pháp quốc tế trong lĩnh vực tư pháp hình sự vì các điều khoản của chế định này thể hiện quyền được nhận lại tài sản bị thất thoát do hành vi tham nhũng gây ra. Chương V Công ước UNCAC quy định hai bộ giải pháp: Một là giải pháp nhằm chống lại việc chuyển tài sản do phạm tội

⁷⁴ Điều b Điều 1 Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng

⁷⁵ UNODC & UNICRI (2009), Hướng dẫn kỹ thuật về việc thực thi Công ước UNCAC, tr.7.

mà có sang các khu vực tài phán nước ngoài; Hai là các giải pháp nhằm thu hồi tài sản này, trả lại nước xuất xứ bằng các cơ chế của tố tụng hình sự và luật dân sự⁷⁶. Hơn nữa, UNCAC bao gồm các quy định cụ thể về thu hồi và trả lại tài sản bị tịch thu, bao gồm nghĩa vụ đối với mỗi quốc gia phải thông qua các biện pháp lập pháp để cho phép họ trả lại tài sản bị tịch thu cho chủ sở hữu hợp pháp trước đó hoặc bồi thường cho các nạn nhân của tội phạm. Điều này đã thu hút được các quốc gia đang phát triển (thường có nhiều nguy cơ thất thoát tài sản do hành vi tham nhũng) hưởng ứng và gia nhập Công ước. UNCAC cung cấp khuôn khổ pháp lý cần thiết cho phép các quốc gia ngăn chặn hiệu quả việc chuyển tiền tham nhũng và phát hiện, truy tìm, phong tỏa, tịch thu và hoàn trả các khoản tiền thu được thông qua các hoạt động tham nhũng và chuyển qua các khu vực pháp lý. Cụ thể hơn, UNCAC đưa ra các thủ tục và điều kiện để thu hồi tài sản, chẳng hạn như tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động dân sự và hành chính, công nhận và hoạt động dựa trên lệnh tịch thu của nước ngoài, và trả lại tài sản cho các quốc gia yêu cầu và các chủ sở hữu hợp pháp khác⁷⁷. UNCAC cũng là công ước duy nhất quy định cụ thể về thu hồi tài sản không dựa trên bản án hình sự⁷⁸, cùng với đó đặt ra nghĩa vụ hợp tác giữa các quốc gia thành viên trong vấn đề này. Theo khoản 1 Điều 43 UNCAC quy định về hợp tác quốc tế, các quốc gia thành viên được xem xét trợ giúp nhau trong việc điều tra và các vấn đề tố tụng về dân sự và hành chính liên quan đến tham nhũng. Theo đó, việc thu hồi tài sản tham nhũng không chỉ dựa trên tố tụng hình sự mà còn được thực hiện thông qua các thủ tục dân sự và hành chính. Điều này đã mở rộng phạm vi thu hồi, tạo điều kiện linh hoạt hơn trong việc truy tìm và hoàn trả tài sản bị tẩu tán do hành vi tham nhũng, tăng cường hiệu quả phòng, chống tham nhũng trên phạm vi quốc tế. Chế định này là cơ sở pháp lý để các quốc gia thành viên

⁷⁶ Kunev Denis Anatolevich (2022), Đấu tranh chống việc chuyển ra nước ngoài tài sản do phạm tội mà có và thu hồi tài sản: Các tiêu chuẩn tiên tiến và thực tiễn, *Tạp chí khoa học Kiểm sát*, số 6/2022, tr.15.

⁷⁷ Oduor, J.A. et al (2014), *Left out of the Bargain, Settlements in Foreign Bribery Cases and Implications for Asset Recovery*, *Stolen Asset Recovery Initiative*, World Bank, Washington DC, tr.11-12

⁷⁸ Greenberg, T.S. et al (2009), *Stolen Asset Recovery: A Good Practices Guide to Non-Conviction Based Asset Forfeiture*, World Bank, Washington DC, tr.1-192

ban hành hoặc thực thi pháp luật cả về hành chính, dân sự và hình sự, để thực hiện được việc phát hiện, truy tìm, kê biên, phong tỏa, tịch thu và trả lại tài sản tham nhũng. Công ước này đang ngày càng được viện dẫn rộng rãi trong nhiều điều ước quốc tế đa phương và song phương. Điều này giúp công ước trở thành một trong các điều ước quốc tế phổ cập, góp phần thúc đẩy hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này.

(4) Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng (Công ước Hà Nội) được thông qua vào ngày 24/12/2024. Đây là Công ước đầu tiên của Liên Hợp Quốc về tội phạm mạng, đồng thời cũng là văn kiện quốc tế đầu tiên được mở ký tại Việt Nam vào ngày 25-26/10/2025. Việc Thủ đô Hà Nội được ghi nhận trong tên gọi và lời văn của Công ước thể hiện sự ghi nhận của cộng đồng quốc tế đối với vai trò, nỗ lực và cam kết của Việt Nam trong thúc đẩy hợp tác đa phương về an ninh mạng. Theo Công ước, do đặc tính xuyên biên giới của tội phạm mạng, hợp tác quốc tế là điều kiện tiên quyết để điều tra, truy tố, thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Công ước này đòi hỏi các thành viên phải phối hợp trong việc truy tìm, phong tỏa, tịch thu và thu hồi tài sản do phạm tội mà có bao gồm cả tài sản số và tiền ảo. Chương V về hợp tác quốc tế quy định về các nguyên tắc, hình thức, biện pháp hợp tác quốc tế phòng chống tội phạm, bao gồm các hoạt động về cơ chế thu hồi tài sản thông qua hợp tác quốc tế về tịch thu tài sản, hợp tác quốc tế trong tịch thu tài sản, hoàn trả và xử lý tài sản do phạm tội mà có.

Các công ước trên đóng vai trò cơ sở pháp lý trực tiếp, thiết lập nghĩa vụ, trách nhiệm hợp tác của các bên liên quan trong phòng, chống tội phạm và thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Hệ thống các công ước đa phương của Liên hợp quốc liên quan đến thu hồi tài sản khá đa dạng, bao quát nhiều lĩnh vực khác nhau, do đó cơ sở pháp lý, quyền và nghĩa vụ của các quốc gia thành viên trong lĩnh vực thu hồi tài sản cũng được quy định khá phong phú và nằm trong bốn công ước quốc tế liên quan đến thu hồi tài sản.

Hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản là một quá trình bao gồm nhiều giai đoạn khác nhau và bao gồm nhiều biện pháp phức tạp, toàn diện. Theo các công ước, hoạt động hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong các vụ án hình sự là nghĩa vụ bắt buộc. Từ đó, cho thấy hợp tác thông qua kênh TTTP về hình sự đóng vai trò nòng cốt, quan trọng khi thực hiện hợp tác trong lĩnh vực này. Tùy từng nội dung hợp tác cụ thể mà các đề nghị, yêu cầu giữa các quốc gia sẽ được đưa ra theo những kênh hợp tác, hình thức, nội dung và cấp độ hợp tác khác nhau trong hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Như vậy, các điều ước quốc tế được thông qua trong khuôn khổ Liên hợp quốc đã xác định trách nhiệm hợp tác quốc tế giữa các quốc gia trong việc phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm cũng như thu hồi tài sản do hành vi phạm tội có được, bao gồm: quốc gia nơi tội phạm được thực hiện, bị thất thoát tài sản; quốc gia nơi tài sản được chuyển đến, cất giấu... Mặt khác, trên cơ sở các quy định của pháp luật quốc tế liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có, các quốc gia trong đó có Việt Nam cần nội luật hóa để tạo cơ sở pháp lý cho các hoạt động hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có đạt được hiệu quả.

Kể từ thời điểm chính thức tham gia vào các Công ước quốc tế trên, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực, triển khai nhiều biện pháp nhằm hiện thực hóa các cam kết bằng những chính sách và giải pháp được xây dựng một cách tổng thể và có hệ thống, hướng đến việc đáp ứng đầy đủ các yêu cầu mà Công ước đặt ra. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc tuân thủ các cam kết này của Việt Nam trở nên vô cùng quan trọng, thể hiện vai trò và trách nhiệm của Việt Nam đối với cộng đồng quốc tế. Nội luật hóa các quy định của các Công ước và tăng cường hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản đã được Việt Nam nỗ lực thực hiện trong thời gian qua, thể hiện trách nhiệm là một thành viên tích cực của các công ước, đặc biệt là UNCAC⁷⁹.

⁷⁹ Với tư cách là quốc gia thành viên, Việt Nam cử chuyên gia tham gia đánh giá việc thực thi UNCAC đối với Trung Quốc và Quốc đảo Sô-lô-mông, Cộng hoà Công Gô, Cộng hoà Áo và đã nhận được phản hồi tích cực của quốc gia được đánh giá.

Đồng thời, với vai trò là một thành viên chủ động của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Việt Nam đã đóng góp quan trọng vào tiến trình hợp tác khu vực về chống tội phạm và thu hồi tài sản do phạm tội mà có. ASEAN được đánh giá là tổ chức khu vực hàng đầu châu Á, nổi bật với sự đoàn kết, thống nhất và năng động, đã đạt được những thành tựu to lớn sau hơn nửa thế kỷ hình thành và phát triển. ASEAN đã xây dựng được một nền tảng hợp tác vững chắc và toàn diện giữa các quốc gia thành viên, dựa trên Hiến chương ASEAN và các văn kiện quan trọng khác. Trong lĩnh vực hợp tác phòng chống tội phạm và thu hồi tài sản do phạm tội mà có, ASEAN đã hợp tác xây dựng được cơ sở pháp lý tương đối đầy đủ.

Văn bản pháp lý quan trọng nhất tạo cơ sở pháp lý cho quá trình hợp tác trong thu hồi tài sản của ASEAN là Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự⁸⁰ được ký kết tại Kuala Lumpur, Malaysia vào ngày 29/11/2004. Việt Nam đã tích cực hợp tác với các nước trong khu vực từ giai đoạn soạn thảo, xây dựng các điều khoản của Hiệp định. Văn bản này quy định rõ ràng các nội dung quan trọng, đặc biệt là hoạt động TTTP liên quan đến tài sản do phạm tội mà có bao gồm: khám xét và thu giữ tài sản; kiểm tra các đồ vật, địa điểm; xác định hoặc truy tìm tài sản do phạm tội mà có và phương tiện phạm tội; hạn chế giao dịch đối với tài sản hoặc phong tỏa tài sản có được từ việc thực hiện tội phạm; thu hồi, tịch thu tài sản do phạm tội mà có...

Đây là điều ước quốc tế đa phương đầu tiên về TTTP trong lĩnh vực hình sự, có quy định về hợp tác thu hồi tài sản giữa các nước ASEAN. Văn kiện này thể hiện ý chí, quyết tâm chung của các quốc gia này trong việc phòng chống tội phạm nói chung và thu hồi tài sản do phạm tội mà có nói riêng. Có hiệu lực từ ngày 20/9/2005, Hiệp định đã thu hút sự tham gia của toàn bộ các quốc gia thành viên ASEAN, với Thái Lan là nước cuối cùng nộp văn bản phê chuẩn Hiệp định vào ngày 31/01/2013. Hiệp định bao gồm 32 điều, quy định cụ thể các nội dung quan trọng, trong đó tương trợ tư pháp liên quan đến tài

⁸⁰ ASEAN (2004), *Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự*, xem thêm tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Trach-nhiem-hinh-su/Hiep-dinh-tuong-tro-tu-phap-ve-hinh-su-72253.aspx>, truy cập ngày 03/6/2023.

sản do phạm tội mà có được quy định tại Điều 1 về phạm vi tương trợ bao gồm: khám xét, thu giữ tài sản; kiểm tra đồ vật và địa điểm; xác định hoặc truy tìm tài sản do phạm tội mà có và phương tiện phạm tội; thu hồi, tịch thu tài sản do phạm tội mà có; hạn chế giao dịch đối với tài sản hoặc phong tỏa tài sản có được từ việc thực hiện tội phạm có thể bị thu hồi hoặc tịch thu.

Để hiện thực hóa nội dung trên, Hiệp định quy định trách nhiệm và nghĩa vụ hợp tác của các quốc gia thông qua việc bắt buộc quốc gia thành viên phải áp dụng đầy đủ các biện pháp và phương thức cần thiết để thực hiện việc hợp tác, tương trợ trong việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có một cách hiệu quả. Cụ thể, quốc gia được yêu cầu tịch thu tài sản, theo pháp luật của nước mình, có nghĩa vụ nỗ lực xác định vị trí, truy tìm, hạn chế, phong tỏa, tịch thu tài sản do phạm tội mà có, cũng như các công cụ, phương tiện phạm tội trong trường hợp cụ thể. Điều kiện tiên quyết là quốc gia yêu cầu phải cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết theo yêu cầu của quốc gia được yêu cầu (Khoản 1 Điều 22). Sau khi hoàn tất quá trình thu hồi và trừ các chi phí phát sinh trong việc thi hành lệnh tịch thu, quốc gia được yêu cầu sẽ chuyển giao phần tài sản thu hồi được cho quốc gia yêu cầu (Khoản 5 Điều 22). Hiệp định cũng quy định các biện pháp đảm bảo thực hiện có hiệu quả các điều khoản về hợp tác thu hồi tài sản giữa các quốc gia thành viên, theo đó mỗi quốc gia thành viên phải chỉ định một Cơ quan trung ương để gửi và nhận các yêu cầu tương trợ tư pháp liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Bên cạnh Hiệp định ASEAN về tương trợ tư pháp trong các vấn đề hình sự, Việt Nam còn là thành viên của Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em năm 2015 (ACTIP), có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 08/03/2017. Đây được coi là một sự kiện quan trọng, thể hiện sự đồng thuận và quyết tâm chung của các nước ASEAN, tạo hành lang pháp lý vững chắc trong lĩnh vực hợp tác phòng, chống tội phạm buôn bán người, đặc biệt là giải quyết vụ án hình sự và vấn đề thu hồi tài sản do hành vi buôn bán người. Theo ACTIP, các quốc gia thành viên trong phạm vi

hệ thống pháp luật của mình cần triển khai các biện pháp phù hợp để cho phép tịch thu: (1) tài sản do phạm tội mà có bắt nguồn từ những hành vi phạm tội được Công ước điều chỉnh hoặc những tài sản có giá trị tương đương với giá trị của tài sản do phạm tội mà có; (2) tài sản, trang thiết bị và các công cụ khác được sử dụng hay được dự định sử dụng khi thực hiện hành vi phạm tội. Phạm vi hợp tác quốc tế trong việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có bao gồm: xác định, truy tìm, phong tỏa hay tạm giữ bất kỳ tài sản nào đã nêu ở trên nhằm thực hiện việc tịch thu tài sản.

Nhằm tối ưu hoá việc thu hồi triệt để tài sản do phạm tội mà có, Công ước còn quy định trong các trường hợp như tài sản do phạm tội mà có bị biến đổi hoặc chuyển đổi một phần hay toàn bộ thành một tài sản khác thì tài sản mới này vẫn bị tịch thu. Tương tự, nếu tài sản do phạm tội mà có bị trộn lẫn với tài sản có nguồn gốc hợp pháp thì những tài sản này vẫn sẽ bị tịch thu theo giá trị tương đương số tài sản đã được gộp trước đó. Không chỉ tài sản gốc mà cả các khoản lợi nhuận, thu nhập phát sinh từ tài sản do phạm tội mà có, từ quá trình chuyển đổi hoặc việc gộp tài sản đều có thể bị tịch thu. Công ước cũng thiết lập những quy tắc pháp lý, trình tự và thủ tục trong hoạt động hợp tác tịch thu tài sản do phạm tội mà có. Điều 21 Công ước quy định rõ về vấn đề này, theo đó khi một quốc gia nhận được yêu cầu từ một quốc gia khác về việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có, quốc gia được yêu cầu trong phạm vi hệ thống pháp luật trong nước sẽ chuyển yêu cầu này đến các cơ quan có thẩm quyền trong nước để ra lệnh tịch thu. Trong trường hợp tòa án của quốc gia yêu cầu đã ban hành lệnh tịch thu liên quan đến tài sản do phạm tội mà có, tài sản, trang thiết bị và các công cụ khác đang nằm trên lãnh thổ của quốc gia được yêu cầu thì lệnh tịch thu này sẽ được chuyển đến cơ quan có thẩm quyền để thực hiện. Khi đó, tùy từng trường hợp mà quốc gia yêu cầu thu hồi tài sản do phạm tội mà có, phải cung cấp một trong các giấy tờ, tài liệu sau: (1) Bản mô tả đầy đủ về tài sản sẽ bị tịch thu kèm theo một bản trình bày về các cơ sở pháp lý chứng minh lệnh tịch thu phù hợp với quy định pháp luật trong nước

của quốc gia được yêu cầu; (2) Bản sao lệnh tịch thu đã được công nhận là có giá trị pháp lý cùng với một bản trình bày về các tình tiết và thông tin liên quan đến việc thực hiện lệnh tịch thu; (3) Bản trình bày rõ ràng về các căn cứ pháp lý cho việc tịch thu tài sản, đồng thời mô tả các hoạt động cần thiết để thực hiện việc tịch thu. Công ước không chỉ dừng lại ở các quy định về trách nhiệm của các quốc gia trong việc hợp tác quốc tế trong việc tịch thu tài sản mà còn đề ra các biện pháp đảm bảo hiệu quả thực thi. Điều này bao gồm việc trao quyền cho tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác để ban hành lệnh thu giữ các tài liệu về ngân hàng, tài chính và thương mại. Đặc biệt, Công ước đã quy định rất chi tiết về việc xử lý tài sản do phạm tội mà có, theo đó các quốc gia thành viên sẽ ưu tiên xem xét việc trả lại tài sản do phạm tội mà có cho quốc gia yêu cầu để họ có thể đền bù và hỗ trợ cho các nạn nhân bị buôn bán người hoặc trả lại những tài sản đó cho chủ sở hữu hợp pháp.

Tuy nhiên, các biện pháp hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong các văn bản trên cũng chỉ dừng lại ở các quy định liên quan đến hợp tác thu hồi tài sản thông qua TTTP. Việc thiếu các quy phạm trực tiếp quy định về thu hồi tài sản do phạm tội mà có và hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong hệ thống pháp lý khu vực sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến hiệu quả hợp tác đấu tranh chống tội phạm và thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Việt Nam và ASEAN. Đồng thời, phạm vi điều chỉnh đối với hoạt động hợp tác trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có khá hẹp, chỉ bao gồm hợp tác liên quan đến các thủ tục tố tụng hình sự nên không bao quát hết các vấn đề hiện tại và tương lai mà ASEAN phải đối mặt trong lĩnh vực này. Trong bối cảnh hiện nay, phạm vi hợp tác trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có đòi hỏi phải tăng cường mở rộng, bao gồm nhiều lĩnh vực khác như trao đổi thông tin, đào tạo nguồn nhân lực. Các quy định về hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong Hiệp định mới chỉ tập trung vào các biện pháp hợp tác cụ thể nhưng lại thiếu cơ chế hữu hiệu để bảo đảm tính khả thi. Điều 28 của Hiệp định quy định mọi bất đồng hoặc tranh chấp phát sinh từ việc giải thích hoặc thực hiện

các quy định của Hiệp định sẽ được giải quyết thông qua hòa giải, tham vấn hoặc thương lượng ngoại giao hoặc bằng các phương thức giải quyết tranh chấp hòa bình khác do các quốc gia thành viên thỏa thuận. Thực tế này dẫn đến nhận định rằng quy trình hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có tại khu vực Đông Nam Á vẫn còn nhiều hạn chế. Việc thiếu vắng cơ chế ràng buộc và thực thi hiệu quả có thể cản trở nỗ lực chung của ASEAN trong việc đấu tranh chống tội phạm và thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Có thể thấy việc Việt Nam chủ động tham gia xây dựng và gia nhập Hiệp định ASEAN về TTTP trong các vấn đề hình sự và Công ước ASEAN về phòng, chống buôn bán người khẳng định cam kết, nhu cầu và khả năng của Việt Nam trong việc tăng cường hợp tác với các quốc gia ASEAN. Sự tham gia này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh phòng, chống tội phạm khu vực, đồng thời thể hiện quyết tâm của Việt Nam trong việc xây dựng một khuôn khổ pháp lý vững chắc, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam hợp tác hiệu quả với các quốc gia trong khu vực về thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

2.1.1.2. Hiệp định song phương

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng tích cực đẩy mạnh hợp tác song phương trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có trở nên thiết yếu. Thực tế cho thấy hợp tác song phương về thu hồi tài sản do phạm tội mà có là một kênh hợp tác rất hiệu quả nhờ khả năng thích ứng, phù hợp với nhu cầu và điều kiện riêng của mỗi quốc gia, bao gồm cả Việt Nam. Phương thức hợp tác thu hồi tài sản chủ yếu giữa Việt Nam với các quốc gia trên thế giới thường được thực hiện thông qua các hiệp định TTTP về hình sự.

Các hiệp định TTTP hình sự đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và các quốc gia khác. Thông qua việc đàm phán, ký kết và thực hiện, các Hiệp định TTTP hình sự đã tạo hành lang pháp lý vững chắc, thúc đẩy quá trình giải quyết các yêu cầu tương trợ, đặc biệt là

các yêu cầu tương trợ tư pháp về thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Điều này hỗ trợ đắc lực cho việc giải quyết triệt để các vấn đề phát sinh từ các vụ án hình sự, đồng thời tăng cường hiệu quả hoạt động của các cơ quan có thẩm quyền. Năm 2023, Việt Nam đã ký thêm 05 hiệp định TTTP hình sự với các quốc gia khác là Cộng hòa Séc, Cộng hòa Ác-hen-ti-na, Cộng hòa Hồi giáo Iran, Các Tiểu Vương quốc Ả-rập thống nhất (UAE) và Cộng hòa I-ta-li-a⁸¹. Việc ký kết này nâng tổng số hiệp định song phương về TTTP hình sự của Việt Nam với các quốc gia khác lên con số 30. Điều này thể hiện Việt Nam cam kết tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế với nhiều quốc gia trên thế giới.

Các hiệp định TTTP hình sự mà Việt Nam ký kết đều thống nhất xác định VKSND tối cao là cơ quan trung ương về TTTP, thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Việt Nam. Đồng thời, các hiệp định này cũng yêu cầu các quốc gia thành viên nỗ lực xác minh sự tồn tại của tài sản nghi là do phạm tội mà có nằm trong phạm vi thẩm quyền truy cứu TNHS của mình hay không và thông báo kết quả điều tra của mình cho quốc gia yêu cầu. Trong trường hợp phát hiện tài sản nghi là do phạm tội mà có, quốc gia được yêu cầu sẽ thực hiện các biện pháp pháp lý phù hợp để tịch thu hoặc quản lý tài sản do phạm tội mà có theo pháp luật mà quốc gia mình cho phép.

Quy định về việc trả lại tài sản do phạm tội mà có có sự khác nhau đối với mỗi quốc gia. Đa số các Hiệp định TTTP hình sự mà Việt Nam ký kết thường quy định việc trả lại tài sản do phạm tội mà có chỉ tiến hành khi có quyết định cuối cùng đối với tài sản do phạm tội mà có của tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền của quốc gia yêu cầu. Tuy nhiên, đối với Hiệp định TTTP hình sự giữa Việt Nam và Ấn Độ thì quốc gia được yêu cầu sẽ giữ lại tài sản do phạm tội mà có đã bị tịch thu, trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong từng trường hợp cụ thể; đối với Hiệp định TTTP hình sự giữa Việt Nam và Liên hợp Vương quốc Anh và Bắc Ailen thì có thể trả lại tài sản do phạm tội mà có trước khi kết thúc thủ tục tố tụng phù hợp với pháp luật của quốc gia được yêu cầu.

⁸¹ VKSND tối cao (2023), Báo cáo công tác năm 2023 của ngành Kiểm sát nhân dân.

Một số Hiệp định TTTP hình sự còn quy định về việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong các trường hợp đặc biệt như: Hiệp định giữa nước Việt Nam và Cộng hoà Ấn Độ quy định về việc thu hồi tài sản trong trường hợp tài trợ tài chính cho hoạt động khủng bố, nếu có căn cứ cho thấy cá nhân hoặc tổ chức quyên góp cho quỹ tài chính nào mà quỹ đó trực tiếp hoặc gián tiếp tài trợ hoặc giúp đỡ cho các hoạt động khủng bố trên lãnh thổ của quốc gia kia, thì sẽ tiến hành các biện pháp để khám xét, thu giữ và tịch thu quỹ tài chính đó và truy tố những người liên quan. Ngoài ra, Hiệp định TTTP hình sự giữa Việt Nam với Liên hợp Vương quốc Anh và Bắc Ailen; cũng như giữa Việt Nam và Cộng hòa Pháp đề cập đến việc quy định về phân chia tài sản hoặc các khoản tiền do phạm tội mà có tương ứng tịch thu được. Các điều khoản này nhằm mục đích tăng cường hợp tác quốc tế trong việc chống tội phạm và đảm bảo rằng tài sản do phạm tội mà có không được sử dụng để tài trợ cho bất kỳ hoạt động bất hợp pháp nào khác.

Đặc biệt, Hiệp định TTTP hình sự giữa nước Việt Nam và Ấn Độ là hiệp định TTTP song phương duy nhất có điều khoản quy định trực tiếp về trường hợp từ chối thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về việc phong tỏa, thu giữ hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có hoặc tịch thu tài sản liên quan đến hành vi/hoạt động mà không thể làm căn cứ cho việc phong tỏa, thu giữ hoặc tịch thu tài sản đó ở quốc gia được yêu cầu⁸².

Cùng với các quy định về phạm vi tương trợ về việc áp dụng các biện pháp nhằm truy tìm, khám xét, kê biên, phong tỏa, thu giữ hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có, các hiệp định TTTP giữa Việt Nam và một số quốc gia còn có quy định về nội dung và hình thức tương trợ đối với yêu cầu truy tìm, khám xét, kê biên, phong tỏa hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có, theo đó văn bản yêu cầu tương trợ phải nêu rõ, mô tả tài sản và địa điểm được yêu cầu khám xét, nhận dạng của người quản lý tài sản đó, các căn cứ tin rằng tài sản do phạm tội mà có, có thể tìm thấy ở quốc gia được yêu cầu tương trợ, và quyết

⁸² Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà Ấn Độ (2007), *Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà Ấn Độ*, tr.6.

định của cơ quan có thẩm quyền lập yêu cầu tương trợ. Ngoài ra, có thể cung cấp thêm chi tiết về tài sản liên quan trong hợp tác tìm kiếm; vị trí của tài sản và mối liên hệ trong yêu cầu tương trợ; mối liên quan, nếu có giữa tài sản và hành vi phạm tội; chi tiết về lợi ích của bên thứ ba có liên quan đối với tài sản đó; các biện pháp cần áp dụng đối với yêu cầu thu giữ tài sản do phạm tội mà có; bản sao được xác nhận lệnh kê biên, phong tỏa hoặc tịch thu và giải thích về cơ sở của việc ra lệnh nếu điều đó không được chỉ rõ trong lệnh...

Đáng chú ý, trong các Hiệp định được ký kết thời gian gần đây như Hiệp định TTTP hình sự với Hungary, Campuchia...thì VKSND tối cao đã chủ động bổ sung quy định về chi phí liên quan đến việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Điều này nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thực hiện loại yêu cầu này. Việc bổ sung quy định này vào các hiệp định TTTP hình sự được xem là một bước tiến quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia.

Như vậy, đến nay Việt Nam đã ký kết 30 hiệp định TTTP song phương có liên quan đến hợp tác quốc tế liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Các hiệp định này tạo cơ sở pháp lý vững chắc, cho phép các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam gửi đi các yêu cầu tương trợ về thu hồi tài sản do phạm tội mà có, cũng như tiếp nhận và giải quyết các yêu cầu tương trợ từ các quốc gia khác. Việc tuân thủ các điều khoản trong hiệp định đảm bảo tính ràng buộc về nghĩa vụ thực hiện tương trợ, từ đó nâng cao hiệu quả và rút ngắn thời gian thực hiện tương trợ và hợp tác quốc tế.

Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng kể trong việc hoàn thiện hệ thống chính sách và pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có nhằm nâng cao mức độ tuân thủ các yêu cầu của các Công ước, Hiệp định đã nêu trên. Việc nội luật hóa, hoàn thiện pháp luật được Việt Nam chú trọng một cách toàn diện ở các khía cạnh sẽ được đánh giá, phân tích ở phần 2.1.2. dưới đây.

2.1.2. Pháp luật Việt Nam về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Để thực hiện đầy đủ những yêu cầu, quy định trong các công ước quốc tế đa phương, hiệp định song phương đã tham gia, Việt Nam đã và đang tiến hành xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Điều này được thể hiện thông qua việc Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản pháp luật có liên quan đến hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có bao gồm BLTTHS năm 2015, Luật TTTP năm 2007, Luật phòng, chống rửa tiền năm 2022, Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 và một số luật khác có liên quan... Những văn bản pháp luật này đã tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho các cơ quan có thẩm quyền ở Việt Nam phối hợp, giúp đỡ hoặc nhận giúp đỡ của các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Trong các văn bản pháp luật trên, cơ sở pháp lý quan trọng và tập trung chủ yếu là các quy định của BLTTHS năm 2015 và Luật TTTP năm 2007. Với tư cách là đạo luật gốc, BLTTHS năm 2015 điều chỉnh toàn bộ quá trình tố tụng hình sự, những vấn đề có liên quan đến việc giải quyết vụ án hình sự trong đó bao gồm quy định về hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự nói chung và trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có nói riêng. Xuất phát từ bản chất của hoạt động hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, từ yêu cầu của việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, BLTTHS năm 2015 đã điều chỉnh các vấn đề cơ bản nhất về nguyên tắc, các nội dung chính về hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự, trong đó có hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Các nguyên tắc, nội dung cơ bản này sẽ được cụ thể hoá thành các trình tự thủ tục áp dụng cụ thể trong quy định của Luật TTTP năm 2007, đảm bảo thống nhất với các quy định trong BLTTHS năm 2015, theo tính chất giữa luật gốc và luật chuyên biệt. Hai bộ luật này đóng vai trò then chốt, xây dựng hành lang pháp lý cho hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có ở Việt Nam, thông qua việc hệ thống hóa các quy

định liên quan đến hoạt động hợp tác giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng của Việt Nam với các cơ quan tương ứng của nước ngoài. Mục tiêu là nhằm thực hiện các hoạt động tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án hình sự, bao gồm cả việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

2.1.2.1. Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

BLTTHS năm 2015 đã dành riêng Phần thứ tám - Hợp tác quốc tế, trong đó ghi nhận hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có là một trong những nội dung hợp tác quốc tế trong TTHS. Vì vậy, hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có được thực hiện theo các nguyên tắc chung về hợp tác quốc tế trong TTHS. Có thể thấy, BLTTHS năm 2015 là một trong số ít các văn bản pháp luật có phần riêng quy định trực tiếp về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, nhằm tạo điều kiện phối hợp trong công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án có yếu tố nước ngoài, góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm có yếu tố nước ngoài nói riêng, nhanh chóng và xử lý, thu hồi kịp thời tài sản do phạm tội mà có, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng và toàn cầu hoá hiện nay.

Nguyên tắc hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có được ghi nhận tại Điều 492 BLTTHS năm 2015, theo đó hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có được thực hiện dựa trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Trường hợp Việt Nam chưa ký kết hoặc chưa gia nhập điều ước quốc tế có liên quan thì việc hợp tác quốc tế trong TTHS được thực hiện theo nguyên tắc có đi có lại nhưng không trái pháp luật Việt Nam, phù hợp với pháp luật quốc tế và tập quán quốc tế.

Về quy định cơ quan trung ương trong hoạt động hợp tác quốc tế về TTTHS, bao gồm cả hoạt động hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Việt Nam, BLTTHS năm 2015 đã bổ sung thêm 01 điều luật quy định về vấn đề này tại Điều 493 BLTTHS. Theo đó, VKSND tối cao được xác định là Cơ quan trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hoạt động TTTP về hình sự và những hoạt động hợp tác quốc tế khác theo quy định của pháp luật. Việc bổ sung này đảm bảo phù hợp với Luật TTTP năm 2007 và nội luật hóa cụ thể theo các điều ước quốc tế, song phương mà Việt Nam là thành viên. Ngoài ra, còn có các quy định liên quan về hoạt động hợp tác quốc tế thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong quá trình giải quyết vụ án hình sự như quy định về giá trị pháp lý tài liệu, đồ vật thu thập được qua hợp tác quốc tế trong TTTHS; việc tiến hành TTTHS của người có thẩm quyền của Việt Nam ở nước ngoài và người có thẩm quyền của nước ngoài ở Việt Nam...

Xuất phát từ thực trạng các quy định trong một số điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định không thống nhất về phương thức xử lý tài sản do phạm tội mà có và nhằm mục đích tạo sự linh hoạt cho thực tiễn, BLTTHS năm 2015 đã bổ sung quy định về xử lý tài sản do phạm tội mà có tại Điều 507, quy định cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hợp tác với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong việc truy tìm, tạm giữ, kê biên, phong tỏa, tịch thu, xử lý tài sản do phạm tội mà có để phục vụ yêu cầu điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Đây là điều luật mới hoàn toàn của BLTTHS năm 2015 so với các quy định trước đây, được bổ sung cho phù hợp với Luật phòng chống rửa tiền, Luật phòng chống tham nhũng và nhiều văn bản pháp luật quốc tế, đặc biệt là Công ước của Liên hợp quốc về phòng chống tham nhũng mà Việt Nam là thành viên, đã yêu cầu các quốc gia thành viên thực hiện nhiều biện pháp đồng bộ nhằm hợp tác thu hồi tài sản tham nhũng. Vì vậy, điều luật này không những thể hiện việc thực hiện nghiêm chỉnh đối với cam kết quốc tế của Việt Nam khi ký kết Công ước mà còn nội

luật hóa bằng việc quy định điều luật hợp tác quốc tế về xử lý tài sản do phạm tội mà có theo yêu cầu của Công ước này.

Cụ thể hóa mục đích của hợp tác quốc tế trong việc truy tìm, tạm giữ, kê biên, phong tỏa, tịch thu tài sản do phạm tội mà có là để giải quyết vụ án hình sự tại Việt Nam hoặc tại nước ngoài, khoản 2 Điều 507 BLTTHS năm 2015 đã phân định cụ thể, rõ ràng đối với từng biện pháp mà cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hợp tác với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong lĩnh vực này để phục vụ hoạt động hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, theo đó việc truy tìm, tạm giữ, phong tỏa, kê biên, tịch thu tài sản do phạm tội mà có tại Việt Nam được thực hiện theo quy định của BLTTHS và các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Để có thể thực hiện hợp tác quốc tế với các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong hoạt động thu hồi tài sản do phạm tội mà có, thì điều kiện quan trọng là cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam phải áp dụng kịp thời, đúng quy định đối với các biện pháp truy tìm, tạm giữ, phong tỏa, kê biên, tịch thu tài sản do phạm tội mà có. Theo đó, biện pháp kê biên tài sản và phong tỏa tài khoản được quy định tại Điều 128 và Điều 129 trong BLTTHS năm 2015 nhằm ngăn ngừa khả năng tẩu tán tài sản do phạm tội mà có. Cụ thể, Điều 128 BLTTHS năm 2015 quy định kê biên tài sản chỉ áp dụng đối với bị can, bị cáo về tội mà BLHS quy định hình phạt tiền hoặc có thể bị tịch thu tài sản hoặc để bảo đảm bồi thường thiệt hại. Chỉ kê biên phần tài sản tương ứng với mức có thể bị phạt tiền, bị tịch thu hoặc phải bồi thường thiệt hại. Người có thẩm quyền kê biên gồm những người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 113 của BLTTHS và Thẩm phán chủ tọa phiên tòa.

Đối với biện pháp phong tỏa tài khoản, Điều 129 BLTTHS năm 2015 quy định điều kiện phong tỏa tài khoản chỉ áp dụng đối với người bị buộc tội về tội mà BLHS quy định hình phạt tiền, bị tịch thu tài sản hoặc để bảo đảm bồi thường thiệt hại khi có căn cứ xác định người đó có tài khoản tại tổ chức tín dụng hoặc Kho bạc Nhà nước. Phong tỏa tài khoản cũng được áp dụng đối với tài khoản của người khác nếu có căn cứ cho rằng số tiền trong tài khoản

đó liên quan đến hành vi phạm tội của người bị buộc tội. Chỉ phong tỏa số tiền trong tài khoản tương ứng với mức có thể bị phạt tiền, bị tịch thu tài sản hoặc bồi thường thiệt hại. Người được giao thực hiện lệnh phong tỏa, quản lý tài khoản bị phong tỏa mà giải tỏa việc phong tỏa tài khoản thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự. Người có thẩm quyền ra lệnh phong tỏa tài khoản được quy định tại khoản 1 Điều 113 của BLTTHS và thẩm phán chủ tọa phiên tòa

BLTTHS năm 2015 cũng quy định rõ ràng, chi tiết về kê biên tài sản và phong tỏa tài khoản đối với pháp nhân thương mại phạm tội tại Điều 437 và Điều 438. Theo đó, kê biên tài sản áp dụng đối với pháp nhân bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội mà BLHS quy định hình phạt tiền hoặc để bảo đảm bồi thường thiệt hại. Chỉ tiến hành kê biên phần tài sản tương ứng với mức có thể bị tịch thu, phạt tiền hoặc bồi thường thiệt hại. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục kê biên tài sản được thực hiện tương tự như trường hợp kê biên tài sản đối với cá nhân theo quy định tại Điều 128 của BLTTHS. Sau khi kê biên, tài sản được giao cho người đứng đầu pháp nhân có trách nhiệm bảo quản; nếu người này để xảy ra việc tiêu dùng, sử dụng trái phép, đánh tráo, cất giấu, chuyển nhượng, hủy hoại tài sản bị kê biên thì người này phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Đối với biện pháp phong tỏa tài khoản của pháp nhân được áp dụng đối với pháp nhân bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội mà BLHS quy định hình phạt tiền hoặc để bảo đảm bồi thường thiệt hại và có căn cứ xác định pháp nhân đó có tài khoản tại Kho bạc Nhà nước hoặc tổ chức tín dụng. Trong trường hợp nếu có căn cứ xác định số tiền trong tài khoản của cá nhân, tổ chức khác liên quan đến hành vi phạm tội của pháp nhân thì cũng được áp dụng biện pháp này. Tuy nhiên, chỉ được phong tỏa số tiền tương ứng với mức có thể phạt tiền hoặc bồi thường thiệt hại. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục phong tỏa tài khoản được thực hiện tương tự như trường hợp phong tỏa tài khoản đối với cá nhân phạm tội theo quy định tại Điều 129 của BLTTHS.

Biện pháp tịch thu tài sản và tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm quy định ở BLHS năm 2015 là chế định pháp luật được Tòa án thường

xuân áp dụng trong quá trình xét xử các vụ án hình sự. Các quy định này có mối liên hệ mật thiết với việc xử lý vật chứng theo quy định ở BLTTHS năm 2015. Cụ thể, cả hai bộ luật cùng có quy định tương đồng về nội dung xử lý của chế tài tịch thu sung quỹ Nhà nước; công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; vật hoặc tiền do phạm tội mà có hoặc do mua bán đổi chác những thứ ấy mà có; chế tài trả lại vật, tiền bạc cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp trong trường hợp vật, tiền bạc đó bị người phạm tội chiếm đoạt hoặc dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội. Đối với biện pháp tịch thu tài sản, theo pháp luật Việt Nam chỉ được thực hiện trên cơ sở bản án hình sự có hiệu lực pháp luật của tòa án. Điều này có nghĩa là Việt Nam không thể thực hiện các lệnh tịch thu tài sản của nước ngoài mà không trên cơ sở kết án nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, tránh việc tịch thu tài sản một cách tùy tiện. Tuy nhiên, trong trường hợp này, Việt Nam có thể cung cấp các hình thức hỗ trợ khác cho các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài như truy tìm, phong tỏa tài sản...

Khoản 3 Điều 507 BLTTHS năm 2015 đã quy định rõ ràng, cụ thể việc xử lý, phân chia, trả lại tài sản do phạm tội mà có tại Việt Nam được thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết, tham gia hoặc theo thỏa thuận giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài có liên quan trong từng vụ việc cụ thể. Việc bổ sung, quy định nêu trên là phù hợp với quy định của các bộ luật khác của Việt Nam, tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có, đáp ứng với yêu cầu thực tiễn phòng, chống tội phạm hiện nay và trong thời gian tới.

Có thể thấy những quy định trên của BLTTHS năm 2015 đã làm rõ được nguyên tắc, phạm vi, các biện pháp thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có, tuy nhiên mới chỉ dừng lại ở việc quy định chung, đến nay vẫn còn thiếu các quy định chi tiết về quy trình và thủ tục thực hiện hợp tác quốc tế liên quan đến việc phong tỏa, thu giữ tài sản trên lãnh thổ Việt Nam theo yêu cầu từ tòa án nước ngoài khi có lệnh tịch

thu tài sản. Bên cạnh đó, cũng chưa có hành lang pháp lý rõ ràng về việc chuyển hóa tố tụng, công nhận và thi hành các lệnh tịch thu, quyết định của nước ngoài để chúng có giá trị pháp lý và hiệu lực trên lãnh thổ Việt Nam.

Như vậy, các quy định về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có trên thể hiện sự linh hoạt và khả năng thích ứng của tố tụng hình sự Việt Nam trước những thay đổi của tình hình tội phạm và yêu cầu cải cách tư pháp. Việc cho phép cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hợp tác với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong việc truy tìm, tạm giữ, kê biên, phong tỏa, tịch thu, xử lý tài sản do phạm tội mà có để phục vụ yêu cầu điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự là một bước cần thiết để đối phó hiệu quả với các trường hợp tội phạm có yếu tố nước ngoài, đặc biệt là tội phạm tham nhũng, rửa tiền, tội phạm có tổ chức. Các quy định về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong BLTTHS năm 2015 đã tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có một cách hiệu quả, nhanh chóng, kịp thời, góp phần tích cực vào việc đấu tranh, xử lý tội phạm có yếu tố nước ngoài và thúc đẩy quan hệ hợp tác quốc tế sâu rộng của Việt Nam với các quốc gia khác trong lĩnh vực này.

2.1.2.2. Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 và Luật Tương trợ tư pháp về hình sự năm 2025

Trên cơ sở BLTTHS năm 2015, Luật TTTP năm 2007 cụ thể hoá, hệ thống hóa các quy định liên quan đến hoạt động hợp tác giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng của Việt Nam với các cơ quan tương ứng của nước ngoài nhằm thực hiện các hoạt động tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án hình sự, bao gồm cả việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Các quy định liên quan đến hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản được quy định chi tiết tại Chương III tập trung về hợp tác TTTP hình sự và Chương VI xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong hoạt động TTTP.

Điều 17 Luật TTTP năm 2007 quy định về phạm vi TTTP hình sự giữa Việt Nam và nước ngoài bao gồm: (i) Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến tương trợ tư pháp về hình sự; (ii) Triệu tập người làm chứng, người giám định; (iii) Thu thập, cung cấp chứng cứ; (iv) Truy cứu trách nhiệm hình sự; (v) Trao đổi thông tin; (vi) Các yêu cầu tương trợ tư pháp khác về hình sự. Có thể thấy, phạm vi TTTP hình sự không chỉ rõ nội dung TTTP trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Tuy nhiên, có thể vận dụng “*Các yêu cầu tương trợ khác về hình sự*” tại khoản 6 Điều 17 để thực hiện TTTP hình sự về thu hồi tài sản do phạm tội mà có khi có yêu cầu. Về phạm vi TTTP hình sự này, cần xem xét lại để đảm bảo sự tương thích với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, đồng thời đáp ứng nhu cầu thực tiễn hiện nay. Có thể thấy, quy định phạm vi TTTP hình sự tại Điều 17 còn chưa phù hợp, các hoạt động phong tỏa, kê biên, thu giữ, tịch thu và xử lý tài sản do phạm tội mà có hay công cụ, phương tiện phạm tội... là những hoạt động TTTP đã được quy định trong nhiều điều ước quốc tế đa phương, song phương về TTTP hình sự mà Việt Nam là thành viên và đã phát sinh trong thực tiễn nhưng lại chưa được quy định cụ thể, rõ ràng trong Luật TTTP năm 2007.

Nguyên tắc hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có được ghi nhận ghi nhận tại Điều 4 Luật TTTP thống nhất với Điều 492 BLTTHS, các nguyên tắc này giữ vai trò chỉ đạo, bao trùm trong suốt quá trình thực hiện các hoạt động TTTP hình sự. Theo đó, TTTP hình sự được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và các bên cùng có lợi, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Để thực hiện hợp tác quốc tế trong việc truy tìm, tạm giữ, kê biên, phong tỏa, tịch thu, xử lý tài sản do phạm tội mà có thì trước hết cần phải có văn bản yêu cầu TTTP hình sự. Yêu cầu TTTP hình sự liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có được thực hiện theo các quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều

19 Luật TTTP năm 2007. Theo đó, hồ sơ ủy thác tư pháp về hình sự phải có các văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền yêu cầu TTTP hình sự và văn bản ủy thác tư pháp về hình sự quy định tại Điều 19 của Luật TTTP. Trong hoạt động ủy thác thu hồi tài sản do phạm tội mà có, theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài, văn bản ủy thác tư pháp về hình sự có thể bao gồm các nội dung:

- + Mô tả về tài sản và nơi có tài sản cần tìm; căn cứ để xác định tài sản do phạm tội mà có đang nằm tại nước yêu cầu và có thể thuộc quyền tài phán của nước đó; việc thực hiện bản án, quyết định của Tòa án đối với ủy thác về truy tìm, khám xét, thu giữ, tịch thu tài sản do phạm tội mà có.

- + Biện pháp cần áp dụng đối với ủy thác tư pháp về hình sự nhằm dẫn đến việc phát hiện hoặc thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Khoản 2, Điều 19 Luật TTTP năm 2007 cũng quy định rằng yêu cầu TTTP có thể bao gồm thông tin và biện pháp để thực hiện việc phát hiện hoặc thu hồi tài sản do phạm tội mà có, tùy từng trường hợp và theo yêu cầu cụ thể của cơ quan có thẩm quyền. Quy định yêu cầu cung cấp thông tin bổ sung hoặc hướng dẫn cụ thể hơn đối với các yêu cầu thu hồi tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật TTTP năm 2007. Theo đó, nếu thông tin trong văn bản ủy thác tư pháp về hình sự chưa đủ để thực hiện ủy thác, cơ quan có thẩm quyền của quốc gia được yêu cầu có quyền gửi văn bản đề nghị quốc gia yêu cầu cung cấp thêm thông tin và ấn định rõ thời hạn trả lời kết quả bổ sung, đảm bảo quá trình TTTP diễn ra hiệu quả. Quy định về hồ sơ ủy thác, văn bản ủy thác tại Điều 19 Luật TTTP năm 2007 bộc lộ một số điểm bất cập, cụ thể như chưa quy định đến hình thức gửi hồ sơ ủy thác tư pháp điện tử. Điều này đi ngược lại với xu thế hội nhập quốc tế, khi nhiều Hiệp định TTTP về hình sự giữa Việt Nam và các nước khác đã quy định và triển khai phương thức này trên thực tế. Việc bổ sung quy định này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả và tính kịp thời trong quá trình tiếp nhận, giải quyết yêu cầu TTTP về hình sự, đồng thời bắt kịp với thông lệ quốc tế.

Các trường hợp từ chối uỷ thác tư pháp về hình sự của nước ngoài được quy định tại Điều 21 Luật TTTP 2007, bao gồm 05 trường hợp sau: (1) Gây phương hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia; (2) Không phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các quy định của pháp luật Việt Nam; (3) Liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự một người về hành vi phạm tội mà người đó đã bị kết án, được tuyên không có tội hoặc được đại xá, đặc xá tại Việt Nam; (4) Liên quan đến hành vi phạm tội đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của BLHS Việt Nam; (5) Liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật nhưng không cấu thành tội phạm theo quy định của BLHS Việt Nam. So sánh giữa hai bộ luật là BLTTHS năm 2015 và Luật TTTP năm 2007 thấy rằng không có quy định về căn cứ từ chối thực hiện yêu cầu TTTP trong BLTTHS. Do vậy, để tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có, cần hoàn thiện, bổ sung quy định trong BLTTHS năm 2015 để thống nhất về quy định giữa hai bộ luật. Điều này phù hợp với đặc điểm tình hình hợp tác đấu tranh phòng chống tội phạm trong đó bao gồm việc hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Quy định trách nhiệm cung cấp các thông tin, bản án, quyết định hình sự của các cơ quan có liên quan khi thực hiện TTTP hình sự nói chung và thu hồi tài sản do phạm tội mà có nói riêng được quy định tại Điều 26 Luật TTTP năm 2007. Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc của nước ngoài, VKSND tối cao yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài hoặc cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền của Việt Nam cung cấp các thông tin liên quan đến yêu cầu TTTP hình sự hoặc bản sao bản án, quyết định hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật đối với công dân của nước yêu cầu.

Về chi phí thực hiện yêu cầu TTTP hình sự về thu hồi tài sản do phạm tội mà có giữa Việt Nam với quốc gia khác, Điều 31 Luật TTTP năm 2007 quy định chi phí này do quốc gia yêu cầu chi trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác. Trong trường hợp Việt Nam chịu chi phí TTTP hình sự, ngân sách nhà nước sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho việc thực hiện uỷ thác tư pháp về hình sự.

Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong hoạt động TTTP, bao gồm cả hoạt động TTTP về hình sự được quy định từ Điều 61 đến Điều 70 Luật TTTP năm 2007. Có thể thấy, những quy định này cũng bộc lộ một số bất cập, hạn chế như chưa quy định rõ ràng về cơ quan thực hiện TTTP hình sự của nước ngoài đối với từng loại yêu cầu tương trợ cụ thể. Mặc dù VKSND tối cao được giao trách nhiệm tiếp nhận, theo dõi và đôn đốc việc thực hiện ủy thác tư pháp hình sự song Luật TTTP năm 2007 vẫn chưa có quy định cụ thể xác định vai trò là Cơ quan trung ương trong hoạt động TTTP hình sự.

Để kịp thời khắc phục những hạn chế, bất cập bộc lộ trong quá trình thi hành Luật Tương trợ tư pháp năm 2007, ngày 26/11/2025 Quốc hội đã thông qua Luật Tương trợ tư pháp về hình sự, dự kiến có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026. Mặc dù chưa chính thức có hiệu lực, nhưng Luật Tương trợ tư pháp về hình sự năm 2025 đã thể hiện rõ tính kế thừa và phát triển khi tiếp tục giữ lại những quy định còn phù hợp của Luật TTTP năm 2007, đồng thời bổ sung nhiều nội dung mới mang tính đột phá, đáp ứng yêu cầu thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Nổi bật là việc mở rộng phạm vi tương trợ tư pháp về hình sự, cho phép áp dụng đầy đủ hơn các biện pháp tố tụng nhằm bảo đảm việc tịch thu, trao trả, xử lý vật chứng, tài sản liên quan đến tội phạm, qua đó nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Bên cạnh đó, Luật đã chính thức ghi nhận nguyên tắc có đi có lại trong hoạt động tương trợ tư pháp hình sự, tạo cơ sở pháp lý linh hoạt cho việc hợp tác với các quốc gia chưa ký kết điều ước quốc tế với Việt Nam. Việc quy định Viện kiểm sát nhân dân tối cao là cơ quan trung ương của Việt Nam trong tương trợ tư pháp về hình sự đã góp phần khắc phục tình trạng phân tán đầu mối, bảo đảm sự thống nhất, tập trung trong tiếp nhận, xử lý và chuyển giao các yêu cầu tương trợ tư pháp. Đồng thời, Luật cũng quy định cụ thể, chặt chẽ hơn về quy trình, thủ tục và thời hạn xử lý đối với việc tiếp nhận và giải quyết các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của Việt Nam gửi đi cũng như các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình

sự của nước ngoài gửi đến, qua đó nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm và hiệu quả thực thi pháp luật trong lĩnh vực hợp tác trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

2.1.2.3. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018

Ở Việt Nam, việc thu hồi tài sản và hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có chủ yếu ở lĩnh vực tham nhũng, các lĩnh vực khác thường ít xảy ra hơn. Vì vậy, việc thu hồi tài sản có ý nghĩa quan trọng trong các vụ án tham nhũng, là yếu tố then chốt trong chiến lược phòng, chống tham nhũng của Việt Nam. Đặc biệt, việc thu hồi tài sản sẽ góp phần khắc phục một phần hoặc toàn bộ thiệt hại do hành vi tham nhũng gây ra cho nhà nước, tổ chức, cá nhân. Nhận thức được tính chất đặc biệt nguy hiểm của tội phạm tham nhũng và tầm quan trọng của việc thu hồi tài sản tham nhũng nên các quy định về thu hồi tài sản tham nhũng được nhà nước Việt Nam quan tâm xây dựng từ rất sớm để đấu tranh phòng, chống tham nhũng hiệu quả. Cùng với quá trình phát triển, các quy định về thu hồi tài sản của Việt Nam cũng đã ngày càng hoàn thiện hơn. Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 cùng với Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/07/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tham nhũng đã điều chỉnh tương đối toàn diện các vấn đề về hoạt động đấu tranh phòng, chống tham nhũng, trong đó đặc biệt chú trọng đến hoạt động thu hồi tài sản tham nhũng: “quy định về nguyên tắc tài sản tham nhũng phải được thu hồi, tịch thu, trả lại cho chủ sở hữu, quản lý hợp pháp hoặc sung công quỹ nhà nước; thiệt hại do hành vi tham nhũng gây ra phải được khắc phục; người có hành vi tham nhũng gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật” (Điều 93).

Trong hệ thống các văn bản pháp luật của Việt Nam có quy định về hợp tác thu hồi tài sản, Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 có vai trò và ý nghĩa quan trọng, đã dành riêng Chương VIII để quy định về hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng của Việt Nam. Theo đó, những nguyên tắc chung

trong hợp tác quốc tế được quy định tại Điều 89 Luật phòng, chống tham nhũng, cụ thể Việt Nam cam kết thực hiện các điều ước quốc tế về phòng, chống tham nhũng mà Việt Nam là thành viên dựa trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và các bên cùng có lợi. Khoản 2 Điều 90 quy định rõ trách nhiệm thực hiện hợp tác quốc tế về tương trợ tư pháp trong phòng, chống tham nhũng. Các cơ quan như VKSND tối cao, TAND tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại được giao thực hiện hợp tác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Mỗi cơ quan có vai trò cụ thể trong việc đảm bảo tuân thủ các quy định và thực hiện hiệu quả hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản tham nhũng. Theo quy định tại Điều 91 về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản tham nhũng thì các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hợp tác với các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong việc kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản, tịch thu hoặc thu hồi tài sản tham nhũng. Quá trình này phải tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, đồng thời đảm bảo phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam. Mục tiêu cuối cùng là trả lại tài sản đó cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp dựa trên khuôn khổ pháp lý đã được thiết lập. Quy định như trên là phù hợp với các quy định của pháp luật quốc tế và tình hình quốc tế về thu hồi tài sản, tạo thuận lợi cho việc thiết lập và đẩy mạnh hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản. Điều này khẳng định tính chủ động của Việt Nam trong cuộc chiến chống tham nhũng toàn cầu và thu hồi tài sản, cũng như phù hợp với yêu cầu thực tiễn hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản, đảm bảo sự tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 không chỉ thiết lập các nguyên tắc chung về hợp tác quốc tế mà còn quy định về trách nhiệm thực hiện hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng. VKSND tối cao đóng vai trò then chốt, là cơ quan trung ương về hợp tác quốc tế thu hồi tài sản tham nhũng trong tổ tụng hình sự. Trách nhiệm này bao gồm tiếp nhận, xử lý các yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự của nước ngoài liên quan đến việc thu hồi tài sản

tham nhũng, đồng thời có thẩm quyền đề nghị các quốc gia khác thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự, hỗ trợ Việt Nam trong việc thu hồi tài sản tham nhũng bị tẩu tán ra nước ngoài. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND tối cao theo quy định của pháp luật có nhiều nội dung trực tiếp liên quan đến nhiều điều khoản trong chế định thu hồi tài sản trong Công ước UNCAC, điển hình các hoạt động hợp tác thu hồi tài sản thông qua cơ quan trung ương về tương trợ tư pháp hình sự trong đó có các yêu cầu về kê biên, phong tỏa, tạm giữ, tịch thu và trả lại tài sản tham nhũng (Điều 54 - 57; Điều 59 Công ước)⁸³. Các cơ quan khác như Bộ Tư pháp, Bộ ngoại giao, Thanh tra Chính phủ...có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với VKSND tối cao trong hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng.

Như vậy, việc ban hành Luật phòng, chống tham nhũng năm 2018 đánh dấu cột mốc quan trọng trong tiến trình xây dựng pháp luật về phòng chống tham nhũng và thu hồi tài sản tham nhũng tại Việt Nam. Văn bản này tạo nền tảng pháp lý vững chắc, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động hợp tác quốc tế hiệu quả với các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong thu hồi tài sản tham nhũng nói riêng và thu hồi tài sản do phạm tội mà có nói chung.

2.1.2.4. Luật phòng, chống rửa tiền năm 2022

Do tính chất xuyên quốc gia của tội phạm rửa tiền nên việc xây dựng cơ sở pháp lý cho hợp tác thu hồi tài sản của người phạm tội rửa tiền là vấn đề được Việt Nam rất quan tâm. Điều đó được thể hiện qua việc ban hành luật phòng chống rửa tiền năm 2022; Nghị định số 19/2023/NĐ-CP ngày 28/4/2023 về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền. Được ban hành ngày 15/11/2022, có hiệu lực thi hành từ 01/3/2023, Luật Phòng, chống rửa tiền tại Việt Nam đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc thiết lập hành lang pháp lý cho công tác phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản của tội phạm rửa tiền.

⁸³ Lê Tiến (2017), “Chế định thu hồi tài sản tham nhũng và nhiệm vụ của cơ quan đầu mối về thu hồi tài sản tham nhũng theo Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 15/2017, tr.31.

Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 với cấu trúc gồm 4 chương và 66 điều, đặc biệt chú trọng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống rửa tiền. Các điều khoản liên quan đến hợp tác quốc tế tập trung vào các nội dung chủ yếu như nguyên tắc chung, phạm vi hợp tác và trách nhiệm của cơ quan nhà nước có liên quan, cụ thể:

Các nguyên tắc của hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền được quy định bao gồm nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia. Đảm bảo sự bình đẳng và lợi ích chung giữa các bên tham gia, đồng thời tuân thủ nghiêm quy định pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, tham gia.

Nội dung hợp tác quốc tế trong phòng, chống rửa tiền được xác định tại khoản 2 Điều 6 Luật phòng, chống rửa tiền như sau: (1) Xác định, phong tỏa tài sản của người phạm tội rửa tiền; (2) Thực hiện tương trợ tư pháp; (3) Trao đổi, cung cấp, chuyển giao thông tin về phòng, chống rửa tiền với cơ quan có thẩm quyền nước ngoài; (4) Nghiên cứu, đào tạo, hỗ trợ thông tin, hỗ trợ kỹ thuật, trợ giúp tài chính và trao đổi kinh nghiệm về phòng, chống rửa tiền; và (5) Nội dung hợp tác khác về phòng, chống rửa tiền theo quy định của pháp luật. Như vậy, thực hiện tương trợ tư pháp chỉ là một nội dung của hợp tác quốc tế, việc thực hiện hoạt động này như thế này sẽ phải tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành khác.

Có thể thấy, các hoạt động phòng, chống rửa tiền đa dạng và chia thành hai nhóm: (1) nhóm mang tính chất phòng ngừa bao gồm các hoạt động như trao đổi, cung cấp, chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài đối với các thông tin về phòng, chống rửa tiền; nghiên cứu, đào tạo, hỗ trợ thông tin, kỹ thuật, tài chính, trao đổi kinh nghiệm về phòng, chống rửa tiền; (2) nhóm mang tính chất đấu tranh bao gồm các hoạt động xác định, phong tỏa tài sản của người phạm tội rửa tiền và thực hiện tương trợ tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử tội phạm rửa tiền. Căn cứ pháp lý để thực hiện các biện pháp trên chủ yếu là BLTTHS và Luật TTTP. Tuy nhiên, theo điểm a Khoản 2 Điều 6 Luật Phòng, chống rửa tiền 2022 thì các biện pháp này chủ yếu bao

gồm quy định về phong tỏa tài khoản (Điều 129). Trong khi đó, các quy định về kê biên tài sản (Điều 128) và tịch thu tài sản, phong tỏa tài khoản đối với pháp nhân phạm tội (Điều 437, Điều 438) sẽ không được áp dụng trong lĩnh vực phòng, chống rửa tiền theo Luật này.

Như vậy, cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản hoặc niêm phong, tạm giữ tài sản của người phạm tội rửa tiền theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự để ngăn chặn tẩu tán tài sản liên quan đến rửa tiền, đồng thời thực hiện tương trợ tư pháp nhằm hợp tác quốc tế hiệu quả. Quy trình, thủ tục và phương thức hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản về xác định, phong tỏa tài sản của người phạm tội rửa tiền được thực hiện theo điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, các thỏa thuận quốc tế đã ký kết cũng như các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2.1.2.5. Các văn bản khác có liên quan

Cùng với các văn bản quy phạm pháp luật trên, hệ thống pháp luật Việt Nam còn có nhiều văn bản pháp luật khác liên quan đến hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, bao gồm: Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi năm 2014), Luật phòng chống khủng bố năm 2013, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015, Thông tư liên tịch số 139/TT-LB ngày 12/03/1984 của Bộ Tư pháp, VKSND tối cao, TAND tối cao, Bộ nội vụ, Bộ ngoại giao về việc thi hành hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự, hôn nhân gia đình, hình sự đã ký giữa Việt Nam với các nước; Thông tư số 163 ngày 25/03/1993 của Bộ Tư pháp về thực hiện ủy thác tư pháp của tòa án nước ngoài, Nghị định 122/2013/NĐ-CP ngày 11/10/2013 của Chính phủ quy định về tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ và xử lý đối với tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố; Hướng dẫn số 38/HD-VKSTC ngày 24/12/2019 của VKSND tối cao về lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi VKSND tối cao Trung Quốc; Hướng dẫn số 12/HD-VKSTC ngày 13/01/2020 của VKSND tối cao về Công tác hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp năm 2020...

Nội dung các văn bản pháp luật trên quy định các vấn đề liên quan đến hợp tác quốc tế trong TTHS, cơ quan có thẩm quyền hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, các biện pháp thực hiện thu hồi tài sản do phạm tội mà có, yêu cầu TTTP về thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Mặc dù được ban hành vào các thời điểm khác nhau nhưng các quy định liên quan đến nội dung hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong các văn bản pháp luật trên đã bước đầu đảm bảo được tính thống nhất.

2.1.3. Nhận xét, đánh giá pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

2.1.3.1. Ưu điểm

Đối với các văn bản pháp lý quốc tế đa phương, song phương mà Việt Nam là thành viên

Tuy còn nằm phân tán ở các điều ước quốc tế đa phương nhưng nhìn chung hệ thống các văn bản pháp lý quốc tế mà Việt Nam tham gia về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có đã tương đối đầy đủ. Số lượng các hiệp định song phương giữa Việt Nam và các quốc gia khác về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có ngày càng gia tăng. Điều này phù hợp với khuyến nghị của Liên hợp quốc về ký kết các thỏa thuận quốc tế trong hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có theo quy định tại Điều 5 Công ước của Liên hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần về tịch thu tài sản: “*Các bên cố gắng ký kết những hiệp ước, hiệp định hoặc thỏa thuận song phương hoặc đa phương nhằm tăng cường hiệu quả của hợp tác quốc tế để thực hiện Điều này*”; Điều 13 UNTOC về hợp tác quốc tế trong việc tịch thu tài sản: “*Các Quốc gia thành viên sẽ cân nhắc việc ký kết các điều ước, hiệp định hay thỏa thuận song phương và đa phương để tăng cường tính hiệu quả của hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Điều này*” và Điều 59 UNCAC về thỏa thuận và dàn xếp song phương và đa phương: “*Các quốc gia thành viên sẽ xem xét việc ký kết các thỏa thuận hoặc dàn xếp song phương hoặc đa phương nhằm nâng*

cao hiệu quả của hợp tác quốc tế theo quy định tại Chương này của Công ước”. Các quy định này nêu lên sự cần thiết của việc ra đời thêm các văn kiện pháp lý giữa các quốc gia thành viên bên cạnh các Công ước, nếu các văn kiện thỏa thuận đó mang lại hiệu quả cho hoạt động hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Chính vì vậy, cân nhắc tương quan với bối cảnh điều kiện Việt Nam hiện nay, việc chủ động hội nhập quốc tế, gia tăng số lượng các hiệp định song phương giữa Việt Nam và các quốc gia khác về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có đã góp phần nâng cao tính tương thích, phù hợp của pháp luật Việt Nam với pháp luật, thông lệ quốc tế, tạo ra các khuôn khổ pháp lý linh hoạt phù hợp với bối cảnh, tình hình quan hệ, hợp tác của Việt Nam trong lĩnh vực này.

Các điều khoản cụ thể về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong các hiệp định trên, cùng với các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên tạo thành khung pháp lý quan trọng, trực tiếp, gồm những điều khoản cụ thể, đầy đủ, hài hòa hóa pháp luật TTTP hình sự giữa Việt Nam với các nước ký kết, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có giữa Việt Nam với các quốc gia trên thế giới. Thông qua các quy định các biện pháp cụ thể đã đề ra, hiệu quả hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có đã được cải thiện, đánh dấu bước tiến quan trọng trong hợp tác thực chất giữa các bên trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Đối với pháp luật Việt Nam về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Việc nội luật hóa các điều ước quốc tế là một quá trình liên tục và phức tạp, đòi hỏi sự cân nhắc kỹ lưỡng để đảm bảo rằng pháp luật quốc gia phù hợp với các cam kết quốc tế mà không gây ra những tác động tiêu cực đến lợi ích của quốc gia. Quá trình nghiên cứu cho thấy, Việt Nam đã không ngừng nội luật hóa, điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có theo hướng nâng cao mức độ tương thích và

đáp ứng các yêu cầu trong công ước của Liên hợp quốc liên quan đến hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản. Hệ thống pháp luật Việt Nam về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có đã đáp ứng phần lớn các quy định của Công ước, đặc biệt là các quy định có tính chất bắt buộc, cụ thể:

Về nguyên tắc hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có: Điều 492 BLTTHS năm 2015 quy định hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có được thực hiện dựa trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi. Quy định này đã nội luật hóa đầy đủ các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế, bản chất chủ quyền và tính toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia được công nhận và bảo vệ trong Điều 4 UNCAC, cụ thể UNCAC không cho phép bất kỳ bên tham gia nào thực hiện bất kỳ chức năng nào trên lãnh thổ của một bên tham gia khác mà theo luật pháp chỉ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của bên tham gia đó. Điều 51 UNCAC công nhận rằng việc trả lại tài sản là một “nguyên tắc cơ bản” và yêu cầu các bên tham gia sẽ cung cấp cho nhau mức độ hợp tác và hỗ trợ rộng nhất trong việc này.

Ngoài ra, khi so sánh với quy định về nguyên tắc hợp tác quốc tế này tại BLTTHS năm 2003, việc điều chỉnh ngắn gọn, bỏ bớt nội dung “phù hợp với nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế” tại Điều 492 BLTTHS năm 2015 so với BLTTHS năm 2003 là phù hợp với thực tiễn, khi nội luật hóa thành các quy định của pháp luật về hợp tác quốc tế trong TTHS nói chung, hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có nói riêng đều phải dựa trên cơ sở phù hợp với pháp luật quốc tế, đảm bảo tính tương thích với pháp luật và thông lệ quốc tế. Đồng thời, trong các điều ước song phương liên quan đến hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có với các quốc gia khác đã cụ thể hóa hoặc thừa nhận các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế trong các văn bản này nên không cần phải nhắc lại ở BLTTHS.

Đối chiếu với quy định tại Điều 12 của Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hiến chương Liên hợp quốc về hợp tác quốc tế, có thể thấy

những nguyên tắc hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có được quy định tại Điều 492 BLTTHS năm 2015 là hoàn toàn phù hợp. Đồng thời, so sánh quy định về các nguyên tắc hợp tác quốc tế giữa Điều 492 BLTTHS năm 2015, Điều 4 Luật TTTP năm 2007, Điều 91 Luật phòng chống tham nhũng, Điều 6 Luật phòng chống rửa tiền đều thống nhất về nội dung được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật của Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Như vậy, các quy định về nguyên tắc hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Việt Nam không chỉ đạt được tiêu chí bảo vệ lợi ích quốc gia mà còn đảm bảo được tính đồng bộ, toàn diện và thống nhất, không xung đột, chồng chéo giữa các quy định pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Về cơ quan trung ương, tuân thủ quy định về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có theo Công ước UNTOC (khoản 13 Điều 18) và Công ước UNCAC (khoản 13 Điều 46, mỗi quốc gia thành viên cần chỉ định một Cơ quan trung ương. Cơ quan này có thẩm quyền tiếp nhận yêu cầu TTTP, trực tiếp thi hành hoặc chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền. Thông báo về việc chỉ định Cơ quan trung ương cần được gửi đến Tổng thư ký Liên Hợp Quốc khi quốc gia thành viên nộp văn kiện phê chuẩn, chấp nhận hoặc gia nhập các Công ước trên. Thực hiện đầy đủ quy định trên, Việt Nam đã chỉ định VKSND tối cao là Cơ quan trung ương về TTTP hình sự, hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có⁸⁴ và đã được cụ thể hóa tại Điều 493 BLTTHS năm 2015 và Điều 91 Luật phòng chống tham nhũng năm 2018. Điều này đảm bảo tính tương thích, minh bạch và hiệu quả trong hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

⁸⁴ Vụ 13 VKSND tối cao (2017), Chuyên đề Chế định thu hồi tài sản tham nhũng và nhiệm vụ của cơ quan đầu mối về thu hồi tài sản tham nhũng theo Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng, tr.20.

2.1.3.2. Những hạn chế, tồn tại

a. Đối với các văn bản pháp lý quốc tế đa phương, song phương mà Việt Nam là thành viên

Số lượng các điều ước quốc tế đa phương về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có mà Việt Nam là thành viên chưa thật sự đầy đủ. Việt Nam mới chỉ tham gia 03/04 công ước quốc tế liên quan về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có như đã phân tích ở mục 2.1.1.1. Đối với điều ước quốc tế còn lại là Công ước chống hối lộ công chức nước ngoài trong giao dịch kinh doanh quốc tế (OECD Convention on Combating Bribery of Foreign Public Officials in International Business Transactions)⁸⁵ thì Việt Nam chưa tham gia. Công ước này được Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) thông qua năm 1997. Theo đó, đến năm 2023, đã có 46 quốc gia gồm 38 quốc gia thành viên OECD và 8 nước không thành viên đã ký kết Công ước này⁸⁶. Công ước này quy định các chuẩn mực pháp lý mang tính ràng buộc nhằm hình sự hóa hành vi hối lộ của các quan chức nước ngoài trong các giao dịch kinh doanh quốc tế. Đồng thời, công ước đưa ra một loạt các biện pháp liên quan, bao gồm cả việc thu hồi tài sản thông qua hợp tác quốc tế. Mục tiêu là tịch thu các tài sản có nguồn gốc từ hành vi hối lộ của một quan chức nước ngoài, hoặc tài sản có giá trị tương đương với số tiền thu được. Đây được coi là công cụ chống tham nhũng quốc tế đầu tiên và duy nhất tập trung vào “bên cung” của giao dịch hối lộ - người hoặc tổ chức chào hàng, hứa hẹn hoặc đưa hối lộ, tạo ra cơ sở pháp lý cho các quốc gia ký kết trong việc thu hồi tài sản và hợp tác giúp đỡ lẫn nhau giữa các bên.

Nội dung quy định trong các điều ước quốc tế đa phương về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có mà Việt Nam tham gia trên vẫn mang tính khái quát, chưa xây dựng được một định nghĩa pháp lý chính

⁸⁵ OECD (1997), Công ước về chống hối lộ công chức nước ngoài trong giao dịch kinh doanh quốc tế, xem thêm tại: http://www.oecd.org/daf/anti-bribery/ConvCombatBribery_ENG.pdf

⁸⁶ Convention on Combating Bribery of Foreign Public Officials in International Business Transactions, Signatory Countries, xem thêm tại <http://www.oecd.org/corruption/oecdantibriberyconvention.htm>, truy cập ngày 20/9/2023.

xác, đầy đủ về thu hồi tài sản do phạm tội mà có làm cơ sở pháp lý chuẩn mực để các quốc gia nội luật hóa. Trong khuôn khổ các điều ước quốc tế đa phương, những nguyên tắc cơ bản về thu hồi tài sản, đặc biệt là hợp tác quốc tế vẫn chưa được hệ thống hóa một cách toàn diện. Nghĩa vụ hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có chưa được quy định một cách chặt chẽ, các quy định về hợp tác thu hồi tài sản mới chỉ tập trung vào các biện pháp hợp tác cụ thể, song lại thiếu cơ chế hữu hiệu để đảm bảo thực thi. Số lượng các quy phạm quy định về trách nhiệm của các quốc gia thành viên trong các hoạt động liên quan đến hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản còn hạn chế. Mức độ chi tiết của các quy định về hợp tác thu hồi tài sản trong các điều ước quốc tế còn thấp. Sự thiếu hụt các quy phạm chi tiết này khiến quá trình thực hiện còn phụ thuộc nhiều vào thiện chí hợp tác của các quốc gia, cũng như các thỏa thuận song phương. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của hoạt động hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Mặc dù đã chủ động tham gia ký kết nhiều Hiệp định song phương về TTTP hình sự, hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có tuy nhiên có thể thấy số lượng các điều ước song phương trực tiếp liên quan đến lĩnh vực này vẫn còn hạn chế so với nhu cầu thực tế. Hợp tác song phương về thu hồi tài sản giữa Việt Nam và các quốc gia chủ yếu vẫn dựa trên các hiệp định TTTP hình sự, trong khi đó số lượng các hiệp định này còn khiêm tốn (30 Hiệp định) như đã phân tích ở mục 2.1.1.3 nên chưa đủ để đáp ứng nhu cầu của ngày càng tăng về hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Bên cạnh nguyên tắc có đi có lại, hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có còn được thực hiện chủ yếu trên cơ sở các hiệp định đa phương và song phương do đó việc còn thiếu các cơ sở pháp lý bổ sung là các hiệp định về TTTP song phương là điểm hạn chế lớn nhất hiện nay trong việc triển khai hợp tác TTTP liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có với các quốc gia khác. Điều này sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi các quy định của pháp luật trong hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội

mà có của Việt Nam. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết cần mở rộng và tăng cường khuôn khổ pháp lý song phương để nâng cao hiệu quả hợp tác trong lĩnh vực này thông qua việc đẩy mạnh đàm phán, ký kết các điều ước đa phương, song phương về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, đặc biệt là với các quốc gia châu Âu, châu Mỹ vì nơi đây tập trung các trung tâm tài chính lớn trên thế giới cũng là môi trường “ẩn náu” an toàn của các tài sản do phạm tội mà có.

b. Đối với pháp luật Việt Nam về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Về việc nội luật hoá các quy định của các văn bản pháp lý quốc tế:

Việc nội luật hóa những quy định trong các công ước quốc tế về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có sẽ thiết lập một hệ thống pháp luật Việt Nam tương thích và đồng bộ, tối ưu hóa hiệu quả thu hồi tài sản do phạm tội mà có dựa trên những bài học kinh nghiệm quốc tế. Tuy nhiên, một số quy định trong các công ước quốc tế về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có vẫn chưa được nội luật hóa đầy đủ vào hệ thống pháp luật Việt Nam, ảnh hưởng không nhỏ đến tính tương thích với pháp luật và thông lệ quốc tế của pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực này, cụ thể:

Điều 2 Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000 và Điều 2 Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng năm 2003 quy định tài sản do phạm tội mà có là bất cứ tài sản nào bắt nguồn hay có được một cách trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc phạm tội. Đối chiếu với pháp luật Việt Nam, BLTTHS năm 2015 chưa có quy định giải thích về “tài sản do phạm tội mà có” mặc dù nó được đề cập đến trong các Điều 106 về xử lý vật chứng, Điều 507 về xử lý tài sản do phạm tội mà có. Tài sản do phạm tội mà có được một văn bản dưới luật là Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC, ban hành ngày 30/11/2011 giải thích là tài sản do người phạm tội có được trực tiếp từ việc thực hiện hành vi phạm tội hoặc do người phạm tội có được từ việc mua bán, đổi chác

bằng tài sản có được trực tiếp từ việc họ thực hiện hành vi phạm tội, tuy nhiên có thể thấy quy định này chưa phù hợp với chuẩn mực quốc tế, chưa bao quát hết các trường hợp tài sản có giá trị tương đương với tài sản có nguồn gốc từ việc phạm tội; tài sản do phạm tội mà có đã gộp, trộn lẫn, hợp nhất với các tài sản hợp pháp khác và thu nhập hoặc các lợi ích khác có được từ tài sản do phạm tội mà có, từ tài sản được biến đổi hoặc chuyển đổi từ tài sản do phạm tội mà có hoặc từ tài sản mà trong đó trộn lẫn một phần là tài sản do phạm tội mà có.

Điều 54 Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng năm 2003 quy định về các cơ chế thu hồi tài sản thông qua hợp tác quốc tế trong việc tịch thu thì các quốc gia thành viên có thể đề nghị nhau thực hiện tương trợ tư pháp nhằm xử lý tài sản. Theo đó, một quốc gia thành viên có thể: (1) đề nghị quốc gia thành viên khác công nhận quyết định, bản án của mình về kê biên, phong tỏa, tạm giữ hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có; hoặc (2) đề nghị quốc gia thành viên khác ban hành quyết định, bản án để kê biên, phong tỏa, tạm giữ hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có. Tuy nhiên, đến nay pháp luật Việt Nam vẫn chưa có quy định về việc công nhận quyết định, bản án của quốc gia khác về kê biên, phong tỏa, tạm giữ hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có. Điều này tạo ra một khoảng trống pháp lý trong quá trình hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Về số lượng các quy định về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có:

Pháp luật Việt Nam còn hạn chế về số lượng các quy phạm quy định trực tiếp về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Các văn bản pháp luật hiện hành bao gồm BLTTHS năm 2015, Luật TTTP năm 2007, Luật phòng chống tham nhũng năm 2018 và Luật phòng chống rửa tiền năm 2022 mới chỉ đề cập đến vấn đề này một cách khái quát, các biện pháp hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong các văn bản pháp lý trên cũng chỉ dừng lại ở các quy định liên quan đến hợp tác thu hồi tài sản thông qua tương trợ tư

pháp. Điều này cho thấy công tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này chưa nhận được sự quan tâm đúng mức tại Việt Nam. Sự thiếu hụt các quy phạm trực tiếp điều chỉnh về hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong hệ thống pháp luật Việt Nam gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả hợp tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Hơn nữa, các quy định có liên quan đến hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có phân tán ở nhiều văn bản pháp lý khác nhau như: Phần thứ tám BLTTHS năm 2015, Chương VIII Luật phòng chống tham nhũng năm 2018... Sự phân tán này dẫn đến việc thiếu một văn bản pháp lý toàn diện, tập trung, thống nhất, bao quát mọi khía cạnh, các vấn đề liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Về nội dung các quy định pháp luật Việt Nam về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có:

Các quy phạm pháp luật quy định về thu hồi tài sản do phạm tội mà có chưa có sự thống nhất, đồng bộ về sử dụng các thuật ngữ để biểu đạt về cùng một nội dung, cụ thể tại Điều 507 BLTTHS năm 2015 quy định Hợp tác quốc tế “*xử lý tài sản*” do phạm tội mà có nhưng Luật phòng chống tham nhũng năm 2018 và Luật TTTP năm 2007 lại sử dụng thuật ngữ “*thu hồi tài sản*” tại Điều 91 Luật phòng chống tham nhũng và Khoản 2 Điều 19 Luật TTTP. Dưới góc độ ngôn ngữ học, các thuật ngữ pháp lý này sẽ được hiểu không giống nhau. Theo Từ điển tiếng Việt thì “*xử lý*” là áp dụng những thao tác nhất định để nghiên cứu, sử dụng⁸⁷; “*thu hồi*” là thu về lại cái bị mất vào tay người khác⁸⁸. Trong khoa học pháp lý quốc tế, cũng như ở một số quốc gia trên thế giới, các thuật ngữ nêu trên được giải thích với nội hàm khá thống nhất, nhiều tổ chức trên thế giới đều cho rằng thu hồi là quá trình xác định, truy tìm, phong tỏa, tịch thu và trả lại cho quốc gia yêu cầu. Như vậy, việc đặt tên của điều này có thể chưa phản ánh đầy đủ phạm vi và bao trùm hết các nội dung

⁸⁷ Viện Ngôn ngữ học (2018), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Hồng Đức, tr.1274.

⁸⁸ Viện Ngôn ngữ học (2018), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Hồng Đức, tr.1212.

có liên quan, dẫn đến sự thiếu chính xác. Điều này có thể gây ra những khó khăn trong việc nhận thức, giải thích và áp dụng pháp luật một cách thống nhất. Hơn nữa, việc sử dụng các thuật ngữ pháp lý thiếu nhất quán giữa các văn bản pháp luật khác nhau có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến tính thống nhất, đồng bộ, toàn diện của hệ thống pháp luật.

Một số quy định chỉ mang tính khái quát, định hướng chung, thiếu chi tiết trong việc điều chỉnh hoạt động liên quan đến tương trợ tư pháp liên quan đến phong tỏa, kê biên, thu giữ, tịch thu tài sản và xử lý tài sản do phạm tội mà có, trong khi đó lại chưa ban hành văn bản dưới luật quy định chi tiết các điều này, cụ thể:

Đối với BLTTHS năm 2015 thì phần thứ tám có quy định hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có nhưng chỉ là những quy định chung, có tính nguyên tắc, không quy định trình tự, thủ tục, thẩm quyền cụ thể đối với việc áp dụng các biện pháp trong từng trường hợp cũng như cơ chế chặt chẽ, chi tiết, hiệu quả để bảo đảm hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Đặc biệt, việc truy tìm tài sản do phạm tội mà có, nhất là tài sản của người thứ ba, còn thiếu những giải pháp cụ thể và hiệu quả. Hay trường hợp phức tạp như đối tượng phạm tội chết, mất tích hoặc bỏ trốn...cũng đặt ra nhiều thách thức. Theo quy định của BLTTHS năm 2015, trong các trường hợp này sẽ phải áp dụng biện pháp đình chỉ điều tra, tạm đình chỉ điều tra, truy nã...dẫn đến việc chưa thể hoặc không thể thu hồi ngay được số tiền này. Bên cạnh đó, các biện pháp cưỡng chế được luật hóa trong BLTTHS năm 2015 bộc lộ nhiều hạn chế, đặc biệt trong việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Quy định về trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản của các bị can, bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử còn hạn chế, không bắt buộc áp dụng⁸⁹. Điều 128 và Điều 129 BLTTHS giới hạn việc kê biên phần tài sản hoặc phong tỏa số tiền trong tài khoản chỉ tương ứng với mức có thể bị phạt

⁸⁹ Phạm Hải Long (2024), *Hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản tham nhũng – Quy định của pháp luật quốc tế và thực tiễn của Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, tr.54.

tiền, bị tịch thu hoặc phải bồi thường thiệt hại có thể xảy ra nhưng trong các vụ án về tham nhũng, kinh tế, các cơ quan tiến hành tố tụng chưa thể xác định được ngay thiệt hại mà tội phạm gây ra làm căn cứ quyết định phân tài sản phải kê biên, do đó cơ quan tố tụng có thể chưa áp dụng biện pháp kê biên, phong tỏa dẫn đến đương sự có thể tẩu tán tài sản trước khi bị phát hiện⁹⁰.

Ngoài ra, quy định về tịch thu tài sản còn nhiều bất cập, tài sản bị tịch thu phải liên quan trực tiếp đến tội phạm. Tuy nhiên, trên thực tế, tài sản do phạm tội mà có thường được cất giấu, chuyển đổi hình thức sở hữu ngay trong quá trình phạm tội, trước khi có quyết định khởi tố, điều này gây khó khăn cho việc truy vết và thu hồi tài sản. Bên cạnh đó, BLTTHS năm 2015 cũng còn thiếu các quy định chi tiết về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền trong việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có; cũng như các quy định về trình tự, thủ tục thực hiện kê biên, phong tỏa, tịch thu, trả lại tài sản do phạm tội mà có theo yêu cầu ủy thác của nước ngoài hay quy định về công nhận bản án, quyết định của nước ngoài để thực hiện tại Việt Nam.

Luật TTTP năm 2007 là một trong những cơ sở pháp lý quan trọng cho quá trình hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Việt Nam, tuy nhiên mới chỉ nội luật hóa được một số quy định của các công ước quốc tế liên quan đến TTTP hình sự trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Việc chưa nội luật hóa đầy đủ, toàn diện các quy định của điều ước quốc tế và khu vực mà Việt Nam tham gia, đặc biệt là thủ tục áp dụng biện pháp thu giữ, phong tỏa và kê biên tài sản hiện có ở Việt Nam được xác định là có nguồn gốc từ hành vi phạm tội ở nước ngoài đã gây ra những khó khăn nhất định, dẫn đến sự lúng túng trong thực tiễn.

Qua hơn 15 năm thực hiện, Luật TTTP năm 2007 đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập, một số quy định không còn phù hợp với thực tế hiện nay. Thực

⁹⁰ Bùi Thị Thu Huyền (2021), *Thu hồi tài sản tham nhũng: Thực trạng và những vấn đề đặt ra*, xem thêm tại <https://noichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/202108/thu-hoi-tai-san-tham-nhung-thuc-trang-va-nhung-van-de-dat-ra-310008/>, truy cập ngày 22/12/2023.

tiền thực hiện Luật TTTP trong những năm qua cũng cho thấy nhiều quy định của luật chưa hoàn thiện, còn khoảng trống so với yêu cầu thực tế cần được khắc phục, bổ sung, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế, các quan hệ hợp tác ngày càng đa dạng và hệ thống pháp luật tổ tụng hình sự, dân sự đã có nhiều thay đổi⁹¹. Do Luật điều chỉnh đồng thời bốn lĩnh vực là TTTP về dân sự, hình sự, dân độ và chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù, một số điều luật thuộc phần quy định chung khi áp dụng cho hoạt động TTTP về hình sự đã thể hiện sự bất hợp lý. Các quy định về TTTP hình sự chưa đầy đủ, cụ thể, chưa có tính hệ thống, vừa quy định ở Chương 3 về TTTP hình sự vừa phân tán ở các chương khác; nhiều quy định có nội dung bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, thiếu đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật trong cùng lĩnh vực được ban hành ở giai đoạn sau, nhất là Bộ luật tổ tụng hình sự năm 2015.⁹²

Luật TTTP năm 2007 chưa có quy định cụ thể về cơ quan có thẩm quyền lập yêu cầu, đề nghị nước ngoài thực hiện TTTP hình sự về thu hồi tài sản do phạm tội mà có để giải quyết các vụ án hình sự bao gồm những cơ quan có thẩm quyền nào.

Điều 17 của Luật TTTP năm 2007 quy định phạm vi TTTP hình sự giữa Việt Nam và nước ngoài bao gồm tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến TTTP hình sự; triệu tập người làm chứng, người giám định; thu thập, cung cấp chứng cứ; truy cứu trách nhiệm hình sự; trao đổi thông tin nhưng lại không liệt kê trường hợp khám xét, thu giữ và áp dụng các biện pháp tổ tụng nhằm bảo đảm việc tịch thu, trao trả, xử lý tài sản do phạm tội mà có.

Quy định về căn cứ từ chối thực hiện TTTP theo Điều 21 Luật TTTP năm 2007 chưa có sự phân biệt trường hợp *có thể* từ chối thực hiện và trường hợp *bắt buộc* từ chối. Trong khi đó, nhiều điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên đã chia các căn cứ từ chối tương trợ thành các căn cứ bắt buộc từ

⁹¹ Bộ Tư pháp (2016), *Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật tương trợ tư pháp*, Hà Nội

⁹² VKSND tối cao (2024), *Báo cáo Tổng kết thi hành Luật tương trợ tư pháp năm 2007 trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự*, tr.21.

chối và các căn cứ tùy nghi như Hiệp định với In-đô-nê-xi-a, Hiệp định với Hàn quốc...Có thể thấy, quy định về các trường hợp từ chối của Luật TTTP năm 2007 là chưa phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, có thể dẫn đến vướng mắc trong thực tiễn do chưa tạo ra cơ chế linh hoạt trong việc xem xét, quyết định thực hiện tương trợ.

Luật TTTP năm 2007 chưa có quy định về điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đưa ra cam kết không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành hình phạt tử hình theo yêu cầu của phía nước ngoài để thực hiện yêu cầu TTTP về thu hồi tài sản do phạm tội mà có, đặc biệt là tài sản do phạm tội tham nhũng liên quan đến tội có khung hình phạt tử hình, nếu phía Việt Nam không đưa ra cam kết không áp dụng án tử hình hoặc không thi hành thì yêu cầu TTTP về thu hồi tài sản do phạm tội mà có sẽ bị nước ngoài từ chối thực hiện.

Quy định tại Điều 31 Luật TTTP năm 2007 về chi phí thực hiện yêu cầu TTTP hình sự giữa Việt Nam với quốc gia khác là chưa tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và thông lệ quốc tế trong lĩnh vực này. Về cơ bản, các Hiệp định TTTP hình sự giữa Việt Nam với các quốc gia khác cũng như theo thông lệ quốc tế thì điều khoản về chi phí quy định theo hướng các chi phí thực hiện tương trợ do quốc gia được yêu cầu chi trả, chỉ trừ một số trường hợp cụ thể do quốc gia yêu cầu chi trả. Hơn nữa, trong trường hợp Việt Nam chịu chi phí TTTP hình sự, ngân sách nhà nước sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho việc thực hiện ủy thác tư pháp về hình sự. Mặc dù vậy, đến nay Việt Nam vẫn chưa có quy định cụ thể về chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Ngoài ra, Luật TTTP còn thiếu các quy định chi tiết về việc trao đổi, chia sẻ thông tin với các cơ quan có thẩm quyền nước ngoài liên quan đến tài sản do phạm tội mà có bao gồm phát hiện, thu hồi, chuyển giao tài sản do phạm tội mà có. Trong các quy định về phạm vi TTTP hình sự, vấn đề thu hồi tài sản do phạm tội mà có chưa được chú trọng đúng mức, chưa có các quy định

cụ thể về trình tự, thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có mà chỉ có các quy định về ủy thác tư pháp chung. Luật TTTP của Việt Nam thiếu quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự, thủ tục phối hợp yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nước ngoài thực hiện TTTP thu hồi tài sản trong tố tụng hình sự, nhất là quy định liên quan đến phong tỏa, kê biên, thu giữ, tịch thu tài sản và xử lý tài sản do phạm tội mà có.⁹³ Bên cạnh đó, cũng chưa có văn bản hướng dẫn chi tiết việc tiếp nhận, xử lý yêu cầu ủy thác tư pháp của nước ngoài về thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Điều này dẫn đến quy trình xử lý yêu cầu ủy thác tư pháp tại Việt Nam và ở nước ngoài về thu hồi tài sản do phạm tội mà có phải trải qua nhiều khâu trung gian, làm tốn nhiều thời gian và kéo dài quá trình chờ đợi kết quả.

Như vậy, pháp luật Việt Nam chưa có quy định về trình tự, thủ tục thực hiện cụ thể khi nước ngoài đề nghị Việt Nam áp dụng các biện pháp thu giữ, phong tỏa, kê biên và tịch thu tài sản do phạm tội mà có theo yêu cầu TTTP hình sự.⁹⁴ Mặc dù Việt Nam có một số cơ chế quản lý tài sản do phạm tội mà có cơ bản trong BLTTHS năm 2015, tuy nhiên, những quy định này không tạo thành một khuôn khổ quản lý tài sản do phạm tội mà có một cách toàn diện và mức độ áp dụng các điều khoản này trong TTTP hình sự là không cụ thể.⁹⁵ Hơn nữa, cũng chưa có quy định về việc xử lý tài sản bị phong tỏa hoặc tịch thu theo yêu cầu TTTP hình sự của nước ngoài.⁹⁶

2.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật Việt Nam về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

2.2.1. Kết quả đạt được

2.2.1.1. Yêu cầu tương trợ tư pháp về thu hồi tài sản do phạm tội mà có của nước ngoài gửi đến Việt Nam (Yêu cầu tương trợ tư pháp đến)

⁹³ Âu Thị Tâm Minh (2022), Nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí điện tử Lý luận chính trị, xem thêm tại <https://lyluanchinhtri.vn/nang-cao-hieu-qua-thu-hoi-tai-san-tham-nhung-o-viet-nam-hien-nay-2168.html>, truy cập ngày 12/12/2023.

⁹⁴ The Asia/Pacific Group on Money Laundering (2022), *Anti-money laundering and counter-terrorist financing measures Vietnam*, Mutual Evaluation Report, tr. 113.

⁹⁵ Tlđđ, tr.205.

⁹⁶ Tlđđ, tr.220.

Trong giai đoạn 2008-2023, VKSND tối cao đã tiếp nhận, giải quyết 1.148 yêu cầu TTTP về hình sự của các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài gửi đến⁹⁷. Các nội dung yêu cầu khá đa dạng, từ những ủy thác tư pháp hình sự truyền thống đến những nội dung mới, phi truyền thống. Các yêu cầu TTTP về hình sự của nước ngoài có nội dung liên quan đến việc thu thập, cung cấp chứng cứ, lấy lời khai, xác minh chiếm 47.2%; yêu cầu tổng đạt tài liệu, giấy tờ chiếm 30.9%; yêu cầu chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự chiếm 12.9% và còn lại là các yêu cầu khác chiếm 9%.⁹⁸ Riêng về yêu cầu TTTP hình sự trong các vụ án tham nhũng, kinh tế liên quan đến chức vụ là 18 yêu cầu, trong đó các yêu cầu TTTP hình sự đến có nội dung đề nghị thu hồi tài sản là 01 yêu cầu, tương ứng 0,1% tổng số yêu cầu TTTP hình sự đến và 5,6% tổng số yêu cầu TTTP hình sự đến trong các vụ án tham nhũng, kinh tế liên quan đến chức vụ⁹⁹. Đáng chú ý, kể từ năm 2014, chỉ có một trường hợp (chưa được hoàn thành) Việt Nam tịch thu tài sản để đáp ứng yêu cầu TTTP hình sự từ Tây Ban Nha và không có trường hợp nào trả lại tài sản bị tịch thu cho nước ngoài.¹⁰⁰

2.2.1.2. Yêu cầu tương trợ tư pháp về thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Việt Nam gửi đi nước ngoài (Yêu cầu tương trợ tư pháp đi)

Kể từ khi Việt Nam ban hành Luật TTTP, từ năm 2008 đến 2023, VKSND tối cao đã tiếp nhận, giải quyết 2.301 yêu cầu TTTP về hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng trong nước gửi cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài đề nghị thực hiện. Các yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự liên quan mà Việt Nam gửi đến các nước đã ký kết Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự chiếm khoảng 75% tổng số yêu cầu gửi đi. Các nước nhận nhiều yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của Việt Nam là Singapore, Australia, Hàn

⁹⁷ VKSND tối cao (2024), Báo cáo Tổng kết thi hành Luật tương trợ tư pháp năm 2007 trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự, tr.12.

⁹⁸ Tlđđ, tr.12.

⁹⁹ Nguyễn Thanh Liêm – Vụ 13 VKSND tối cao (2023), *Hoạt động tương trợ tư pháp về thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án tham nhũng, kinh tế liên quan đến chức vụ trong thời gian qua*, Tạp chí Giáo dục và Xã hội, số 01/2023, tr.148.

¹⁰⁰ Ban Nội chính TW – Chương trình phát triển LHQ (2024), Báo cáo hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản tham nhũng theo Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng và kinh nghiệm đối với Việt Nam, tr.35.

Quốc, Vương quốc Cam-pu-chia, CHND Trung Hoa, Đài Loan, Hồng Kông, Liên bang Nga, Vương quốc Anh, Hoa Kỳ...Nội dung công việc, phạm vi yêu cầu TTTP về hình sự khá đa dạng, trong đó: yêu cầu về thu thập, cung cấp chứng cứ, lấy lời khai, xác minh lý lịch tư pháp chiếm 86.5%; yêu cầu tổng đạt tài liệu, giấy tờ chiếm 5.6%; yêu cầu chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự chiếm 0.9% và các yêu cầu khác (triệu tập người làm chứng, người giám định, cử cán bộ có thẩm quyền tham gia thực hiện tương trợ tư pháp...) chiếm 7.0%.¹⁰¹

Thời gian gần đây thực tiễn đã bắt đầu xuất hiện một số yêu cầu TTTP đề nghị nước ngoài hỗ trợ liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có (11/2.302 yêu cầu, chiếm tỷ lệ 0,5%)¹⁰². Kết quả hoạt động TTTP về hình sự đã đạt được nhiều hiệu quả quan trọng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, góp phần giải quyết triệt để các vụ án có yếu tố nước ngoài, đặc biệt là các vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp như tham nhũng, chức vụ, kinh tế, được dư luận, xã hội quan tâm. Công tác hợp tác quốc tế thu hồi tài sản về cho Nhà nước đã đạt được những kết quả khích lệ, đáng chú ý như VKSND tối cao đã phối hợp hiệu quả với Cơ quan Tổng Chương lý Singapore thực hiện thành công yêu cầu về thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Phan Sào Nam trong vụ án Tổ chức đánh bạc và rửa tiền (2018-2021), cũng như của Giang Kim Đạt trong vụ án Tham ô tài sản; Cố ý làm trái quy định Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng; Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và che giấu tội phạm (2015-2023).

Trong hai vụ án điển hình này, Việt Nam yêu cầu Singapore phong tỏa thu hồi và trả cho Việt Nam số tiền khoảng 3,5 triệu USD từ hoạt động phạm tội của Phan Sào Nam và hơn 8,5 triệu USD trong các hoạt động phạm tội của Giang Kim Đạt và trả lại cho Việt Nam¹⁰³, cụ thể:

¹⁰¹ VKSND tối cao (2024), Báo cáo Tổng kết thi hành Luật tương trợ tư pháp năm 2007 trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự, tr.11.

¹⁰² VKSND tối cao – BNG Hoa Kỳ - Chương trình phát triển LHQ (2023), Tọa đàm Góp ý Dự thảo báo cáo nghiên cứu so sánh và đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật của Việt Nam về tương trợ tư pháp trong thu hồi tài sản và phòng, chống rửa tiền nhằm thực hiện các khuyến nghị của Báo cáo chu kỳ 2 thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng, tr.29.

¹⁰³ Ban Nội chính TW – Chương trình phát triển LHQ (2024), Báo cáo hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản tham nhũng theo Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng và kinh nghiệm đối với Việt Nam, tr.33.

Vụ án thứ nhất: Tháng 10/2017, đối tượng Phan Sào Nam với vai trò chủ mưu, cầm đầu đường dây tổ chức đánh bạc qua game bài Rikvip/Tip.club đã bị cơ quan chức năng Việt Nam khởi tố và bắt tạm giam về tội tổ chức đánh bạc và rửa tiền theo Điều 249, Điều 251 BLHS Việt Nam năm 1999. Phan Sào Nam trực tiếp điều hành, chỉ đạo các thành viên trong công ty tiếp nhận, đối soát tiền doanh thu tổ chức đánh bạc, chi phí và trả thưởng cho các con bạc, thu lợi bất chính hơn 1.475 tỷ đồng. Để che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của số tiền này, Phan Sào Nam “rửa tiền” bằng cách ký kết các hợp đồng kinh tế, đầu tư dự án, góp vốn, thanh toán các hóa đơn khống, mua bất động sản, gửi tiết kiệm, đổi vàng, ngoại tệ, chuyển ra nước ngoài với tổng số tiền hơn 548,4 tỷ đồng, phần còn lại được chuyển lại cho Phan Sào Nam. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, Phan Sào Nam đã tẩu tán số tiền thu lợi bất chính từ hành vi tổ chức đánh bạc và rửa tiền gửi tại ngân hàng DBS Singapore. Tháng 11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã đưa vụ án trên ra xét xử, tuyên phạt Phan Sào Nam 05 năm tù, buộc phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính từ hành vi tổ chức đánh bạc là 926,6 tỷ đồng; tịch thu số tiền Phan Sào Nam rửa tiền là 548,4 tỷ đồng¹⁰⁴. Trong giai đoạn điều tra vụ án, ngày 30/8/2018, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã lập yêu cầu tương trợ tư pháp gửi Vụ hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp (Vụ 13) VKSND tối cao để đề nghị cơ quan có thẩm quyền của Singapore xác minh, làm rõ thông tin, tài liệu liên quan đến tài sản của Phan Sào Nam và các bị can trong vụ án, đồng thời đề nghị phong tỏa, tịch thu tài sản của các bị can trong vụ án này và trả lại cho Nhà nước Việt Nam. Tháng 01/2019, thông qua việc hợp tác với Cơ quan Tổng Chương lý Singapore, xác minh được tài khoản của Phan Sào Nam và vợ là Nguyễn Thị Tâm Chuyên tại ngân hàng DBS Singapore có số dư hơn 5,3 triệu đô la Mỹ và 253,4 nghìn đô la Singapore và đang được phía Singapore phong tỏa. Để tiếp tục thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về thu hồi tài sản do phạm tội mà có, phía Singapore đề

¹⁰⁴ Bản án hình sự sơ thẩm số 55/2018/HSST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

ngiht cơ quan có thẩm quyền Việt Nam xác định tài sản cụ thể đang ở Singapore liên quan đến vụ án; bổ sung các thông tin về tên ngân hàng, số tài khoản, tên của chủ tài khoản và chứng minh mối liên hệ giữa hành vi phạm tội của Phan Sào Nam với khoản tiền trong tài khoản; cung cấp Giấy chứng nhận miễn trừ pháp luật nước ngoài theo mẫu của Singapore... VKSND tối cao đã phối hợp với Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Phú Thọ, Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an và các cơ quan hữu quan thực hiện nhiều hoạt động thu thập tài liệu, chứng cứ và thực hiện các thủ tục tố tụng để đáp ứng yêu cầu của phía Singapore, trong đó có cử Đoàn công tác liên ngành sang làm việc tại Singapore để trao đổi việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong một số vụ án, bao gồm vụ án Phan Sào Nam. Đến ngày 28/7/2021, Tòa án Singapore mở phiên điều trần theo hình thức trực tuyến có sự tham gia của VKSND tối cao và Phan Sào Nam, để xem xét, củng cố tính xác thực của tài liệu, chứng cứ (đơn đề nghị chuyển 50% số tiền trong tài khoản tại Ngân hàng DBS cho Nhà nước Việt Nam của Phan Sào Nam; thỏa thuận thống nhất việc chia đôi số tiền trong tài khoản để trả lại cho Nhà nước Việt Nam giữa Phan Sào Nam và cơ quan có thẩm quyền Việt Nam...) để những người có liên quan là đại diện Nhà nước Việt Nam và Phan Sào Nam, khẳng định tính đúng đắn của các tài liệu mà VKSND tối cao Việt Nam đã trình lên Tòa án Singapore. Sau phiên điều trần, Tòa án Singapore đã ban hành lệnh xử lý đối với số tiền trong tài khoản tại Ngân hàng DBS Singapore của Phan Sào Nam theo thỏa thuận của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam và Phan Sào Nam. Theo đó, Ngân hàng DBS Singapore sẽ chuyển 2,65 triệu đô la Mỹ và 126,7 nghìn đô la Singapore. Ngày 10/9/2021, tài khoản của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ đã nhận được số tiền trên và hoạt động TTTP trong việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Phan Sào Nam tại Singapore đã hoàn thành, đạt được hiệu quả cao.

Tài sản do phạm tội mà có được chuyển từ Việt Nam sang Singapore thì Việt Nam chỉ có quyền yêu cầu thực hiện TTTP gửi sang để cơ quan chức

năng Singapore thực hiện theo yêu cầu. Việt Nam không có quyền trực tiếp thực hiện việc xác minh, tịch thu tài sản trên lãnh thổ Singapore. Việc xác minh và thu hồi tài sản do phạm tội mà có được thực hiện theo quy định pháp luật của Singapore và do cơ quan chức năng Singapore thực hiện.

Theo quy định của pháp luật Singapore, để tịch thu tài sản do phạm tội mà có thì phải có Lệnh tịch thu tài sản. Pháp luật Việt Nam không quy định về việc ban hành Lệnh tịch thu tài sản thì trong bản án có hiệu lực pháp luật phải đề cập đến việc tịch thu số tiền trên trong tài khoản tại Ngân hàng làm căn cứ, cơ sở để Singapore thực hiện đăng ký Lệnh tịch thu lên tòa án có thẩm quyền, tiến hành các thủ tục xem xét tịch thu và trả lại số tiền này. BLTTHS Việt Nam không quy định về việc ban hành một lệnh tịch thu tài sản riêng biệt. Bản án của TAND có hiệu lực pháp luật là căn cứ để Cơ quan THADS ra Quyết định thi hành án nhằm tịch thu tài sản của người bị kết án để sung quỹ nhà nước, tịch thu tiêu hủy vật chứng, tài sản và các khoản thu khác cho Nhà nước. Như vậy, bản án và quyết định thi hành án, về bản chất, được coi như là lệnh tịch thu tài sản. Ngoài ra, việc tịch thu và trả lại tài sản cũng có thể được thực hiện nếu Phan Sào Nam tự nguyện thu hồi tài sản của mình để trả lại cho Nhà nước Việt Nam. Đây là phương thức thu hồi tài sản do phạm tội mà có một cách trực tiếp phổ biến trên thế giới, thông qua thoả thuận nhận tội trong đó bị cáo đồng ý hồi hương tự nguyện tài sản đang ở tại nước ngoài về cho toà án đã kết tội bị cáo. Singapore đã thiện chí hỗ trợ Việt Nam bằng việc chấp nhận trả lại tài sản của Phan Sào Nam cho Nhà nước Việt Nam theo đơn đề nghị của Phan Sào Nam và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam để thi hành số tiền mà Phan Sào Nam phải nộp cho Nhà nước Việt Nam theo quyết định của bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Vụ án thứ hai: Vụ án Giang Kim Đạt tham ô tài xảy ra tại Công ty TNHH MTV vận tải viễn dương Vinashin (Vinashinlines), nơi Giang Kim Đạt từng giữ chức trưởng phòng kinh doanh. Giang Kim Đạt đã chiếm đoạt 260 tỷ đồng hoa hồng của Vinashinlines thông qua các giao dịch mua 3 con

tàu và cho thuê 9 con tàu. Để che giấu số tiền bất hợp pháp này, Đạt đã nhờ bố là Giang Kim Hiền mở 22 tài khoản ngân hàng để nhận tiền từ nước ngoài. Tổng cộng có 92 giao dịch với số tiền gần 16 triệu USD (đô la Mỹ) được chuyển vào các tài khoản trên. Số tiền này sau đó được sử dụng để mua 40 bất động sản và thực hiện các giao dịch mua bán 13 xe ô tô. Khi vụ việc bị phát hiện, Giang Kim Đạt đã bỏ trốn ra nước ngoài, tiếp tục mua thêm nhà trước khi bị bắt giữ sau 5 năm lần trốn theo lệnh truy nã quốc tế. Tháng 8/2017, tuyên phạt Giang Kim Đạt mức án tử hình, kê biên 40 bất động sản do Đạt phạm tội mà có, đối với hai căn hộ chung cư Rathbone Square tại London (Anh quốc) bị cáo Đạt đã đặt cọc 346.000 bảng Anh và một căn hộ chung cư ở Singapore trị giá 3,6 triệu đô la Singapore, trước đó Giang Kim Đạt mua căn hộ khác tại đảo Sentosa, Singapore nhưng đã bán. Tòa án kiến nghị tiếp tục phối hợp với hai nước này thu hồi tài sản để tịch thu sung công quỹ nhà nước¹⁰⁵. Quá trình giải quyết vụ án, tháng 5/2015, Cơ quan An ninh điều tra Bộ Công an đã lập yêu cầu TTTP gửi Vụ hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp (Vụ 13) VKSND tối cao để đề nghị cơ quan có thẩm quyền của Vương Quốc Anh và Singapore hỗ trợ xác minh các tài sản do phạm tội mà có của Giang Kim Đạt tại Vương Quốc Anh và Singapore.

Sau khi xác minh tại Singapore, tài sản của Giang Kim Đạt có là bất động sản (căn hộ chung cư) và số dư tài khoản tại Ngân hàng UOB Kay Hian, Singapore. Để đáp ứng các thủ tục thu hồi tài sản do phạm tội mà có theo quy định của pháp luật Singapore, Cơ quan Tổng Chương lý Singapore đề nghị Việt Nam cung cấp bổ sung các tài liệu, chứng minh tài sản của Giang Kim Đạt tại Singapore là tài sản có nguồn gốc từ hành vi phạm tội của Đạt, đồng thời thực hiện các thủ tục tổng đạt các giấy tờ của Tòa án Singapore liên quan đến việc tịch thu tài sản cho Giang Kim Đạt để Đạt có ý kiến phản hồi với cơ quan có thẩm quyền của Singapore. Đến năm 2023, đã hoàn thành việc thực hiện yêu cầu thu hồi tài sản, thu hồi về cho Nhà nước Việt Nam hơn 8 triệu đô la

¹⁰⁵ Bản án Bản án số 48/HSST ngày 22/2/2017 của TAND thành phố Hà Nội và Bản án số 553/HSPT ngày 18/8/2017 của TAND Cấp cao tại Hà Nội.

Singapore¹⁰⁶, cụ thể ngày 06/1/2023, cơ quan có thẩm quyền của Singapore đã chuyển 8.641.980,41 đô la Singapore của Giang Kim Đạt đang có ở Singapore trả vào tài khoản của Cục Thi hành án dân sự Hà Nội¹⁰⁷. Mặc dù trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Giang Kim Đạt đã không tự nguyện thu hồi tài sản của mình để trả lại cho Nhà nước Việt Nam nhưng thông qua bản án đã có hiệu lực pháp luật, cơ quan có thẩm quyền của Singapore vẫn có thể trả lại tài sản của Giang Kim Đạt cho Nhà nước Việt Nam.

Việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Giang Kim Đạt là một phần quan trọng để giải quyết triệt để vụ án này, những tài sản này khi được thu hồi sẽ giúp nhà nước khắc phục phần nào thiệt hại trong vụ án. Với yêu cầu thu hồi tài sản do phạm tội mà có liên quan đến Giang Kim Đạt, đây là lần đầu tiên một bản án hình sự của Việt Nam được Singapore công nhận là lệnh tịch thu nước ngoài tại Tòa án Singapore và tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật Singapore để trả lại tiền do phạm tội mà có cho Nhà nước Việt Nam.¹⁰⁸ Singapore và Việt Nam đều là quốc gia thành viên của Công ước Liên hợp quốc về phòng chống tham nhũng (UNCAC) có nội dung quy định về thu hồi tài sản tham nhũng. Điều này đặt nền tảng, cơ sở pháp lý cho việc hai quốc gia hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thu hồi tài sản tham nhũng. Quốc gia có tội phạm tham nhũng chạy trốn có thể yêu cầu quốc gia khác tiến hành kê biên, phong tỏa tài sản, thậm chí là phong tỏa cả tài sản mang tên người thân của đối tượng tham nhũng. Yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự từ Việt Nam liên quan đến việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Giang Kim Đạt đã được chuyển đến cơ quan có thẩm quyền của Singapore. Có thể thấy rằng với thiện chí, sự giúp đỡ của Singapore trong việc kê biên tài sản và phong tỏa tài khoản của Giang Kim Đạt và mong muốn trả lại tài sản này cho Nhà nước Việt Nam, việc thu hồi tài sản đã được thực hiện xong, giải quyết vụ án một cách triệt để, khắc phục thiệt hại mà tội phạm gây ra.

¹⁰⁶ VKSND tối cao (2023), Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 của ngành Kiểm sát nhân dân.

¹⁰⁷ Vụ 13 VKSND tối cao (2023), Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 của Vụ hợp tác quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự.

¹⁰⁸ Ban Nội chính TW – Chương trình phát triển LHQ (2024), Báo cáo hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản tham nhũng theo Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng và kinh nghiệm đối với Việt Nam, tr.33.

Ngoài hai vụ án điển hình đã thu hồi thành công tài sản do phạm tội mà có trên, còn có một số vụ án vẫn đang trong quá trình thực hiện và chờ kết quả hợp tác trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có như:

(1) Vụ án Phan Văn Anh Vũ, nguyên Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 và Công ty Cổ phần Nova Bắc Nam 79, đồng thời là cựu Thượng tá, Phó trưởng phòng thuộc Tổng cục V, Bộ Công an phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo Điều 356 BLHS năm 2015. Trong quá trình điều hành các công ty xây dựng, sau khi thực hiện được việc thuê, mua hoặc chuyển nhượng các dự án nhà đất công sản ở các vị trí đắc địa có diện tích lên tới hàng ngàn m² tại Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Phan Văn Anh Vũ đã chuyển thành tài sản mang tên cá nhân mình hoặc người thân trong gia đình hoặc chuyển nhượng, liên doanh với người khác mà không dùng vào mục đích phục vụ công tác nghiệp vụ để thu lợi bất chính, gây thiệt hại đặc biệt lớn cho Nhà nước, với tổng số tiền hơn 1.159 tỷ đồng¹⁰⁹.

Phan Văn Anh Vũ còn bị khởi tố, điều tra, xét xử về tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí” và “Vi phạm quy định về quản lý đất đai” theo Điều 219 và Điều 229 BLHS năm 2015. Trong vụ án này, hai cựu Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng là Trần Văn Minh (nhiệm kỳ 2006-2011) và Văn Hữu Chiến (nhiệm kỳ 2011-2015) bị cáo buộc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Phan Văn Anh Vũ trong các giao dịch mua bán, chuyển nhượng các nhà đất công sản và các dự án đất đai. Hành vi này được cho là đã giúp Phan Văn Anh Vũ thu lợi bất chính đặc biệt lớn, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Nhà nước. Tổng thiệt hại ước tính bao gồm hơn 2.400 tỷ đồng từ 22 nhà đất công sản và trên 19.600 tỷ đồng từ 7 dự án khác, tổng thiệt hại lên đến hơn 22.000 tỷ đồng. Ngoài mức án 30 năm tù, Phan Văn Anh Vũ về trách nhiệm dân sự còn phải bồi thường cho Nhà nước hơn 3.100 tỷ đồng¹¹⁰.

¹⁰⁹ Bản án hình sự phúc thẩm số 346/2019/HSPT ngày 13/6/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

¹¹⁰ Bản án hình sự phúc thẩm số 158/2020/HSPT ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Quá trình điều tra các vụ án trên, xác định có dấu hiệu cho thấy Phan Văn Anh Vũ đã tẩu tán tài sản do phạm tội mà có bằng việc chuyển tiền vào các tài khoản tại Singapore, nhằm tránh bị cơ quan chức năng của Việt Nam phát hiện. Vì vậy, căn cứ Điều 31 UNCAC; Điều 6, Điều 7, Điều 18, Điều 22 của Hiệp định ASEAN về TTTP trong các vấn đề hình sự, Việt Nam có yêu cầu TTTP, đề nghị cơ quan có thẩm quyền của Singapore xác minh các bị can và các công ty trong vụ án trên có sở hữu tài sản là bất động sản, cổ phiếu, cổ phần, tài khoản ngân hàng và các tài sản khác tại Singapore không; tiến hành phong tỏa, tịch thu và trả lại cho Nhà nước Việt Nam.

Như vậy, mặc dù giữa Việt Nam và Singapore không ký kết hiệp định song phương về TTTP hình sự, thu hồi tài sản do phạm tội mà có nhưng hai quốc gia Việt Nam và Singapore đều đã tham gia là thành viên của Hiệp định ASEAN về TTTP trong các vấn đề hình sự nên việc hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong vụ án Phan Sào Nam, Phan Văn Anh Vũ vẫn có thể thực hiện, dựa trên cơ sở pháp lý là Hiệp định ASEAN về TTTP trong các vấn đề hình sự và thiện chí, sự giúp đỡ của Singapore. Trong vụ án Phan Văn Anh Vũ, do yêu cầu TTTP của Việt Nam rất rộng, bao gồm truy tìm, xác minh, phong tỏa, tịch thu và trả lại các tài sản do phạm tội mà có của Phan Văn Anh Vũ và các đồng phạm nên việc các cơ quan có thẩm quyền của Singapore sẽ tốn một khoảng thời gian dài mới có thể thực hiện đề nghị này được.

(2) Vụ án Dương Chí Dũng (nguyên Chủ tịch HĐQT Vinalines thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam) cùng 09 đồng phạm khác đã bị khởi tố, điều tra, xét xử về tội cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 165 BLHS) và tội tham ô tài sản (Điều 278 BLHS) Kết quả điều tra cho thấy sai phạm nghiêm trọng trong thương vụ ụ nổi M83 của Vinalines với các công ty nước ngoài gây thất thoát hàng trăm tỷ đồng của nhà nước, đặc biệt là khoản tiền tham ô bị chia chác. Trong vụ án này, cơ quan điều tra xác định nhờ việc “thối giá” ụ nổi 83M

không hoạt động được, Dương Chí Dũng cùng đồng bọn đã được đối tác nước ngoài “lại quả” 1,66 triệu đô la Mỹ (hơn 28 tỉ đồng), chia nhau thụ hưởng trái pháp luật số tiền trên. Hành vi tham ô này đã gây thiệt hại 366 tỷ đồng của Nhà nước¹¹¹. Bộ Công an đã xác định Công ty Global Success thông qua giám đốc đã “âm” số tiền 4,3 triệu USD từ Công ty AP, số tiền này có nguồn gốc từ hợp đồng mua ụ nổi 83M. Vụ án đã gây chấn động dư luận về mức độ nghiêm trọng của các hành vi tham nhũng, gây thất thoát tài sản nhà nước. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã thông qua Interpol Việt Nam đề nghị được trực tiếp thu thập tài liệu tại Nga và đề nghị Cảnh sát Liên Bang Nga phối hợp điều tra về việc này¹¹². Đến nay, số tiền 4,3 triệu USD trên chuyển cho công ty Global Success ở Nga tới nay vẫn chưa thể thu hồi dù Việt Nam đã có văn bản đề nghị tương trợ tư pháp¹¹³.

Trong quá trình giải quyết vụ án trên, tuy Việt Nam đã có yêu cầu TTTP về thu hồi tài sản do phạm tội mà có đề nghị cơ quan có thẩm quyền của Nga thu hồi số tiền 4,3 triệu đô la Mỹ do hành vi phạm tội của Dương Chí Dũng nhưng đến nay chưa thể thu hồi được. Điều này xuất phát từ việc mặc dù Việt Nam và Nga đã ký kết hiệp định TTTP và pháp lý các vấn đề dân sự và hình sự năm 1998, có hiệu lực từ 27/7/2012 nhưng do thời điểm ký kết đã rất lâu, từ năm 1998 nên nội dung của Hiệp định không bao quát hết phạm vi TTTP trong lĩnh vực hình sự, vì thế không có quy định TTTP về thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Do đó, thiếu cơ sở pháp lý để có thể thực hiện hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong vụ án trên. Việc thực hiện yêu cầu TTTP phụ thuộc rất nhiều vào thiện chí và sự giúp đỡ của các bên. Điều này khiến việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có sẽ khó khăn và mất rất nhiều thời gian để có thể thu hồi tài sản thành công.

¹¹¹ Bản án sơ thẩm số 479/ 2013/HSST ngày 16/12/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

¹¹² Dân trí (2013), Vụ “ủ nổi sắt vụn 83M”: Bộ Công an đề nghị Cảnh sát Nga truy tìm hơn 4 triệu USD, xem thêm tại <http://gdantri.com.vn/kinh-doanh/vu-u-noi-sat-vun-83m-bo-cong-an-de-nghi-canhsat-nga-truy-tim-hon-4-trieu-usd-1382653192.htm>, truy cập ngày 19/8/2023.

¹¹³ Thanh tra chính phủ (2021), *Điểm nghẽn trong công tác thu hồi tài sản tham nhũng ở Việt Nam*, xem thêm tại http://www.issi.gov.vn/diem-nghen-trong-cong-tac-thu-hoi-tai-san-tham-nhung-o-viet-nam_t104c2716n3264tn.aspx, truy cập ngày 19/8/2023.

Có thể thấy số lượng các vụ án hình sự có yêu cầu TTTP về thu hồi tài sản do phạm tội mà có tuy không nhiều nhưng lại có xu hướng gia tăng trong những năm gần đây. Trong bối cảnh Việt Nam tăng cường phòng chống tội phạm tham nhũng, buôn bán ma túy và tội phạm công nghệ cao...nhiều vụ việc đã và đang bị đưa ra ánh sáng, hàng loạt cán bộ, lãnh đạo cấp cao từ trung ương đến địa phương đã bị truy tố, xét xử. Tuy nhiên, tình trạng tẩu tán tài sản ra nước ngoài vẫn xảy ra, gây khó khăn cho việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có, đặt ra thách thức lớn đối với công tác TTTP. Với những diễn biến hoạt động tội phạm như dự báo trên thì việc hợp tác quốc tế trong giải quyết vụ án hình sự về thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Việt Nam với các quốc gia trên thế giới có xu hướng ngày càng phức tạp về các nội dung hợp tác cũng như gia tăng cả về số lượng yêu cầu hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Để đấu tranh có hiệu quả với những tội phạm trên thì bên cạnh những nỗ lực quốc gia, Việt Nam cần có sự phối hợp chặt chẽ và tăng cường hợp tác với các nước khác trong khu vực và trên thế giới. Hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có vừa là vấn đề về lợi ích vừa là trách nhiệm của quốc gia mà trực tiếp nhất là trách nhiệm của các cơ quan tư pháp.

2.2.2. Hạn chế, khó khăn

2.2.2.1. Yêu cầu tương trợ tư pháp về thu hồi tài sản do phạm tội mà có của nước ngoài gửi đến Việt Nam (Yêu cầu tương trợ tư pháp đến)

Việc thực hiện yêu cầu tương trợ về truy tìm, kê biên, phong tỏa, tịch thu, trả lại tài sản do phạm tội mà có từ nước ngoài gửi đến Việt Nam còn gặp khó khăn, trở ngại. Nguyên nhân chính xuất phát từ sự thiếu hụt quy định pháp luật trong nước điều chỉnh về trình tự, thủ tục thực hiện, hơn nữa trách nhiệm, thẩm quyền thực hiện những yêu cầu này chưa được xác định cụ thể, rõ ràng. Khuôn khổ pháp luật còn hạn chế: quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thu hồi tài sản do phạm tội mà có nói chung và tài sản tham nhũng có yếu tố nước ngoài nói riêng chưa được phản ánh đầy đủ, rõ ràng trong các quy định của pháp luật; nhiều quy định về thu hồi tài sản trong Công ước UNCAC và theo các chuẩn mực quốc tế vẫn chưa được nội luật hóa hoặc chưa áp dụng¹¹⁴.

¹¹⁴ Ban Nội chính TW – Chương trình phát triển LHQ (2024), Báo cáo hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản tham nhũng theo Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng và kinh nghiệm đối với Việt Nam, tr.43.

2.2.2.2. Yêu cầu tương trợ tư pháp về thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Việt Nam gửi đi nước ngoài (Yêu cầu tương trợ tư pháp đi)

Một là, thực tiễn cho thấy thời gian nước ngoài thực hiện các yêu cầu tương trợ về thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Việt Nam còn bị kéo dài, chẳng hạn như vụ án Phan Sào Nam phải mất 3 năm (2018-2021), vụ án Giang Kim Đạt phải mất đến 8 năm (2015-2023) mới đạt được kết quả, trong khi việc giải quyết các vụ án hình sự trong nước phải tuân thủ thời hạn luật định. Nhiều trường hợp kết quả tương trợ chưa đạt kỳ vọng, thậm chí có yêu cầu tương trợ không nhận được hồi đáp. Điều này tác động tiêu cực đến tiến độ và hiệu quả giải quyết các vụ án hình sự, đồng thời gây trở ngại cho công tác thu hồi tài sản cho nhà nước Việt Nam.

Hai là, đối với những quốc gia, vùng lãnh thổ mà giữa Việt Nam và những quốc gia, vùng lãnh thổ đó chưa có Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự thì các yêu cầu tương trợ tư pháp về thu hồi tài sản do phạm tội mà có sẽ tuân thủ theo nguyên tắc có đi có lại và được chuyển giao qua con đường ngoại giao. Quy trình gửi yêu cầu tương trợ qua kênh ngoại giao thường mất nhiều thời gian¹¹⁵, do đó cũng làm ảnh hưởng đến thời hạn, tiến độ mà phía nước ngoài thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự của Việt Nam gửi đi.

Ba là, các yêu cầu tương trợ của Việt Nam gửi đi nước ngoài đề nghị thu hồi tài sản do phạm tội mà có (hoạt động tương trợ về truy tìm, kê biên, phong tỏa, tịch thu, trả lại tài sản do phạm tội mà có) là loại hình tương trợ phức tạp, có độ khó cao, tính hiệu quả phụ thuộc nhiều vào chuẩn mực pháp lý và thiện chí hợp tác của nước được yêu cầu. Nước được yêu cầu đòi hỏi Việt Nam phải đáp ứng các chuẩn mực pháp lý, thực hiện nhiều thủ tục tố tụng và cung cấp nhiều tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu và việc đáp ứng những đòi hỏi này gặp nhiều vướng mắc do khác biệt giữa pháp luật Việt Nam với pháp luật nước ngoài.¹¹⁶

¹¹⁵ VKSND tối cao (2024), Báo cáo Tổng kết thi hành Luật tương trợ tư pháp năm 2007 trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự, tr.18.

¹¹⁶ VKSND tối cao (2024), Báo cáo Tổng kết thi hành Luật tương trợ tư pháp năm 2007 trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự, tr.19.

Bốn là, có yêu cầu tương trợ về tội phạm tham nhũng và thu hồi tài sản liên quan đến tội có khung hình phạt tử hình bị nước ngoài từ chối thực hiện nếu phía Việt Nam không đưa ra cam kết không áp dụng án tử hình hoặc có tuyên nhưng không thi hành (yêu cầu thu hồi tài sản do phạm tội mà có liên quan đến Giang Kim Đạt gửi Vương quốc Anh)¹¹⁷. Trong khi đó, chưa có quy định về điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đưa ra cam kết này trong pháp luật Việt Nam hiện nay.

Năm là, đối với yêu cầu về thu hồi tài sản liên quan đến vụ án đã xét xử xong, bản án do tòa án có thẩm quyền không tuyên cụ thể về số tài sản cần tịch thu ở nước ngoài (tài khoản của Phan Sào Nam và vợ là Nguyễn Thị Tâm Chuyên tại ngân hàng DBS Singapore không được tuyên trong Bản án hình sự có hiệu lực pháp luật), từ đó gây khó khăn cho việc chứng minh yêu cầu tương trợ của Việt Nam.

2.2.3. Nguyên nhân

Có thể thấy hoạt động hợp tác quốc tế, tương trợ tư pháp hình sự về thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Việt Nam gặp khó khăn, bị kéo dài, chưa thực hiện được là do các nguyên nhân sau:

** Nguyên nhân khách quan:*

Thứ nhất, do hạn chế về số lượng hiệp định TTTP của Việt Nam với các quốc gia khác hoặc trường hợp đã ký kết hiệp định song phương về TTTP (giữa Việt Nam và Nga) nhưng nội dung, phạm vi TTTP không bao quát, chưa quy định về hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Điều này gây ra trở ngại đáng kể đối với những vụ án tham nhũng có yếu tố nước ngoài trong việc xác định số dư tài khoản và kê khai tài sản của cá nhân ở nước ngoài, ảnh hưởng đến hiệu quả điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan có thẩm quyền. Nguyên nhân chủ yếu là do Việt Nam chưa ký kết hiệp định TTTP với nhiều quốc gia, đồng thời chưa có những văn bản

¹¹⁷ VKSND tối cao – BNG Hoa Kỳ - Chương trình phát triển LHQ (2023), Tọa đàm Góp ý Dự thảo báo cáo nghiên cứu so sánh và đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật của Việt Nam về tương trợ tư pháp trong thu hồi tài sản và phòng, chống rửa tiền nhằm thực hiện các khuyến nghị của Báo cáo chu kỳ 2 thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng, tr.34.

pháp lý quy định cụ thể về vấn đề này. Chẳng hạn, giữa Việt Nam và Singapore chưa ký kết hiệp định song phương mặc dù Việt Nam và Singapore đều là thành viên của Hiệp định TTTP trong các vấn đề hình sự của ASEAN nhưng để cụ thể, chi tiết, tạo cơ sở pháp lý vững chắc, thu hồi tài sản do phạm tội mà có được tiến hành nhanh chóng, hiệu quả trong giải quyết vụ án hình sự, thúc đẩy mối quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa hai nước thì việc ký kết Hiệp định song phương về TTTP pháp hình sự là rất quan trọng.

Thứ hai, việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có ở nước ngoài đối diện nhiều thách thức do có sự khác biệt về chế độ chính trị, pháp luật và cơ chế phân công trách nhiệm phòng, chống tội phạm giữa các quốc gia. Sự đa dạng trong quy định pháp luật về thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia tạo ra rào cản đáng kể. Hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có trở nên phức tạp do thiếu đồng nhất trong quy trình và tiêu chuẩn pháp lý. Việc giải quyết những khác biệt này đòi hỏi nỗ lực đồng bộ và phối hợp chặt chẽ giữa các quốc gia.

Hoạt động thu hồi tài sản do phạm tội mà có có thể kéo dài hàng tháng hoặc hàng năm bởi nguyên tắc chủ quyền quốc gia hạn chế khả năng của các cơ quan chức năng trong nước tiến hành các hoạt động điều tra, pháp lý và thi hành bản án ở các quốc gia nước ngoài. Tìm kiếm và thu hồi tài sản thành công thường phụ thuộc vào sự hỗ trợ của các quốc gia nước ngoài, một quá trình mà có thể chậm chạp và phức tạp do có sự khác nhau về truyền thống pháp lý, luật pháp và quy trình thủ tục, ngôn ngữ, múi giờ và năng lực.

Theo quy định của pháp luật của một số nước, để tịch thu tài sản do phạm tội mà có thì phải có tuân thủ nghiêm ngặt quy trình pháp lý, điều này bao gồm việc phải có Lệnh tịch thu tài sản. Pháp luật Việt Nam không quy định về việc ban hành Lệnh tịch thu tài sản riêng biệt, mà bản án của TAND có hiệu lực và quyết định thi hành án về bản chất được coi như là lệnh tịch thu tài sản nên khi có yêu cầu tương trợ tư pháp về thu hồi tài sản do phạm tội mà có, quốc gia được yêu cầu tương trợ sẽ đề nghị Việt Nam xác nhận bản án của Việt Nam có phải là

căn cứ để tịch thu tài sản theo pháp luật Việt Nam, có bản chất là lệnh tịch thu tài sản không (tháng 02/2020 Cơ quan Tổng chương lý Singapore có Công hàm đề nghị cơ quan có thẩm quyền Việt Nam giải thích, xác nhận bản án trong vụ Phan Sào Nam). Vì vậy, việc tương trợ tư pháp sẽ trải qua thêm một bước nên sẽ tốn thêm một khoảng thời gian để thực hiện.

Thứ ba, cơ sở pháp lý cho việc hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có chưa đầy đủ, số quy định chỉ mang tính nguyên tắc, thiếu các điều khoản cụ thể điều chỉnh hoạt động TTTP¹¹⁸. Quy định của pháp luật Việt Nam về thu hồi tài sản do phạm tội mà có chưa phù hợp, chưa hoàn thiện với pháp luật quốc tế. Nội dung một số quy định trong các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Tương trợ tư pháp cũng thể hiện những bất cập và không còn phù hợp với thực tiễn. Sự thiếu gắn kết, chưa đồng bộ và chưa hợp lý của pháp luật tố tụng trong nước liên quan đến tương trợ tư pháp về hình sự cũng làm ảnh hưởng đến việc giải quyết kịp thời các yêu cầu tương trợ tư pháp.¹¹⁹

BLTTHS năm 2015 chưa có quy định chi tiết về trình tự, thủ tục, thẩm quyền thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Các quy định hiện tại chỉ mang tính nguyên tắc chung, thiếu các điều khoản điều chỉnh hoạt động liên quan đến tương trợ tư pháp, cũng như các biện pháp phong tỏa, kê biên, thu giữ, tịch thu tài sản và xử lý tài sản do phạm tội mà có. Đặc biệt, còn thiếu các giải pháp hiệu quả cho việc truy tìm tài sản do phạm tội mà có, nhất là khi tài sản này được tẩu tán thông qua bên thứ ba. Ví dụ, biện pháp phong tỏa được quy định trong BLTTHS năm 2015 bị giới hạn, nhưng thực tế cho thấy, nhiều trường hợp tài sản được người thân hoặc đối tượng khác không bị buộc tội đứng tên hộ, gây khó khăn cho việc thu hồi. Điển hình như vụ án Giang Kim Đạt, khi bố đẻ của Giang Kim Đạt là Giang Kim Hiên đứng tên nhiều bất động sản, đến khi Cơ quan điều tra làm rõ được hành vi này, thì đối tượng đã

¹¹⁸ Âu Thị Tâm Minh (2022), Nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí điện tử Lý luận chính trị, xem thêm tại <https://lyluanchinhtri.vn/nang-cao-hieu-qua-thu-hoi-tai-san-tham-nhung-o-viet-nam-hien-nay-2168.html>, truy cập ngày 12/12/2023.

¹¹⁹ VKSND tối cao (2024), Báo cáo Tổng kết thi hành Luật tương trợ tư pháp năm 2007 trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự, tr.24.

có đủ thời gian để tẩu tán tài sản (trước khi bị phát hiện, Giang Kim Đạt đã tẩu tán, bán một căn hộ tại đảo Sentosa, Singapore). Điều này gây khó khăn lớn cho quá trình hợp tác quốc tế trong việc truy tìm và thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Đề cơ quan có thẩm quyền của quốc gia khác thực hiện việc phong tỏa, tịch thu tài sản do phạm tội mà có thì vấn đề quan trọng nhất là cần phải chứng minh mối liên hệ giữa hành vi phạm tội với khoản tiền trong tài khoản nước ngoài. Điều này thường mất rất nhiều thời gian do bản thân các đối tượng phạm tội đều là người có chức vụ, quyền hạn, có trình độ, kinh nghiệm, có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, đối phó ngay từ đầu khi thực hiện hành vi phạm tội. Họ chủ động xóa dấu vết, lợi dụng sơ hở của quy định pháp luật và hoạt động tổ tụng để tẩu tán, che giấu, cất giấu tài sản ở nước ngoài hoặc chuyển nhượng, sang tên, tặng cho người khác... Có thể thấy thủ đoạn phạm tội rất tinh vi, xảo quyệt, thường có đồng phạm và có rất nhiều cách để che giấu hành vi phạm tội cũng như tẩu tán tài sản. Số tài sản mà các đối tượng đứng tên là rất ít ỏi, trước khi bị phát hiện, điều tra, các tài sản do phạm tội mà có thường bị chuyển dịch, tẩy rửa, chuyển đổi sang hình thức khác. Hơn nữa, trong các vụ án Giang Kim Đạt và vụ án Dương Chí Dũng, các đối tượng đều không tự nguyện thu hồi tài sản của mình để trả lại cho Nhà nước Việt Nam nên cũng gây không ít khó khăn, mất nhiều thời gian để thực hiện việc hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong các vụ án này.

Đối với các yêu cầu của nước ngoài đề nghị Việt Nam thi hành lệnh kê biên, phong tỏa, khám xét, thu giữ của tòa án nước ngoài đối với tài sản đang tồn tại ở Việt Nam khó thực hiện do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam không có đủ cơ sở về trình tự pháp lý cụ thể để thực hiện yêu cầu này. Trong quy định về phạm vi TTTP về hình sự, vấn đề thu hồi tài sản do phạm tội mà có chưa được quan tâm đề cập dẫn đến việc thực hiện vẫn phụ thuộc vào sự thiện chí và nỗ lực của từng quốc gia trong quá trình thực hiện tương trợ tư pháp.

** Nguyên nhân chủ quan:*

Số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, kinh phí và điều kiện đảm bảo cho công tác TTTP hình sự vẫn chưa tương xứng với yêu cầu của hoạt động này. Số lượng cán bộ chuyên trách về công tác TTTP hình sự còn thiếu trong khi hoạt động TTTP hình sự nhìn chung ngày càng phức tạp về nội dung, gia tăng về khối lượng với yêu cầu ngày càng cao. Nhận thức của một bộ phận cán bộ thực thi pháp luật về ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật nói chung và hoạt động TTTP hình sự nói riêng chưa đầy đủ. Năng lực, trình độ, kiến thức về pháp luật quốc tế, về ngoại ngữ của cán bộ, đặc biệt là cán bộ ở địa phương còn hạn chế.¹²⁰

Như vậy, có thể thấy hoạt động TTTP hình sự về thu hồi tài sản do phạm tội mà có mang đặc thù riêng, gắn với hoạt động tố tụng, với điều ước quốc tế và hiệp định song phương, phụ thuộc vào thiện chí, sự giúp đỡ của quốc gia hợp tác. Đây là một quy trình phức tạp, không hoàn toàn phụ thuộc vào các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam mà còn dựa trên quan hệ ngoại giao song phương, vấn đề chính trị, kinh tế của quốc gia nơi có tài sản, cơ chế có đi có lại...¹²¹ Do đó, những tồn tại và hạn chế trên đòi hỏi một lộ trình bài bản, không thể thực hiện trong ngắn hạn, cần từng bước giải quyết triệt để nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động TTTP và hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Sự hỗ trợ, thỏa thuận đúng thời hạn sẽ là vũ khí mạnh mẽ để thu hồi hiệu quả hơn các tài sản thuộc sở hữu của quốc gia bị thiệt hại do hành vi phạm tội và củng cố nỗ lực chống tội phạm, thu hồi tài sản do phạm tội mà có trên phạm vi toàn cầu.

¹²⁰ VKSND tối cao (2024), Báo cáo Tổng kết thi hành Luật tương trợ tư pháp năm 2007 trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự, tr.25.

¹²¹ Vũ Lê Minh (2024), *Quy trình, thủ tục thi hành án trong trường hợp xác định được tài sản của tội phạm ở nước ngoài*, <https://phaply.net.vn/quy-trinh-thu-tuc-thi-hanh-an-trong-truong-hop-xac-dinh-duoc-tai-san-cua-toi-pham-o-nuoc-ngoai-a257955.html> truy cập ngày 23/12/2024.

Kết luận Chương 2

Chương 2 của luận án đã phân tích thực trạng quy định pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có và thực tiễn thực hiện, cụ thể:

Quá trình hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có giữa Việt Nam và các quốc gia dựa trên nền tảng pháp lý vững chắc. Nền tảng này bao gồm các điều ước quốc tế đa phương, các hiệp định song phương mà Việt Nam đã ký kết tham gia và pháp luật quốc gia về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Luận án đã làm rõ cơ sở pháp lý về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có ở Việt Nam bao gồm: BLTTHS năm 2015, Luật TTTP năm 2007. Ngoài ra, hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có còn được quy định tại một số văn bản pháp luật chuyên ngành khác như Luật phòng chống tham nhũng năm 2018, Luật phòng chống rửa tiền năm 2022... Đồng thời, hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có còn chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia với tư cách là thành viên như Công ước chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần; Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; Công ước chống tham nhũng. Ngoài ra, các hiệp định tương trợ tư pháp hình sự của khu vực và các hiệp định song phương đóng vai trò là cơ sở pháp lý cho các cơ quan chức năng trong việc triển khai, thực hiện các hoạt động hợp tác với các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới.

Trên cơ sở phân tích thực trạng cơ sở pháp lý hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, Chương 2 đã làm rõ thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Việt Nam. Thời gian qua đã có nhiều vụ án về thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Việt Nam cần sự hợp tác với các quốc gia khác trong quá trình giải quyết, trong đó có một số vụ án không hoặc chưa thực hiện được việc hợp tác

tương trợ tư pháp hình sự về thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Cùng đó, luận án đã đánh giá kết quả đạt được, những thành công trên phương diện tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế, những khó khăn tồn tại cũng như nguyên nhân của các hạn chế, tồn tại thời gian qua, làm cơ sở cho việc xây dựng các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có được trình bày ở Chương 3 của Luận án.

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ HỢP TÁC QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM TRONG THU HỒI TÀI SẢN DO PHẠM TỘI MÀ CÓ

3.1. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Các điều ước quốc tế đa phương, hiệp định TTTP về hình sự mà Việt Nam đã tiến hành đàm phán, ký kết, tham gia với các nước để có cơ sở pháp lý hợp tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, thu hồi tài sản do phạm tội mà có, cùng với các đạo luật mới về tư pháp hình sự với nhiều sửa đổi, bổ sung liên quan đến hợp tác quốc tế. Để góp phần hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và quốc gia đặt ra yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung các quy định về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có được phân tích tại Chương 2 của luận án đảm bảo đáp ứng đầy đủ các tiêu chí phù hợp, đồng bộ, toàn diện, thống nhất, khả thi... của hệ thống pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có được nêu ở Chương 1 của luận án.

Bên cạnh đó, tình hình tội phạm nói chung, đặc biệt là tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và tội phạm có yếu tố nước ngoài đang có chiều hướng gia tăng và diễn biến phức tạp. Số lượng các vụ án hình sự phát sinh hoạt động TTTP về hình sự liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có ngày càng nhiều, dự báo nhu cầu hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này sẽ tiếp tục mở rộng, cả về số lượng lẫn độ phức tạp về hình thức thực hiện, liên quan đến nhiều loại hình tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và tội phạm phi truyền thống. Do đó, việc thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có cần được đẩy mạnh hơn nữa. Điều này góp phần vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Vì những lý do nêu trên, việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là phù hợp và cần thiết nhằm khắc phục những bất cập, hạn chế, khó khăn đã được chỉ ra ở mục 2.1.3 và mục 2.2.2, đồng thời xây dựng cơ sở pháp lý vững chắc cho việc ký kết các Hiệp định TTTP về hình sự giữa Việt Nam với các quốc gia khác. Hơn nữa, việc này góp phần tăng cường hài hòa hóa và giảm thiểu xung đột giữa pháp luật Việt Nam với quốc tế trong lĩnh vực này, đảm bảo quá trình nội luật hóa được thực hiện hiệu quả và phù hợp hơn với các điều ước quốc tế có liên quan đến hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có mà Việt Nam đã tham gia. Đặc biệt, việc quy định nội dung hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định, truy tìm, phong tỏa, thu giữ, tịch thu và trả lại những tài sản do phạm tội mà có bị tẩu tán ra nước ngoài về cho Nhà nước, giữ gìn sự ổn định về nguồn lực cho xã hội hoặc trực tiếp phục vụ cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, cụ thể:

Một là, hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có phải đảm bảo yêu cầu thể chế hóa kịp thời, đầy đủ các quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về lĩnh vực này, đảm bảo tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm, hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Hội nhập quốc tế chủ động và tích cực là định hướng chiến lược nhất quán, xuyên suốt của Đảng, được đề ra từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và được phát triển, hoàn thiện qua các kỳ Đại hội sau. Quá trình này chuyển đổi từ giai đoạn mới mẻ đến làm quen, mở rộng từ phạm vi hẹp đến đa lĩnh vực, từ khu vực đến toàn cầu. Về đường lối đối ngoại, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nêu rõ một trong những nhiệm vụ then chốt là: *“Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại. Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở tôn trọng*

các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng; Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”¹²².

Trên tinh thần Nghị quyết 22-NQ/TW ban hành ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế, chủ trương đối ngoại của Đảng nhấn mạnh việc đẩy mạnh hội nhập sâu rộng trên nhiều lĩnh vực. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, bên cạnh việc phát triển các hoạt động hợp tác kinh tế, đầu tư và giao lưu giữa công dân các nước tạo cơ sở và thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội, chúng ta cũng phải đối diện với nhiều thách thức, đặc biệt là sự gia tăng và phức tạp của tội phạm xuyên quốc gia. Do đó, việc tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng chống tội phạm, đặc biệt là việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có trở thành một yêu cầu khách quan và cấp thiết. Điều này giúp các quốc gia giải quyết các vụ án hình sự có yếu tố nước ngoài một cách hiệu quả nhất.

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng vấn đề này, nghị quyết về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về hợp tác quốc tế phòng chống tội phạm đã được ban hành, tạo hành lang pháp lý vững chắc để Việt Nam tăng cường hợp tác với các quốc gia khác: *“Tổ chức thực hiện tốt các điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tiếp tục nghiên cứu xây dựng, đàm phán, ký kết hoặc phê chuẩn các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế song phương và đa phương nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi trong hợp tác phòng, chống tội phạm, đặc biệt là tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia...”¹²³*. Ngày 02/6/2021, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã ban hành Chỉ thị số 04-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế, Bộ Chính trị đặc biệt nhấn mạnh: *“Tăng cường hợp tác quốc tế trong thu*

¹²² Đảng Cộng sản Việt Nam (2021) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, tr.161-162.

¹²³ Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030”*, Hà Nội.

*hồi tài sản tham nhũng; chủ động phối hợp với các tổ chức quốc tế và các cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài để xác minh, truy tìm và xử lý tài sản do phạm tội mà có đang ở nước ngoài. Đẩy mạnh tham gia, ký kết các hiệp định tương trợ tư pháp hình sự giữa Việt Nam với các nước, tạo cơ sở pháp lý, cơ chế phối hợp trong phòng, chống tham nhũng có yếu tố nước ngoài”.*¹²⁴

Để tăng cường, chủ động hội nhập quốc tế đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới, ngày 09/11/2022, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, trong đó nêu rõ phải tiếp tục hoàn thiện cơ chế để chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, thực chất, hiệu quả, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp Quốc và pháp luật quốc tế; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia, chế độ xã hội chủ nghĩa. Chủ động tham gia, đóng góp vào việc xây dựng, định hình các thể chế đa phương và trật tự quốc tế, khu vực. Hoàn thiện pháp luật điều chỉnh mối quan hệ giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế; giải quyết hiệu quả các xung đột về thẩm quyền và pháp luật giữa Việt Nam và các quốc gia khác, bảo đảm tốt các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước Việt Nam. Hoàn thiện cơ chế và nâng cao năng lực của các cơ quan, tổ chức có liên quan, thực hiện đầy đủ, hiệu quả các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

Nhằm đảm bảo đồng bộ, liên thông, đổi mới gắn kết với giữa cải cách tư pháp và yêu cầu trong bối cảnh mới, ngày 30/4/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành

¹²⁴ Bộ Chính trị (2021), *Chỉ thị số 04-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế*, ban hành ngày 02/6/2021, tr.4.

pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, đã nêu nhiều giải pháp trọng tâm thực hiện, trong đó đối với việc nâng cao hiệu quả công tác hợp tác quốc tế, pháp luật quốc tế, Nghị quyết đã nêu ra một số giải pháp, đặc biệt nhấn mạnh về việc hoàn thiện cơ chế, mở rộng hợp tác quốc tế về pháp luật và tư pháp.

Hai là, pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có phải được quy định chặt chẽ, cụ thể, đầy đủ, khắc phục được những hạn chế và bất cập, giải quyết triệt để các thách thức thực tiễn. Việc quy định pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có một cách toàn diện, chặt chẽ, chi tiết, đầy đủ không chỉ bảo đảm tính chuẩn xác, tối ưu và hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan tư pháp mà còn thể hiện sự tôn trọng đối với độc lập, chủ quyền của quốc gia và các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế.

Trong bối cảnh tội phạm xuyên quốc gia ngày càng tinh vi, việc hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có không chỉ là yêu cầu cấp thiết mà còn là yếu tố then chốt để bảo vệ lợi ích quốc gia và thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

Ba là, để hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có cần thiết phải tạo ra một hành lang pháp lý đầy đủ cho việc tương trợ tư pháp về hình sự, đáp ứng yêu cầu thực hiện tương trợ tư pháp được thuận lợi, kịp thời, nhanh chóng. Đây là những yêu cầu đặt ra đối với mọi thủ tục tố tụng tư pháp, đặc biệt là đối với các vụ án hình sự mà quá trình giải quyết phải có sự hợp tác, tương trợ của nước ngoài để thu hồi được tài sản do phạm tội mà có.

Bốn là, hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có và xây dựng pháp luật về hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có phải phát huy tối đa nội lực, đồng thời thể hiện được tính chủ động trong hội nhập quốc tế, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Việc tham gia vào các điều ước, thỏa thuận đa phương quốc tế liên quan về thu hồi tài sản do phạm tội mà có mang lại nhiều lợi ích thiết thực. Trước hết, chúng ta sẽ nắm bắt được những vấn đề, tiếp cận được các phương pháp, giải pháp cơ bản, cốt lõi và hiện đại trong công tác phòng chống tội phạm và thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Đồng thời, nắm bắt được xu thế hợp tác của khu vực và thế giới, đóng góp vào nỗ lực chung trong việc giải quyết một vấn nạn chung của thế giới và khu vực, góp phần củng cố mối quan hệ hòa bình, hữu nghị và thúc đẩy sự phát triển bền vững trên phạm vi toàn thế giới. Việc nội luật hóa và thực hiện có hiệu quả các cam kết, các điều khoản của các thỏa thuận, điều ước quốc tế này sẽ giúp tăng cường hiệu lực, hiệu quả của công tác phòng chống tội phạm và thu hồi tài sản do phạm tội mà có ở trong nước, mặt khác thể hiện tính chủ động, tính cam kết ở mức độ cao và quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

Năm là, hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có phải phù hợp với đặc điểm tình hình thực tiễn của Việt Nam và cần có sự tham khảo, tiếp thu kinh nghiệm từ các quốc gia khác. Thông qua hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, chúng ta sẽ thu được những kinh nghiệm, thực tiễn tốt của các quốc gia trên thế giới về thu hồi tài sản do phạm tội mà có, từ đó nghiên cứu, áp dụng phù hợp vào công tác thu hồi tài sản của Việt Nam; đồng thời góp phần tăng cường hình ảnh, vai trò của Việt Nam với khu vực và thế giới trong hợp tác về thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Để tiếp thu có chọn lọc các nội dung về hợp tác quốc tế thì cần dựa vào đặc điểm tình hình thực tiễn của Việt Nam về kinh tế, văn hóa, xã hội... Đặc biệt cần tham khảo, tiếp thu các kinh nghiệm từ các quốc gia dẫn đầu thế giới về lĩnh vực thu hồi tài sản, đi trước nhiều quốc gia khác về khả năng thu hồi tài sản; tham khảo, chia sẻ kinh nghiệm của các tổ chức quốc tế để nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản do phạm tội mà có và hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có ở Việt Nam.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Xuất phát từ những hạn chế, tồn tại của pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có như số lượng các điều ước quốc tế đa phương, hiệp định song phương được ký kết giữa Việt Nam và các quốc gia khác có liên quan trực tiếp đến hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có còn rất khiêm tốn, hạn chế; nhiều quy định của pháp luật Việt Nam còn chưa đáp ứng yêu cầu của các điều ước quốc tế như thiếu cơ chế chi tiết, cụ thể trong hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có... đã được phân tích tại mục 2.1.3 và từ những yêu cầu hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có ở mục 3.1 luận án đưa ra một số giải pháp sau:

3.2.1. *Rà soát các văn bản pháp lý quốc tế đa phương mà Việt Nam là thành viên*

Việt Nam là thành viên chính thức của Công ước của Liên hợp quốc về chống buôn bán trái phép thuốc gây nghiện và chất hướng thần năm 1988; Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC); Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC); Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm mạng. Trên cơ sở bốn Công ước này, Việt Nam có thể hợp tác với các quốc gia thành viên khác trong việc thực hiện các yêu cầu tương trợ về xác minh, truy tìm, kê biên, phong tỏa, thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã đưa ra định hướng: “*Chủ động tham gia và phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN, Liên hợp quốc và các khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế, trong những vấn đề và cơ chế quan trọng có tầm chiến lược, phù hợp với yêu cầu, khả năng và điều kiện cụ thể*”¹²⁵. Trong lĩnh vực đấu tranh phòng chống tội phạm và thu hồi tài sản do phạm tội mà có, Liên hợp quốc cùng các quốc gia thành viên tập trung xem

¹²⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, tr.161-162.

xét, rà soát, xây dựng các văn kiện, củng cố cơ sở pháp lý quốc tế để thu hồi tài sản do phạm tội mà có, đồng thời các văn bản này quy định rõ ràng quyền và nghĩa vụ của các quốc gia trong hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có thông qua cả hình thức trực tiếp và gián tiếp. Vì vậy, Việt Nam cần tham gia tích cực vào quá trình rà soát, bổ sung hoàn thiện các công ước liên quan về thu hồi tài sản trên của Liên hợp quốc.

Thực tiễn cho thấy, quá trình đấu tranh chống tội phạm, thu hồi tài sản do phạm tội mà có đòi hỏi các nước trên thế giới phải đẩy mạnh hợp tác TTTP hình sự trên nhiều mặt, như công tác cung cấp, trao đổi thông tin, xác minh, phong tỏa, thu giữ, chuyển giao tài sản do phạm tội mà có ở nước ngoài về cho Nhà nước Việt Nam. Để có cơ sở pháp lý đầy đủ cho các hoạt động này, Việt Nam cần tiếp tục đàm phán, gia nhập điều ước quốc tế còn lại liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có, cụ thể là Công ước chống hối lộ công chức nước ngoài trong giao dịch kinh doanh quốc tế (OECD Convention on Combating Bribery of Foreign Public Officials in International Business Transactions). Thời gian tới, Việt Nam được dự báo là một trong các quốc gia có nền kinh tế phát triển nhanh trên thế giới, có thể đảm bảo các điều kiện để gia nhập OECD. Mặt khác, hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có, đặc biệt là tài sản tham nhũng đang trở thành một trong những ưu tiên cấp thiết hàng đầu của mỗi quốc gia, trong đó có Việt Nam; để chủ động có đối sách và có cơ sở pháp lý hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng hiệu quả, trong thời gian tới Việt Nam cần tiến hành đàm phán, ký kết tham gia Công ước OECD về chống hối lộ công chức nước ngoài trong giao dịch kinh doanh quốc tế.

Đặc biệt, Việt Nam đã là thành viên của Hiệp định ASEAN về tương trợ tư pháp hình sự, đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam tăng cường hợp tác với các quốc gia khác trong khu vực, hướng tới mục tiêu chung là phòng, chống tội phạm và thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Để tối ưu hóa hiệu quả hợp tác, Việt Nam cần tiếp tục phối

hợp chặt chẽ với các quốc gia ASEAN để nghiên cứu và hoàn thiện các quy định, điều khoản của Hiệp định này. Hiện tại do phạm vi tương trợ của Hiệp định liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có tương đối hẹp, chủ yếu tập trung vào hoạt động khám xét, tịch thu tài sản, hạn chế giao dịch tài sản hoặc phong tỏa tài sản do phạm tội mà có nên chưa bao quát đầy đủ. Việc mở rộng phạm vi hợp tác có thể thông qua việc thực hiện các biện pháp tương trợ khác như trao đổi kinh nghiệm, thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin, đào tạo nguồn nhân lực, hoàn thiện hệ thống pháp luật. Bên cạnh đó, Hiệp định mới chỉ đề ra các thủ tục tố tụng hình sự và biện pháp hợp tác cụ thể nhưng chưa xây dựng cơ chế đảm bảo thực thi có hiệu quả các biện pháp này. Trong bối cảnh Việt Nam và một số quốc gia ASEAN chưa ký kết các hiệp định song phương về TTTP hình sự, việc đàm phán mở rộng phạm vi hợp tác và hoàn thiện quy định của Hiệp định ASEAN về tương trợ tư pháp trong các vấn đề hình sự trở nên đặc biệt quan trọng. Điều này không chỉ củng cố khuôn khổ pháp lý mà còn thúc đẩy hiệu quả hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm và thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Việt Nam cũng cần đàm phán, thống nhất với các nước ASEAN về việc công nhận và thi hành các bản án, lệnh, quyết định tố tụng liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Tòa án hay cơ quan có thẩm quyền của các nước thành viên trong khu vực. Nếu các nước ASEAN thống nhất được việc công nhận và thi hành này thì sẽ tạo điều kiện hợp tác giữa các quốc gia thành viên để buộc một quốc gia thành viên phải công nhận và thực hiện các lệnh, quyết định tố tụng do cơ quan có thẩm quyền ban hành của quốc gia thành viên khác trên lãnh thổ của quốc gia mình. Thông qua việc công nhận lẫn nhau sẽ góp phần thúc đẩy và tăng cường hợp tác giữa các quốc gia thành viên ASEAN trong việc thu hồi tài sản một cách có hiệu quả, đảm bảo lợi ích hài hòa của cả quốc gia ban hành và quốc gia thực hiện.

Nghĩa vụ đầu tiên là các quốc gia thành viên phải cho phép các cơ quan có thẩm quyền trong nước công nhận và thực hiện theo bản án, lệnh, quyết

định tố tụng liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Tòa án hay cơ quan có thẩm quyền của một quốc gia thành viên khác. Nói cách khác, các cơ quan này cần được trao quyền hợp pháp để công nhận và thực thi các bản án, lệnh và quyết định tố tụng liên quan đến việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Thêm vào đó, các quốc gia cần có cơ chế pháp lý cho phép các cơ quan có thẩm quyền trong nước ban hành quyết định, lệnh tịch thu tài sản có yếu tố nước ngoài. Điều này đòi hỏi pháp luật quốc gia phải thiết lập quy trình, thủ tục cần thiết để đảm bảo việc tịch thu tài sản do phạm tội mà có ở quốc gia thành viên khác cũng như việc có thể áp dụng các biện pháp tạm thời nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tịch thu hoặc thực hiện các biện pháp phòng ngừa thông qua hợp tác quốc tế.

Ngoài ra, cần có cơ chế đảm bảo thực thi có hiệu quả các biện pháp cụ thể về hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có đã được quy định trong Hiệp định ASEAN về TTTP hình sự. Có thể cân nhắc tiếp thu quy định về giải quyết tranh chấp trong Công ước Strasbourg của EU, theo đó quy định về giải quyết bất đồng hoặc tranh chấp giữa các quốc gia thành viên ASEAN cần sửa đổi, bổ sung theo hướng khi không thực hiện hòa giải được bằng tham vấn, ngoại giao hay phương thức giải quyết tranh chấp hòa bình nào khác thì sẽ đưa tranh chấp đó lên Cấp cao ASEAN (ASEAN Summit) để giải quyết và có quyết định ràng buộc đối với các bên hoặc với Tòa án Công lý quốc tế theo thỏa thuận của các quốc gia thành viên liên quan.

Bên cạnh các công ước quốc tế trên, Việt Nam còn đã ký kết 30 hiệp định song phương về TTTP có liên quan đến hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Các hiệp định này là cơ sở pháp lý quan trọng để Việt Nam nội luật hóa, hoàn thiện hệ thống pháp luật về hợp tác quốc tế thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Tuy nhiên, số lượng hiệp định song phương giữa Việt Nam và các quốc gia khác có liên quan trực tiếp đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có còn hạn chế. Thực tiễn nhu cầu hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có hiện nay cho thấy có nhiều hoạt động TTTP về thu hồi tài sản do phạm tội mà có phát

sinh giữa Việt Nam với quốc gia khác nhưng chưa ký kết hiệp định TTTP dẫn đến việc yêu cầu thực hiện hoạt động TTTP vẫn phải áp dụng nguyên tắc có đi có lại, thiếu tính ràng buộc pháp lý. Hơn nữa, số lượng các điều ước song phương liên quan trực tiếp đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có được ký kết giữa Việt Nam và các quốc gia khác cũng còn rất khiêm tốn, gây trở ngại cho quá trình này, đòi hỏi cần mở rộng khuôn khổ pháp lý song phương để tăng cường hiệu quả hợp tác quốc tế trong việc thu hồi tài sản phạm tội.

Vì vậy, Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh đàm phán, ký kết các hiệp định song phương để mở rộng phạm vi và nâng cao hiệu quả của hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có với các quốc gia khác. Càng nhiều hiệp định song phương thì phạm vi phối hợp TTTP càng mở rộng, khả năng thu hồi tài sản do phạm tội mà có sẽ cao hơn, không gian để tội phạm tẩu tán, dịch chuyển tài sản sẽ thu hẹp, co cụm. Các hiệp định song phương này có thể là hiệp định TTTP hình sự, hiệp định hợp tác phòng chống tội phạm hoặc hiệp định song phương cụ thể về thu hồi tài sản do phạm tội mà có (chia sẻ và trả lại tài sản bị tịch thu).

Việc ký kết, tham gia các hiệp định/thỏa thuận về chia sẻ và trả lại tài sản bị tịch thu là phù hợp với xu hướng đấu tranh chống tội phạm mới trong cộng đồng quốc tế, sẽ góp phần bổ sung cụ thể, chi tiết hơn Hiệp định TTTP về hình sự liên quan đến việc xác định, chuyển giao, chia sẻ các khoản tiền tịch thu được do phạm tội mà có, giúp cho các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam và quốc gia đối tác tịch thu, hoàn trả và chia sẻ tài sản thu được từ tội phạm, tăng cường hợp tác quốc tế để đạt được đôi bên cùng có lợi.

Với vai trò là cơ quan trung ương về TTTP hình sự, là cơ quan đầu mối, trực tiếp thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế trong TTTP hình sự, bao gồm hoạt động hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có, VKSND tối cao cần tiến hành rà soát toàn diện những quốc gia chưa ký kết hiệp định TTTP hình sự với Việt Nam. Trên cơ sở đó, chủ động đàm phán và ký kết các hiệp định TTTP song phương trong lĩnh vực hình sự và thu hồi tài sản do phạm tội mà có, xây dựng hành lang pháp lý vững chắc, đảm bảo cơ chế phối hợp cụ thể

cho lực lượng đấu tranh phòng, chống tội phạm có yếu tố nước ngoài. Về nội dung các điều khoản, cần tiếp tục đàm phán theo hướng mở rộng hơn về phạm vi hợp tác, chi tiết hóa về trình tự, thủ tục thực hiện ủy thác hoặc lệnh của cơ quan có thẩm quyền về việc kê khai tài sản ở nước ngoài, xác minh, phong tỏa, thu giữ, tịch thu tài sản do phạm tội mà có có nguồn gốc từ nước ngoài, đồng thời tạo điều kiện cho phép thu hồi tài sản do phạm tội mà có bắt nguồn từ Việt Nam hiện nằm tại nước khác; cập nhật hơn xu hướng phát triển của pháp luật quốc tế trong lĩnh vực này.

Để tăng cường hiệu quả hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, cần thiết phải mở rộng phạm vi quan hệ hợp tác TTTP, không chỉ giới hạn trong phạm vi hợp tác giữa các cơ quan tiến hành tố tụng của Việt Nam và các quốc gia trong quá trình thực hiện các yêu cầu liên quan đến việc giải quyết vụ án hình sự về thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong các hoạt động xác minh, phong tỏa, thu giữ, trả lại tài sản do phạm tội mà có...mà còn cần mở rộng sang các lĩnh vực khác như: trao đổi thông tin, đào tạo nguồn nhân lực, chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ kỹ thuật...Do vậy, Việt Nam cần chủ động mở rộng phạm vi hợp tác song phương về thu hồi tài sản do phạm tội mà có bằng cách đẩy mạnh đàm phán và ký kết các hiệp định TTTP về hình sự và thu hồi tài sản do phạm tội mà có với nước ngoài, đặc biệt là đối với các nước đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, các nước có quan hệ truyền thống, các nước láng giềng, các nước có đông người Việt Nam sinh sống và các nước có quan hệ hợp tác kinh tế - đầu tư phát triển. Ưu tiên hợp tác với các nước phát sinh nhiều hoạt động TTTP hình sự, nhằm xây dựng cơ sở pháp lý, cơ chế phối hợp hiệu quả trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và hoạt động hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

3.2.2. Hoàn thiện pháp luật Việt Nam điều chỉnh hoạt động hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

3.2.2.1. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Bộ luật TTHS năm 2015 đã bổ sung nhiều quy định liên quan đến hoạt động TTTP hình sự, đặt nền móng pháp lý vững chắc cho quá trình triển khai trong lĩnh vực này. Điển hình là các quy định mới về hợp tác quốc tế trong

thu hồi tài sản do phạm tội mà có, các quy định này đã hỗ trợ đắc lực trong việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, cũng như quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự có yếu tố nước ngoài. Tuy nhiên, quá trình thực hiện các quy định này cho thấy một số vấn đề còn tồn tại, gây khó khăn, vướng mắc, bất cập và cần được xem xét, điều chỉnh và bổ sung để hoàn thiện hơn, cụ thể như sau:

Thứ nhất, BLTTHS năm 2015 cần nội luật hóa quy định tại Điều 2 Công ước UNTOC và UNCAC, bổ sung quy định thuật ngữ “tài sản do phạm tội là có” vào Điều 4 về Giải thích từ ngữ đảm bảo phù hợp, đầy đủ các trường hợp như các công ước quốc tế trên mà Việt Nam đã tham gia, đồng thời góp phần cụ thể hóa quy định tại Điều 106 và Điều 507 BLTTHS năm 2015 vì có đề cập đến thuật ngữ này. Theo đó tài sản do phạm tội mà có là tài sản do phạm tội mà có là bất cứ tài sản nào bắt nguồn hay có được một cách trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc phạm tội, bao gồm cả tài sản có giá trị tương đương với tài sản có nguồn gốc từ việc phạm tội; tài sản do phạm tội mà có đã gộp, trộn lẫn, hợp nhất với các tài sản hợp pháp khác và thu nhập hoặc các lợi ích khác có được từ tài sản do phạm tội mà có, từ tài sản được biến đổi hoặc chuyển đổi từ tài sản do phạm tội mà có hoặc từ tài sản mà trong đó trộn lẫn một phần là tài sản do phạm tội mà có.

Thứ hai, nhằm nội luật hóa quy định tại Điều 54 Công ước UNCAC và Hiệp định ASEAN về TTTP hình sự đối với các cơ chế thu hồi tài sản thông qua hợp tác quốc tế, đảm bảo thực hiện tương trợ trong nước, giúp cho quá trình tố tụng được thực hiện thống nhất, BLTTHS năm 2015 cần bổ sung quy định về công nhận và cho thi hành bản án, quyết định, lệnh của cơ quan tố tụng nước ngoài tại Việt Nam về kê biên, phong tỏa, tạm giữ hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có. Ngoài ra, cần nhắc bổ sung quy định cho phép cơ quan tố tụng Việt Nam ban hành lệnh khám xét, kê biên, phong tỏa, thu giữ, tịch thu tài sản trên cơ sở nội dung yêu cầu TTTP của nước ngoài, được tiến hành ngay cả khi yêu cầu đó không kèm theo lệnh hoặc quyết định tương ứng của cơ quan tố tụng nước ngoài. Điều này giúp tăng cường sự chủ động và kịp

thời trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, thu hồi tài sản phạm tội do phạm tội mà có.

Thứ ba, tồn tại sự khác biệt giữa quy định về hợp tác tương trợ tư pháp trong BLTTHS và Luật TTTP, cụ thể BLTTHS năm 2015 không quy định về căn cứ từ chối thực hiện yêu cầu TTTP, ngược lại Điều 21 Luật TTTP lại liệt kê các trường hợp từ chối hoặc hoãn thực hiện TTTP hình sự của nước ngoài. Các trường hợp này bao gồm: Không phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, quy định của pháp luật Việt Nam; xâm hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia. Sự không thống nhất này có thể gây khó khăn trong quá trình thực hiện tương trợ tư pháp. Để tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, cần hoàn thiện, bổ sung quy định trong BLTTHS năm 2015 để thống nhất quy định giữa hai bộ luật.

Thứ tư, cần có sự thống nhất về sử dụng thuật ngữ giữa Điều 507 BLTTHS năm 2015 quy định Hợp tác quốc tế “*xử lý tài sản*” do phạm tội mà có nhưng Điều 91 Luật phòng chống tham nhũng năm 2018 và Điều 19 Luật TTTP năm 2007 lại sử dụng thuật ngữ “*thu hồi tài sản*”. Như đã phân tích ở trên, việc đặt tên của Điều 507 chưa phản ánh đầy đủ phạm vi và bao trùm hết các nội dung có liên quan, dẫn đến sự thiếu chính xác, vì vậy cần sửa đổi Điều 507 thành “*Thu hồi tài sản do phạm tội mà có*” để đảm bảo tính kỹ luật lập pháp cao và sự đồng bộ, thống nhất giữa các quy định pháp luật.

Mặt khác, quy định tại Điều 507 này cũng đang thiếu sự chi tiết hóa về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền trong nước, dẫn đến khó khăn trong thực tiễn. Thực tế, Việt Nam đã tiếp nhận một số yêu cầu tương trợ tư pháp từ các quốc gia khác liên quan đến việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có tuy nhiên do thiếu các quy định cụ thể, chi tiết về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền và trách nhiệm nên chưa thể thực hiện các biện pháp kê biên, phong tỏa, tịch thu, trả lại tài sản do phạm tội mà có theo yêu cầu tương trợ của nước ngoài. Ngược lại, Việt Nam cũng đã gửi nhiều yêu cầu tương trợ đến các quốc gia đề nghị thu hồi, trả lại tài sản cho

Nhà nước Việt Nam. Để đáp ứng yêu cầu này, các quốc gia khác thường đòi hỏi Việt Nam tuân thủ, đáp ứng đầy đủ các chuẩn mực pháp lý, thủ tục tố tụng, cung cấp chứng cứ, tài liệu và đưa ra cam kết cụ thể. Việc đáp ứng những yêu cầu này đang gặp nhiều khó khăn do thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng trong nước, cũng như chưa có quy định chi tiết về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan tố tụng trong việc phối hợp và thực hiện các thủ tục tương trợ. Do đó, việc sửa đổi Điều 507 theo hướng cụ thể hơn là rất cần thiết. Đồng thời, cần đặt điều khoản này trong mối quan hệ chặt chẽ với các quy định tương ứng trong Luật TTTP về hình sự, đảm bảo tính đồng bộ và hiệu quả trong việc thực hiện.

Thứ năm, cần thiết phải bổ sung quy định cho phép áp dụng quy trình thu hồi tài sản không qua kết tội hình sự (thu hồi tài sản theo thủ tục dân sự) trên cơ sở những quy định này được bổ sung trong Bộ luật TTHS năm 2015. Điều này thiết lập cơ sở pháp lý vững chắc, cho phép thu hồi tài sản ngay cả khi không thể truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội trong các trường hợp người phạm tội chết, mất tích hoặc bỏ trốn nhưng có đủ căn cứ chứng minh tài sản có nguồn gốc từ hành vi phạm tội.

3.2.2.2. Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 và Luật Tương trợ tư pháp về hình sự năm 2025

Luật TTTP năm 2007 là một trong những cơ sở pháp lý quan trọng cho quá trình hợp tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có của Việt Nam. Các quy định của Luật TTTP là cơ sở để các cơ quan có thẩm quyền tiến hành hợp tác tương trợ tư pháp, trong đó có hợp tác tương trợ tư pháp về thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện Luật TTTP trong những năm qua cũng cho thấy nhiều quy định của luật chưa hoàn thiện, còn khoảng trống so với yêu cầu thực tế cần được khắc phục, bổ sung, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế, các quan hệ hợp tác ngày càng đa dạng và hệ thống pháp luật tố tụng hình sự, dân sự đã có nhiều thay đổi¹²⁶.

¹²⁶ Bộ Tư pháp (2016), *Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật tương trợ tư pháp*, Hà Nội

Luật TTTP năm 2007 của Việt Nam điều chỉnh đa lĩnh vực, việc tích hợp nhiều lĩnh vực mang tính chuyên ngành cao, mỗi lĩnh vực có phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng riêng biệt, cùng với thẩm quyền, nguyên tắc và trình tự, thủ tục thực hiện khác nhau trong cùng một văn bản luật duy nhất là điều bất hợp lý. Vì vậy, cần hoàn thiện Luật TTTP năm 2007 có thể theo hướng sửa đổi, bổ sung hoặc tách riêng từng lĩnh vực điều chỉnh để xây dựng thành các luật chuyên biệt, bao gồm: Luật TTTP về hình sự; Luật TTTP về dân sự... Nếu bổ sung Luật TTTP năm 2007 thì Luật mới sẽ chồng chéo, trùng lặp về những quy định chung. Hơn nữa, việc tập hợp chung các loại hình tương trợ hoàn toàn độc lập và khác nhau trong một văn bản luật là chưa phù hợp. Nghiên cứu cho thấy phương án xây dựng các luật chuyên biệt về tương trợ sẽ mang lại nhiều lợi ích như giúp mở rộng phạm vi tương trợ, tạo điều kiện quy định chi tiết về cơ chế áp dụng nguyên tắc “có đi có lại”, đồng thời giải quyết triệt để các hạn chế và bất cập trong các quy định hiện hành, đặc biệt cách tiếp cận này đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, cũng như sự đồng bộ với hệ thống pháp luật trong nước, nội dung và trình tự, thủ tục tố tụng sẽ được quy định đầy đủ và rõ ràng hơn, giúp việc tra cứu và áp dụng pháp luật trở nên hiệu quả hơn cho những người tiến hành tố tụng trong và ngoài nước.

Có thể thấy, các quy định về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có còn nằm rải rác ở nhiều văn bản pháp luật khác nhau, điều này sẽ tạo nên sự khó tiếp cận đối với cơ quan có thẩm quyền của các quốc gia nước ngoài, vì vậy cần tập trung các quy định này trong một văn bản pháp luật, cụ thể là xây dựng Luật TTTP về hình sự riêng biệt, đảm bảo việc nội luật hóa đầy đủ các nội dung quy định tại các điều ước quốc tế về thủ tục áp dụng các biện pháp thu giữ, phong tỏa, kê biên tài sản đang có ở Việt Nam được xác định có nguồn gốc từ hành vi phạm tội ở nước ngoài và ngược lại, hoàn thiện nội dung theo hướng quy định cụ thể, rõ ràng về thẩm quyền, trình tự thủ tục hợp tác quốc tế trong việc đề nghị các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác minh, phong tỏa, kê biên, tịch thu, trả lại tài sản do phạm tội mà có ở nước ngoài về cho Nhà nước Việt Nam.

Luật TTTP về hình sự phải đảm bảo thể chế hóa được đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, các nguyên tắc của hợp tác quốc tế trong TTTHS, thể hiện được ý chí quyết tâm của Việt Nam trong việc thực hiện nhanh chóng, kịp thời, có hiệu quả hợp tác quốc tế. Đồng thời, Luật TTTP về hình sự chuyên biệt phải nội luật hoá được các quy định trong các điều ước quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có một cách đầy đủ, toàn diện phù hợp với điều kiện của Việt Nam. Do BLTTHS năm 2015 là luật gốc chỉ điều chỉnh những vấn đề cơ bản nhất về nguyên tắc, các nội dung cơ bản, vì vậy các quy định trong Luật TTTP về hình sự phải cụ thể hóa các nguyên tắc, nội dung đó thành các trình tự thủ tục áp dụng cụ thể, thống nhất với các quy định trong BLTTHS năm 2015, theo tính chất quan hệ giữa luật gốc và luật chuyên biệt.

Kết cấu Luật TTTP về hình sự nên theo hướng chia thành 04 phần gồm:

(1) Nhóm những quy định chung bao gồm: phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; áp dụng pháp luật; nguyên tắc TTTP hình sự; áp dụng nguyên tắc có đi có lại; ngôn ngữ, phạm vi TTTP hình sự; hợp pháp hóa lãnh sự; bảo đảm an toàn; bảo mật thông tin và giới hạn sử dụng; giao nhận tài liệu, vật chứng, tài sản liên quan đến TTTP hình sự; chi phí thực hiện yêu cầu TTTP hình sự; kinh phí bảo đảm công tác TTTP hình sự; xem xét yêu cầu liên quan đến hình phạt tử hình, cơ quan trung ương về TTTP hình sự; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong TTTP hình sự.

Trước hết, cần bổ sung quy định về thẩm quyền lập yêu cầu TTTP gửi đi nước ngoài đối với các cơ quan khác có thẩm quyền trong hoạt động TTTP về hình sự như các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành án và công tác phối hợp, tham vấn trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ của nước ngoài giữa các cơ quan có liên quan.

Về phạm vi TTTP hình sự, ngoài phạm vi tương trợ truyền thống quy định tại Điều 17 của Luật TTTP năm 2007, cần được bổ sung thêm những nội dung tương trợ mới như khám xét, thu giữ, áp dụng các biện pháp tố tụng nhằm bảo đảm việc tịch thu, trao trả, xử lý vật chứng, tài sản do phạm tội mà có.¹²⁷

¹²⁷ Đề xuất này đã được Luật tương trợ tư pháp về hình sự năm 2025 ghi nhận và quy định tại Điều 9 nhưng chưa có hiệu lực.

Cần bổ sung điều khoản về điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục đưa ra cam kết không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành hình phạt tử hình theo yêu cầu của phía nước ngoài để thực hiện yêu cầu TTTP về thu hồi tài sản do phạm tội mà có, đặc biệt là tài sản do phạm tội tham nhũng liên quan đến tội có khung hình phạt tử hình, cụ thể:

“Điều ... Xem xét yêu cầu liên quan đến hình phạt tử hình

1. Trường hợp nước ngoài yêu cầu Việt Nam không áp dụng hình phạt tử hình hoặc không thi hành hình phạt tử hình để thực hiện yêu cầu tương trợ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan đưa ra một trong các thông báo sau đây:

a) Thông báo không áp dụng hình phạt tử hình đối với người có liên quan đến yêu cầu tương trợ nếu người đó thuộc trường hợp không bị kết án tử hình theo quy định tại Bộ luật hình sự;

b) Thông báo không thi hành hình phạt tử hình đối với người có liên quan đến yêu cầu tương trợ không thuộc trường hợp được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này sau khi có ý kiến của Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong trường hợp cần thiết.

2. Trường hợp Việt Nam yêu cầu nước ngoài không thi hành hình phạt tử hình để thực hiện yêu cầu tương trợ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị nước ngoài đưa ra cam kết bằng văn bản về nội dung này.”¹²⁸

Về chi phí thực hiện yêu cầu TTTP hình sự về thu hồi tài sản do phạm tội mà có, cần đảm bảo quy định giữa pháp luật Việt Nam có sự tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và thông lệ quốc tế trong lĩnh vực này, cần sửa đổi Điều 31 Luật TTTP năm 2007 cụ thể như sau:

Điều Chi phí thực hiện yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự

1. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài đã có điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự thì chi phí trong tương trợ tư pháp về hình sự được thực hiện theo điều ước quốc tế đó.

¹²⁸ Đề xuất này đã được Luật tương trợ tư pháp về hình sự năm 2025 ghi nhận và quy định tại Điều 14 nhưng chưa có hiệu lực.

2. Trường hợp giữa Việt Nam và nước ngoài chưa ký kết điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp về hình sự, nếu không có thoả thuận khác thì chi phí trong tương trợ tư pháp về hình sự do nước được yêu cầu chi trả.¹²⁹

Về cơ quan trung ương về TTTP hình sự, quy định VKSND tối cao là cơ quan trung ương của Việt Nam trong TTTP về hình sự là phù hợp với các điều ước quốc tế về TTTP hình sự mà Việt Nam tham gia và thực tiễn thực hiện nhiệm vụ mà VKSND tối cao đang đảm nhận theo quy định của Luật TTTP. Cần bổ sung quy định đầy đủ và rõ ràng hơn đối với Điều 64 Luật TTTP năm 2007, Điều 6 Luật TTTP về hình sự năm 2025 về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan trung ương, chẳng hạn bên cạnh quyền hạn tiếp nhận, từ chối hoặc hoãn thực hiện một yêu cầu tương trợ thì cơ quan trung ương cần có quyền phân công một cơ quan có thẩm quyền thực hiện yêu cầu đó.

(2) Nhóm những quy định về trình tự, thủ tục đề nghị nước ngoài thực hiện tương trợ của Việt Nam gửi đi bao gồm: hồ sơ yêu cầu TTTP hình sự của Việt Nam; lập, gửi yêu cầu TTTP hình sự; phối hợp trao đổi, bổ sung thông tin thực hiện yêu cầu TTTP hình sự của Việt Nam; thông báo kết quả thực hiện yêu cầu TTTP hình sự; giá trị pháp lý của kết quả TTTP hình sự; kết thúc yêu cầu nước ngoài thực hiện yêu cầu TTTP hình sự; đề nghị nước ngoài truy cứu trách nhiệm hình sự.

(3) Nhóm các quy định về quy trình giải quyết yêu cầu tương trợ của nước ngoài gửi đến Việt Nam bao gồm: trình tự, thủ tục tiếp nhận, thẩm định hồ sơ yêu cầu TTTP về hình sự; các căn cứ từ chối, hoãn thực hiện TTTP về hình sự; trình tự, thủ tục thực hiện các nội dung tương trợ cụ thể bao gồm áp dụng các biện pháp tố tụng nhằm bảo đảm việc tịch thu, trao trả, xử lý vật chứng, tài sản.

Quy định về căn cứ từ chối TTTP hình sự cần phân biệt giữa trường hợp bắt buộc từ chối và trường hợp có thể từ chối thực hiện để tạo sự linh hoạt, hỗ trợ tối đa cho nước ngoài; bổ sung một số căn cứ phù hợp với các điều ước

¹²⁹ Đề xuất này đã được Luật tương trợ tư pháp về hình sự năm 2025 ghi nhận và quy định tại Điều 15 nhưng chưa có hiệu lực.

quốc tế như có thể từ chối nếu yêu cầu liên quan đến tội phạm có liên quan đến chính trị hoặc lĩnh vực quân sự hay bắt buộc từ chối nếu việc thực hiện yêu cầu vượt quá khả năng, điều kiện của các cơ quan có thẩm quyền thực hiện yêu cầu của Việt Nam.¹³⁰

Cần xây dựng và bổ sung quy định quy định về trình tự, thủ tục thực hiện cụ thể khi nước ngoài đề nghị Việt Nam áp dụng các biện pháp thu giữ, phong tỏa, kê biên và tịch thu tài sản do phạm tội mà có theo yêu cầu TTTP hình sự, đồng thời cũng cần quy định cụ thể, rõ ràng cơ chế xử lý tài sản, chia sẻ tài sản bị tịch thu với các quốc gia yêu cầu tương trợ. Cơ chế này cần xác định rõ các tiêu chí, thủ tục, tỷ lệ chia sẻ tài sản phù hợp với nguyên tắc có đi có lại và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.¹³¹

Trên cơ sở đó, Luật TTTP về hình sự năm 2025 đã được thông qua vào ngày 26/11/2025, tuy nhiên đến nay chưa có hiệu lực thi hành (từ 01/7/2026 mới chính thức có hiệu lực). Luật TTTP về hình sự là một đột phá lớn, mở ra bước ngoặt trong lĩnh vực hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, hứa hẹn tăng cường đáng kể hiệu quả trong lĩnh vực hoạt động này.

3.2.2.4. Ban hành các văn bản dưới luật quy định chi tiết các quy định mới được sửa đổi, bổ sung

Các quy định của Luật phòng chống tham nhũng năm 2018 và Luật phòng chống rửa tiền năm 2022 là cơ sở để các cơ quan có thẩm quyền xác định, phong tỏa tài sản của người phạm tội rửa tiền có liên quan trực tiếp đến hoạt động giải quyết vụ án hình sự về thu hồi tài sản do tội phạm tham nhũng và rửa tiền. Tuy nhiên, thời gian tới tiếp tục cần nghiên cứu ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật phòng chống tham nhũng năm 2018 và Luật phòng chống rửa tiền năm 2022 để phù hợp với thực tiễn và chuẩn mực quốc tế trong tình hình mới.

¹³⁰ Đề xuất này đã được Luật tương trợ tư pháp về hình sự năm 2025 ghi nhận và quy định tại Điều 30 nhưng chưa có hiệu lực.

¹³¹ Đề xuất này đã được Luật tương trợ tư pháp về hình sự năm 2025 ghi nhận và quy định tại Điều 34 nhưng chưa có hiệu lực.

Xuất phát từ thực tiễn công tác phối hợp liên ngành về hướng dẫn, rà soát, kiểm tra việc thực hiện yêu cầu TTTP về hình sự tại các cơ quan có thẩm quyền địa phương còn hạn chế, tính thường xuyên và đồng bộ chưa cao. Việc hướng dẫn, tập huấn cho các cơ quan này về thủ tục, trình tự gửi yêu cầu TTTP còn hạn chế, dẫn đến nhiều vụ án bị vướng mắc, chậm trễ hoặc không gửi được yêu cầu TTTP về thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Hơn nữa, việc dịch tài liệu, hồ sơ sang các ngôn ngữ khác ít phổ biến cũng gây khó khăn, làm giảm chất lượng hồ sơ uỷ thác và kéo dài thời gian giải quyết. Do vậy, việc thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ, cụ thể, chi tiết hơn đối với cả cơ quan trung ương và các cơ quan có thẩm quyền liên quan khi thực hiện, giải quyết TTTP về hình sự là vô cùng quan trọng.

Theo đó, cần xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành chi tiết các quy định TTTP về hình sự, chẳng hạn như các Thông tư liên tịch được ký kết giữa VKSND tối cao, TAND tối cao, Bộ Công an, Bộ tư pháp và Bộ ngoại giao. Điều này là cần thiết để đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với BLTTHS, đồng thời phát huy cơ chế phối hợp liên ngành trong công tác TTTP hình sự tại Việt Nam. Nội dung thông tư cần quy định rõ mục đích phối hợp trong xử lý các yêu cầu TTTP hình sự của nước ngoài và của Việt Nam gửi ra nước ngoài, nguyên tắc thực hiện, trình tự, thủ tục thực hiện các uỷ thác TTTP hình sự của Việt Nam và của nước ngoài, phân định trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, phát huy cơ chế phối hợp liên ngành trong hoạt động TTTP hình sự, đặc biệt là vai trò trung tâm của VKSND tối cao trong tiếp nhận, xử lý, chuyển giao yêu cầu TTTP về hình sự nói chung, yêu cầu tương trợ hợp tác về thu hồi tài sản do phạm tội mà có nói riêng.

Đồng thời, cần có quy định cụ thể về cơ chế, phạm vi, đối tượng, quy trình và nội dung chia sẻ thông tin giữa các bộ, ngành có liên quan trong TTTP về hình sự để đảm bảo sự phối hợp hiệu quả, kịp thời, minh bạch và bảo mật. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng giúp các cơ quan hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Hơn nữa, việc bổ sung quy định về quy trình, trách nhiệm phối hợp xử lý các yêu cầu ủy thác tư pháp khẩn cấp, có vướng mắc và nhạy cảm trong TTLT phối hợp liên ngành về TTTP hình sự là cần thiết và phù hợp với thực tiễn. Tham khảo và vận dụng các nguyên tắc, quy trình phối hợp, trao đổi thông tin, phân công trách nhiệm và cơ chế chỉ đạo được quy định trong TTLT số 02/2023/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/3/2023 quy định về phối hợp trao đổi thông tin giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử tội rửa tiền và tội tài trợ khủng bố vì có nhiều điểm tương đồng về tính chất nhạy cảm và khẩn cấp với các yêu cầu TTTP về hình sự. Việc này sẽ giúp thiết lập cơ chế phối hợp hiệu quả, đảm bảo quá trình xử lý các yêu cầu TTTP về hình sự kịp thời, minh bạch và đúng quy định pháp luật, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan.

Việc bổ sung các quy định trên sẽ góp phần hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản phạm tội do phạm tội mà có, nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia, đặc biệt là các tội phạm về tham nhũng, kinh tế.

3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

3.3.1. Triển khai, tổ chức thực hiện Luật tương trợ tư pháp về hình sự

Từ việc Luật Tương trợ tư pháp về hình sự năm 2025 đã được thông qua và sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026, yêu cầu đặt ra là phải khẩn trương, chủ động xây dựng kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện Luật một cách đồng bộ, thống nhất trên phạm vi cả nước. Mục đích của việc triển khai thi hành Luật không chỉ dừng lại ở việc phổ biến nội dung văn bản pháp luật mới, mà còn nhằm quán triệt đầy đủ các quy định, tư tưởng và nguyên tắc cơ bản của Luật Tương trợ tư pháp về hình sự, qua đó thống nhất nhận thức và bảo đảm áp dụng đúng, đầy đủ trong thực tiễn. Việc này góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và địa phương trong tổ chức thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp hình sự, đặc biệt trong bối cảnh đấu

tranh phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia ngày càng phức tạp. Song song với đó, cần kịp thời phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, cơ quan có liên quan để xây dựng, ban hành đầy đủ các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật theo đúng nội dung, tinh thần mà Luật đã xác lập; đồng thời xác định rõ trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các chủ thể có thẩm quyền trong quá trình tổ chức thực hiện. Nội dung triển khai thi hành Luật cần được thực hiện thông qua nhiều hình thức và biện pháp cụ thể như tổ chức các hội nghị, hội thảo để phổ biến, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng các quy định của Luật; xây dựng Thông tư liên tịch quy định chi tiết một số nội dung quan trọng; ban hành Thông tư của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong hoạt động tương trợ tư pháp hình sự, trong đó có các biểu mẫu liên quan đến hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có; xây dựng Nghị định của Chính phủ quy định về chi phí thực hiện và kinh phí bảo đảm cho công tác tương trợ tư pháp về hình sự trong thu hồi tài sản. Bên cạnh đó, cần tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống giáo trình, tài liệu đào tạo nhằm bảo đảm sự phù hợp, thống nhất với quy định mới của Luật. Cuối cùng, việc tổ chức kiểm tra, đôn đốc, theo dõi tình hình thi hành Luật Tương trợ tư pháp về hình sự cần được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc, qua đó kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc để có giải pháp điều chỉnh, bảo đảm Luật được triển khai hiệu quả trong thực tiễn.

3.3.2. Đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tư pháp và cán bộ chuyên trách về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Công tác cán bộ đóng một vai trò quan trọng trong mọi hoạt động xã hội, không khó để thấy tầm quan trọng của họ trong lĩnh vực hợp tác quốc tế, đặc biệt là hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Hiệu quả của công tác này không chỉ phụ thuộc vào các chính sách hay thỏa thuận được ký kết, mà còn dựa vào năng lực, trình độ và nhận thức của cán bộ của cơ quan tư pháp.

Hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là một lĩnh vực phức tạp, đòi hỏi phải có nguồn nhân lực chuyên môn cao. Đội ngũ cán bộ chuyên trách cần là những chuyên gia có trình độ, kiến thức pháp luật sâu rộng, bao gồm cả pháp luật quốc tế, pháp luật nước ngoài và pháp luật Việt Nam. Bên cạnh đó, trình độ ngoại ngữ và kinh nghiệm thực tiễn là yếu tố then chốt cần có đối với đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực này, đảm bảo khả năng giải quyết một cách hiệu quả.

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 nhấn mạnh: *“Đào tạo đủ số lượng cán bộ tư pháp có trình độ nghiệp vụ và ngoại ngữ chuyên sâu về lĩnh vực tư pháp quốc tế nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, công dân Việt Nam, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và khu vực”*¹³².

Tiếp đó, Chỉ thị số 48-CT/TW ban hành ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới đã xác định các nhiệm vụ trọng tâm, trong đó có nhiệm vụ: *“Củng cố, nâng cao năng lực của lực lượng trực tiếp chống tội phạm từ Trung ương đến cơ sở theo hướng tập trung, chuyên sâu, phân định rõ trách nhiệm, có khả năng thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Tăng cường năng lực các cơ sở đào tạo cán bộ chống tội phạm thuộc các bộ, ngành chuyên môn. Xây dựng chiến lược đào tạo đội ngũ cán bộ chống tội phạm vững vàng về chính trị, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng tốt yêu cầu của công tác này”*¹³³.

Từ các quan điểm, chủ trương của Đảng nêu trên cho thấy tầm quan trọng của việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tư pháp và cán bộ chuyên trách về TTTP hình sự trong công cuộc cải cách tư pháp của nước ta nói chung, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có nói riêng. Do vậy, để nâng cao hiệu quả đấu tranh chống tội

¹³² Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, ban hành ngày 02/6/2005, tr.16.

¹³³ Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị số 48-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới*, ban hành ngày 22/10/2010, tr.3.

phạm cũng như hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, việc quan tâm, tăng cường, nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ trong các cơ quan tư pháp của Việt Nam là một trong những giải pháp hữu hiệu, quan trọng và cần thiết. Dựa trên chức năng, nhiệm vụ được giao của các cơ quan tư pháp, đảm bảo phù hợp với từng lĩnh vực, việc nâng cao trình độ cho cán bộ cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, cần xây dựng kế hoạch, lộ trình tổng thể về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực công tác, đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ cán bộ tư pháp và cán bộ chuyên trách về tương trợ tư pháp hình sự. Kế hoạch này cần xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, đồng thời vạch ra những định hướng mang tính chiến lược dài hạn, không chỉ đảm bảo số lượng và chất lượng của đội ngũ này mà còn phải tính đến việc xây dựng đội ngũ kế cận vững chắc, đáp ứng yêu cầu phát triển trong tương lai.

Cần có chiến lược lựa chọn cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực gửi đi đào tạo tại những trung tâm có uy tín lớn của quốc tế chuyên đào tạo về thu hồi tài sản và hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có để làm chuyên gia đầu ngành cho Việt Nam về lĩnh vực này.

Thứ hai, cần tiếp tục bổ sung thêm cán bộ và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có trước bối cảnh hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự mà ngày càng gia tăng về số lượng và mức độ phức tạp về nội dung. Cần ưu tiên bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách về tương trợ tư pháp về hình sự ở cấp trung ương về kiến thức về pháp luật quốc tế, chuyên môn, ngoại ngữ và kỹ năng đàm phán, trao đổi với đối tác nước ngoài nhằm đáp ứng yêu cầu trao đổi, giải thích và hướng dẫn nghiệp vụ cho các địa phương. Đối với các cơ quan tổ tụng địa phương, nên tập trung phân công giải quyết các vụ án có yếu tố nước ngoài cho một nhóm cán bộ chuyên trách, tạo điều kiện để họ được đào tạo chuyên sâu hơn. Bên cạnh đó, việc tổ chức các lớp học hoặc khóa học chuyên biệt về pháp luật quốc tế và kỹ năng giải quyết vụ án có yếu tố nước

ngoài theo từng nhóm tội là rất quan trọng. Điều này giúp cho những cán bộ này nâng cao trình độ chuyên môn, giải quyết có hiệu quả các vụ án có yếu tố nước ngoài cần phải áp dụng tương trợ tư pháp về hình sự.

Thứ ba, chú trọng công tác giáo dục, đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ tư pháp trong giải quyết các vụ án hình sự, đặc biệt là các tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, rửa tiền, tham nhũng... cần phải thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Cần ưu tiên đầu tư một cách thường xuyên việc tổ chức các khóa đào tạo cho đội ngũ cán bộ tư pháp, các chuyên gia làm việc trong lực lượng điều tra, kiểm sát, ngoại giao...do các chuyên gia đầu ngành về lĩnh vực thu hồi tài sản của Liên hợp quốc giảng dạy. Trong tương lai, có thể đưa các chương trình đào tạo này và các vấn đề liên quan đến thiết chế này vào chương trình nghiên cứu, giảng dạy ở các trường đào tạo ở nước ta.

Cần đào tạo các chuyên gia giỏi về pháp luật quốc tế, có thể đảm đương được công tác nghiên cứu, đánh giá pháp luật hình sự quốc tế và các văn kiện pháp lý có liên quan một cách toàn diện và hiệu quả, cũng như để bảo đảm việc hoạt động hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản do phạm tội mà có đáp ứng được các yêu cầu ở tầm khu vực và quốc tế.

Thứ tư, thường xuyên sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả giải quyết các vụ việc đã thu hồi được tài sản do phạm tội mà có thông qua hợp tác quốc tế. Song song đó, chú trọng vào công tác tự bồi dưỡng, đào tạo kỹ năng, nâng cao năng lực, kinh nghiệm điều tra; cập nhật thường xuyên các quy định mới của pháp luật cũng như phương thức, thủ đoạn che giấu, tẩu tán, hợp thức hóa tài sản do phạm tội mà có của tội phạm để tổ chức phổ biến, tập huấn cho đội ngũ cán bộ tư pháp, giúp họ có thêm kinh nghiệm, nắm vững kiến thức, kỹ năng cần thiết.

Thứ năm, tổ chức các hội nghị tập huấn, hội thảo khoa học, nghiên cứu, tìm hiểu kinh nghiệm hoạt động điều tra, xác minh, truy tìm, phong tỏa, tạm giữ, tịch thu tài sản do phạm tội mà có của các nước trên thế giới.

Thứ sáu, tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo và bồi dưỡng, khai thác triệt để, tối đa nguồn lực, sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế. Ưu tiên tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ tư pháp được đi khảo sát trực tiếp, học tập, đào tạo và nâng cao nghiệp vụ tại nước ngoài, tập trung vào lĩnh vực hợp tác trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Như vậy, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tư pháp và cán bộ chuyên trách về tương trợ tư pháp giỏi về nghiệp vụ, tinh thông về pháp luật, ngang tầm thời đại và ngang tầm với chức năng, nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong quá trình cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay, sẽ góp phần nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án hình sự thông qua hợp tác quốc tế và hiệu quả công tác thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

3.3.3. Kiện toàn cơ cấu tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan trung ương về tương trợ tư pháp hình sự

Để đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng về cải cách tư pháp, các cơ quan tiến hành tố tụng cần được kiện toàn về cơ cấu, tổ chức “tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả”, theo hướng xây dựng phương án hoàn thiện về cơ cấu, tổ chức theo quy định của BLTTHS năm 2015 phù hợp với nhiệm vụ được giao, đảm bảo về số lượng, chất lượng, năng lực, trình độ, kiến thức về pháp luật quốc tế, về ngoại ngữ của cán bộ trong các cơ quan tiến hành tố tụng từ trung ương đến các địa phương.

Theo quy định tại Điều 493 BLTTHS năm 2015 đã xác định rõ trách nhiệm của các Cơ quan trung ương, trong đó VKSND tối cao là Cơ quan trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự và những hoạt động hợp tác quốc tế khác theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, cần có sự phối hợp giữa các Cơ quan trung ương khác như Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, trong đó VKSND tối cao là hạt nhân hoạt động, làm trung tâm hợp tác quốc tế trong TTHS. Tuy nhiên, cần lưu ý VKSND, TAND cấp tỉnh, cấp huyện, các sở, phòng của Bộ

Công an, Bộ Tư pháp không được trực tiếp tiến hành hợp tác quốc tế trong TTTHS với nước ngoài để đảm bảo sự thống nhất và tránh sự chồng chéo, mâu thuẫn trong quy trình hợp tác quốc tế. Do vậy, các cơ quan khi nhận được yêu cầu hợp tác quốc tế trong TTTHS của phía nước ngoài thì cần chuyển ngay cho cơ quan cấp trên để cơ quan cấp trên chuyển cho VKSND tối cao quyết định. Cơ quan trung ương đóng vai trò then chốt trong công tác TTTPHS, vì vậy cần đặc biệt chú trọng tăng cường tổng kết thực tiễn, nâng cao chất lượng trả lời thỉnh thị và hướng dẫn giải quyết triệt để những khó khăn và vướng mắc trong công tác TTTPHS.

Dựa trên các quy định của BLTTTHS năm 2015 và Luật TTTP năm 2007 về cơ quan đầu mối và các cơ quan khác thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, việc xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trở nên cấp thiết trong lĩnh vực này. Cần tăng cường trao đổi thông tin giữa các cơ quan tố tụng để giải quyết nhanh chóng, kịp thời các yêu cầu từ đối tác và những vấn đề phức tạp phát sinh đảm bảo tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật và phù hợp với đường lối đối ngoại của Việt Nam.

Việc tăng cường hợp tác với các cơ quan tiến hành tố tụng của các quốc gia trên thế giới cũng sẽ mang lại nhiều lợi ích cho cơ quan tiến hành tố tụng của Việt Nam như học hỏi thêm nhiều kinh nghiệm, tranh thủ sự hợp tác, giúp đỡ về trang bị phương tiện, kỹ thuật, nghiệp vụ và trao đổi thông tin về nghiệp vụ, do đó đây cũng là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng Việt Nam.

Bên cạnh đó, để tối ưu hoá hiệu quả trong quá trình liên hệ, đôn đốc thực hiện và đạt kết quả tương trợ, việc tăng cường mối quan hệ giữa cơ quan trung ương về TTTP hình sự của Việt Nam với các quốc gia khác là vô cùng quan trọng. VKSND tối cao cần tiếp tục chủ động mở rộng quan hệ song phương thông qua các buổi gặp gỡ, trao đổi trực tiếp với các cơ quan trung ương về TTTP hình sự của các quốc gia có phát sinh nhiều yêu cầu TTTPHS

(như Cơ quan Tổng Chương lý Singapore, VKSND tối cao Trung Quốc, Cơ quan tư pháp vùng lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc), Bộ Tư pháp Hàn Quốc, VKSND tối cao Lào, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ, Tổng Viện kiểm sát Liên bang Nga...). Thông qua các hoạt động này, VKSND tối cao có thể phối hợp chặt chẽ với cơ quan trung ương các quốc gia khác để trao đổi thông tin, giải thích các quy định pháp luật và trình tự, thủ tục thực hiện TTTP của mỗi quốc gia. Điều này giúp thống nhất cách tiếp cận, áp dụng các biện pháp linh hoạt, kịp thời để giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh. Đồng thời, cần chú trọng đôn đốc, thống nhất các biện pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ xử lý, thực hiện cả các yêu TTTP mới lẫn các yêu cầu TTTP tồn đọng, phục vụ hiệu quả cho việc thực hiện yêu cầu tương trợ.

3.3.4. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật tương trợ tư pháp về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có

Tăng cường công tác tuyên truyền và phổ biến pháp luật về TTTP là một biện pháp then chốt để nâng cao nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác TTTP về hình sự, đặc biệt là thu hồi tài sản do phạm tội mà có, góp phần cải thiện chất lượng lập, gửi hồ sơ yêu cầu thu hồi tài sản do phạm tội mà có đề nghị nước ngoài thực hiện, đồng thời cũng góp phần nâng cao năng lực của cán bộ tư pháp. Vì vậy, cần đẩy mạnh, đa dạng hoá các hình thức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Luật TTTP và các văn bản hướng dẫn thi hành thông qua các hình thức như:

Tổ chức nghiên cứu, xây dựng và thực hiện các đề tài, chuyên đề nghiệp vụ liên quan đến TTTP hình sự về thu hồi tài sản do phạm tội mà có nhằm làm rõ các hạn chế, trở ngại, thách thức và đề xuất giải pháp khả thi, thích hợp nhằm khắc phục những khó khăn.

Biên soạn và phát hành các tài liệu, giáo trình phục vụ công tác giảng dạy về TTTP hình sự trong các cơ sở đào tạo, đồng thời xây dựng và phát hành cuốn Sổ tay hướng dẫn công tác TTTP hình sự đến các đơn vị địa phương và một số Bộ, ngành liên quan. Cuốn sổ tay này đóng vai trò là nguồn

tham khảo quan trọng cho các Kiểm sát viên, Điều tra viên cùng các cán bộ làm công tác hình sự, giúp nâng cao nhận thức và trau dồi kỹ năng thực hiện TTTP hình sự về thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong thực tiễn.

Đăng tải, công bố rộng rãi các bài viết, ấn phẩm, tài liệu liên quan đến tương trợ tư pháp về thu hồi tài sản do phạm tội mà có trên các phương tiện truyền thông đại chúng như báo, tạp chí và các trang thông tin điện tử. Đồng thời, đăng tải các Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự trên cổng thông tin điện tử của VKSND tối cao, TAND tối cao và Bộ Công an...nhằm phổ biến, tăng cường khả năng tiếp cận thông tin và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm hiểu, tra cứu và áp dụng pháp luật một cách hiệu quả trong lĩnh vực này.

Tổ chức các hội nghị sơ kết đánh giá toàn diện quá trình thi hành Luật TTTP, từ đó rút ra những bài học, kinh nghiệm sâu sắc. Các hội nghị này tập trung xác định các hạn chế, khó khăn và vướng mắc trong thực tiễn hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Việc làm này giúp kịp thời tháo gỡ các rào cản, đảm bảo quá trình hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có diễn ra hiệu quả, thuận lợi. Kết quả đánh giá sẽ là cơ sở vững chắc cho việc kiến nghị sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện pháp luật tương trợ tư pháp về hình sự, đảm bảo pháp luật luôn đáp ứng yêu cầu thực tiễn, tạo điều kiện tối ưu cho hợp tác quốc tế.

Thực hiện các buổi hội thảo, tọa đàm trong nước và quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự nói chung, hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có nói riêng là hoạt động thiết thực và cần thiết để nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp. Các hội thảo và tọa đàm tập trung vào việc trao đổi pháp luật trong nước và quốc tế, mục tiêu chính là làm rõ và hướng dẫn các quy định của pháp luật về TTTP hình sự về thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Điều này nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ làm công tác thực tiễn thông qua việc chia sẻ kinh nghiệm, cách làm hay và các phương pháp hiệu quả trong việc giải quyết các yêu cầu TTTP hình sự, đặc biệt là yêu cầu thu hồi tài sản liên quan đến tội phạm rửa tiền, một lĩnh vực tương trợ đang ngày càng trở nên phổ biến và phức tạp trong bối cảnh hiện nay.

Bằng cách thực hiện các biện pháp trên, công tác tuyên truyền và phổ biến trên sẽ góp phần quan trọng vào việc triển khai thực hiện Luật tương trợ tư pháp được thuận lợi, nâng cao hiệu quả của hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

3.3.5. Tăng cường cơ sở vật chất, trang bị, phương tiện, kỹ thuật, khoa học công nghệ

Việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang bị, phương tiện, kỹ thuật cho cơ quan làm nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là cần thiết hiện nay. Theo đó, cần tăng cường các điều kiện đảm bảo, đặc biệt chú trọng cải thiện điều kiện làm việc và nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin. Điều này nhằm hỗ trợ, phục vụ tối ưu cho hoạt động TTTP hình sự về thu hồi tài sản do phạm tội mà có một cách hiệu quả.

Hoạt động hợp tác quốc tế tương trợ tư pháp hình sự về thu hồi tài sản do phạm tội mà có liên quan đến nhiều quốc gia vì vậy cần có các phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật hiện đại như máy tính xách tay, máy in, thiết bị liên lạc di động, trang thiết bị thông tin viễn thông, tin học...giúp cho cán bộ có đủ khả năng làm việc đạt hiệu quả cao khi di chuyển, phục vụ công tác trao đổi thông tin với các đồng nghiệp trong nước và quốc tế vì mục đích thực hiện tương trợ tư pháp về hình sự.

Bên cạnh đó, cần nghiên cứu việc ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong việc thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin, dữ liệu nhằm phục vụ cho các hoạt động hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, đặc biệt là trong việc truy vết tài sản hoặc xác định các lĩnh vực, địa bàn có thể là nơi ẩn giấu tài sản do phạm tội mà có.

Cần đảm bảo thiết lập và duy trì hệ thống thư điện tử công vụ một cách hiệu quả. Mục tiêu là hỗ trợ, phục vụ cho hoạt động trao đổi thông tin, đặc biệt trong việc gửi và tiếp nhận yêu cầu TTTP hình sự về thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Điều này là vô cùng cần thiết, đảm bảo hệ thống ổn định, an toàn, bảo mật thông tin, tăng tốc độ xử lý yêu cầu và tạo cơ sở pháp lý và kỹ

thuật cho việc lưu trữ, tra cứu. Bên cạnh đó, lắp đặt trang thiết bị truyền hình trực tuyến phục vụ cho các hoạt động tham vấn, đàm phán Hiệp định thương mại tự do về hình sự, tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong hoạt động lập, gửi và thực hiện các yêu cầu tương trợ tư pháp trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có cũng rất quan trọng, sẽ giúp tăng cường hiệu quả giao tiếp, đàm phán, hỗ trợ phối hợp nhanh chóng trong các vụ việc cấp bách.

Như vậy, để thực hiện tốt hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp như: tham gia các điều ước quốc tế, nội luật hoá và hoàn thiện pháp luật, tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ, nâng cao nhận thức cho cán bộ trong các cơ quan tư pháp và đầu tư trang bị cơ sở vật chất, trang bị phương tiện kỹ thuật, khoa học công nghệ.

Kết luận Chương 3

Chương 3 của luận án nghiên cứu yêu cầu hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là tạo hành lang pháp lý thuận lợi trong hợp tác quốc tế về phòng, chống tội phạm trong bối cảnh toàn cầu hóa, góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm tại Việt Nam, bảo đảm tính hiệu quả, khả thi của điều chỉnh pháp luật đối với các vấn đề thực tiễn đang và sẽ phát sinh trong việc thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong các vụ án có yếu tố nước ngoài và thể hiện vai trò là đối tác tin cậy, là thành viên có trách nhiệm trong các mối quan hệ quốc tế về phòng chống tội phạm và thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

Trên cơ sở những phân tích trước đó, Chương 3 đề xuất các giải pháp mang tính hệ thống, được trình bày một cách chi tiết và có tính ứng dụng cao. Mục tiêu là góp phần hoàn thiện pháp luật điều chỉnh hoạt động hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, đồng thời nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật trong lĩnh vực này tại Việt Nam trong thời gian tới, bao gồm:

Rà soát tổng thể các công ước Việt Nam đã ký kết, đề xuất, tham gia đàm phán, ký kết Công ước chống hối lộ công chức nước ngoài trong giao dịch kinh doanh quốc tế (OECD Convention on Combating Bribery of Foreign Public Officials in International Business Transactions); tiếp tục cùng với các nước ASEAN nghiên cứu hoàn thiện các quy định của Hiệp định tương trợ tư pháp hình sự ASEAN.

Về xây dựng và hoàn thiện các nội dung của BLTTHS và các luật chuyên biệt về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có theo hướng xây dựng Luật TTTP về hình sự độc lập, tách biệt với Luật TTTP năm 2007. Luật mới cần quy định chi tiết, cụ thể về thẩm quyền, trình tự thủ tục hợp tác quốc tế trong việc đề nghị các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác minh, phong tỏa, kê biên, tịch thu và hoàn trả tài sản do phạm tội mà có ở nước ngoài về cho Nhà nước Việt Nam.

Về các giải pháp khác như triển khai, tổ chức thực hiện Luật tương trợ tư pháp về hình sự, đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ, năng lực kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có; kiện toàn cơ cấu tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan trung ương về tương trợ tư pháp hình sự; tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật tương trợ tư pháp về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có; tăng cường cơ sở vật chất, trang bị, phương tiện, kỹ thuật đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đặt ra. Đây là những giải pháp thiết thực mang tính đột phá, khoa học, cách mạng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn thực hiện pháp luật về hợp tác quốc tế của Việt Nam trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có, trên góc độ tiếp cận chuyên ngành Luật hình sự và tổ tụng hình sự, kết hợp với phương pháp tiếp cận liên ngành, đa ngành, luận án đã rút ra một số kết luận sau:

1. Lịch sử pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có gắn liền với sự xuất hiện và phát triển của các loại tội phạm như tham nhũng, ma túy, tội phạm xuyên quốc gia... Các loại tội phạm này ngày càng lan rộng và không có giới hạn quốc gia, cùng với nó là những hậu quả nặng nề đối với đời sống kinh tế và chính trị của cộng đồng quốc tế. Ban đầu, những tội phạm trên chỉ là nguy cơ đơn lẻ đe dọa cho sự phát triển và an ninh quốc gia, nhưng với sự phát triển của toàn cầu hoá, các tội phạm này đã trở nên phức tạp và mang tính xuyên quốc gia. Việc ra vào của nguồn tiền bất hợp pháp giữa các quốc gia dễ dàng trong khi đó việc hợp tác, trao đổi phức tạp nên đôi khi vô hình chung đã tạo nơi trú ẩn an toàn cho nguồn tiền bất hợp pháp. Sau khi phạm tội, tài sản có được do hành vi phạm tội thường được các đối tượng tẩu tán chuyển sang lãnh thổ quốc gia khác bằng nhiều hình thức, thủ đoạn khác nhau. Lợi dụng sự khác biệt trong hệ thống pháp lý giữa các quốc gia, chi phí cao trong phối hợp điều tra, tình trạng thiếu hợp tác giữa các nước và nguyên tắc bí mật ngân hàng, các đối tượng phạm tội thường xuyên tẩu tán, cất giữ phần lớn số tiền phạm pháp ở nước ngoài để ẩn náu, biến đổi, trộn lẫn tài sản do phạm tội mà có để gây khó khăn cho các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án trong việc thu hồi tài sản.

2. Trước tình hình tội phạm ngày càng phức tạp và những hậu quả nghiêm trọng mang lại, đặc biệt là tội phạm xuyên quốc gia và tội phạm kinh tế, việc hợp tác để thu hồi tài sản do phạm tội mà có trở nên vô cùng cấp thiết giữa các quốc gia. Theo đó, pháp luật quốc tế đóng vai trò nền tảng, tạo cơ sở vững chắc để các quốc gia nội luật hóa và hài hòa hóa quy định pháp luật. Về pháp lý, trên cơ sở những quy định của pháp luật quốc tế, Việt Nam đã và

đang tiến hành ký kết nhiều điều ước quốc tế cũng như khu vực và hiệp định song phương liên quan đến hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có. Việt Nam đã xây dựng, ban hành hệ thống các văn bản pháp luật nói chung và chuyên ngành nhằm điều chỉnh trực tiếp những nội dung hợp tác trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có như BLTTHS năm 2015, Luật TTTP năm 2007, Luật phòng chống tham nhũng năm 2018, Luật phòng chống rửa tiền năm 2022, Nghị định 122/2013/NĐ-CP ngày 11/10/2013 của Chính phủ quy định về tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ và xử lý đối với tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố, Hướng dẫn số 12/HD-VKSTC ngày 13/01/2020 của VKSND tối cao về công tác hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp năm 2020... Về thực tiễn, Việt Nam phát sinh nhiều vụ án đề nghị nước ngoài hợp tác để thu hồi tài sản do phạm tội mà có, điển hình là các vụ án có tham nhũng, kinh tế và chức vụ với mức độ nghiêm trọng, phức tạp, thu hút sự quan tâm của dư luận, có tác động hiệu quả trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, đồng thời góp phần giải quyết triệt để các vụ án có yếu tố nước ngoài, khẳng định hiệu quả trong việc bảo vệ tài sản của quốc gia.

3. Hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có là một nội dung phức tạp và là vấn đề khá mới đối với Việt Nam. Để đấu tranh phòng chống tội phạm có hiệu quả cũng như thu hồi được tài sản do phạm tội mà có đòi hỏi phải sử dụng nhiều giải pháp đồng bộ, có sự phối hợp của nhiều cơ quan, trong đó việc hoàn thiện pháp luật và thể chế là yếu tố quan trọng. Định hướng của Đại hội XIII của Đảng thể hiện sự quyết tâm và tầm nhìn chiến lược của Việt Nam trong việc chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương quan trọng, góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa. Do vậy, bên cạnh việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, Việt Nam cần tăng cường hợp tác với các quốc gia trên thế giới, thể hiện vai trò là đối tác tin cậy, là thành viên có trách nhiệm trong các mối quan hệ quốc tế về phòng chống tội phạm và thu hồi tài sản do phạm tội mà có./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ

1. “Pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có ở một số quốc gia – Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 8/2023, tr.31-45.
2. “Khung pháp lí về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có ở Liên minh châu Âu – Giá trị tham khảo cho ASEAN và Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, số 06 tháng 6/2024, tr.37-53.
3. “Hoàn thiện pháp luật về hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản do phạm tội mà có trong bối cảnh hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Luật học*, số 02 tháng 2/2025, tr.31-45.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC KHÁC CỦA TÁC GIẢ

1. “Hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng trong các công ước, điều ước quốc tế”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 14/2021, tr.58-63.
2. “Quy định về hình phạt trong Bộ luật hình sự Hungary”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 20/2021, tr.60-63.
3. “Nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện Quy chế tiếp nhận, thu thập, quản lý, xử lý và giải quyết nguồn tin về tội phạm thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra VKSND tối cao”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 21/2022, tr.3-9.
4. “Chứng cứ là dữ liệu điện tử trong các vụ án tham nhũng”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, số 02/2023, tr.37-41.
5. Đề tài khoa học cấp cơ sở của VKSND tối cao, “*Hoạt động thu thập, giải quyết nguồn tin về tội phạm thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Thực trạng và giải pháp*” – Thư ký khoa học, nghiệm thu 11/2024.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Văn kiện của Đảng và văn bản pháp luật

Văn kiện của Đảng

1. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, ban hành ngày 02/01/2002, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, ban hành ngày 24/5/2005, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, ban hành ngày 02/6/2005, Hà Nội.
4. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị số 48-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới*, ban hành ngày 22/10/2010, Hà Nội.
5. Bộ Chính trị (2013), *Nghị quyết số 22-NQ/TW về hội nhập quốc tế*, ban hành ngày 10/4/2013, Hà Nội.
6. Bộ Chính trị (2021), *Chỉ thị số 04-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế*, ban hành ngày 02/6/2021, Hà Nội.
7. Bộ Chính trị (2025), *Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*, ban hành ngày 30/4/2025, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015), *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*, ban hành ngày 09/11/2022, Hà Nội.

Văn bản pháp luật

14. ASEAN (2004), *Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự của các nước Asean*, Hà Nội.
15. Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2011), *Quy chế phối hợp trong việc thực hiện hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự*, Hà Nội.
16. Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025
17. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003
18. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025
19. Bộ Tư pháp (2006), *Pháp luật tương trợ tư pháp quốc tế*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
20. Bộ Tư pháp (2014), *Báo cáo Hội nghị tổng kết 6 năm thi hành Luật tương trợ tư pháp*, Hà Nội.
21. Bộ Tư pháp (2016), *Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật tương trợ tư pháp*, Hà Nội.
22. Chính phủ (2011), *Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý ký kết giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các nước*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

23. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà Ấn Độ (2007), *Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà Ấn Độ*, Hà Nội.

24. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Hàn Quốc (2003), *Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Đại Hàn Dân quốc*, Seoul.

25. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (1998), *Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự và hình sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, Bắc Kinh.

26. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hungary (2016), *Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hungary*, Hà Nội.

27. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013

28. Luật Điều ước quốc tế năm 2016

29. Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005

30. Luật phòng chống khủng bố năm 2013

31. Luật phòng chống tham nhũng năm 2018

32. Luật phòng, chống rửa tiền năm 2022

33. Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự năm 2015

34. Luật tương trợ tư pháp năm 2007

35. Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi năm 2014

36. Quốc hội (2019), *Nghị quyết số 96/2019/QH14 về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của VKSND, của TAND và công tác thi hành án năm 2019*, Hà Nội.

37. VKSND tối cao, TAND tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao (2013), *Thông tư liên tịch số 02/2013/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-*

BTP-BNG ngày 16/8/2013 hướng dẫn việc tiếp nhận, chuyển giao hồ sơ, vật chứng của vụ án để yêu cầu nước ngoài tiếp tục truy cứu trách nhiệm hình sự, Hà Nội.

38. Chính phủ (2006), *Nghị định số 120/2006/NĐ-CP ngày 20/10/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng chống tham nhũng năm 2005*, Hà Nội.

39. Chính phủ (2008), *Nghị định số 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật tương trợ tư pháp năm 2007*, Hà Nội.

40. Bộ Tài chính (2013), *Thông tư số 144/2012/TT-BTC ngày 04/9/2012 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác tương trợ tư pháp*, Hà Nội.

41. Chính phủ (2013), *Nghị định 122/2013/NĐ-CP ngày 11/10/2013 của Chính phủ quy định về tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ và xử lý đối với tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố*, Hà Nội.

42. Chính phủ (2019), *Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/07/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng chống tham nhũng năm 2018*, Hà Nội.

43. Chính phủ (2019), *Nghị định số 87/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền*, Hà Nội.

44. Hướng dẫn số 38/HD-VKSTC ngày 24/12/2019 của VKSND tối cao về lập yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự gửi VKSND tối cao Trung Quốc.

45. Hướng dẫn số 12/HD-VKSTC ngày 13/01/2020 của VKSND tối cao về Công tác hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp năm 2020.

B. Các tài liệu tham khảo khác

Tài liệu tiếng Việt

46. Kunev Denis Anatolevich (2022), Đấu tranh chống việc chuyển ra nước ngoài tài sản do phạm tội mà có và thu hồi tài sản: Các tiêu chuẩn tiên tiến và thực tiễn, *Tạp chí khoa học Kiểm sát*, số 6/2022.

47. Nguyễn Ngọc Anh (2012), “Hoàn thiện chế định hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp”, *Tạp chí Kiểm sát*, số chuyên đề: “Sửa đổi, bổ sung Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp”, số 4/2012.

48. Nguyễn Ngọc Anh (2016), “Những quy định mới về hợp tác quốc tế trong Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 13/2016.

49. Nguyễn Ngọc Anh, Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Văn Công (2009), *Tương trợ tư pháp về hình sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Sách chuyên khảo, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

50. Nguyễn Ngọc Anh, Phan Trung Hoài (2018), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

51. Ban Nội chính TW – Chương trình phát triển LHQ (2024), Báo cáo hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản tham nhũng theo Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng và kinh nghiệm đối với Việt Nam.

52. Cục Lãnh sự Bộ ngoại giao (2017), *Các hiệp định về tương trợ tư pháp và pháp lý giữa Việt Nam và các nước*, Hà Nội.

53. Cục pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp – Bộ công an (2017), *Các điều ước quốc tế đa phương*, Hà Nội.

54. Nguyễn Ngọc Chí (2018), “Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ở Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học đại học quốc gia Hà Nội*, tập 34, số 2, tr.1-13.

55. Nguyễn Ngọc Chí (2018), “Hợp tác quốc tế và những vấn đề đặt ra khi thi hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015”, *Tạp chí Khoa học đại học quốc gia Hà Nội*, Tập 34, số 1, tr.1-12.

56. Nguyễn Ngọc Chí, Lê Lan Chi (2019), *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.

57. Phạm Văn Công (2019), *Pháp luật về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tố tụng hình sự ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội.

58. Dân trí (2013), Vụ “ủ nôì sắt vụn 83M”: Bộ Công an đề nghị Cảnh sát Nga truy tìm hơn 4 triệu USD, xem thêm tại <http://gdantri.com.vn/kinh-doanh/vu-u-noi-sat-vun-83m-bo-cong-an-de-nghi-canhsat-nga-truy-tim-hon-4-trieu-usd-1382653192.htm>, truy cập ngày 19/8/2023.

59. Trần Phương Đạt, Nguyễn Đức Phúc (2010), *Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự Việt Nam*, Sách chuyên khảo, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

60. Thái Hải (2021), *Tăng cường hợp tác quốc tế để thu hồi tài sản tham nhũng trong tố tụng hình sự*, <https://thanhtra.com.vn/phap-luat/an-ninh-trat-tu/tang-cuong-hop-tac-quoc-te-de-thu-hoi-tai-san-tham-nhung-trong-to-tung-hinh-su-179959.html>, truy cập ngày 01/01/2023.

61. Dương Minh Hào, Nguyễn Quốc Tuấn, Nguyễn Tiến Đạt (2009), *Các loại tội phạm xuyên quốc gia*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

62. Đỗ Quý Hoàng (2021), *Pháp luật quốc tế trong hợp tác đấu tranh phòng chống tội phạm công nghệ cao – Những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

63. Học viện Cảnh sát nhân dân, Bộ Công an (2014), *Giáo trình Hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm*, Hà Nội.

64. Học viện Ngoại giao, Bộ Ngoại giao (2008), *Lý luận quan hệ quốc tế (sách tham khảo)*, Hà Nội.

65. Học viện quan hệ quốc tế, Bộ Ngoại giao (2007), *Sách tham khảo về Luật quốc tế*, Hà Nội.

66. Học viện Tư pháp (2023), “*Cơ sở pháp lý, trình tự, thủ tục thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế theo yêu cầu cải cách tư pháp và phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam*”, Đề tài khoa học cấp Bộ, Bộ Tư pháp.

67. Lại Thị Huệ (2020), *Hợp tác quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự của Cơ quan Cảnh sát điều tra ở Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội.

68. Bùi Thị Thu Huyền (2021), *Thu hồi tài sản tham nhũng: Thực trạng và những vấn đề đặt ra*, xem thêm tại <https://noichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/202108/thu-hoi-tai-san-tham-nhung-thuc-trang-va-nhung-van-de-dat-ra-310008/>, truy cập ngày 22/12/2024.

69. Nguyễn Thanh Liêm – Vụ 13 VKSND tối cao (2023), *Hoạt động tương trợ tư pháp về thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án tham nhũng, kinh tế liên quan đến chức vụ trong thời gian qua*, Tạp chí Giáo dục và Xã hội, số 01/2023.

70. Phạm Hải Long (2024), *Hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản tham nhũng – Quy định của pháp luật quốc tế và thực tiễn của Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

71. Nguyễn Thành Long (2006), *Chế định hợp tác quốc tế trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

72. Nguyễn Thành Long (2007), “Về các quy định về hợp tác quốc tế trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam trước pháp điển hóa lần thứ hai (1945-2003)”, *Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế - Luật*, Tập XXIII, số 1/2007.

73. Nguyễn Thị Ly (2018), “Pháp luật một số khu vực, quốc gia trên thế giới về hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học đại học quốc gia Hà Nội*, tập 34, số 2, tr.98-107.

74. Trần Hữu Duy Minh, *Chủ quyền quốc gia*, xem thêm tại <https://iuscogens-vie.org/2017/03/15/05/>, truy cập ngày 30/4/2023.

75. Vũ Lê Minh (2024), *Quy trình, thủ tục thi hành án trong trường hợp xác định được tài sản của tội phạm ở nước ngoài*, <https://phaply.net.vn/quy-trinh-thu-tuc-thi-hanh-an-trong-truong-hop-xac-dinh-duoc-tai-san-cua-toi-pham-o-nuoc-ngoai-a257955.html> truy cập ngày 23/12/2024.

76. Âu Thị Tâm Minh (2022), *Nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, *Tạp chí điện tử Lý luận chính trị*, xem thêm tại <https://lyluanchinhtri.vn/nang-cao-hieu-qua-thu-hoi-tai-san-tham-nhung-o-viet-nam-hien-nay-2168.html> , truy cập ngày 12/12/2024.

77. Đinh Văn Minh (2024), *Tăng cường hợp tác quốc tế trong thu hồi tài sản tham nhũng theo Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng*, *Trang thông tin điện tử Ban nội chính Trung ương*.

78. Đỗ Thị Phượng (2020), *Hợp tác quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự và dẫn độ đối với tội phạm tham nhũng*, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 01(131).

79. Lê Thị Lan Phương (2025), *Pháp luật về chủ quyền quốc gia trên không gian mạng*, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, xem thêm tại <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/01/07/phap-luat-ve-chu-quyen-quoc-gia-tren-khong-gian-mang/> truy cập ngày 30/4/2023.

80. Lý Việt Quang (2018), *Quan điểm của Hồ Chí Minh về hợp tác cùng có lợi giữa các quốc gia*, *Tạp chí Lý luận Chính trị*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

81. Nguyễn Trường Quân (2019), *Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Luật Hà Nội.

82. Lê Tiến Sinh, Trần Văn Độ (2024), “Hợp tác quốc tế về thu hồi tài sản tham nhũng có yếu tố nước ngoài theo pháp luật quốc tế và một số quốc gia – Một số kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Pháp luật và phát triển*, số 10/2024.

83. Nguyễn Quyết Thắng, Bùi Trương Ngọc Quỳnh (2020), Bàn về khái niệm nội luật hóa và cách thức nội luật hóa quy định của các điều ước quốc tế về phòng, chống tội phạm, *Tạp chí Khoa học Quốc tế AGU*, Số 24 (1), tr.38.

84. Cẩm Thi (2019), Năm 2018: “điểm sáng” trong hợp tác quốc tế và tương trợ tư pháp về hình sự, *Tạp chí điện tử Kiểm sát*, xem thêm tại <https://kiemsat.vn/nam-2018-diem-sang-trong-hop-tac-quoc-te-va-tuong-tro-tu-phap-ve-hinh-su-51543.html> truy cập ngày 22/12/2022.

85. Lê Tiến (2017), “Chế định thu hồi tài sản tham nhũng và nhiệm vụ của cơ quan đầu mối về thu hồi tài sản tham nhũng theo Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng”, *Tạp chí Kiểm sát*, số 15/2017.

86. Lê Thị Tươi (2023), Kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, Học viện Hành chính Quốc gia.

87. Nguyễn Thị Thuận, Đỗ Mạnh Hồng (2007), *Luật hình sự quốc tế, Sách chuyên khảo*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

88. Phạm Thị Trang (2013), *Xử lý tài sản do phạm tội mà có – Kinh nghiệm quốc tế và kiến nghị hoàn thiện pháp luật Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Trường, Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội.

89. Thanh tra Chính phủ (2014), *Thông tư số 04/2014/TT-TTCP ngày 18/9/2014 quy định về nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng*, Hà Nội.

90. Thủ tướng Chính phủ (2012), Quyết định số 31/2012/QĐ-TTg ngày 26/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế phối hợp thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về phòng chống tham nhũng, Hà Nội.

91. Thủ tướng Chính phủ (2016), Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016-2025 và định hướng đến năm 2030”, Hà Nội.

92. Trung tâm Từ điển học (2011), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng.

93. Trường đại học Luật Hà Nội (2006), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

94. Trường Đại học Luật Hà Nội (2009), *Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

95. Trường Đại học Luật Hà Nội (2017), *Giáo trình Luật quốc tế*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

96. UNODC & UNICRI (2009), Hướng dẫn kỹ thuật về việc thực thi Công ước UNCAC.

97. Viện Khoa học Thanh tra (2016), Đề tài khoa học cấp Bộ “*Các biện pháp thu hồi tài sản tham nhũng theo Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng và yêu cầu hoàn thiện pháp luật của Việt Nam*”, Đề tài khoa học cấp Bộ, Thanh tra Chính Phủ.

98. VKSND tối cao – Bộ ngoại giao Hoa Kỳ - Chương trình phát triển LHQ (2023), Tọa đàm Góp ý Dự thảo báo cáo nghiên cứu so sánh và đề xuất hoàn thiện chính sách, pháp luật của Việt Nam về tương trợ tư pháp trong thu hồi tài sản và phòng, chống rửa tiền nhằm thực hiện các khuyến nghị của Báo cáo chu kỳ 2 thực hiện Công ước của Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng.

99. VKSND tối cao (2008), “So sánh pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và một số nước trên thế giới”, *Tạp chí Thông tin khoa học kiểm sát*, số 3+4/2008.

100. VKSND tối cao (2011), *Hướng dẫn số 14/HD-VKSNDTC-HTQT, Hướng dẫn quy trình tiếp nhận, giải quyết yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự*, Hà Nội.

101. VKSND tối cao (2013), *Báo cáo Tổng kết 6 năm thực hiện Luật Tương trợ tư pháp 2007*, Hà Nội.

102. VKSND tối cao (2014), *Tạp chí Kiểm sát số 24 (tháng 12/2014)*.

103. VKSND tối cao (2021), “Thu hồi tài sản do phạm tội mà có”, *Thông tin khoa học kiểm sát*, tập 2/2021.

104. VKSND tối cao (2022), *Sổ tay công tác tương trợ tư pháp về hình sự*, Hà Nội.

105. VKSND tối cao (2023), *Báo cáo công tác năm 2023 của ngành Kiểm sát nhân dân*.

106. VKSND tối cao (2024), *Báo cáo Tổng kết thi hành Luật tương trợ tư pháp năm 2007 trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự*.

107. VKSND tối cao, Dự án JICA Nhật Bản (2014), *Tài liệu Hội thảo quốc tế về hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự*, Hà Nội.

108. VKSND tối cao, Dự án JICA Nhật Bản (2018), *Tài liệu Hội thảo quốc tế về hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự*, Hà Nội.

109. Viện khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp (2006), *Từ điển Luật học*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

110. Viện Ngôn ngữ học (2018), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Hồng Đức.

111. Viện Ngôn ngữ, Viện Khoa học xã hội Việt Nam (2010), *Đại từ điển tiếng Việt*, tái bản năm 2010.

Tài liệu tiếng nước ngoài

112. ADB/OECD (2000), *Anti-Corruption Action Plan for Asia and the Pacific*, Seoul, Korea.

113. Altamirano, G.D. (2007), “The Impact of the Inter-American Convention against Corruption”, *American Law Review*, 38(3), pp. 487–547.

114. Anti money laundering Consulting (2019), *Tools and Best Practices for International Asset Recovery Cooperation Handbook*, https://www.rai-see.org/php_sets/uploads/2020/11/Handbook-int-coop-ENG-web-1.pdf, truy cập ngày 24/12/2022.

115. Arnar Jensson (2011), *Crime should not pay: Iceland and the International Developments of Criminal Assets Recovery*, Final thesis for MA Degree in International Affairs School of Social Sciences, University of Iceland.

116. ASEAN (1999), *Plan of Action on Transnational Crime*, Yangon, Myanmar.

117. ASEAN (2002), *Work Plan for the implementation of the ASEAN Action Plan on the fight against transnational crime*, Kuala Lumpur, Malaysia.

118. ASEAN (2017), *Plan of Action on Transnational Crime*, Kuala Lumpur, Malaysia.

119. Bruan A.Garner (2009), *Black Law Dictionary*, West Publisher.

120. Brun, J.-P. et al. (2011), *Asset Recovery Handbook: A Guide for Practitioners, Stolen Asset Recovery Initiative*, https://star.worldbank.org/sites/star/files/asset_recovery_handbook_0.pdf, truy cập ngày 16/12/2022.

121. Brun, J.-P. et al. (2021), *Asset Recovery Handbook: A Guide for Practitioners, Second Edition*”, *Stolen Asset Recovery Initiative*, <https://star.worldbank.org/publications/asset-recovery-handbook-guide-practitioners-second-editio>, truy cập ngày 16/12/2022.

122. Camarda, A. and Oldfield, J. (2019), “The Stolen Wealth Opportunities and challenges for civil society in asset recovery”, *Friedrich-Ebert-Stiftung Journal*, pp. 1-17.

123. Convention on Combating Bribery of Foreign Public Officials in International Business Transactions, Signatory Countries, xem thêm tại <http://www.oecd.org/corruption/oecdantibriberyconvention.htm>, truy cập ngày 20/9/2023.

124. Corentin Latimier(2017), *Le recouvrement des avoirs illicites de la corruption internationale. Évolutions récentes en droit français et recommandations à la lumière de la Convention des Nations Unies contre la corruption*, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Côte d'Azur.

125. Council of Europe (1997), *Action Plan to combat organized crime*, Strasbourg, France.

126. Council of Europe (1998), *Joint Action on the basis of Article K.3 of the Treaty on European Union, on money laundering, the identification, tracing, freezing, seizing and confiscation of instrumentalities and the proceeds from crime*, Strasbourg, France.

127. Channing May (2017), *Transnational Crime and the Developing World*, https://34n8bd.p3cdn1.secureserver.net/wp-content/uploads/2017/03/Transnational_Crime-final.pdf, truy cập ngày 25/12/2022.

128. Charlius Piere (2024), *International Cooperation in International Relations*, Trường Đại học quốc tế Atlantic.

129. Christine Jojarth (2009), *Crime, War, and Global Trafficking: Designing International Cooperation*, Cambridge University Press, UK.

130. FATF (2012), *Best Practices on Confiscation (Recommendations 4 and 38) and A FrameWork For Ongoing Work on Asset Recovery*, Paris, France.

131. FATF (2012), *The FATF Recommendations: International Standards on Combating Money Laundering and Financing of Terrorism & Proliferation*, <https://www.fatf-gafi.org/content/dam/fatf-gafi/recommendations/FATF%20Recommendations%202012.pdf.coredownload.inline.pdf>, truy cập ngày 24/12/2022.

132. Gert Vermeulen, Wendy De Bondt and Charlotte Ryckman (Ed.) (2012), *Rethinking international cooperation in criminal matters in the EU: Moving beyond actors, bringing logic back, footed in reality*, Belgium.

133. Gray, L. *et al.* (2014) *Few and Far: The Hard Facts on Stolen Asset Recovery*, Stolen Asset Recovery Initiative, World Bank, Washington, DC.

134. Greenberg, T.S. *et al* (2009), *Stolen Asset Recovery: A Good Practices Guide to Non-Conviction Based Asset Forfeiture*, World Bank, Washington, DC.

135. Kevin M. Stephenson, Larissa Gray, Ric Power, Jean-Pierre Brun, Gabriele Dunker, Melissa Panjer (2011), *Barriers to Asset Recovery - An Analysis of the Key Barriers and Recommendations for Action*, <https://documents1.worldbank.org/curated/en/204221468338390474/pdf/Barriers-to-asset-recovery-an-analysis-of-the-key-barriers-and-recommendations-for-action.pdf>, truy cập ngày 26/12/2022.

136. M. Cherif Bassiouni. 1992. “Policy considerations on inter-state cooperation in criminal matters”, *Pace International Law Review*, Volume 4, Issue 1, Article 5, pp.123-145.

137. MN Shaw (2008), *International Law*, Cambridge University Press, tr.904.

138. Neil Boister (2012), *Introduction to Transnational Criminal Law*, Oxford University Press, Oxford.

139. Neil Boister and Robert J. Currie (2015), *Routledge Handbook of Transnational Criminal Law*, Routledge, Oxford, UK.
140. Nicholas Kaye (2006), “Freezing and Confiscation of Criminal Proceeds”, *International Criminal Law Review*, Vol. 77(1-2), pp.323-331.
141. Oduor, J.A. et al (2014), *Left out of the Bargain, Settlements in Foreign Bribery Cases and Implications for Asset Recovery*, *Stolen Asset Recovery Initiative*, World Bank, Washington, DC.
142. OECD (1997), *Convention on Combating Bribery of Foreign Public Officials in International Business Transactions*, Paris, France.
143. OECD (2012), *Typology on Mutual Legal Assistance in Foreign Bribery Cases*, <https://www.oecd-ilibrary.org/docserver/a61063e4-en.pdf?expires=1715162589&id=id&accname=guest&checksum=0F6FB27F968D4054BECB0A206A8BECFD>, truy cập ngày 16/12/2022.
144. OECD,IBRD/World Bank (2011), *Tracking Anti-Corruption and Asset Recovery Commitments*, *Stolen Asset Recovery Initiative*, World Bank, Washington, DC.
145. Rita Adam (2012) , “Innovation in Asset Recovery: The Swiss Perspective”, *The World Bank Legal Review*, Volume 4, tr.253-254.
146. Rochelle Pastana Ribeiro (2011), *Asset recovery under the United Nations Convention against Corruption: challenges and opportunities*, master’s thesis, Leiden University.
147. Sebastian Paulo (2014), *International Cooperation and Development, A Conceptual Overview*, Viện phát triển Đức.
148. Siobhán Garside (2016), *Corruption and money laundering: international asset recovery from politically exposed persons in the UK, Nigeria, Russia and China*; master’s thesis, Norwegian University of Life Sciences.

149. Snider, Thomas R. and Kidane, Won (2007), “Combating Corruption through International Law in Africa: A Comparative Analysis”, *Cornell International Law Journal*, Vol. 40, Issue 3, Article 4, pp.692-747.

150. Stephenson, K.M. *et al* (2011), *Barriers to Asset Recovery: An Analysis of the Key Barriers and Recommendations for Action*, World Bank, Washington, DC.

151. Stolen Asset Recovery Initiative (2013), *G20 Asset recovery guide China*, World Bank, Washington, DC.

152. Suarez-Martinez (2013), *Closing Down The Safe Havens: Ending Impunity for Corrupt Individuals by Seizing and Recovering their Assets in the UK*, Transparency International UK.

153. The United Kingdom (2003), *Crime (Interntaional Co-operation) Act 2003 (as amended) and mutual legal assistance guidelines*, 5th Edition, UK.

154. The United Nations Office of Drugs and Crimes, (2012) *Manual on International Cooperation for the Purposes of Confiscation of Proceeds of Crime*, https://www.unodc.org/documents/organized-crime/Publications/Confiscation_Manual_Ebook_E.pdf, truy cập ngày 23/12/2022.

155. The United Nations Office on Drugs and Crime (2012), *Manual on Mutual Legal Assistance and Extradition*, https://www.unodc.org/documents/organized-crime/Publications/Mutual_Legal_Assistance_Ebook_E.pdf, truy cập ngày 23/12/2022.

156. The United Nations Office on Drugs and Crimes (2012), *Legislative guide for the implementation of the United Nations Convention against Corruption*, Second revised edition, https://www.unodc.org/documents/treaties/UNCAC/Publications/Legislative_Guide/UNCAC_Legislative_Guide_E.pdf, truy cập ngày 16/12/2022.

157. The White Collare Crime Centre (2021), *The Repatriation of Illicit Assets – A UK Perspective*.

158. The World Bank and International Monetary Fund (2006), *Reference Guide to Anti-Money Laundering and Combating the Financing of Terrorism*,

<https://documents1.worldbank.org/curated/en/558401468134391014/pdf/350520Referenc1Money01OFFICIAL0USE1.pdf> , truy cập ngày 16/12/2022.

159. The World Bank and the United Nations Office of Drugs and Crimes (2009), *Towards a global architecture for asset recovery*, <https://star.worldbank.org/sites/star/files/GlobalArchitectureFinalwithCover.pdf>, truy cập ngày 24/12/2022.

160. Theodore S.Greenberg et al (2009), *A Good Practice Guide for Non-conviction-based Asset Forfeiture (StAr/World Bank)*, Washington DC.

161. Uninted Nations (1967), *Yearbook of the International Law Commissionn 1966*, vol. II, tr.211.

162. United Nations (1988), *United Nations Convention against Illicit Traffic in Narcotic Drugs and Psychotropic Substances*, New York, USA.

163. United Nations (2000), *Convention against Transnational Organized Crime and the Protocols Thereto*, New York, USA.

164. United Nations (2003), *Convention against Corruption*, New York, USA.

165. United Nations (2024), *Convention against Cybercrime*, New York, USA.

166. UNODC (2009), *Technical Guide to the United Nations Convention Against Corruption*.

167. Vlasov, D., & Zaltser, E. (2016), “Russia: asset recovery and confiscation. In D. Samuels & D. Vascott”, *The European, Middle Eastern and African Investigations Review*.

168. World Bank Group and United Nations Office on Drugs and Crime (2007), *Stolen Asset Recovery Initiative: Challenges, Opportunities, and Action Plan*, https://www.unodc.org/pdf/Star_Report.pdf, truy cập ngày 23/12/2022.

C. Website

169. Hiệp hội các nước Đông Nam Á: <https://asean.org/>

170. OECD: <http://www.oecd.org>

171. StAR: <https://star.worldbank.org/>

172. The UN Refugee Agency: <https://www.unhcr.org/>

173. United Nations Office on Drugs and Crime (UNODC):
<https://www.unodc.org/>

174. United Nations (Liên hợp quốc): <https://www.un.org/>

175. World Bank: <https://www.worldbank.org/>

PHỤ LỤC

BẢNG 1

**Danh mục Hiệp định song phương tương trợ tư pháp về hình sự mà
Việt nam đã tham gia, ký kết**

STT	Tên Hiệp định	Ngày hiệu lực
1.	Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về dân sự và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và CHXHCN Tiệp Khắc (hiện nay Séc và Slovakia kế thừa)	16/4/1984
2.	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Bun-ga-ri	05/7/1987
3.	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước CHXNCN Việt Nam và nước Cộng hoà Ba Lan	18/01/1995
4.	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và CHND Trung Hoa	25/12/1999
5.	Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa CHXNCN Việt Nam và Cộng hoà Belarut	18/10/2001
6.	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa CHXNCN Việt Nam và Mông cổ	13/6/2002
7.	Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và Ucraina	19/8/2002
8.	Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và CHDCND Triều Tiên	24/02/2004

9.	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa CHXNCN Việt Nam và Đại Hàn Dân Quốc	19/4/2005
10.	Hiệp định Tương trợ tư pháp về hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Cộng hòa Ấn Độ	17/11/2008
11.	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Vương quốc Anh và Bắc Ailen	30/01/2009
12.	Hiệp định tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Liên bang Nga	27/8/2012
13.	Hiệp định Tương trợ tư pháp về hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Cộng hòa dân chủ và nhân dân An-giê-ri	28/3/2014
14.	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa CHXNCN Việt Nam và Cộng hoà In-đô-nê-xi-a	22/01/2016
15.	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa CHXNCN Việt Nam và Ô-xtrây-li-a	05/04/2017
16.	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa CHXNCN Việt Nam và Hung-ga-ri	30/6/2017
17.	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa CHXNCN Việt Nam và Tây Ban Nha	08/7/2017
18.	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa CHXNCN Việt Nam và Cộng hòa Cu Ba	29/09/2018
19.	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa CHXNCN Việt Nam và Cộng hòa Ca-dắc-xtan	01/6/2019
20.	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa CHXNCN Việt Nam và Cộng hòa Pháp	01/05/2020
21.	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa CHXNCN Việt Nam và Cộng hòa Mô-dăm-bích	11/9/2020

22.	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Vương quốc Cam-pu-chia	CHXNCN	02/10/2020
23.	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào	CHXNCN	18/02/2021
24.	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Nhật Bản	CHXNCN	31/8/2022
25.	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Cộng hòa U-dơ-bê-kix-tan	CHXNCN	22/5/2023
26.	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Cộng hòa Séc	CHXHNCN	Chưa có hiệu lực
27.	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Cộng hòa Ác-hen-ti-na	CHXHNCN	Chưa có hiệu lực
28.	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Cộng hòa hồi giáo Iran	CHXHNCN	Chưa có hiệu lực
29.	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và các Tiểu Vương quốc Ả-rập thống nhất (UAE)	CHXHNCN	Chưa có hiệu lực
30.	Hiệp định tương trợ tư pháp về hình sự giữa Việt Nam và Cộng hòa I-ta-li-a	CHXHNCN	Chưa có hiệu lực

(Nguồn: Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự
VKSND tối cao, 2023)

Bảng 2.
**Phân loại theo khu vực đối với các quốc gia có ký kết hiệp định
song phương tương trợ tư pháp về hình sự với Việt Nam**

Châu lục	Số quốc gia có ký kết hiệp định song phương về TTTPHS
Châu Mỹ	2
Châu Phi	2
Châu Âu	12
Châu Á	13
Châu Đại Dương	1

(Nguồn: Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự VKSND tối cao, 2023)

Bảng 3.

Bảng thống kê số lượng yêu cầu TTTP về hình sự giai đoạn 2008-2023
3A. Tiếp nhận, thực hiện TTTP về hình sự của nước ngoài gửi Việt Nam
(TTTP đến)

Loại yêu cầu TTTP	Số lượng	Tỷ lệ
Thu thập, cung cấp chứng cứ, lấy lời khai, xác minh	542	47,2%
Yêu cầu tổng đạt tài liệu, giấy tờ	355	30,9%
Yêu cầu chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự	148	12,9%
Yêu cầu khác (cử cán bộ có thẩm quyền tham gia thực hiện tương trợ, triệu tập người giám định, người làm chứng...)	102	9%
Yêu cầu TTTP về thu hồi tài sản do phạm tội mà có	01	0,1%
Tổng số	1.148	100%

(Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2024), Báo cáo Tổng kết thi hành Luật tương trợ tư pháp năm 2007 trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự)

3B. TTTP về hình sự của Việt Nam gửi đi nước ngoài (TTTP đi)

Loại yêu cầu TTTP	Số lượng	Tỷ lệ
Thu thập, cung cấp chứng cứ, lấy lời khai, xác minh	1.990	86,5%
Yêu cầu tổng đạt tài liệu, giấy tờ	129	5,6%
Yêu cầu chuyển giao truy cứu trách nhiệm hình sự	21	0,9%
Yêu cầu khác (cử cán bộ có thẩm quyền tham gia thực hiện tương trợ, triệu tập người giám định, người làm chứng...)	150	6,5%
Yêu cầu TTTP về thu hồi tài sản do phạm tội mà có	11	0,5%
Tổng số	2.301	100%

(Nguồn: Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2024), Báo cáo Tổng kết thi hành Luật tương trợ tư pháp năm 2007 trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự)

HIỆP ĐỊNH
TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP VỀ HÌNH SỰ
GIỮA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ NƯỚC _____

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Nước _____
(sau đây Nước gọi là “các Bên”),

Mong muốn tăng cường hợp tác nhằm đấu tranh có hiệu quả với các loại
tội phạm,

Trên cơ sở tôn trọng các quyền con người và quy định pháp luật,

Đã thỏa thuận như sau:

Điều 1. Phạm vi tương trợ

1. Phù hợp với các quy định của Hiệp định này và pháp luật hiện hành
của mỗi Bên, các Bên dành cho nhau sự tương trợ ở mức tối đa trong các vấn
đề về hình sự.

2. Phạm vi tương trợ có thể bao gồm:

- a) Tổng đạt giấy tờ;
- b) Triệu tập người làm chứng, người giám định;
- c) Thu thập, cung cấp chứng cứ;
- d) Truy cứu trách nhiệm hình sự;
- e) Tổ chức cho người đang chấp hành hình phạt tù tại Bên được yêu cầu
đến Bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ;
- f) Áp dụng các biện pháp nhằm truy tìm, kê biên, phong tỏa, thu giữ
hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội;
- g) Trao đổi thông tin;

h) Các hình thức tương trợ khác phù hợp với mục đích của Hiệp định này và không trái với pháp luật của Bên được yêu cầu.

3. Hiệp định này không áp dụng đối với:

- a) Dẫn độ, bắt hoặc giam giữ người để dẫn độ;
- b) Thi hành bản án hình sự của Bên yêu cầu ở Bên được yêu cầu, trừ những trường hợp pháp luật của Bên được yêu cầu và Hiệp định này cho phép;
- c) Chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù để tiếp tục thi hành án.

Điều 2. Cơ quan trung ương

- 1. Mỗi Bên chỉ định Cơ quan trung ương vì mục đích thi hành Hiệp định này.
- 2. Cơ quan dưới đây sẽ được coi là Cơ quan trung ương kể từ khi Hiệp định bắt đầu có hiệu lực:

a) Đối với nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

b) Đối với nước _____ là _____.

3. Các Bên sẽ thông báo cho nhau khi có bất kỳ sự thay đổi nào về Cơ quan trung ương quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Các Cơ quan trung ương liên hệ trực tiếp với nhau để thực hiện Hiệp định này, trong trường hợp cần thiết có thể liên hệ qua kênh ngoại giao.

Điều 3. Nội dung và hình thức văn bản yêu cầu tương trợ

1. Văn bản yêu cầu tương trợ phải nêu rõ:

- a) Tên, địa chỉ cơ quan lập yêu cầu;
- b) Tên, địa chỉ hoặc văn phòng chính của cơ quan được yêu cầu;
- c) Họ tên, địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc của cá nhân, tên đầy đủ, địa chỉ hoặc văn phòng chính của cơ quan, tổ chức có liên quan trực tiếp đến yêu cầu;
- d) Nội dung tương trợ, mục đích của yêu cầu, tóm tắt nội dung vụ án và các tình tiết liên quan, trích dẫn điều luật và hình phạt có thể được áp dụng, tiến độ điều tra, truy tố, xét xử và thời hạn mong muốn thực hiện yêu cầu.

2. Văn bản yêu cầu tương trợ cũng có thể bao gồm:

a) Đặc điểm nhận dạng, quốc tịch và nơi ở của đối tượng trong vụ án hình sự hoặc những người có thông tin liên quan đến vụ án đó;

b) Vấn đề cần thẩm vấn, câu hỏi đặt ra, mô tả tài liệu, hồ sơ hoặc vật chứng được đưa ra và nếu có thể thì mô tả đặc điểm, hình dạng người được yêu cầu xuất trình tài liệu, hồ sơ, vật chứng đối với yêu cầu thu thập chứng cứ;

c) Nội dung công việc, câu hỏi, yêu cầu đối với người làm chứng, người giám định được triệu tập;

d) Mô tả về tài sản và nơi có tài sản cần tìm, căn cứ để xác định tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội đang tồn tại ở Bên được yêu cầu và có thể thuộc quyền tài phán của Bên yêu cầu và việc thực hiện bản án, quyết định của tòa án đối với yêu cầu về khám xét, thu giữ hoặc truy tìm, tịch thu tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội;

e) Biện pháp cần áp dụng đối với yêu cầu tương trợ có thể dẫn đến việc phát hiện hoặc thu giữ tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội;

f) Yêu cầu hoặc thủ tục của Bên yêu cầu để bảo đảm thực hiện có hiệu quả yêu cầu tương trợ, cách thức hoặc hình thức cung cấp thông tin, chứng cứ, tài liệu, đồ vật;

g) Mức độ bảo mật và lý do kèm theo;

h) Mục đích, dự định thời gian và lịch trình chuyến đi trong trường hợp người có thẩm quyền của Bên yêu cầu cần phải đến lãnh thổ của Bên được yêu cầu vì mục đích liên quan đến yêu cầu tương trợ;

i) Bản án, quyết định hình sự của tòa án và tài liệu, chứng cứ hoặc thông tin khác cần thiết cho việc thực hiện yêu cầu tương trợ.

3. Nếu Bên được yêu cầu xét thấy thông tin trong văn bản yêu cầu không đủ để thực hiện yêu cầu tương trợ theo Hiệp định này, thì đề nghị bổ sung thông tin bằng văn bản và ấn định thời hạn cụ thể trả lời kết quả bổ sung.

4. Yêu cầu tương trợ phải được lập thành văn bản, trừ trường hợp Bên được yêu cầu chấp nhận yêu cầu tương trợ bằng hình thức khác trong trường hợp khẩn cấp. Sau đó, Bên yêu cầu phải gửi ngay yêu cầu bằng văn bản cho Bên được yêu cầu.

5. Yêu cầu tương trợ và tài liệu kèm theo được lập bằng ngôn ngữ của Bên yêu cầu kèm theo bản dịch sang ngôn ngữ của Bên được yêu cầu hoặc ngôn ngữ khác mà Bên được yêu cầu chấp nhận.

Điều 4. Từ chối hoặc hoãn yêu cầu tương trợ

1. Việc tương trợ sẽ bị từ chối nếu Bên được yêu cầu cho rằng thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Yêu cầu không phù hợp với điều ước quốc tế mà Bên được yêu cầu là thành viên, hoặc không phù hợp với pháp luật của Bên được yêu cầu;

b) Yêu cầu có thể gây phương hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia của Bên được yêu cầu;

c) Yêu cầu liên quan đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự một người về hành vi phạm tội mà người đó đã bị kết án, được tuyên không có tội hoặc được đại xá, đặc xá tại Bên được yêu cầu;

d) Yêu cầu liên quan đến hành vi phạm tội đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật Bên được yêu cầu;

e) Yêu cầu liên quan đến hành vi không cấu thành tội phạm theo quy định của pháp luật Bên được yêu cầu.

2. Tương trợ có thể bị Bên được yêu cầu hoãn thực hiện nếu việc thực hiện yêu cầu tương trợ cản trở quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đang được tiến hành trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu.

3. Trước khi từ chối hoặc hoãn thực hiện yêu cầu tương trợ theo quy định của Điều này, Bên được yêu cầu phải:

- a) Thông báo ngay cho Bên yêu cầu về lý do từ chối hoặc hoãn; và
- b) Trao đổi với Bên yêu cầu để xác nhận khả năng thực hiện tương trợ với các điều kiện mà Bên được yêu cầu cho là cần thiết.

4. Nếu Bên yêu cầu chấp nhận việc tương trợ với những điều kiện quy định tại khoản 3.b thì phải tuân thủ các điều kiện đó.

Điều 5. Thực hiện yêu cầu tương trợ

1. Bên được yêu cầu sẽ thực hiện ngay các yêu cầu tương trợ phù hợp với pháp luật nước mình và theo cách thức do Bên yêu cầu đề nghị nếu không trái với quy định pháp luật nước mình.

2. Nếu có đề nghị, Bên được yêu cầu sẽ thông báo cho Bên yêu cầu về thời gian và địa điểm thực hiện yêu cầu tương trợ.

3. Bên được yêu cầu phải thông báo ngay cho Bên yêu cầu về các tình huống phát sinh có thể trì hoãn việc thực hiện yêu cầu tương trợ.

4. Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu sẽ thông báo ngay cho Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu về kết quả thực hiện yêu cầu tương trợ.

Điều 6. Tổng đạt giấy tờ

1. Trong phạm vi pháp luật nước mình cho phép, Bên được yêu cầu nhanh chóng thực hiện yêu cầu về tổng đạt giấy tờ.

2. Trường hợp yêu cầu tổng đạt giấy triệu tập người làm chứng, người giám định, Bên yêu cầu phải gửi giấy triệu tập cho Bên được yêu cầu trong thời hạn chín mươi (90) ngày trước ngày dự định người đó có mặt tại Bên yêu cầu. Trong trường hợp khẩn cấp, Bên được yêu cầu có thể không áp dụng thời hạn này.

3. Bên được yêu cầu phải chuyển cho Bên yêu cầu văn bản xác nhận đã tổng đạt giấy tờ. Nếu việc tổng đạt không thực hiện được, Bên yêu cầu phải được thông báo lý do.

Điều 7. Cung cấp thông tin

1. Bên được yêu cầu sẽ cung cấp các bản sao tài liệu, hồ sơ hoặc thông tin liên quan đến tương trợ tư pháp về hình sự.
2. Bên được yêu cầu có thể cung cấp bản sao của bất kỳ tài liệu, hồ sơ hoặc thông tin với cùng cách thức và điều kiện như đối với trường hợp cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền nước mình.
3. Bên được yêu cầu có thể cung cấp bản sao có chứng thực của các tài liệu hoặc hồ sơ, trừ khi Bên yêu cầu đề nghị cung cấp bản gốc.

Điều 8. Trả lại tài liệu cho Bên được yêu cầu

Theo đề nghị của Bên được yêu cầu, Bên yêu cầu phải trả lại tài liệu đã được cung cấp theo Hiệp định này khi những tài liệu đó không còn cần cho các vấn đề hình sự được nêu trong yêu cầu tương trợ.

Điều 9. Khám xét và thu giữ

Trong phạm vi pháp luật của mình, Bên được yêu cầu thực hiện việc khám người hoặc khám xét địa điểm nhằm tìm kiếm và thu giữ giấy tờ, tài liệu hoặc đồ vật là chứng cứ trong vụ án hình sự tại Bên yêu cầu. Trong trường hợp này, quyền và lợi ích hợp pháp của bên thứ ba được tôn trọng và bảo vệ.

Điều 10. Thu thập chứng cứ và lấy lời khai

1. Trong phạm vi pháp luật của mình và nếu có yêu cầu, Bên được yêu cầu lấy lời khai hoặc bản tường trình của những người liên quan hoặc yêu cầu họ đưa ra đồ vật là vật chứng để chuyển cho Bên yêu cầu.
2. Người mà Bên được yêu cầu sẽ thu thập chứng cứ theo yêu cầu tương trợ phù hợp với Điều này có thể từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp sau:
 - a) Pháp luật của Bên được yêu cầu cho phép hoặc bắt buộc người đó từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp tương tự khi thủ tục tố tụng hình sự được tiến hành trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu; hoặc

b) Pháp luật của Bên yêu cầu cho phép hoặc bắt buộc người đó từ chối cung cấp chứng cứ trong các trường hợp tương tự khi thủ tục tố tụng hình sự được tiến hành trên lãnh thổ của Bên yêu cầu.

3. Nếu người trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu cho rằng pháp luật của Bên yêu cầu có quy định về quyền hoặc nghĩa vụ phải từ chối cung cấp chứng cứ, thì Cơ quan trung ương của Bên yêu cầu, nếu được yêu cầu, phải cung cấp một văn bản xác nhận cho Cơ quan trung ương của Bên được yêu cầu về quy định của quyền hoặc nghĩa vụ đó. Trong trường hợp không có căn cứ ngược lại, thì văn bản xác nhận đó sẽ là một căn cứ đầy đủ về những vấn đề được nêu trong đó.

4. Theo Điều này, việc thu thập chứng cứ bao gồm cả việc thu thập tài liệu hoặc các đồ vật khác.

Điều 11. Chuyển giao tạm thời người đang chấp hành hình phạt tù để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ tại Bên yêu cầu

1. Người đang chấp hành hình phạt tù trên lãnh thổ của Bên được yêu cầu, theo đề nghị của Bên yêu cầu, có thể được chuyển giao tạm thời cho Bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ trên lãnh thổ của Bên yêu cầu.

2. Bên được yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù cho Bên yêu cầu chỉ khi:

a) Người đó tự nguyện đồng ý với việc chuyển giao để hỗ trợ điều tra hay cung cấp chứng cứ; và

b) Bên yêu cầu đồng ý tuân thủ các điều kiện cụ thể do Bên được yêu cầu đưa ra liên quan đến việc giam giữ và bảo đảm an toàn cho người được chuyển giao.

3. Khi Bên được yêu cầu thông báo cho Bên yêu cầu là không cần giam giữ người bị chuyển giao nữa, thì người đó sẽ được trả tự do và được đối xử như đối với người quy định tại Điều 12.

4. Người được chuyển giao theo quy định của Điều này sẽ được trao trả cho Bên được yêu cầu theo cách thức hai bên đã thoả thuận ngay sau khi đã cung cấp chứng cứ hoặc vào thời điểm sớm hơn nếu sự có mặt của người đó không còn cần thiết. Thời gian người đang chấp hành hình phạt tù bị dẫn giải, lưu lại ở Bên yêu cầu được tính vào thời hạn chấp hành hình phạt tù của người đó.

Điều 12. Tổ chức đưa người khác hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ tại Bên yêu cầu

1. Theo đề nghị của Bên yêu cầu, Bên được yêu cầu có thể đưa một người không phải là người quy định tại Điều 11 đến lãnh thổ của Bên yêu cầu để hỗ trợ điều tra hoặc cung cấp chứng cứ tại lãnh thổ của Bên yêu cầu.

2. Bên được yêu cầu, nếu đồng ý với các biện pháp bảo đảm an toàn mà Bên yêu cầu cam kết áp dụng bằng văn bản, sẽ đề nghị người đó cung cấp chứng cứ hoặc hỗ trợ điều tra trên lãnh thổ của Bên yêu cầu. Người đó sẽ được thông báo về việc bảo đảm an toàn, điều kiện ăn ở, đi lại tại Bên yêu cầu, số tiền trợ cấp hoặc chi phí được hưởng. Bên được yêu cầu thông báo ngay về ý kiến của người đó cho Bên yêu cầu và nếu người đó chấp thuận thì tiến hành các bước cần thiết để thực hiện yêu cầu tương trợ.

Điều 13. Bảo đảm an toàn

1. Người có mặt trên lãnh thổ Bên yêu cầu theo yêu cầu tương trợ tại Điều 11 hoặc Điều 12 Hiệp định này sẽ:

a) Không bị giam giữ, truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị áp dụng hình phạt trên lãnh thổ của Bên yêu cầu, cũng không phải tham gia bất kỳ vụ kiện dân sự nào nếu vụ kiện dân sự đó không thể tiến hành khi người đó không ở trên lãnh thổ của Bên yêu cầu, đối với hành vi xảy ra trước khi người này rời lãnh thổ của Bên được yêu cầu;

b) Không phải cung cấp chứng cứ theo bất kỳ thủ tục tố tụng hình sự nào và giúp đỡ bất kỳ việc điều tra hình sự nào ngoài phạm vi vấn đề hình sự đã nêu trong yêu cầu tương trợ, nếu người đó không đồng ý.

2. Khoản 1 Điều này không áp dụng nếu người đó đã được tự do rời khỏi lãnh thổ của Bên yêu cầu, nhưng đã không rời khỏi trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi được thông báo chính thức là sự có mặt của người đó là không còn cần thiết nữa hoặc đã rời khỏi nhưng tự quay trở lại.

3. Người không đồng ý cung cấp chứng cứ hay hỗ trợ điều tra theo Điều 11 hoặc Điều 12 của Hiệp định này không phải chịu bất kỳ hình phạt hay biện pháp cưỡng chế nào của Bên yêu cầu hay Bên được yêu cầu .

4. Người đồng ý cung cấp chứng cứ hay hỗ trợ điều tra theo Điều 11 hoặc Điều 12 Hiệp định này sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự căn cứ vào lời khai của họ, trừ việc họ khai báo gian dối.

Điều 14. Tài sản do phạm tội mà có và công cụ, phương tiện phạm tội

1. Bên được yêu cầu, theo yêu cầu, sẽ xác định xem có tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội có trong phạm vi lãnh thổ của mình hay không và thông báo cho Bên yêu cầu kết quả điều tra của mình.

2. Trong trường hợp tìm thấy tài sản nghi là do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội, Bên được yêu cầu sẽ áp dụng các biện pháp mà pháp luật nước mình cho phép để quản lý hoặc tịch thu tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội đó. Trong phạm vi pháp luật nước mình cho phép, Bên được yêu cầu có thể trả lại tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội cho Bên yêu cầu. Việc trả lại chỉ được thực hiện khi đã có quyết định cuối cùng đối với tài sản do phạm tội mà có và/hoặc công cụ, phương tiện phạm tội của tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền của Bên yêu cầu.

3. Khi áp dụng Điều này, các quyền chính đáng của bên thứ ba ngay tình có liên quan sẽ được tôn trọng và bảo vệ theo pháp luật của Bên được yêu cầu.

4. Vì mục đích của Hiệp định này, “Tài sản do phạm tội mà có” là bất kỳ tài sản có nguồn gốc hoặc có được một cách trực tiếp hoặc gián tiếp từ việc thực hiện hành vi phạm tội; và “Công cụ, phương tiện phạm tội” là những công cụ, phương tiện đã, đang hoặc sẽ sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

Điều 15. Tổng đạt giấy tờ và thu thập chứng cứ thông qua viên chức Ngoại giao, Lãnh sự

Các Bên có thể tổng đạt giấy tờ và thu thập chứng cứ của công dân nước mình đang có mặt trên lãnh thổ của Bên kia thông qua các cơ quan ngoại giao hoặc lãnh sự của mình đặt tại Bên kia nếu không vi phạm pháp luật của Bên kia và không có biện pháp cưỡng chế nào được áp dụng.

Điều 16. Bảo mật và giới hạn sử dụng

1. Bên được yêu cầu có thể đề nghị bảo mật thông tin hay chứng cứ được cung cấp hoặc nguồn của những thông tin hay chứng cứ đó, việc tiết lộ hoặc sử dụng phải phù hợp với các điều kiện được đặt ra.

2. Bên yêu cầu có thể đề nghị giữ bí mật nội dung của yêu cầu tương trợ, các tài liệu và các công việc kèm theo yêu cầu tương trợ. Nếu yêu cầu tương trợ chỉ có thể được thực hiện khi vi phạm các điều kiện về bảo mật, Bên được yêu cầu sẽ thông báo Bên yêu cầu trước khi thực hiện yêu cầu tương trợ và Bên yêu cầu sẽ quyết định thực hiện hay không thực hiện yêu cầu tương trợ cũng như giới hạn thực hiện yêu cầu.

3. Bên yêu cầu phải bảo đảm rằng thông tin hoặc chứng cứ thu thập được sẽ được bảo vệ, không để mất mát, bị tiếp cận, sử dụng, sửa đổi, tiết lộ trái phép hoặc bị lạm dụng.

4. Bên yêu cầu không được sử dụng hoặc tiết lộ thông tin hoặc chứng cứ thu thập được theo Hiệp định này vào những mục đích khác ngoài những mục đích đã nêu rõ trong yêu cầu tương trợ mà không được sự đồng ý trước của Bên được yêu cầu.

Điều 17. Chứng nhận và chứng thực

1. Văn bản yêu cầu tương trợ, các tài liệu kèm theo và tài liệu hoặc đồ vật là kết quả thực hiện một yêu cầu tương trợ không đòi hỏi bất kỳ hình thức chứng nhận hay chứng thực nào trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trong trường hợp cụ thể khi Bên được yêu cầu hoặc Bên yêu cầu đòi hỏi các tài liệu hoặc đồ vật phải được chứng thực, thì tài liệu hoặc đồ vật đó phải được chứng thực đầy đủ theo cách thức quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Tài liệu hoặc đồ vật được xác định là đã chứng thực theo Hiệp định này nếu tài liệu hoặc đồ vật đó được ký và đóng dấu chính thức bởi người và cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật của Bên gửi.

Điều 18. Đại diện và chi phí

1. Trừ trường hợp Hiệp định này quy định khác, Bên được yêu cầu sẽ đại diện cho quyền lợi của Bên yêu cầu trong suốt quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ.

2. Bên được yêu cầu phải chịu chi phí thực hiện yêu cầu tương trợ, trừ các chi phí dưới đây do Bên yêu cầu chi trả:

a) Các chi phí gắn với việc đưa người đến hoặc đi từ lãnh thổ của Bên được yêu cầu và sinh hoạt phí, lệ phí hoặc chi phí người đó được hưởng trong thời gian có mặt trên lãnh thổ của Bên yêu cầu theo yêu cầu tương trợ quy định tại Điều 11 hoặc Điều 12 của Hiệp định này;

b) Các chi phí gắn với việc chuyên chở các nhân viên dẫn giải hoặc hộ tống;

c) Chi phí trưng cầu giám định;

d) Chi phí liên quan tới việc phiên dịch, biên dịch và sao chép tài liệu và thu thập chứng cứ bằng hình ảnh, qua cầu truyền hình hoặc các phương tiện kỹ thuật khác từ Bên được yêu cầu tới Bên yêu cầu;

e) Các chi phí bất thường phát sinh trong quá trình thực hiện yêu cầu tương trợ khi Bên được yêu cầu đề nghị.

Điều 19. Mối quan hệ với các thỏa thuận khác

Hiệp định này không ngăn cản một Bên thực hiện tương trợ cho Bên kia theo một thỏa thuận hay điều ước quốc tế khác mà các Bên là thành viên.

Điều 20. Tham vấn

Các Bên sẽ tham vấn lẫn nhau tại thời điểm thỏa thuận nhằm nâng cao hiệu quả thi hành Hiệp định này. Các Bên cũng có thể thỏa thuận về các biện pháp thực tế nếu thấy cần thiết để tạo điều kiện cho việc thi hành Hiệp định này.

Điều 21. Giải quyết bất đồng

Bất kì bất đồng nào trong giải thích hay áp dụng Hiệp định này sẽ được giải quyết bằng việc tham vấn giữa các Bên.

Điều 22. Hiệu lực và chấm dứt Hiệp định

1. Hiệp định này:

a) Phải được phê chuẩn và có hiệu lực sau ba mươi ngày kể từ ngày nhận được thông báo sau cùng qua đường ngoại giao về việc hoàn thành thủ tục pháp luật trong nước về phê chuẩn Hiệp định để Hiệp định có hiệu lực;

b) Được áp dụng đối với yêu cầu được lập sau khi Hiệp định có hiệu lực, kể cả yêu cầu có liên quan đến hành vi xảy ra trước khi Hiệp định có hiệu lực;

c) Có thể được sửa đổi, bổ sung khi cả hai Bên đồng ý.

2. Mỗi Bên có thể chấm dứt Hiệp định này bằng việc thông báo bằng văn bản cho Bên kia. Hiệp định sẽ chấm dứt hiệu lực sau sáu (06) tháng kể từ ngày Bên kia nhận được thông báo về việc chấm dứt Hiệp định.

3. Trong trường hợp chấm dứt hiệu lực, Hiệp định này vẫn tiếp tục áp dụng đối với yêu cầu được đưa ra trước ngày chấm dứt Hiệp định.

Để làm bằng, những người ký tên dưới đây được Nhà nước của mình ủy quyền hợp thức, đã ký Hiệp định này.

Làm tạingày.....tháng.....năm..... thành hai bản, mỗi bản bằng tiếng Việt, tiếng___ và tiếng Anh có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự khác nhau trong việc giải thích Hiệp định này thì sẽ căn cứ vào bản tiếng Anh.

THAY MẶT

THAY MẶT

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

NƯỚC -----

(Nguồn: Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp về hình sự VKSND tối cao)